

Nước Nhựt Bồn - 30 năm Duy Tân

Đào Trinh Nhất - xuất bản năm 1936

Tiểu sử Cụ Đào Trinh Nhất

Vài hàng giải thích của bản điện tử

 Thông tin mới nhất về gia đình Cụ Đào Trinh Nhất và ERCT

Mục Lục

Vài Lời Nói Trước

Chương I. - **BA NGUYÊN DO LỚN**

1. NÓI DỐI THẦN QUỐC

2. ĐỊA-LÝ GIÚP NGƯỜI

3. PHONG-KIẾN MÃI DỮA TÀI-TRÍ CỦA DÂN

Chương II. - **MỘT ĐOÀN TÀU MỸ**

Chương III. - **TRONG LÚC KHAI QUỐC**

Chương IV. - **MỞ CUỘC DUY TÂN**

Chương V. - **CÔNG PHU GIÁO HÓA**

Chương VI. - **TRÊN ĐƯỜNG CHÁNH TRỊ**

Chương VII.- **HIẾN PHÁP NHỰT BỒN**

Chương VIII. - **LỤC QUÂN HẢI QUÂN**

Chương IX. - **VĂN HÓA ĐÔNG TÂY**

Chương X. - **SỰ NGHIỆP VĂN HỌC**

Những sách nghiên cứu

.....

Xem thêm :

Để làm tài liệu cho quý vị nào quan tâm muốn tìm hiểu thêm, chúng tôi có soạn một tập riêng gồm danh sách những nhân vật liên quan đến Duy Tân mà cụ Đào Trinh Nhất đã nêu lên trong sách.

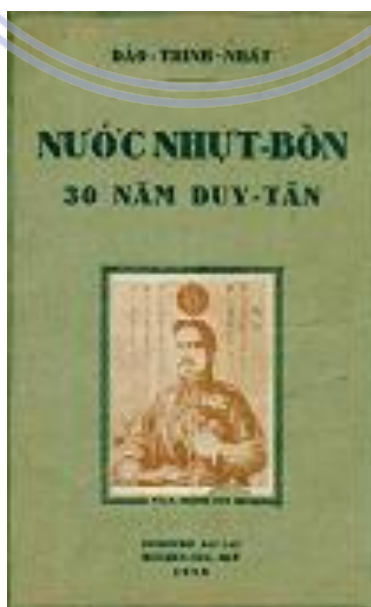
Danh sách này gồm có (1) : Tên tiếng Hán (2) : Tên chữ Kanji (3) : Âm đọc tiếng Nhật (4) : Link vào Tự Điển Bách Khoa [Wikipedia Nhật](#) (ウィキペディア 百科事典). Trong trường hợp không có trong Wikipedia Nhật sẽ link vào Google Japan với keyword là tên tiếng Nhật đó.

 [Danh sách nhân vật theo chương sách](#)

 [Danh sách nhân vật xếp theo âm Hán tự](#)

 [Danh sách nhân vật xếp theo theo âm Nhật](#)

Mời quý vị nào quan tâm vào dùng. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến để bổ túc bảng danh sách này.



VÀI LỜI NÓI TRƯỚC...

Sau hai mươi mấy tháng công phu tìm kiếm góp nhặt những tài liệu cần dùng, tôi đánh bạo viết ra cuốn sách này, trong tâm nào chỉ có mấy cái quan niệm sau đây là cốt yếu.

Một là để đóng góp vào kho sách quốc văn một cuốn sử-học. Nếu có những người chỉ ham đọc tiểu-thuyết, thi-ca, bài-văn, thần-quái chắc cũng có nhiều người biết đọc những sách về triết-lý, về học-thuyết, về khoa-học, về lịch-sử. Huống chi, bao giờ đọc sử cũng là một điều cần dùng bổ ích cho sự học-vấn, sự tân-hóa của người ta. Cuộc hưng-vong suy thịnh của quốc-gia dân-tộc này, vẫn có thể do nơi sử-học làm tấm gương nên soi hay là dấu xe nên tránh cho quốc-gia dân-tộc kia. Nếu muốn soi gương sáng, theo dấu hay, tự nhiên chúng ta nên biết chuyện Nhựt-bổn duy tân tự cường cũng như nên học sử Pháp-quốc văn minh cách mạng, cùng là các nước tân hóa hùng cường khác trong thiên hạ vậy.

Hai nữa, Nhựt-bổn duy tân tự cường thật là một hiện tượng lạ lùng quái gở ở trong lịch sử thế giới nhơn loại, xưa nay chưa hề thấy có. Cái hiện tượng ấy phát ra một cách không ngờ, một cách đáng sợ, người ta ở đâu xa xuôi ngàn muôn dặm, biển cách non ngăn, còn phải tìm tòi xem xét cho biết thay, nữa là mình đây ở gần một bên. Càng những dân tộc nào đang yếu muốn mạnh, ngu muốn khôn, dở muốn hay, hèn muốn giỏi, lại càng nên tìm tòi xem xét cho biết cái hiện tượng tân hóa xưa nay có một đó.

Thiệt vậy, giữa lúc những nước chung nguồn hay khác nguồn văn hóa chủng tộc, xúm xít ở miền đông này, đều mê muội đắm chìm, làm con cá nằm giữa thớt đao chinh phục của Tây-phương, duy có một mình Nhựt-bổn vùng dậy quật cường và chống ngăn được làn sóng xâm lược đang ào ào từ tây sang đông, chỉ tràn tới mé biển Trung-quốc và xóm đảo Nam-dương là hết. Mà họ quật cường mau lẹ quá chừng : trên con đường văn minh hiện thời họ dung ruổi vùn vụt như bay, trong ngoài ba bốn chục năm đuổi kịp Âu-Mỹ đã đi ba bốn thế-kỷ. Trăm công ngàn việc, bỗng dung thay mặt đổi hình hết thấy, mà quốc thể dân-sự chỉ có tân tới êm ru, không hề bị lay động tổn thương, không phải nhều một giọt máu. Thế là trái hẳn với cái công lệ ở trong lịch-sử biến cách xưa nay, phàm quốc-gia dân tộc nào phút chốc đổi thay chính-trị văn hóa như thế, thường không tránh khỏi một phen khiến cho thế nước rung rinh, máu đào linh láng.

Lễ thứ ba, tới kinh-tế và chánh-trị. Ta với Nhựt là hàng xóm láng giềng, địa thế ngó xiên nhau, chỉ tương cách có một con nước, một mặt biển không bao xa, vậy thì dầu muốn dầu không, lẽ tự nhiên phải có tiếp xúc quan hệ. Người ta phải biết căn nguyên và lực lượng của những kẻ từ cận lân hàng, để hoặc lựa chọn có thể cùng ai thân-giao, hoặc phòng ngừa ai có thể thừa cơ bắt gà đập chó nhà mình, không chừng có lúc ra mặt xâm vườn lấn đất của mình nữa là khác. Trong vòng quốc-tế lân giao, bà con ta phải biết căn nguyên lực lượng của Nhựt-bồn, chính vì lẽ đó.

Vị trí nước mình, cũng như Trung-quốc, chính là một thị-trường vừa tất nhiên, vừa thuận tiện để cho Nhựt-bồn phát-dương cái lực lượng to lớn của họ về kinh tế, công nghệ. Lâu nay, chúng ta đã thấy họ bắt đầu khai khẩn nhiều thứ khoáng sản ở phía bắc Trung-kỳ và từ từ mở mang các công cuộc mua bán đồ sộ ở mấy nơi đô thị lớn của ta. Còn vì nể ông địa chủ ở đây (tôi muốn nói người Pháp) ít nhiều, nên chỉ cái bước kinh-tế họ đi vào xứ mình khoan thai mà chắc chắn, nhưng cứ tấn tới luôn.

Bên Tinh-châu, kinh-tế lý tài Nhựt-bồn đang muốn áp đảo cả dân bản-thổ và người Tây-phương ở đó. Ở Xiêm-la cũng vậy. Ở đây rồi cũng có ngày.

Bởi vậy tôi thường suy nghĩ, nếu như chúng ta không rán phấn-phát tự tồn, e một ngày kia không xa, đến những việc làm mới lợi lặt vặt, chẳng phải chỉ có Huê-kiêu là tay kinh địch mà thôi đâu, sẽ thêm người Nhựt nữa.

Phải biết lúc này chính là lúc Nhựt-bồn đang tầm ngầm bố trí thực hành cái chánh-sách Nam tiến.

Mãn-châu, Hoa-bắc chưa đủ. Nhựt đang muốn xâm lược Hoa-nam và tính toan tràn lấn xuống cả một vùng Nam-Dương gồm hết Ấn-độ, Hòa-lan, Phi-luật-tân, Xiêm-la, Tinh-Châu, mặc lòng những xứ này là lãnh thổ hay phạm-vi thế-lực của các nước Âu-Mỹ. Báo giới Đông-kinh từng nói lò mồi ra như thế, nhứt là phe quân-nhơn. Tuy không nghe họ kể gộp cả tên Đông-dương mình, nhưng Đông-dương nằm vắt ngang trên con đường nam-tiến của họ tất nhiên họ để trong tâm mục chẳng cần nói ra.

Nước cờ ngày nay Nhựt-bồn sửa soạn đi tới, ba bốn chục năm trước đã có nhiều người Pháp tiên liệu rồi. Tôi nhớ hình như có người Pháp đã nói câu nói truyền tụng này : “buông Á, lấy Phi” (Lâchons l’Asie, prenons l’Afrique).

Người khác cũng tiên liệu mà càng cường hơn, ví dụ thống tướng Pennequin, cách nay gần bốn chục năm, đã từng đoán định sự-thể tất nhiên mai sau, cho nên ngay hồi bấy giờ, ông đã chủ trương chánh sách khai hoá dân Việt-nam một cách rộng rãi và nên tổ chức ra quân-đội Việt-nam hẳn hoi, để mai sau hiệp lực với người Pháp giữ lấy quê hương đất nước này, chống ngăn cái lần sóng tham-tâm vô yểm của đế-quốc Nhựt-bồn.

Nhiều lần trên mặt báo chí, tôi vẫn nhắc nhở tán-thành cái chánh kiến đó mãi.

Với giống người đông như ỏ kiến mà chen chúc nhau, thiếu ăn nghet thở, thể tất phải xâm lấn tràn lan ra chung quanh cho được sanh tồn : với giống người thuở nay chỉ quen đánh úp người ta một cách bất ý vô tình, chứ không hạ chiến-thơ trước bao giờ, vậy tướng xóm giềng lân cận như mình phải lo thủ thân giữ miếng luôn luôn mới được.

Tóm lại, cuốn sách tâm thường này chỉ do mấy cái quan niệm đã giải tỏ trên đây mà viết ra.



*
download.sachmienphi.com
*

- “Không hiểu tại sao Nhựt-bồn được văn minh hùng cường mau lẹ quá ?”

Ấy là một câu thường nghe nhiều bà con mình hỏi nhau.

Việc gì ở đời cũng phải có nhơn quả tương sanh mới phát hiện ra được. Nói chuyện Nhựt-bồn duy tân tức là nói một chuyện nhơn quả.

Phải, họ duy tân được là bởi họ có đủ tư cách lực-lượng cần dùng, chứ không phải là một sự may mắn, ngẫu nhiên, theo như nhiều người lầm tưởng. Do sự xem xét vội vàng, nhiều người lầm tưởng quốc-thể của Nhựt-bồn cũng như Xiêm-la : chỉ là may mắn mà được độc lập tự tồn giữa lúc các quốc-gia chung quanh đều bị chinh-phục và giữa lúc những lần sóng Âu-Mỹ xâm lược đổ tràn qua Đông-dương dữ dội. Trái hẳn lại, theo tôi tin chắc, giữa thế kỷ 19, nếu liệt cường Âu-Mỹ muốn lấy Xiêm-la làm thuộc-địa, thật dễ dàng như trở bàn tay, nhưng nếu muốn chinh phục Nhựt-bồn, chắc là không được. Vì Nhựt có tư-cách lực-lượng để độc lập tự tồn. Tư cách lực lượng ấy như là hột giống đã nằm sẵn ở dưới lớp đất rồi, đến lúc gặp thời tiết thúc giục, tự nhiên nó phải nảy mầm đâm ngọn mà trời đầu lên thành cây.

Bởi vậy, độc-giả mở sách ra, sẽ thấy một chương đầu hết, tôi không ngại gì phải viết dài dòng nhiều giấy, là cốt bày tỏ ra vì sao trong lúc ba bề bốn bên ai nấy đều yếu hèn mất nước, mà chỉ một mình Nhựt-bồn duy-tân tự-cường được như ngày nay, nhờ họ sẵn có những mầm hay giống tốt thế nào ? Phải biết từ xưa, dân tộc họ đã có nhiều cái tánh-cách đặc biệt : thượng võ, háo chiến, tự tôn, rất trọng danh dự, coi chết như không. Về văn-hóa tuy là họ cũng làm đệ tử nho giáo và văn tự Trung-quốc, nhưng họ biết lựa chọn để dựng lên một nền văn-hóa riêng. Ai nhắm mắt theo càn, cả từ văn-tự, khoa-cử, từ-chương, chế-độ, thì họ biết rút lấy tinh-hoa, biết dung hiệp, để lập ra một nền giáo dục thiết-thực riêng, tự đặt lấy một lối văn-tự riêng, chớ không chịu bắt bóng theo đuôi, người sao ta vậy. Ai say mê thờ kinh mãi học-thuyết Tống-nho, thì họ biết châm chước tùy thời và đón rước những cái học “Tri hành hiệp nhất” và “Minh tâm kiến trí” của Vương Dương Minh. Ngay hồi Âu-hóa chưa sang Đông, chỉ có năm ba thương-gia giáo-sĩ Tây-dương phiêu lưu mạo hiểm qua đây, người Nhựt đã biết lần mò dò hỏi về tình thế thiên hạ và học mót những thuật làm thuốc, thuật đúc súng luyện quân của người ta, chớ không cố chấp tự-kiêu như ai, một lúc có phước đã được người Tây-dương qua tận nhà mình cứu giúp và bày tài nghề ra trước mắt mình mà không biết mở mắt bắt chước !

Rồi đến giữa thế kỷ 19, ngó thấy sức mạnh của Tây-Phương dòn-dập sang Đông, có thể lấn lướt cả những Cù-lao Cửu-châu Tứ-quốc (九州四国 Kyushu Shikoku), người Nhựt tự nghĩ nếu mình không mau tự cường bình đẳng với Tây-phương, tất cũng mang họa vong quốc như ai. Ấy là lúc mầm giống nằm sẵn dưới lớp đất sâu đã được thời tiết thúc giục cho nứt mộng trời đầu lên trên. Tức thời, từ trào-đình, mặc-phủ, quan-lại, cho đến sĩ-phu, hào kiệt, nhơn-dân, hết thảy đều tỉnh giấc thủ-cự, dốc lòng tự tán, ai nấy hăm-hở như nhau. Dân tộc đã sẵn có tư-cách lực-lượng rồi, lại được vua quan sĩ thứ đồng tâm như đúc, thành ra ngày nay hô lên, ngày mai làm liền, công cuộc duy-tân phăng phăng đi tới như sóng tràn gió thổi : con đường văn-minh Âu-Mỹ đi chầm rãi trên ba thế kỷ, người Nhựt rút lại có ba chục năm !

Muốn thì được ; thật người Nhựt đã biết muốn văn-minh, quyết lòng tự-cường, họ đã được văn-minh tự-cường đó. Bao nhiêu ý chí và nghị lực của con người ta, phô bày ra một mực rất cao. Chính họ đã treo lên lớn bự chói lòa một tấm gương “sống chết tự mình cho tất cả những quốc-gia suy-vị, những dân-tộc hậu-tân trong thiên-hạ cùng soi, nên soi !

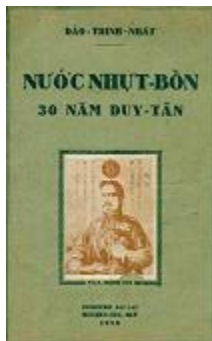
Vậy thì cuốn sách này chính là một cuốn sách nên viết ra ; mà viết ra chắc không đến nỗi vô ích cho quốc-nhơn đồng bào thì phải.

ĐÀO - TRINH - NHẤT

(Saigon, Octobre 1936)

Chương I

BA NGUYÊN DO LỚN



Khắp các dân tộc ở trong thiên hạ thế giới xưa nay, không ai hề thấy dân tộc nào có cái lịch sử tấn hóa tự cường một cách vẻ vang, một cách lạ lùng, một cách mau chóng cho bằng dân tộc Nhựt-bồn.

Mạnh bạo vẻ vang ?

Phải.

Bao nhiêu quốc gia dân tộc lớn nhỏ ở Đông-phương mình, đến giữa thế-kỷ 19, là lúc bàn cờ thiên hạ đã xoay ra cái thế “mạnh được yếu thua, khôn sống mồng chết” rõ ràng lắm rồi, thế mà vẫn còn mơ màng không tỉnh, một mực giữ riết những cái dấu hủ bại hèn yếu như xưa, thành ra lần lượt trước sau bị các cường-quốc Thái-tây qua chinh phục lợi dụng hết thảy. Nhựt-bồn ở Đông-phương cũng đang là một nước trong các nước hủ bại hèn yếu đó, bỗng chốc nổ vang như tiếng sét đánh, họ nổi lên duy-tân hùng-cường một cách thật là oanh liệt. Trải 30 năm ra sức sửa mình, mau chun lẹ bước, Nhựt đuổi theo kịp Âu-châu trên đường văn minh, rồi cùng một nước rất mạnh của Âu-châu thử sức đánh nhau mà Nhựt đại thắng, làm cho tai mắt tâm hồn cả thế giới đều phải rung động kinh hoàng. Cho đến hiện nay, về binh lực, về cơ khí, về học thuật, về công nghệ v.v. mặt nào Nhựt cũng dư sức cùng các cường quốc Âu-Mỹ thích cánh chen chun mà đứng vào hàng thứ nhì trong thiên hạ.

Nói cho phải, thiệt nhờ có Nhựt-bồn tự cường và tranh dành với Âu-Mỹ được như thế, thành ra giống da trắng cũng bớt lên mặt coi rẻ giống da vàng ; trái lại, còn lo sợ nay mai có cái họa da vàng (péril jaune) nữa là khác.

Mau chóng lạ lùng ?

Phải.

Y như câu chuyện nghề võ đánh trả thầy. Con đường văn minh khoa học của người Thái-tây hao tốn biết bao tâm lực công phu, trải ba bốn thế-kỷ xây đắp mới nên, và đi lần hồi từng bước, trải ba bốn thế-kỷ bạt thiệp mới tới. Ai không nghĩ rằng những kẻ khác có giỏi học mót theo sau, cũng chẳng khi nào mau chóng tới mức kịp thầy cho được. Thế mà Nhựt-bồn phăng phăng sấn bước, chỉ trong vòng 30 năm là họ đủ theo kịp Âu-Mỹ và dựng lên được cái lâu đài văn minh khoa học cũng đẹp lộng lẫy như của Âu- Mỹ vậy. Rồi thì “quơ lấy gậy ông, đập lưng ông, lấy ngay giáo giặc để đâm giặc”, bây giờ họ đem ngay những cái đã học của Âu-Mỹ ra đua chơi tranh giành với Âu-Mỹ. Thử coi lâu nay Nhựt-bồn có binh lực khiến cho Âu Mỹ phải kính nể, kiêng dè ; còn các đồ công nghệ chế tạo họ đem qua bày đầy ở giữa thị-trường Âu-Mỹ mà bán cạnh tranh giá rẻ, làm cho Âu-Mỹ phải rên.

Một dân tộc, một quốc gia đang ở trong vòng yếu hèn cũ kỹ mà thay đổi thành ra một nước giàu mạnh mới khôn, người ta gọi đó là cuộc tấn hóa. Lẽ thường, cuộc tấn hóa phải đi lần hồi từng chặng, từng bước. Nhưng cuộc tấn hóa của Nhựt-bồn đã thiết hành và thành công một cách mau le quá thế, ta phải bảo là họ chạy, họ nhảy, họ bay ; cũng có thể nói là họ xẹt một cái như chớp nháng mà tới cõi văn-minh phú-cường, chớ có phải họ đi từng chặng từng bước gì đâu !

Thiết vậy, thử mở hết lịch-sử nhon-loại ra mà coi, đông tây kim cổ, có dân tộc nào chỉ dong duỗi trong 30 năm mà theo kịp người ta trên con đường văn minh người ta đã đi ba bốn thế kỷ không ? Có quốc-gia nào chỉ sửa sang thay đổi trong 30 năm mà được mới hăn mặt mày, trở nên tốt đẹp, như là Nhựt-bồn vậy không ?

Ai cũng phải nói rằng không. Ai cũng phải chịu rằng xưa nay chỉ thấy có một mình Nhựt-bồn được vậy mà thôi.

*
* *

VIỆC GÌ CŨNG CÓ NHƠN QUẢ. - Bởi vậy, tất ai cũng phải lấy làm lạ lòng nóng nảy, không biết Nhựt-bồn có những lực lượng gì và căn-nguyên vì đâu mà cuộc duy-tân hùng cường mau le quá chừng như thế ?

Cố nhiên là họ nhờ có vua quan tài giỏi khôn ngoan, có dân-tâm sốt sắng hăng hái, mới hiểu biết những chỗ bắt buộc cần dùng của phong trào, của thời thế mà mạnh bạo tự tân tự cường cho mau. Đó là một lẽ căn-bổn. Song ở trên cái căn bản

hiện tại này còn có những cái căn bản dĩ vãng xa xưa khác. Ấy là tinh-thần dân-tộc, là lịch sử quốc gia, Nhựt-bổn vẫn khác lạ hơn người ta ; như là họ có sẵn mầm giống tốt đẹp chất chứa từ lâu rồi, đến nay gặp được công phu vun trồng, thời tiết thúc giục, làm cho mầm giống đó dễ đâm chồi nảy nhánh ra và rồi mau trở bông tươi kết trái tốt vậy.

Trên đời, có vật gì không thai mà nên hình, có việc nào không nhơn mà có quả cho được. Bởi thế, ngày nay nếu ta muốn biết vì sao Nhựt-bổn duy tân được mau lẹ vẻ vang thế kia, thế nào cũng nên xét qua về lịch sử quốc-gia và tinh thần dân-tộc của họ trước hết. Họ có cái kết quả rực rỡ như hôm nay vốn là nhờ có nhiều cái nguyên nhơn đã ương từ đời trước.

Theo ông Bá-tước *Đại-ôi Trọng-tín* thì nguyên nhơn ấy có ba.

Tôi xin giới-thiệu liền để độc giả biết rằng *Đại-ôi Trọng-tín* (大隈 重信 Okuma Shigenobu) là một người có dự phần công lao rất lớn trong cuộc Minh-trị Duy-tân và đã chứng kiến tất cả thời đại vẻ vang ấy từ đầu tới cuối. Ban đầu, ông kêu gào duy tân cải cách rất là hăng hái ; sau bước vào trong chánh giới hoạt động, trở nên một bậc yếu-nhơn, khi làm tham-nghị trào đình, khi làm nội các tổng-lý. Lúc ở đàn chánh trị bước xuống thì ông lo việc giáo dục, tự mở ra một trường đại-học có chủ-nghĩa cao, qui-mô lớn (1) cốt để rèn tập nhân tài cho nhà nước dùng. Chính ông soạn ra bộ sách “*Khai quốc ngũ thập niên sử* 日本開国五十年史”, 1.500 trang, biên chép công việc duy-tân từ trước đến sau, đầy đủ, rõ ràng. Nay tôi viết ra cuốn sách tầm thường để hiến độc giả đang coi đây, ngoài ra những tài liệu góp nhặt ở nhiều nơi khác một phần lớn là nhờ nơi tài liệu trong sách của họ *Đại-ôi* vậy.

Đại-ôi nói rằng Nhựt-bổn được biến hóa cường thịnh như ngày nay tuy có nhiều nguyên nhơn, song bao nhiêu nguyên nhơn gì cũng đều qui tụ cả vào ba điều cốt yếu sau đây :

1. - Nổi dõng Thần quốc, bền vững nguyên lành.
2. - Dân tộc nhờ địa-lý thiên nhiên mà sanh ra có nhiều tánh chất đặc biệt.
3. - Chế độ phong kiến gây nên những cuộc chia đất tranh hùng, chống chọi ganh đua nhau luôn luôn, thành ra dồi mài un đúc được chí bền sức mạnh và nảy ra lắm tài khéo tánh khôn.

Đó là ba cái điều-kiện thiết yếu, theo họ *Đại-ôi*, làm nền móng sâu xa cho cuộc duy-tân Nhựt-bổn ngày nay. Trong bài tổng luận cuốn “*Khai quốc ngũ thập niên*

sử” tác giả đem những tài liệu chứng cứ ra giải bày ba việc trên đây thấu suốt và lý thú lắm. Tôi dựa theo đó và phụ thêm nhiều kiến-văn góp nhặt ở ngoài, lược thuật ra mấy đoạn sau này, để cho độc giả trước hết nên biết cuộc phát triển tự cường của Nhựt-bôn vốn có nguồn gốc sẵn sàng từ xưa ra thế nào ?

(1) Tức là trường Tào-đạo-điền đại học 早稲田大学 – Waseda daigaku ở Đông-kinh ngày nay.

Chương I

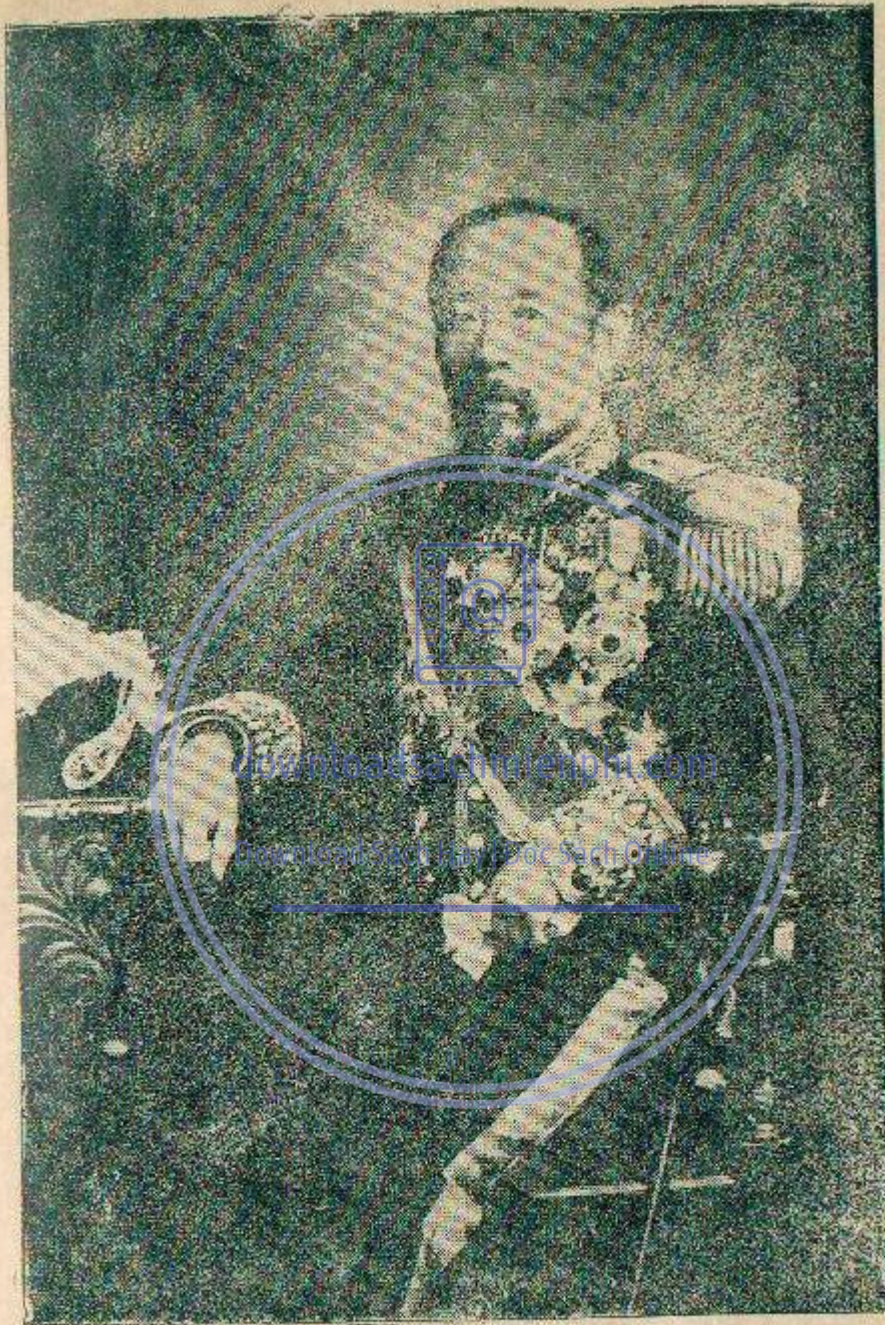
BA NGUYÊN DO LỚN

1. - NÓI DỐI THÂN QUỐC



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



CÔNG-TƯỚNG Y-DẪNG BẮC-VĂN
(Prince Ito)

Người có công-lao lớn nhất trong cuộc Minh-trị duy-tân

伊藤 博文 - Ito Hirobumi

Sự tin tưởng của người ta, tuy cùng một tên, nhưng mà khác thể : có sự tin tưởng chỉ là mê hoặc, sanh ra có hại ; có sự tin tưởng chính là dấu hiệu của lý-tánh, của tinh thần, của cái gốc sanh-tồn hoạt-động ở đời ; sự tin tưởng ấy thành ra cần dùng và có lợi.

Phàm người có ôm giữ trong óc một điều tin tưởng gì đúng đắn vững vàng, ta thường thấy họ đi trên đường đời ít khi vương nhằm những nỗi trắc trở sai lầm, mà công việc họ làm cũng dễ thành công kết quả. Một dân-tộc cũng thế. Ta xem dân-tộc Nhật-bổn tin tưởng họ là Thần-quốc mà có những ảnh hưởng lợi-ích cho quốc gia dân-tộc họ ra sao thì biết.

GỐC-TÍCH THẦN-QUỐC. - Thiệt vậy, người Nhật tin rằng nước họ là Thần-quốc 神国, nghĩa là một nước do thần dựng lên.

Tuy là một chuyện viển vông mù mịt, nào có gì làm bằng, nhưng vậy mà trong tâm não người Nhật xưa nay lớn bé trẻ già, ai cũng đều tin tưởng như thế ; tin tưởng một cách chắc chắn, vững vàng, lại còn có vẻ tự-cao nữa là khác.

Theo quốc sử Nhật-bổn, nguyên là 3000 năm về trước, trên trời có ba vị thần hiển-linh :

1. - Thiên ngự trung chủ tôn 天御中主尊 - Ama nomi naka Nushi nomikoto
2. - Cao hoàng sản linh tôn 高皇産霊尊 - Taka mimu suhi no mi koto
3. - Thần hoàng sản linh tôn 神皇産霊尊 - Kamu mimu suhi no mi koto

Ba vị thần xuống phàm kinh doanh thống trị ở trên 8 cù lao Nhật-bổn. Thần “Thiên ngự trung chủ” làm chúa tể, ở ngôi chánh thống, là đức nguyên tổ của các Thiên-hoàng (Mikado 天皇), nước Nhật về sau. Còn hai vị thần “Cao hoàng sản linh” và Thần hoàng sản linh” thì là ngoại tổ của Thiên-hoàng. Thuở đó ba vị thần kết hôn với nhau, sanh nở ra thần con thần cháu, dòng dõi phồn thịnh. Duy có dòng dõi thần “Thiên ngự trung chủ” là dòng dõi chánh-thống chọn truyền đời đời nắm quyền thống trị nước Nhật ; còn dòng dõi hai thần kia thì làm các chức lớn, phò trợ nhà vua, như là tể-tướng, chư-hầu, tướng quân v.v... Thành ra vua Nhật là con

cháu chánh-tông của thần đã đành, mà đến các quý tộc danh-gia trong nước cũng là con cháu của thần nữa.

Cách sau mười mấy đời truyền nối dòng dõi của ba vị thần nói trên đây, tới “Thiên chiếu đại thần 天照大神 - Amaterasu Ookami, Déesse Amaterasu Omikami, tục gọi là Nữ-thần Mặt- trời, hay là thần Quốc-tổ 神組, vì chính thần tạo lập ra ngôi vua nước Nhựt xưa nay.

“Thiên chiếu đại thần” sai vị thần cháu ngài hóa sanh hình người, lên ngôi vua thống trị nước Nhựt ; khi đó ngài ban cho hoàng-tôn 3 món thần-khí, là một cái gương, một thanh kiếm, một hòn ngọc, và có lời dạy rằng : “Ngôi báu này, con cháu của thần chánh-tông đời đời truyền nối nhau, cùng trời đất trường sanh vô tận”. Từ đó Nhựt-bổn dựng thành quốc-gia và có vua cầm quyền trị dân một cách chánh thức. Ba món thần khí là cái dẫu tổ thiêng liêng quý báu của nhà vua, từ xưa đến nay, mỗi đời Thiên-hoàng lên nối ngôi trị vì, trước hết có cuộc tế lễ rất tôn nghiêm, để bái lĩnh ba món thần khí này, tức là vật truyền quốc chí bửu vậy. Mỗi món thần khí chỉ tỏ ra một đức tánh :

Ngọc Bát bản quỳnh-khúc 八坂 ? 曲玉 tỏ ra đức nhơn ái từ bi ;

Gương Bát chỉ 八咫鏡 - Yatanokagami tỏ ra đức trong sạch sáng suốt ;

Kiếm cỏ trĩ 薙草剣 tỏ ra sức mạnh bạo cả quyết.

Vị hoàng tôn vâng mạng “Thiên chiếu đại thần” lên ngôi trị vì, khai sáng nền quân chủ Nhựt-bổn là Thần-võ Thiên-hoàng (神武天皇 - Jimmu Tennou). So sánh với Tây lịch, thì ngài tức vị vào khoảng trước Thiên-chúa giáng sanh 660 năm ; so sánh với Hoa-lịch, thì ngang vào năm thứ 17 của Châu-Huệ-vương ; còn so sánh với nước Nam ta, thì phỏng chừng vào lúc cuối đời Hùng-vương 16 hay là Hùng-vương 17, lỗi đó.

Vậy là Thần võ thiên-hoàng chính là thủy tổ của Chiêu-Hòa thiên hoàng, đức vua đang tại vị của Nhựt-bổn ngày nay. Tính cộng trào vua từ Thần Võ tới Chiêu Hòa, 124 đời, tính năm thì tới nay (1936) được 2.596 năm. Thế là từ khi Nhựt-bổn dựng nước có vua đến giờ, chỉ có một dòng họ truyền nối làm vua, chớ không có sự thay trào đổi họ như các nước khác.

Trên kia đã nói Nhựt là nước của Thần tạo lập ra, và vua Nhựt là dòng dõi chánh-truyền của Thần, cho nên phàm là người Nhựt, ai cũng tin tưởng, kính thờ, tôn trọng, không được xâm phạm hay là nghi hoặc bao giờ. Sự tin đó chôn chặt vào trong tim óc người Nhựt cứng như đinh đóng vậy.

Ai có ý bất kính hay là hoài nghi, kẻ ấy phạm tội rất lớn. Còn nhớ cách nay 30 năm, một nhà bác học đại-danh là ông Koumé, giáo-sư ở trường Đế-quốc đại-học tại Đông-kinh ngó ý nghi hoặc về gốc tích Thần-võ khi xưa không phải là Thần, tức thời ông bị cách chức. Lại năm 1926 (?), cũng vì câu chuyện đó, mà ông bác-sĩ Tetsu onjiro (?) bị cất chức nghị-viên trong viện Quý-tộc. Một vài chứng cứ như thế đủ chỉ tỏ cho ta thấy người Nhật tin tưởng về cội rễ quốc gia quân chủ của họ một cách thành kính vững vàng ra sao vậy.

Giờ ta thử xét sơ coi sự tin tưởng đó có những ảnh hưởng hay cho lịch-sử quốc-gia Nhật thế nào ?

KHÔNG CÓ CÁCH MẠNG. - Thuở xưa, kẻ làm quân-chủ hay lấy thần-quyền làm khí-cụ, nghĩa là bày đặt nương dựa vào sức quyền thiêng liêng của thần thánh để cho dễ cai trị sai khiến muôn dân. Ta coi không mấy nước ban đầu mới có quốc-gia lịch-sử mà không ý thị thần quyền làm gốc. Song về sau ngôi vua nước nào cũng có những sự tranh dành mà thay trao đổi họ luôn luôn, chớ không hề thấy nước nào có một dòng họ giữ lấy ngôi vua mãi được.

Chỉ duy có Nhật-bôn, từ khi lập quốc đến nay, gần hai ngàn sáu trăm năm, và trải 124 tráo vua, đều là con cháu của Thần-Võ Thiên-Hoàng một dòng truyền nối mà thôi. Vì lòng dân xưa nay tin chắc rằng nước họ là Thần-quốc, vua họ là Thần-tôn (con cháu của thần), vậy cái ngôi chí-tôn chỉ có dòng dõi của thần mới là xứng đáng và muôn đời không thể đổi thay, cũng không ai được xâm phạm tới ; trái lại, ai cũng phải kính thờ ụng họ.

Bởi vậy, thuở nay Nhật-bôn không có cách-mạng bao giờ ; thiết là một sự lạ lùng đặc biệt của họ.

Cách-mạng nói đây, nghĩa là một cuộc mưu toan đánh cướp hay đổi thay ngôi quyền thống-trị. Ấy là việc thay trao đổi họ làm vua ; nước nào trong thiên hạ cũng có trải qua cảnh đó năm lượt bảy phen ; chỉ có nước Nhật là không.

Tuy là xưa kia Nhật-bôn cũng có một vài kẻ gian thần giết vua, và chính trong hoàng-tộc cũng từng xảy ra cái nạn tranh ngôi hại lẫn nhau chớ chẳng phải không, nhưng vậy mà trong nước không hề vì đó mà đến đổi có những cuộc rối loạn nổi lên. Có lúc dòng vua hầu tuyệt rồi cũng trở lại phồn vinh như cũ. Có lúc họ Đằng-nguyên - cũng là một dòng dõi của thần - lập ấu chúa, cầm đại quyền, nếu như ở nước khác thì dễ sinh ra việc đoạt quyền xoán vị như chơi, song họ Đằng-nguyên thì vẫn thờ vua một cách cung kính. Cho tới về sau, luôn mấy trăm năm, Thiên-hoàng ở ngôi chỉ như phỗng đá, làm vua hư danh vậy thôi, bao nhiêu đại quyền

trong nước đều về tay tướng-quân họ tướng-quân kia kế tiếp nhau nắm giữ, gọi là Mạc-phủ tướng-quân (幕府將軍 - Bakufu Shogun) giống như kiểu “vua Lê chúa Trịnh” ở lịch-sử nước Nam ta. Song đời họ nào làm tướng-quân cũng vẫn dốc lòng tôn kính hộ vệ thiên-hoàng, chớ không một ông nào dám có ý dòm ngó ngôi báu. Những lúc như thế, ở nước khác có thể đổ bể ra bao phen cách mạng rồi, nhưng ở nước Nhật thì yên ổn như thường.

Đến lúc ban đầu Minh-Trị duy tân, nhà nước sửa sang thay đổi mọi việc, tuy có một vài hào-kiệt chí-sĩ nóng nảy dấy binh làm dữ, có người cho đó là việc cách mạng, nhưng kỳ thiệt chỉ là việc hồi thúc nhà nước cải cách cho mau, và đối phó với ngoại bang cho cứng cáp mà thôi, chớ kẻ dấy binh đó bản tâm không có chỗ nào phản nghịch Thiên hoàng hay làm hại quốc gia. Bởi vậy đời Minh-trị sửa mới luật pháp, không cần để khoản trị tội phản nghịch vô, mà những tội trái lệnh vua hay quốc-sự phạm cũng coi như tội cách mạng ở các nước khác.

KHÔNG BỊ NGOẠI XÂM. - Dân Nhật do nơi sự tin tưởng mình là Thần-quốc mà sanh ra lòng tự tôn ; do nơi lòng tự tôn mà sinh ra sức tự vệ rất mạnh, không chịu để cho ai xâm phạm tới Thiên-hoàng và không chịu ai ở ngoài tới lấn hiếp đất nước non sông của họ được.

Lịch sử quốc gia của họ trải hai ngàn mấy trăm năm, bị giặc ngoài tới đánh trước sau 4 lần :

1. - Đời vua Khoan-nhon (Tây lịch năm 1019) bị giặc Khiết đơn.
2. - Đời Văn-vĩnh (1274) bị giặc Nguyên.
3. - Đời Hoàng-an (1284) cũng bị giặc Nguyên nữa.
4. - Đời Ứng-vĩnh (1418) thì bị Mông-cổ kéo binh qua đánh.

Thế mà lần nào họ cũng đánh giặc phải lui.

Thuở đó có dân nào hùng cường cho bằng Mông-cổ, dòng dõi của Thành-cát Tư-hãn 成吉思汗 là người anh hùng oanh-liệt, đã quét sạch Á-châu, lại đem binh qua đánh tới Âu-châu, khiến cho Âu-châu bây giờ nhắc tới vẫn đang lo sợ cái vạ “da vàng”. Dòng đó đã chinh phục Trung-quốc, làm vua Trung-quốc rồi (tức là nhà Nguyên 元), bèn thừa thế đem chiến thuyền qua đánh Nhật-bổn, nhưng bị thủy-quân Nhật nhon được sức gió mà đánh lại binh Nguyên thua chạy không kịp. (2)

Thế là xưa nay không có người khác nước nào tới xâm lăng đất nước Nhựt-bồn đặng, vì họ cho đất nước họ là Thần-quốc, dòng giống họ là Thần-tôn, nên họ ra sức tự vệ, không chịu ai ăn hiếp được họ. Nói gì 70 năm nay, duy tân hùng cường rồi, họ chỉ đánh người ăn người thì có, chớ không biết chữ “thua” là nghĩa thế nào ?!

ẢNH HƯỞNG VỀ TÂM TÁNH. - Dân Nhựt là một giống dân chuộng sự sạch sẽ nhứt trong thiên hạ, không ai không biết.

Sở dĩ họ có cái đặc tánh đó, hoặc do địa-lý phú tánh tự nhiên cho họ, song xét đến cội rễ cũng bởi nơi dân tâm rất mực tin thần kính thần mà ra. Họ nói thần rất ghét sự dơ dáy, tránh sự ồn ào, bởi vậy mình kính thần tất phải giữ sao cho tâm thân mình tinh khiết thanh tịnh luôn luôn mới được. Đó là một cái gốc giáo hóa của thần-quốc ngay từ thuở xưa, rồi sau thành ra phong tục của xã hội, thiên tánh của quốc dân, coi sự tinh khiết thanh tịnh, như một nền đạo thiêng liêng, ai nấy phải tu phải giữ vậy.

Ta nên biết thần ở trong tâm não người Nhựt tin tưởng, khác hẳn ý nghĩa với thần của nhà tôn giáo ; mà cách họ kính thần cũng không giống cách dân Tàu hay dân Nam mình kính thờ vậy đâu. Người Nhựt đối với Thần, thờ kính thần, nhưng không hề có ý khẩn vái lạy lục để thần làm cho mình thoả sự dục-vọng gì, hay là cầu lấy sự phước lợi riêng cho mình ; nghĩa là họ không thờ thần hầu trông có những sự lợi thân ích kỷ ; trái lại họ chỉ sợ mình không được thanh khiết, đến nỗi bị thần ghét bỏ mà thôi. Tóm lại cái thâm ý của họ kính thần là lo tu thân, chớ không phải cầu lợi.

Đạo kính thần của họ cần nhứt là mỗi người lo giữ 6 căn cho được trong sạch 六根清淨. Sáu căn là : tai, mắt, mũi, miệng, thân và tâm. Họ nói rằng nếu như giữ được sáu căn trong sạch, không có một điểm nhơ bợn nào dính vào, và 6 căn bao giờ cũng sáng suốt như thủy tinh, vậy thì mình có thể ở yên giữa trời đất thanh tịnh, rồi tự nhiên được thần ban phước cho, chớ tự mình không phải khẩn vái cầu cạnh chi hết.

Coi một chút vậy đủ biết Nhựt-bồn từ xưa đã có một nền văn-minh tinh thần khá lắm rồi. Vả lại họ sẵn có tục kính thần, cho nên trải mấy ngàn năm trong lịch sử, dễ hấp thụ lấy những văn-hóa ngoại bang đưa tới. Đạo-giáo, Nho-giáo và Phật-giáo của Trung-quốc và Ấn-độ truyền sang, người Nhựt đều đón rước dung hòa, lựa chọn lấy những cái sở trường của người ta để làm ra cái đặc sắc của họ. Cho tới lúc họ gặp văn minh Thái-tây truyền qua cũng thế.

Ông *Đại-ôi Trọng-tín* (大隈 重信 - Okuma Shigenobu) phán đoán cuộc duy-tân tân-hóa của đồng bào ông bằng câu sau này, tôi tưởng đúng lắm :

“Phàm vật gì trắng tinh sạch sẽ thì chất của nó dễ cảm hóa chịu đựng. Người “Nhật nhờ có tinh thần thanh tịnh sẵn sàng, cho nên đến lúc tiếp rước đặng văn-minh “ngoại bang đem lại, là có thể xem thấy chỗ tốt đẹp mà lựa chọn bắt chước liền, chứ “không nghi nan dự dự chút nào. Tâm não người Nhật không chứa cái tánh cố chấp của “nhà tôn giáo, thành ra như nước trong suốt, đựng trong cái bình bằng pha lê cũng trong “suốt, nay lấy màu sắc mà rót vào, tự nhiên thấy vẻ hồng hào tốt đẹp lộ ra được ngay. “Sở dĩ người Nhật dễ tân tới về vật chất và tinh thần là tại vậy đó.”

(2) Quân Nguyên thời ấy hùng cường vậy đó mà xâm Nhật bị Nhật đánh thua, kéo qua đánh nước Nam ta cũng bị ta đuổi chạy. Hai phen vị anh hùng Trần-Hung-Đạo ta đại thắng binh Nguyên, ấy là một việc võ-công vẻ vang nhứt cho lịch sử và nòi giống ta, chắc đồng bào đều ghi nhớ, mà cũng nên có chỗ cảm-thán vô cùng.

2. ĐỊA-LÝ GIÚP NGƯỜI

Ngoài ra, quan niệm cao xa của người Nhật kính thần, tin thần, như đoạn trên đã nói, tới địa-lý cũng là một sức mạnh tự nhiên, nó giúp công góp lợi vào cuộc phát-triển tân-hóa của họ một cách lạ lùng, ta không nên không xét.

*

ĐỊA LỢI VÀ THIÊN THỜI. - Mạnh-tử cho thiên-thời, địa-lợi, nhơn-hòa là ba việc cần dùng lợi-ích cho một dân-tộc có thể hưng-vượng, thì ra Nhật-bổn có đủ cả ba.

Nhật-bổn hiệp liền nhiều cù-lao lớn nhỏ liền khít nhau mà thành ra một nước ở riêng hẳn ngoài biển, cách biệt đại-lục (大陸, continent) vừa chừng, không xa quá mà cũng không gần quá. Nước Nhật chiếm được địa-lợi đó rất hay.

Nhứt là cù-lao chánh, chỗ đóng quốc-đô, khí hậu bình thường mà ở cách đại-lục khá xa ; còn nơi ở gần đại lục hơn hết, chỉ là mấy cù-lao bé nhỏ Nhứt-kỳ (壹期 - ??) và Đối-mã (對馬 - Tsushima) ngó ngay qua đồi đất Cao-ly. Tuy gọi là gần, nhưng cũng không đến đối quá gần, như là Hồng-mao đảo-quốc gần với đại-lục Âu-châu : Hai bên phân cách nhau do một khu biển nhỏ hẹp, thành ra hôm nào trời quang mây tạnh, bờ bên này có thể ngó thấy rõ bờ bên kia.

Bởi địa-thể Hồng-mao ở gần khít đại-lục, cho nên thuở xưa thường bị các dân-tộc ở đại-lục tràn qua chinh phục. Còn Nhật-bôn thì ở xa cách đại-lục, không ngó thấy nhau được, mà chính khoảng phân cách lại là biển rộng sóng to, không phải hẹp hòi êm lặng như biển Manche kia, cho nên thuở xưa người Nhật mới đầu lập-quốc, dân ở đại-lục kéo qua thực-dân, rồi đồng-hóa với Nhật thì có, chớ đem binh qua chinh phục thì không.

Xưa kia Nhật-bôn có thể khóa “cửa” đất nước họ lại mà tự trị tự tồn, cũng có chỗ quan hệ bởi gió thổi mà ra. Ven biển xứ họ, hằng năm tới kỳ xuân hạ có gió mùa thổi mạnh, làm cho biển dậy sóng lớn, ghe thuyền không lui tới đặng. Qua mùa đông mới êm ; lúc ấy mới có ghe thuyền của người Âu-châu và người Tàu ra vào buôn bán. Đời nay, nghề hàng hải có tàu bè máy móc vừa mạnh vừa mau, chẳng kể gì sóng gió, chứ đời xưa, sóng gió đối với cuộc sanh-tồn của Nhật-bôn có quan hệ lớn lắm. Bởi nhờ có sóng gió ngoài biển mà làm bức thành ngăn cản ngoại-địch, nên chi mỗi năm họ chỉ phải lo giữ gìn đất nước trong 6 tháng mà thôi. Còn sáu tháng kia đã có sóng gió giữ dùm, họ được yên tâm lo việc sanh-tồn giáo-hóa trong nước vậy.

*
downloadsachmienphi.com

NHIỀU THỨ MÁU TRỘN CHUNG MÀ THÀNH GIỐNG NGƯỜI NHẬT, - Thế giới có hai đảo quốc đều hùng cường là Hồng-mao và Nhật-bôn ; cả hai có gốc phát tích về chủng tộc thật là giống nhau : Hai đảng cũng do những dân-tộc ở đại-lục tràn qua cù lao mà sanh nhai đồng hóa rồi sanh ra một giống người riêng.

Chỉ có chỗ khác nhau là một đảng trộn ít máu, còn một đảng trộn rất nhiều máu. Hồng-mao chỉ có mấy giống dân Normands, Saxons và Celtes ở đại-lục qua xâm-lược, lâu ngày mấy giống đó dung hiệp rồi đồng hóa với nhau thành ra dân tộc Hồng-mao gọi là “Ăng-lô Săc-xông” (Anglo-Saxons) hùng cường ở thế giới ngày nay ; còn dân tộc Nhật-bôn thì phát-nguyên bởi cả chục giống người kết hiệp lại mà hóa ra.

Đời Thượng-cổ, chính giống người Ái-nô (アイヌ), Ainos) là thổ-dân ở rải rác khắp các cù-lao Nhật-bôn. Sau có các dân-tộc ở ngoài tới xâm chiếm đất đai, đánh giết người Ái-nô bị tiêu diệt lần mòn, còn sót lại bao nhiêu thì phải thụt lùi mãi về mấy cù lao ở phía Bắc Bắc-hải-đảo (北海道 - Hokkaido). Bây giờ ở đó còn sót lại chừng vài muôn người giống Ái-nô mà thôi.

Thuở xưa có nhiều giống dân từ đại-lục và đất xa tới sanh tụ khai thác đất Nhựt-bồn, nhưng kể mấy giống trọng yếu thì là người Hàn, người Mã-lai, người Ấn-độ, người Mãn-châu, người Mông-cổ. Xưa kia việc giao-thông hàng-hải, biết bao nguy-hiểm, gian-nan, thế mà mấy giống người đó dám vượt biển, qua thực-dân ở cù-lao Nhựt-bồn, ấy đều là hạng người giàu lòng mạo hiểm, có tài kinh-doanh, chớ không phải là bọn tầm thường xiêu dạt đâu. Chắc họ đã biết quần-đảo Nhựt-bồn có địa-lợi thiên-thời rất thuận tiện, rừng biển đất đai có vật sản rất phong phú, nên chỉ họ mới kéo nhau qua khai-khẩn sanh-nhai. Ban đầu mỗi giống dân còn chia ra từng bộ-lạc riêng, rồi lần hồi về sau họ hỗn hiệp lại, họ đồng hóa với nhau. Giống người gọi là Nhựt-bồn dân tộc chính do cuộc hỗn hợp đồng hóa lâu đời của các giống kia mà đẻ ra. Nói rằng nhiều thứ máu trộn chung lại mà đúc ra giống dân Nhựt là vậy đó.

Người Nhựt vẫn cho sự hỗn hiệp mà thành ra dân-tộc họ, có cái cơ quan hệ bởi địa-lý là nhiều hơn hết. Chính địa-lý đã lựa lọc lấy những tánh chất và tinh thần tốt của các giống người kia mà rèn đúc ra tánh chất và tinh thần tốt của dân-tộc Nhựt-bồn trải 26 thế kỷ nay.

Họ Đại-ôi nói cái đồng khí của người Nhựt là tự giống Mông-cổ di truyền. Người Nhựt có máu đồng cảm của Thành-cát Tư-hãn (成吉思汗, Gensis Khau), nhưng lại khéo hóa mất thói tàn nhẫn, nham hiểm của Mông-cổ đi, chỉ có tinh thần thượng võ và mạnh bạo hăng hái với giống nội quốc-gia thì vẫn giữ y. Như hồi đánh nhau với Nga là một nước cường đại gấp mấy Nhựt, thế mà người Nhựt có tinh thần đồng cảm để thắng trận được, ấy là tánh khí can cường thượng-võ của giống Mông-cổ đời xưa truyền cho vậy. Người Nhựt lại có tánh khí mạo hiểm của giống Mã-lai, nhưng biến hóa được cái gốc dữ dần độc ác. Xem lúc sửa soạn duy-tân, không biết bao nhiêu là chí-sĩ thanh niên Nhựt nô-nức mạo hiểm đi qua các nước Thái-tây để học lấy những cái hay của người ta rồi về đóng góp vào công cuộc duy-tân cho được mau thành ; nếu không phải là giống người vốn sẵn có tánh mạo hiểm thì đâu có thành công rực rỡ tự cường hăng hái được như thế !

TINH THẦN DUNG HÓA. - Người Nhựt thấy kẻ khác có tài gì hay, làm sự gì phải, họ liền học theo bắt chước cũng làm được như vậy ấy là nhờ nơi giống họ có tinh-thần dung-hóa mau lắm.

Tinh-thần ấy, vốn họ có sẵn từ xưa.

Thuở họ lập quốc được ít lâu rồi, phải giao-thông với Chi-na đại-lục, tự nhiên cũng chịu ảnh hưởng của văn-hóa Trung-quốc như nước Nam mình. Nho-giáo, Đạo-

giáo, Phật-giáo cho đến các lễ-nghĩa pháp luật của Trung-quốc, món nào Nhựt-bồn cũng đón rước tiếp thu về xứ họ. Song họ khéo dung hóa lựa lọc chỗ hay của người cho thành ra chỗ hay riêng của họ, thích hiệp với sự cần dùng của họ, chớ họ không nhắm mắt theo càn, hễ văn-hóa người ta thế nào thì cứ rước y về mà thờ, mà dùng thế ấy, không dám thay đổi chút nào ! Bởi vậy cùng là đám học trò văn-hóa Trung-quốc như nhau, mà cậu học trò Nhựt-bồn khéo dung hóa, về sau thành đạt vẻ vang ; còn mấy cậu khác là Việt-nam và Cao-ly thì lại cùng ông thầy học Trung-quốc tới nay đang còn yếu hèn xui xẻo một lũ !

Trên đường lịch-sử mấy ngàn năm xưa, Nhựt-bồn trước đã dung hóa được các dân-tộc đến ở xứ họ, sau lại dung hóa cả học-vấn nghệ-thuật từ đại-lục đem qua nữa.

Coi nội một chỗ họ dùng Hán-tự mà thay đổi và bổ thêm ra thế nào, thì đủ thấy họ có tinh-thần dung hóa ra thế nào ?

Ai cũng đã biết dân-tộc Nhựt-bồn là do mấy giống người Mã-lai, Mông-cô, Mãn-châu v.v... hỗn hiệp lại mà đẻ ra nhưng thử hỏi tiếng nói của Nhựt có phải là tiếng nói của một giống người nào trong đó chẳng ? Không ! Các giống dân ngu cư đã bị dung hóa mà sanh ra dân-tộc Nhựt-bồn rồi đến tiếng nói của họ cũng bị dung hóa mà lập riêng ra thứ tiếng nói Nhựt-bồn nữa. Còn sót lại chẳng là ít nhiều tiếng Cao-ly, tiếng Ái-nô, tiếng Thát-đàn (1), có trộn lẫn vào trong tiếng Nhựt, giúp cho văn-học Nhựt được phát-đạt.

Tiếng Nhựt và tiếng Tàu điệu nói khác hẳn nhau. Từ hồi có Hán-tự truyền sang, thì văn-chương bằng chữ Hán liền dùng theo, nhưng rồi sau có chữ âm (音字- onji) phát minh ra, gọi là “giả tự” 假字 - ? (**), chính là chữ riêng của Nhựt bày ra, dùng xen lộn với chữ Tàu chớ họ không dùng đặc Hán-tự mà chỉ đọc khác âm như nước Nam ta xưa nay. Đã vậy mà phép làm văn đặt câu, họ cũng sửa theo cách thức riêng của họ nữa. Ta cầm cuốn sách hay tờ báo Nhựt bây giờ, thấy chữ Tàu có xen lộn lỏi chữ viết những nét cong co nhấp nháy, ấy là chữ riêng của Nhựt đó.

Chữ riêng đó khắp nước đều hiểu đều dùng, thành ra cuộc thông-nhứt và việc giáo-hóa ở nước Nhựt được dễ dàng lợi tiện quá.

Ta xem họ học chữ của người mà khéo biến cải thành ra một lối chữ riêng của họ như thế, có phải họ có tinh-thần dung-hóa hay lắm giỏi lắm không ?

Bất cứ học-vấn nghệ-thuật gì của các nước ngoài mà họ bắt chước và thu thập, họ cũng dung-hóa hết thấy. Cuối thế-kỷ 16, có giáo-sĩ Tây-phương qua truyền đạo

Cơ-đốc, tướng-quân cầm quyền nước Nhật bấy giờ là *Chức-điền Tín-trường* (織田信長 – Oda Nobunaga) cho phép truyền đạo tự do. Không bao lâu mà số người Nhật chịu phép rửa tội có đến mấy trăm muôn. Hồi ấy những môn học của Tây-phương như võ-khí, dùng binh, làm thuốc, thiên-văn, công nghệ, người Nhật đã từng học tập ít nhiều. Ví dụ nhiều nơi trong xứ có thành quách giống kiểu Tây, chính là người Nhật học kiểu xây thành đắp lũy của người Y-pha-nho và người Bồ-đào-nha truyền cho mà xây đắp lên vậy. Coi vậy đủ thấy giống dân Nhật biết học theo chỗ hay của người ngoài một cách mau chóng chứ không e ngại cố chấp gì cả.

Về sau, người Ý, người Bồ, chung cả người Tây-dương bị Nhật-bổn “khóa nước” cấm vào, cũng là có một duyên-cớ.

Vì các cố-đạo Thiên-chúa thừa lúc người Nhật theo đạo hăm hở nô nức quá rồi các ông ỷ sức làm càn, đốt phá hết nhiều miếu thần chùa Phật, để cho những người không phải giáo-đồ sanh lòng tức giận. Phần thì bởi người Tây-phương thấy dân Nhật theo đạo mau lẹ dễ dàng, bèn có âm mưu muốn chiếm trị Nhật-bổn. Thấy người ngoài có ý chẳng tốt như thế, cho nên Mạc-phủ nước Nhật liền ra lệnh khóa nước cấm đạo và sanh lòng ngờ vực ngoại-nhơn. Họ nói bởi ngoại-nhơn háo tàng, họa tâm, tự nhiên buộc họ phải làm cái chánh-sách “đóng cửa” để giữ mình vậy.

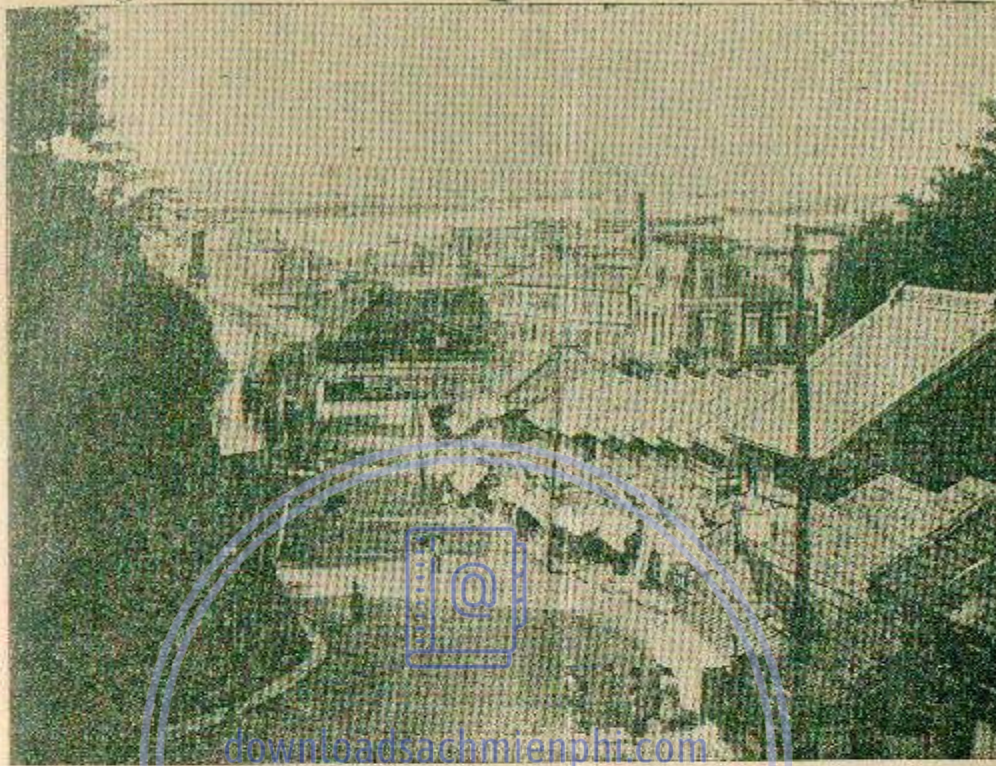
Chớ chi ngoại-nhơn có lòng ngay tốt bụng thì Nhật-bổn đã chẳng khóa nước cấm đạo, mà có lẽ Nhật-bổn đã sớm duy-tân từ hồi thế-kỷ 17 hay 18 rồi không chừng. Đến giữa thế kỷ 19, phong trào “tỏa quốc, bài dương” (2) đang sôi nổi trong nước, nhưng khi có ông đề-đốc Perry nước Mỹ đem một đoàn tàu binh tới nơi tử-tế, xin Nhật-bổn mở cửa thông thương, người Nhật xét ra thật có hảo ý, tức khắc tâm lòng phấn-khích của dân tiêu tan đi lần lần, và hiểu ngay sự duy-tân tự cường là sự cần dùng cấp bách. Rồi tới vua Minh-trị lên ngôi, hạ lệnh cải cách, kỷ-nguyên mới mẻ của Nhật-bổn từ đó mở ra. Nếu người Nhật không có tinh thần dung-hóa sâu xa lâu đời, thì họ không biết người biết mình một cách mạnh bạo như thế.

(1) Thát-đàn 韃靼 (***) một giống người Mãn-châu và Mông-cổ hồi xưa. Con cháu Thành-cát Tư-hãn chiếm cứ nước Tàu làm vua, dựng lên nhà Nguyên (元), chính là dòng dõi Thát-đàn. Bởi vậy khi binh Nguyên qua xâm lấn nước ta, hồi vua nhà Trần, ông Trần-quốc-Tuấn (Hung-đạo-Vương) ra tay quyết đánh, và muốn làm mạnh lòng quân, thề trừ giặc nước, nên chỉ ông bắt mỗi tên quân, đều thịch vào tay hai chữ “sát thát” (殺韃), nghĩa là giết giặc Thát.

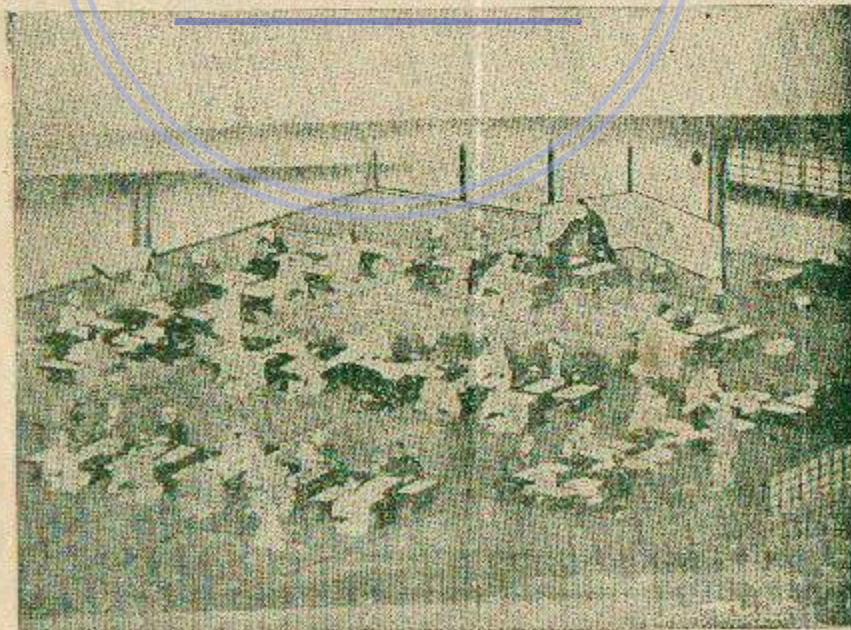
(2) 鎖国俳洋, Tỏa quốc bài dương : Khóa cửa biển lại không cho người Tây-phương ra vào lui tới.

3. PHONG-KIẾN MÀI DŨA TÀI-TRÍ CỦA DÂN





Hải-cảng Hoàn-hân (Yokohama) hồi mới duy-tân. Bây giờ đổi thay khác hẳn.
Download Sách Miễn Phí Từ [Bookykhoea.com](https://bookykhoea.com)



Không ai không bảo chế-độ phong-kiến của xã-hội loài người khi xưa là chế-độ độc hại. Nó bóc lột, đè nén, ức hiếp, hành hạ người ta đủ cách ; bao nhiêu kẻ làm dân phải tháo mồ hôi, đổ máu mắt ra để cung phụng một giai-cấp ở trên, đến đời họ làm mọi trọn đời không lúc nào cất đầu yên xác được. Bây giờ người ta nhắc lại chuyện cũ, nhớ tới dẫu xưa, ai cũng lắc đầu trề môi, cho là gớm ghiếc.

Xã hội Nhựt-bổn từ thuở có lịch-sử mà đi, chính là một xã-hội phong-kiến, y như Âu-châu cổ thời và nhiều xã-hội khác. Song, ngày nay người Âu-châu hay là ai đâu nhắc lại dấu tích phong-kiến của xã-hội mình ngày xưa thì giận hờn và lên án nọ kia, chớ người Nhựt thì khác hẳn : Họ cảm ơn mền đức của chế-độ phong-kiến ở xứ họ trải mấy ngàn năm mới kỳ !

Thiệt vậy, họ nói :

- Phong-kiến có công mài dũa tài trí của dân-tộc chúng tôi, trau dồi tánh-cách của dân-tộc chúng tôi, trở nên khôn ngoan, mạnh bạo lâu đời, đến khi tiếp xúc với phong trào mới mà chúng tôi lần lược theo kịp ngay, là nhờ vậy đó.

Thế thì lai lịch phong-kiến của Nhựt-bổn ra sao, ta nên xét qua ; nhưt là xem thử chế độ phong kiến đã nảy nở, dồi mãi cho dân tộc họ có những tài trí và năng lực gì ?

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chế-độ phong-kiến Nhựt-bổn chia ra hai thời đại trước sau nối tiếp :

1* - CÔ PHONG-KIẾN (古封建), bắt đầu từ lúc có lịch-sử cho đến đời Điều-vũ (鳥?) thiên-hoàng, nhằm cuối thế-kỷ 12 của Tây-lịch. Thời đại này trải qua một ngàn mấy trăm năm.

2* - TÂN PHONG-KIẾN (新封建), khởi từ hồi võ tướng *Nguyên-Lại-Triều* (源頼朝 - Minamoto no Yoritomo), dựng lên Mạc-phủ, xưng chức tướng-quân, nắm trọn đại-quyền nhà nước, lấy tiếng thiên-tử để sai khiến chư hầu. Từ lúc có Mạc-phủ thì Thiên-hoàng chỉ là hư vị thôi, không có quyền hành gì hết. Họ này làm tướng-quân ít lâu thất bại, tới họ khác lên kế, mãi đến đời Minh-Trị (明治 - Meiji) Thiên-hoàng thì Mạc-phủ mới dứt. Thời đại này có dư 700 năm.

Trải hai thời-đại, cộng lại trên 2000 năm, tức là gần trọn cả lịch-sử Nhựt-bổn, có nhiều cuộc trị loạn hưng vong, có nhiều việc chánh-trị giáo hóa, có khi vương-quyền suy mà chư-hầu thịnh, có khi vương-quyền thịnh mà chư-hầu suy, kể cả lai-lịch thì rất là rắc rối dài dòng, vả lại không phải là chủ-ý của đoạn này. Ngó theo

đề mục, đoạn này chỉ cốt trưng bày ít nhiều cái đặc-sắc do những thời-đại phong-kiến đã sản sanh ra cho dân-tộc Nhựt-bổn thôi.

THỜI-ĐẠI CỔ PHONG-KIẾN. - Địa thế Nhựt-bổn, do nhiều cù-lao góp lại thành nước, tự nhiên có chỗ thích hiệp sẵn sàng cho những cuộc chia xé chiếm cứ nhỏ nhỏ. Nhứt là lúc ban đầu, có những ngoại-tộc mới tới thực-dân và khai-thác. Nền phong-kiến ở Nhựt-bổn xây đắp lên ngay từ đó.

Mỗi miền, mỗi ấp, đều có người làm đầu, xưng là quân-trưởng (君長 (**)) hay tù-trưởng 酋長 - ?. Hạng trên là dòng dõi của Thần, đàn ông gọi là Ngạn (**) giữ việc cai trị, đàn bà gọi là Viên (媛) làm tể-chủ, lo việc kính thần. Còn hạng dưới là giống người thường, gọi là Khôi Soái 魁師 - ?), hay Hộ-Bạn (戸畔 - ?), đều rèn tập cung tên gươm giáo, hay ganh đua việc võ-dũng để tranh dành quyền lực với nhau.

Thế là gốc gác dân-tộc từ hồi thượng-cổ, đã có tinh-thần chuộng võ. Tinh thần ấy, do sự dòm mòi, tranh-cạnh, về sau càng ngày càng mở mang ham chuộng, cho đến thành ra một cái đạo về việc võ, gọi là võ-sĩ-đạo (武士道 – Bushidou).

Đàn bà cũng có địa-vị tôn-trọng rất sớm ; bởi vậy, trong đời “tiểu phong-kiến” nói đây có chỗ do đàn bà làm quân-trưởng, và cũng ưa việc võ-dũng, mặc dầu giống họ vốn có cái thiên-tánh nhu mì hiền hậu. Đàn bà Nhựt-bổn từ cổ-thời đã vậy, hèn chi về sau ở trong lịch-sử họ, có mấy đời Thiên-hoàng là đàn bà và có tay nữ-anh-hùng như bà Thần-công hoàng-hậu (神功皇后 - Jinguu Koukou) tự đem binh vượt biển, đánh bắc dẹp đông, nghĩ không nên lấy gì làm lạ.

Đời “tiểu phong-kiến”, từng huyện nhỏ ấp con, có người xưng hùng làm chúa, lấy võ lực để tranh dành lẫn nhau thì có, nhưng không ai thống thuộc ai. Đến lúc đức Thần-võ là chánh-tông của thần, lãnh ba món thần-khí, lên ngôi Thiên-hoàng, dựng quốc-đô ở đất Đại-nụy (1), nghĩa là lúc Nhựt-bổn lập thành quốc-gia quân-chủ và lịch sử bắt đầu từ đây, thì các ông chúa nhỏ kia đều phải tòng-phục về Thiên-hoàng. Ai không chịu phục thì Thiên-hoàng ra oai đi đánh. Bởi vậy các tù-trưởng phải đem dân mình mà quy-hóa hết thảy, trừ ra có mấy giống dân ở miệt đông-bắc và miệt tây là cứng cỏi chống cự lại. Nhứt là giống người Ái-nô. Thành ra trái mấy thế-kỷ, người Nhựt phải tranh cạnh và chinh-phục mấy giống thổ-dân cứng đầu cho kỳ được mới thôi. Ví dụ đuổi tuốt giống Ái-nô phải dòn mãi về cù-lao ở tận phía bắc, đến nay giống ấy đã lần mòn tiêu diệt, chỉ còn lại có vài muôn người.

Nhờ có các cuộc chinh-phục như thế, mà từ xưa người Nhật đã dồi mài được cái tinh thần chiến đấu tranh hùng, có thể nói họ là giống người cứng cỏi, hăng hái từ trong trứng đẻ ra.

*

Theo tục từ xưa, dân-tộc Nhật-bổn chia ra làm ba bậc : Một là quý-tộc, hai là sĩ-tộc, ba là bình-dân.

Quý-tộc là con cháu của các vị quân-trưởng đời Thượng-cổ ; dòng dõi của thần cũng là quý-tộc. Mỗi nhà quý tộc đều có họ riêng. Sĩ-tộc là hạng dân có chức-nghiep, phần nhiều làm nghề nông. Còn hạng lao-công điền-tốt cùng là bọn người làm việc khó nhọc nặng nề, thì đều thuộc về bình-dân.

Tuy có sự chia rẽ giai-cấp như thế, nhưng mà tánh cách dân-tộc và phong-tục xã-hội có chỗ rất tốt, là mấy giai-cấp không khinh khi bức sách lẫn nhau. Trái lại họ nương dựa lấy nhau, một đẳng có quyền, một đẳng có sức, để lo việc khai thác sanh tồn. Mỗi giai cấp có sự cạnh-tranh thứ nhứt, là cạnh-tranh nhau về danh-dự. Vì danh-dự mà ai nấy đều gắng gỏi về mọi việc công-tác kinh-doanh, thành ra sự phân biệt giai cấp đã không hại gì, lại còn có cái sức thúc giục quốc-dân, khiến cho ruộng đất mở mang, chức nghiệp mở mang, và xây dựng lên cái văn-hóa của mỗi giai-cấp, cùng ngày càng phát đạt thêm mãi.

Thì chính vì chỗ cạnh-tranh danh-dự của hạng quý-tộc và sĩ-tộc, đua nhau làm nhà cửa cho sang trọng, bận y phục cho tốt đẹp, bày ra yến hội luôn luôn, thành ra từ văn-ngệ, ca-nhạc, cho đến nghề dệt và nghề kiến-trúc, đều được mở mang, tấn tới.

Sĩ-tộc và bình-dân, ngoài công việc chức nghiệp của họ, lại ganh đua nhau luyện tập võ-ngệ, đến đôi hương thôn nhiều nơi hóa ra trường giảng-võ, và nông phu cũng có lắm người rèn giũa nghề võ, gây nên cái phong-trào thượng-võ, ở khắp xã-hội, rồi có phái mới là phái võ-sĩ nổi lên.

Lúc này, chế-độ phong-kiến kiểu xưa đã biến đổi rồi, không phải mỗi huyện áp nhỏ có người làm chủ như trước nữa. Giờ trong xứ đã đông dân, đất nước đã mở rộng, mà quyền nhà vua cũng mạnh lên, trào đình bèn đổi cách xưa tổ chức quốc-huyện (**) ra làm quốc-quận (国郡-); hợp nhiều huyện nhỏ thành một quận lớn, hết thảy đều thống thuộc về trào-đình. Việc sửa đổi này nhằm đời Thiên-Tri Thiên-hoàng (天智 天皇 - Tenji Tennou) , giữa năm 671 của Tây lịch.

Tuy chế độ phong-kiến xưa đã bãi đi, nhưng lại có chế-độ phong-kiến mới bắt đầu nảy chồi đâm gốc ra.

Tân-phong-kiến dựng lên bởi quý-tộc yếu mà sĩ-tộc mạnh.

THỜI-ĐẠI TÂN PHONG-KIẾN. - Thời đại này là thời đại các võ-gia tranh hùng, kế tiếp nhau xưng là tướng quân, mở ra Mạc-phủ, dành hết quyền chánh của thiên-hoàng mà thống-trị mấy trăm chư hầu trong nước. Chư-hầu cũng đều là võ-gia nổi lên, mỗi người chiếm cứ một nơi xưng hầu xưng bá, lắm lúc tranh quyền ý mạnh, đánh nhau lung-tung. Có lúc Nhựt-bổn chia ra thành hai chánh-phủ, gọi là Nam-triều, Bắc-triều ; có lúc chư-hầu phân ra làm hai phe đảng, gọi là Đông-quốc, Tây-quốc. Thời đại này nước Nhựt có những cuộc binh-tranh nội-loạn luôn luôn, xem y như đời Xuân-thu Chiến-quốc bên Tàu vậy. Chính người Nhựt cũng đặt tên cho cái chạng lịch sử này của họ là “Chiến-quốc thời-đại”

Trên kia đã nói bởi quý-tộc yếu, sĩ-tộc mạnh, mà dựng lên chế-độ Tân-phong-kiến.

Quý-tộc yếu là vì dòng dõi họ hay vui chơi yến ẩm, rất mực xa hoa, sau phải mang nghèo, phần nhiều không còn giữ được nghiệp nhà nữa. Trò đời, dòng sang trọng thế mấy, hễ đã mang nghèo thất thế, thì tự nhiên phải suy yếu đi có lạ gì.

Trong khi phần nhiều quý-tộc ham vui xài sướng, thì sĩ-tộc cặm cùi khai phá ruộng đất và chịu khó tìm tòi bươi móc ra đủ mọi nguồn giàu mạch lợi. Họ lại chăm chỉ tập rèn những thuật bắn cung cỡi ngựa, đấu kiếm múa dao để cho được ra làm quan ở trào-đình, phục dịch với quý-tộc ; như vậy mà họ xây dựng được nghiệp nhà của họ cũng truyền nổi vẻ vang. Họ tự xưng là võ-sĩ, dựng lên gia-nghiệp gọi là võ-gia (武家 - Buke?), đối với dòng dõi quan quyền quý-tộc tức là công-gia (公家 - Kuge?).

Võ-gia ban đầu ở trong xã-hội có phần thấp hèn sánh với công-gia, song về sau công-gia tuy sang trọng mà hơi nghèo, còn võ gia thì giàu có lớn, thành ra võ-gia có thể lực mạnh, tranh hành với công-gia, lấn lướt cả công-gia. Huống chi tinh thần thượng võ trong nước lúc này nồng nàn sôi nổi, ai cũng tập võ, ai cũng kính mến võ sĩ, làm cho võ gia càng được vẻ vang lừng lẫy hơn nữa.

Người Nhựt thuở xưa chuộng võ, mà có sự tin tưởng, sự tu luyện một cách cao xa, coi việc võ gần như nhà tôn-giáo coi Trời Phật, và dựng lên cái đạo gọi là “võ-sĩ-đạo” (**), Bushido).

Ta nên xét sơ cho biết cái tinh hoa của Võ-sĩ-đạo, vì nó chẳng những là đặc sắc và căn-cơ của thời-đại tân-phong-kiến đang nói chuyện đây mà thôi. Chính nó là hương thơm, là vẻ đẹp thứ nhất của tinh thần dân-tộc Nhật-bổn xưa nay. Ta thấy họ hùng cường tấn hóa như bây giờ, và có những cử chỉ yêu nước khác thường, đồng cảm khác thường, ấy là do nơi tinh thần võ-sĩ-đạo từ xưa đã cảm hóa un đúc mà ra vậy.

Cả dân-tộc Nhật-bổn có cái hồn chung - hồn nước - là Đại-hòa-hồn (大和魂 - Yamato Damashi); hồn ấy, mỗi người làm dân nước Nhật phải tâm niệm, kính thờ, giữ gìn, thao luyện. Nước Nhật đời cổ, có một cái danh-hiệu là Đại-hòa ; bởi vậy, lối chữ riêng của Nhật, ta thấy ở sách vở báo chí của họ xen lộn chữ Hán vào đó, người ta thường gọi là Hòa-văn (和文 - Wabun), Đại-hòa-hồn tức là quốc-túy tinh-thần của dân-tộc Đại-hòa, chính dân Nhật-bổn. Hồn này ở trong tâm não người Nhật cũng thiêng liêng cao quý như Thượng-đế ở trong tâm não nhà tôn-giáo.

Chỗ tốt đẹp của Đại-hòa-hồn là ở những tánh cách này : trung trực, bác ái, chuộng võ, giữ mình trong sạch, có lòng nghĩa-hiệp và biết xỉ-nhục, có khí-tượng rộng-rãi hào-phóng, hăng-hái quả-quyết, ở đời sấn bước đi tới, gặp việc nguy hiểm không từ v.v... Từ xưa, về đạo xử-thế lập thân, người Nhật lấy Đại-hòa-hồn làm mực thước mà tự tu-tĩnh và khuyên-răn nhau, tức là gìn giữ trao dồi những đức tánh tốt đẹp như thế.

Võ sĩ ở trong xã-hội Nhật-bổn, chính là hạng “nêu cao gương sáng” của Đại-hòa-hồn hơn hết.

Không phải hễ là kẻ sức mạnh bản tài, liều mình dám chết thì đủ gọi là võ-sĩ đâu. Võ-sĩ có riêng đạo của võ-sĩ tôn-nghiêm cao-thượng ; trước hết phải trao-dồi đầy đủ những đức tánh của Đại-hòa-hồn, rồi lại có những sự giữ gìn thao luyện riêng nữa mới thiết là võ-sĩ.

Cần nhứt võ-sĩ phải giữ tròn danh-dự nhiều phía : Danh dự thân mình, danh dự nước mình, danh dự của gia-môn mình bây giờ, danh-dự của con cháu mình mai sau. Mỗi cái cử-chỉ ở đời, võ-sĩ phải suy nghĩ sao bảo-tồn danh-dự trước hết, chớ không nên tiếc gì cái sanh mạng có chừng có hạn, mà để nhơ danh xấu tiếng về muôn đời. Song, sanh-mạng mình chỉ có một, không có hai, bởi vậy phải dẫn đo cân nhắc cái chết cho nhằm thời lợi việc thì mới hữu danh ; nếu để mất sanh-mạng mình vào lúc không đáng chết, thì cũng không đủ làm cho rõ ràng danh-dự được. Thành ra, phàm là võ-sĩ, tất phải giữ gìn tâm-chí mình thẳng ngay sốt sắng luôn luôn, không thể sơ sót chậm trễ được bao giờ.

Sự tranh-cạnh phần đầu của võ-sĩ, không những là lựa chọn chỗ chết mà thôi, lại phải làm sao cho chết thật trong sạch xứng đáng, có vậy mới làm vẻ vang được tiếng tăm nhà mình.

Võ-sĩ làm việc rất quang-minh chánh-đại ; lúc bình thường đối với kẻ thù, không hề tỏ ra vẻ gì giận hờn ganh ghét ; lúc chiến-đấu thì đồng cảm, đánh ngay trước mặt người ta, chớ không chịu dùng những ngón hèn nhát là đánh ngầm giết lén. Ra chiến-trường bao giờ cũng ung dung vui vẻ ; thắng trận thì bảnh bao hơn hờ, nổi tiếng anh-hùng đồng-sĩ đã đánh, còn rủi có bị thua mang nhục mà chết, thì cũng chết một cách thái-nhiên, gọi là “chết có vẻ anh-đào” 死有 ? 色 (**), nghĩa là chết mà nét mặt vẫn tươi tắn hồng hào như bông anh-đào khi rụng xuống cũng giữ cái sắc thiên-nhiên của nó vậy.

Người võ-sĩ Nhựt-bổn phải có tinh-thần phong-thể đại-khái như vậy đó.

Sự thiệt, võ-sĩ-đạo là tinh-anh luân lý của Nhựt-bổn, chính nó un đúc ra cái nguyên khí quốc-dân. Vận nước nhờ đó mà rõ ràng, thói dân nhờ đó mà cứng cỏi ; nội những dấu tích gì sáng tỏ vẻ vang ở trong lịch sử Nhựt-bổn, đều do từ gốc nguồn võ-sĩ-đạo mà phát ra tất cả. Bởi vậy sẵn dịp tôi muốn nói qua về lai lịch võ-sĩ-đạo, tưởng không phải là chuyện dư. Phải, chỉ nói qua mà thôi, nếu muốn nói kỹ về vấn đề này thì mấy cuốn sách e cũng chưa đủ.

Nói cho đúng, thì gốc tích võ-sĩ-đạo thật là phát nguyên từ “đời thần” (神代 - Kamiyo) (**), nghĩa là đời còn thần làm chủ) mà đi. Nào sùng bái tổ-tiên, nào kính sợ vua chúa, nào võ-dũng, nào thành-tín, nào giản-dị chất phát, ấy đều là tánh riêng của giống người Nhựt ở đời thượng-cổ. Ngay đời đó người ta đã ưa mang gươm đao bên mình và lấy việc võ dũng làm danh-dự.

Xuống đến “đời người” (人代 - Hitoyo), nghĩa là đời do người làm chủ, kể từ Thần-võ Thiên-hoàng (神武天皇 - Jinmu Tennou) là vua khai sáng nước Nhựt)), chủ nghĩa chuộng võ càng thịnh. Trong trào ngoài quận, trên vua dưới dân, ai cũng chuộng võ, cả nước là binh. Đấng thiên-tử làm nguyên soái, các quan đại thần làm phó tướng. Chính Thần-võ thiên-hoàng mới lên làm vua, dựng ra nước Nhựt, đã đem quân đi đánh đông dẹp tây, mở mang bờ cõi, rồi từ đó về sau không mấy trào vua mà không dùng binh chuộng võ, rất đổi đàn bà là Thần-công hoàng-hậu (神功皇后 - Jinguu Koukou) cũng đem quân vượt biển đánh tới Tam-Hàn (三韓 - ?), làm cho Nhựt thêm rộng bản-đồ, vang danh oai võ. Từ xưa, giống người Nhựt

chinh phục được những bộ lạc man di và nổi tiếng tới đại lục, chính là nhờ có cái tinh thần thượng võ vậy.

Lúc Nho giáo truyền sang, càng giúp cho tinh thần thượng võ được phấn chấn thêm, vì nghĩa lý đạo nho cùng với tinh thần thượng võ của người Nhật rất là thích hiệp.

Lần lần đến đời hai họ Nguyên (Lại triều), Bình (Thanh thịnh) dành nhau cái ngôi bá chủ, lấy võ lực đua tài, dùng binh đao đấu sức ; họ nào cũng có đảng phe, tử đệ, chăm lo rèn tập việc võ, bấy giờ trong xứ mới thành ra có giai cấp gọi là võ-gia (武家 - Buke), có danh hiệu gọi là võ-sĩ (武士 - Bushi). Vẫn biết dân tộc Nhật-bồn sẵn có tinh-thần tư tưởng chuộng võ từ xưa, nhưng mà thiết đến đời này thì việc võ mới dựng ra có cách giáo dục huấn luyện riêng, có luân lý đạo đức riêng. Nhật là đời này, bọn quan văn hủ-bại đảo đố, mà nhà võ-sĩ thì có căn bản giáo dục gọi là sự đạo đức, cho nên giữa lúc thiên hạ loạn lạc đảo điên, gọi là hạng người trung đông, nhơn từ, thẳng ngay, lẫm liệt, có thể văn hồi thể đạo nhơn tâm, chỉ duy có võ-gia mà thôi, võ-sĩ-đạo bởi đó mà dựng lên vậy.

Sau Nguyên-lại-Triều (源頼朝 - Minamoto no Yoritomo) đánh thắng Bình-Thanh-Thịnh (平清盛 - Taira no Kiyomori), mở ra Bá-phủ ở đất Kiêm-xương (Mạc-phủ 幕府 - Bakufu bắt đầu tạo lập ra từ lúc này. Nhầm cuối thế-kỷ 12 của Tây lịch), rồi thi hành lối chánh-trị võ gia, bày đặt ra chế-độ riêng của võ-sĩ, bấy giờ võ-sĩ-đạo xây dựng lên một cách hoàn thành.

Các đức tốt, là : Trung, đông, tiết, nghĩa, hiếu hạnh, quả-cảm, liêm-sĩ, cương trực, khoan-nhơn, bác-ái, kiệm-cân, chăm chỉ, ngay thẳng, thật thà v.v..., đều là những đạo đức mà nhà võ phải trau dồi dạy dỗ con cháu từ hồi còn thơ. Chính nhà võ-sĩ, cả đời cũng phải giữ gìn những mỹ đức ấy.

Ta nên biết rằng gọi là võ-sĩ-đạo (武士道 - Bushidou), chữ *đạo* 道 có nghĩa là một nền giáo-dục, lại cũng có nghĩa là một nền tôn-giáo, một con đường đi nữa.

Do theo họ Nguyên xưng xuất, phàm là con nhà võ thì phải thờ vị thần Bát-phan 八幡神 - Hachiman no Kami hết sức cung-kính. Họ Nguyên dựng đền thờ thần ấy ở tại Kiêm-xương là kinh-đô của mình, để làm vị thần thủ-hộ cho toàn thể võ-gia trong nước. Ngày nay di tích vẫn còn.

Nguyên là trước đó có vị cao-tăng đắc đạo thành Phật, lúc sanh bình ông là người cao khiết, giản-dị, thường dạy người đời đừng thêm sợ chết. Cách tu-tâm dưỡng

tánh của vị cao-tăng này rất hấp với sở nguyện sở hành của con nhà võ, cho nên họ Nguyên tôn lên làm thần của võ-gia. Giữa đời đó nước Nhật có chuyện loạn-ly chiến-đấu luôn luôn, nếu như người ta không giác-ngộ về lẽ sống chết cho hẳn hoi, thì không lấy gì làm gốc cho sự can-đảm hùng-cường được. Bởi *Bát-phan-thần* (八幡神 - ?)(?) khuyên dạy thế-nhơn đừng thêm sợ chết, thật là trúng vào trái tim khối óc của võ-gia, cho nên võ-gia càng hoan-nghinh thờ phượng rất mực. Ngoài đền thờ chánh ở Kiêm-xương, khắp nơi trong nước, nơi nào cũng dựng đền nguy nga đồ sộ để thờ thần ấy. Nhờ vậy mà võ-sĩ-đạo thêm vững gốc nguồn, nâng cao tôn-chỉ.

Về sau, tới đời nước Nhật chia hai : Nam-triều, Bắc-triều, có vị anh-hùng là Nam-mộc Chánh-thành (楠木正成 - Kunoki Masashige), trung quân ái quốc một cách tuyệt đối ; người Nhật cho Nam-mộc chính là người đại biểu rất cao của võ-sĩ-đạo, có chi tiết sự nghiệp ghi chép sử xanh, đến nay ai nhắc tới cũng tỏ lòng cung kính. Sanh thời, Nam-mộc đủ hết mọi đức tánh nhơn-từ đồng-cảm và có gan to chí lớn, thấy trào-đình có kẻ gian-thần hại nước hiếp vua, Nam-mộc không thể nào đương mặt ngồi ngó được, bèn đem cả con cháu họ hàng mình lập thành một đạo quân, thề trừ quốc-tặc cho đến chết mới thôi. Người Nhật cho Nam-mộc là bức trưng đồng nghĩa liệt, chánh-đại quang-minh, trong thiên hạ không ai sánh kịp và chính Nam-mộc treo gương võ đồng đạo-đức cho muôn đời soi chung.

Kể đó, có những người như Tân-điền (新田 - Nitta), Cúc-trì (菊池 - Kikuchi), Danh-hòa (名和 - ?) v.v... đều là hạng liệt-sĩ kế tiếp nhau nổi lên, tỏ ra cái tư cách của nhà võ sĩ chơn chánh, có ảnh hưởng tới dân-tâm sĩ-khí của Nhật-bồn xưa nay. Hồi Nhật-Nga chiến tranh (1904-1905), có những kẻ liều mình cự giặc như hạng Quảng-lại Võ-phu (廣頼武夫 - ?), tử trận ở cửa Lữ-thuận (旅順 - Ryojun), hay là hồi Nhật-Hoa chiến tranh ở Thượng-hải, đạo binh 19 của Tàu chống cự mạnh quá, binh Nhật không thể nào phá được trận địa của họ ở Miếu-hàng-trần, lúc ấy có ba tên lính Nhật liều chết ôm lấy viên đạn cốt-min mà xông đại vào, mới bắn phá được trận địa ấy và đuổi được đạo binh 19 phải lui, đại-khải những tay anh hùng vì nước quyên-sanh như thế, người Nhật bảo là nơi dấu võ-sĩ-đạo của hạng Nam-mộc hồi xưa cả đó.

Từ đời Nguyên-lại-triều xướng lập võ-sĩ-đạo cho tới ngày nay trên 800 năm, trong lịch sử Nhật-bồn có những vị anh hùng lắm liệt, thương nước bỏ mình, tỏ ra tinh thần võ-sĩ-đạo, nhiều thật là nhiều, không thể kể hết được.

Trên kia đã nói *Đại-hòa-hồn* (大和魂 - Yamato Damashi) cái hồn thiêng của dân tộc Nhật-bồn, phàm là người Nhật đều phải gìn giữ kính thờ. Hồn ấy ký-thác ở Võ-

sĩ-đạo, hiền linh ở Võ-sĩ-đạo. Bởi vậy có người cho Đại-hòa-hôn và Võ-sĩ-đạo là một mà thôi.

Đàn bà con gái, cũng là tín đồ Võ-sĩ-đạo vô số. Phụ nữ Nhựt đời Thượng-cổ, chính họ cũng thượng-võ, và khuyến khích yêu mến hạng con trai võ-dũng. Ví dụ như bà Thần-công hoàng-hậu (神功皇后 - Jinguu Koukou) tự đem binh đi đánh giặc, đủ tỏ ra đàn bà có khí phách anh hùng ra làm sao ! Sau có Võ-sĩ-đạo nổi lên thanh hành, bọn phụ nữ nhà võ cũng lo trau dồi huấn luyện những đức tánh dũng cảm, kiên trinh, hòa nhã, tiết nghĩa, không thua gì đàn ông. Bởi vậy hạng liệt-phụ hiền-nữ ở trong lịch sử Nhựt-bổn có số nhiều, chẳng thua gì nước nào khác, có lẽ còn nhiều hơn nữa. Rất đôi vợ con võ-gia đều ganh đua tập võ, đeo gươm giữ mình, và khi con gái xuất giá, lấy con dao thanh kiếm, là đồ cưới quý trọng hơn hết. Tục này đến lúc đầu Duy-tân cũng còn.

Ta coi lai lịch và tinh-thần Võ-sĩ-đạo như thế, bảo Võ-sĩ-đạo là nguyên khí của quốc gia, luân lý của dân tộc Nhựt-bổn chính là sự thiệt vậy.



Nầy giờ, mê man theo bóng Võ-sĩ-đạo mà chúng ta đi xa đường quá : giờ ta nên quay về mục đích, là câu chuyện tân-phong-kiến.

Dân tộc Nhựt-bổn, ngay từ khi hỗn hiệp thành giống riêng, tạo lập ra một nước, đã có sự sanh-tồn phân đấu, khiến họ có tinh thần thượng võ tự nhiên rồi. Về sau, cuộc sanh tồn phân đấu càng ngày càng phải dồn dập cần dùng, thì tinh thần thượng võ lại càng ngày càng mở mang rộng lớn. Đến đời tân-phong-kiến, chính do tay võ-sĩ dựng ra, Võ-sĩ-đạo rất là thanh hành, đào tạo cho lịch sử Nhựt-bổn có một kỷ nguyên mới, một đặc sắc mới, chẳng những có ảnh hưởng lợi ích ở đương thời mà thôi, lại có ảnh hưởng lợi ích cho cuộc duy-tân tấn hóa về sau nữa. Thiệt vậy, đến đời Minh-trị, từ Đức-xuyên Khánh-Hi (徳川慶喜 - Tokugawa Yoshinobu) tự bỏ Mạc-phủ mà đem quốc gia đại quyền dâng trả lại Thiên-hoàng, cho đến những anh hùng hào kiệt, chí sĩ cao nhơn, ai nấy ra sức hô hào thúc giục mà giúp vào cuộc duy-tân mau làm mau xong, nhứt thiết đều có đồng khí và di-phong của Võ-sĩ-đạo khi xưa truyền lại cả.

Tân-phong-kiến là thế nào ?

Tóm tắt chế độ ấy như vậy : Lúc võ-gia nổi lên chống với công-gia - tức là sĩ-tộc tranh quyền quý-tộc – mà được thắng thế rồi, một người trong đám võ-gia, có binh

ròng tướng mạnh sức lớn oai to hơn hết, bèn lấy thế lực ấy mà tự xưng là tướng quân, mở ra Mạc-phủ, đoạt quyền Thiên-hoàng, và sai khiến cai trị tất cả mấy trăm chư hầu lớn nhỏ trong nước. Nói về quyền bính, gần giống như cách “vua Lê chúa Trịnh” ở nước ta thuở xưa ; nói về danh nghĩa, thì không khác gì tình thế của đời Xuân-thu Chiến-quốc nước Tàu ; bọn Tề hoàn, Tấn vẫn lấy sức mạnh tự xưng là bá chủ, làm bộ nâng đỡ thiên-tử nhà Châu để sai khiến hiệp đáp chư hầu cho dễ.

Thiệt vậy, lúc nước Nhựt có Mạc-phủ dựng lên, chính là lúc Thiên-hoàng mất quyền, chỉ còn ở ngôi vua cho có vị vậy thôi, bao nhiêu quốc-gia đại-chánh đều do ông tướng-quân nắm giữ hết ; chư-hầu tuy vẫn chiếu lệ triều cống Thiên-hoàng, nhưng họ phụ thuộc về Mạc-phủ và kiêng sợ Mạc-phủ hơn.

Đó là chế-độ tân-phong-kiến.

Chế-độ này bắt đầu dựng lên hồi cuối thế-kỷ 12 theo Tây-lịch, hai võ-gia thế lực là Nguyên-lại-triều (源頼朝 - Minamoto no Yoritomo) và Bình-Thanh-Thịnh (平清盛 - Ta-ira No Kiyomori) cùng nhau đánh giết Thiên-hoàng, tranh cướp chánh-phủ ; rốt cuộc họ Bình bị bại diệt, họ Nguyên thắng trận rồi mở ra Mạc-phủ ở đất Kiêm-thương, xưng là tướng-quân, thâu trọn quyền bính mã cả nước vào trong tay, và bắt chư-hầu phải tòng phục mình. Mạc-phủ dựng lên từ đó, nhằm giữa năm Tây lịch 1186.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Mỗi vị tướng-quân làm chúa như thế, truyền được ít đời con cháu, rồi có họ võ-gia khác mạnh thế thừa cơ nổi lên đánh bại họ võ-gia trước mà dành ngôi tướng-quân. Khởi từ họ Nguyên, trải qua mấy họ Bắc-điều (北條 - Houjou) , Túc-lợi (足利 - Ashikaga), Thượng-sam (上杉 - Uesugi), truyền nối mãi cho đến họ Đức-Xuyên (徳川 - Tokugawa), là dòng Mạc-phủ chót hết, nước Nhựt ở trong thời kỳ chế-độ tân-phong-kiến này có trên 700 năm. Riêng họ Đức-xuyên làm chúa được lâu bền hơn cả, cha truyền con nối, có dư 250 năm, tới giữa thế kỷ 19 vừa rồi, tướng-quân chót hết của họ Đức-xuyên là Khánh-Hỉ nạp trả đại chánh cho Thiên-hoàng, thế là Mạc-phủ dứt, tức là chế độ tân-phong-kiến dứt. Rồi đó Minh-trị Thiên-hoàng ra tay duy tân cải-cách, đưa nước Nhựt vào cõi văn minh hùng-cường tới ngày nay.

Thời kỳ tân-phong-kiến hơn 700 năm, do sự Mạc-phủ thay quyền đổi họ, tướng-quân mạnh được yếu thua, khiến cho nước Nhựt trải lắm phen nội-loạn lung tung. Có mấy lần trong nước đánh nhau thâm-thâm đến hàng đôi ba chục năm mới dứt ; nào là triều-Nam triều-Bắc, nào là nước Đông nước Tây, chia rẽ tranh hành, hiệp rồi tan, tan rồi hiệp, trị kế loạn, loạn kế trị. Có phen rối loạn, tưởng là ngôi Thiên-hoàng đến phải rung rinh, đổ ngã, nhưng rồi lại khôi-phục tôn-nghiêm như xưa, bởi

vậy dân Nhựt càng tin rằng vua là con cháu chánh-tông của Thần, không thể nào suy vi hay thay đổi được.

Dầu sao mặc lòng, thời kỳ này dân Nhựt mở mang tấn hóa dữ lắm. Chính nhờ sự tương tranh tương đấu không ngơi, mà dân-tộc họ từ trên xuống dưới, dồi mài được tinh-thần năng lực thêm hay thêm giỏi ra không biết bao nhiêu. Lại nhứt là khi loạn cứ loạn mà đám bình-dân vẫn yên tâm về mọi việc kinh-doanh khai-thác của họ. Văn-học, nghệ-thuật, công-nghiệp, nông-tang v.v... nhứt thiết đều được tấn-tới thanh vượng, chớ không vì sự nội loạn mà phải suy sút ngưng trệ gì; đó là nhờ dân họ mạnh chí tấn thủ lắm mới được như vậy.

Các trào Mạc-phủ cũng có công lao khai-hóa với quốc-dân nhiều lắm. Nhứt là trào Đức-xuyên lo sắp đặt giáo-dục, mở-mang văn-hóa, rất dày công-phu. Nhờ họ Đức-xuyên mà cuối thế-kỷ 18, đầu thế-kỷ 19, nước Nhựt đã biết cái lợi giao thiệp buôn bán với Âu-châu, nhứt là với Hòa-lan, và đã biết thâm thái ít nhiều học-thức của Thái-tây, nhứt là y-học. Xem đại-khái như vậy, thì nói rằng chế-độ phong-kiến có cái lợi un đúc tinh-thần, có cái công dồi-mài trí-hóa cho dân-tộc Nhựt-bổn, chẳng phải là đúng với sự thật lắm sao ?

Tóm lại, dân-tộc Nhựt-bổn trước hết nhờ sự tin tưởng mình là Thần-quốc mà được bền bỉ lâu dài, ai nấy có óc tự-tôn, xưa nay không bị ngoại-hoạn ; lại nhờ có địa lý nung nấu cho dân-tộc có nhiều tánh-chất tốt ; sau hết nhờ chế-độ phong kiến đắp bồi đã thao luyện tinh thần trí hóa cho họ ; ấy là ba cái đặc sắc của họ có đã lâu đời, làm-căn bản sẵn sàng, cho nên đến khi gặp thời-thế, phong-trào mới thúc giục, tự nhiên họ tấn-hóa tự-tân được mau lẹ tốt đẹp vậy.

Chúng ta đã xét biết ba cái nguyên-do lớn này rồi, ta phải nghĩ rằng người Nhựt dung ruổi có 30 năm mà theo kịp Âu-Mỹ trên đường văn-minh tân-thời, vẫn biết là họ anh-hùng dũng-cảm đã đành, nhưng cũng là lẽ đương nhiên, không lạ. Thấy một người có gia-phong, có tài-đức, nay được phú-quý hiển vinh mà ta cho là đáng lắm, thì ngó thấy cuộc duy-tân hùng-cường của Nhựt-bổn, ta có thể nào suy nghĩ khác hơn, là vì họ có một cái dĩ-vãng rõ ràng đặc biệt từ trong trứng nở ra kia mà !

(1) 大倭 - ?, bây giờ tức là thôn Bạch-cương 白 ? - ?, quận Cao-thị (高市 - ??), xưa gọi là Cương-nguyên ? 原 - ?). Đời xưa giống người Nhựt có cái tên của Tàu đặt cho, gọi là giống người Nụy ; Bởi vậy sử đời Nguyên nước Tàu chép về Nhựt-bổn, kêu là Nụy-nô-quốc (倭奴国 - ?), nghĩa là nước người lùn thấp, do cái gốc của dân Ái-nô (Ainos(?)) mà ra. Chính người Nhựt tự xưng là Đại-hòa (大和 - Yamato)

Chương II

Một đoàn tàu Mỹ



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Chiếc tàu của Đô-đốc PERRY trước Mỹ và cửa Phố hạ năm 1853



Người dựng lên chế-độ Mạc-phủ đầu hết, hồi thế-kỷ 12:

NGUYỄN-LAI-TRIỆU

源賴朝



Người kết-thúc chế-độ Mạc-phủ, năm 1867:

ĐỨC-XUYỀN KHÁNH-HỖ

徳川慶喜



Nhật nay dân-tộc Nhật-bồn trở nên một mối lo phiền đảo đẽ cho Âu-Mỹ, hình như Âu-Mỹ có ý buồn rầu ân hận rằng mối lo phiền đó tự họ làm ra, tự họ rước lấy.

- Trước kia người Nhật đang ngủ ngon giấc thủ cựu, ai bảo Âu-Mỹ chúng ta kéo đến đảo cửa rầm rầm, đánh thức họ dậy, cho bây giờ phải lo !

Ấy là một tiếng ân hận, gần đây thường nghe thốt ra ở câu văn cửa miệng của nhiều văn nhơn chánh-khách phương Tây. Một danh-sĩ Pháp là ông Maurice Dekobra mới đây qua Nhật chơi rồi về viết cuốn “Samurai huit Cyindres”, cũng hơi có cái dạng than thở như thế. Ta có thể cho là tư tưởng chung của người Tây-phương giữa lúc Nhật-bồn đang hồng học về chánh-sách đế-quốc và đang sấn sước cạnh tranh về kinh tế công nghệ như là lúc này :

- "Trải bao nhiêu thế-kỷ, Nhật-bồn vẫn ở biệt-tịch một mình, người Âu-châu "không biết tới". Duy có ít người Hòa-lan được ở tạm trong một cù-lao Nhật-bồn để mua bán với dân họ. Sự thiệt, thuở ấy họ có muốn biết ta (Tây phương), họ có muốn làm quen với ta, với văn-hóa của ta đâu."

"Khi không đề-đốc Perry Huê-kỳ đem một đoàn tàu chiến đến bờ biển Nhật mà "bắn súng đại-bác nổ đùng đùng" để báo cho Nhật biết rằng Huê-kỳ không chịu cho họ ở biệt tịch, chẳng giao thiệp gì với nước ngoài."

"Những kẻ thù nghịch với Nhật bây giờ thử suy nghĩ coi cái cử-chỉ của đề đốc Perry thuở đó phải hay là không ? Chúng ta có quyền gì được tự phụ rằng văn-minh của chúng ta tốt đẹp hơn hết (chứng có gì đâu), rồi tới khuấy rầy Nhật-bồn, buộc họ "phải tiếp rước ta, bắt họ phải ký những tờ điều-ước mà bồn-tâm họ không muốn ký" chút nào."

"Theo gương “tốt” đó của Huê-kỳ, tới Anh, Pháp, Hoà-lan và gần hết các nước Âu-châu, ùn ùn kéo qua Nhật-bồn, dơ sức mạnh ra mà chiếm tô-giới họ, đòi huê-lợi kia. Con vi-trùng đế-quốc đi theo tàu trận của phương Tây mà truyền vô nước Nhật đó. v.v..."

Thiệt sự, tới năm 1853, Nhật-bồn đang đóng cửa ngủ ngon, giữ chặt thói cũ, chính tự đề-đốc Perry đem một đoàn tàu Mỹ lại thị oai mà làm cho họ giật mình tỉnh giấc, phát phản tự cường ; Nhật-bồn bước vào kỷ nguyên mới, bắt đầu từ đó. Cũng bởi thế, nên tôi lấy “*Một đoàn tàu Mỹ*” mà mạng đề cho chương này, nói về cái lai-lịch duy-tân khai-quốc của Nhật-bồn.

Nghĩ lại, có lẽ ông Hoá-công là tác giả cuốn Lịch-sử Nhơn-loại, khéo sắp đặt biên chép để chỉ tỏ ra chỗ nên hư hay dở của loài người cũng kỳ. Cùng là một việc đem tàu lại thị oai : Năm 1853, đoàn tàu Mỹ vào cửa biển Phố-hạ, làm cho Nhứt-bồn tỉnh-ngộ tự -tân ; năm 1858, đoàn tàu Pháp tới cửa Đà-nẵng, giúp cho nước Nam ta trở nên lãnh-thổ bảo-hộ của Pháp-quốc. Chớ chi thuở đó vua quan mình giỏi, dân-tộc mình khôn, thì có lẽ nước Nam đã nhờ Pháp-quốc có lòng tốt chạy sang đánh thức mà được tỉnh-ngộ tự-tân như Nhứt-bồn kia rồi.

*

ĐỀ ĐỐC BÁ-LÝ ĐEM MỘT ĐOÀN TÀU VÔ CỬA CẨM

Lúc này đang hồi Nhứt-bồn nghi kỵ người ngoài, đã ba trăm năm nay khóa chặt cửa biển, không cùng nước nào giao thông, và không cho ghe tàu ngoại-quốc ra vô buôn bán. Trừ ra có ít nhiều người Hoà-lan và người Tàu được ở buôn bán tại cửa Tràng-kỳ (長崎 – Nagasaki) mà thôi. Thuở giờ cũng chưa có nước Âu-Mỹ nào ra mặt chánh-thức yêu-cầu Nhứt-bồn phải mở cửa thông thương ; bắt đầu, nước Mỹ sai sứ đi tàu trận qua Nhứt-bồn yêu-cầu việc đó trước hết.

Trào Hiếu-minh Thiên-hoàng năm thứ sáu, mùng 3 tháng 6, âm-lịch, nhằm ngày mùng 8 tháng 7 năm 1853, quan Thủy-sư đề-đốc Huê-kỳ là Bá-lý (柏理), theo sách Nhứt, còn nguyên-danh Huê-kỳ là Matthew C. Perry) dẫn 4 chiếc tàu trận vào đậu ngay cửa biển Phố-hạ (浦賀 - ?), hỏi Giang-hộ tướng-quân (江戸将軍 – Edo Shougun) về việc giao thông. Hồi này chính họ Đức-xuyên làm tướng-quân, đóng ở thành Giang-hộ (Yedo, tức là Đông-kinh bây giờ), cho nên gọi là Giang-hộ Tướng-quân.

Bấy giờ tại cửa Phố-hạ, có chức quan Phụng-hành (奉行 - Bugyo) của Mạc-phủ đặt ra để xem xét các ghe tàu ra vô trong vịnh biển Giang-hộ (tức là vịnh Đông-kinh). Phàm tàu ngoại-quốc, dầu cho là tàu chiến đưa sứ-quan nước nào đi tới, cũng chỉ được vô cửa Tràng-kỳ, chớ ngoài cửa ấy ra thì đều bị cự, không tiếp. Công cuộc mua bán của ngoại-nhon cũng chỉ được phép mở ra tại Tràng-kỳ, và lại chỉ có người hai nước Hòa-lan và Trung-hoa được phép ấy thôi.

Giữa lúc Nhứt-bồn hạn chế người ngoài rất nghiêm, canh phòng cửa biển rất kỹ, thế mà tàu binh Mỹ-quốc bỗng dung ở đâu chạy vô ngay cửa Phố-hạ được, làm cho trên Mạc-phủ, dưới quốc-dân, đều sừng sốt hãi kinh, xôn xao rúng động, coi như một cách thỉnh linh có giặc ngoài tới đánh nước mình vậy. Lập tức Mạc-phủ và

chư-hầu sắp đặt võ-bị sẵn sàng, phòng rủi có biến ; còn các quan đương-đạo thì đều diệu võ dương-oai, đề tiếp kiến đề-đốc Mỹ-quốc.

Tại sao tàu Mỹ lại vào Phố-hạ ?

Nguyên là đề-đốc Bá-lý trước khi chưa sang nước Nhựt đã từng dò xét kỹ càng nội-tình của Nhựt mà biết rằng Nhựt đãi người ngoài, chỉ cho vô cửa Tràng-kỳ mà thôi, chớ không chịu cho vô cửa nào khác hơn. Lúc ấy có một vị thầy thuốc Hòa-lan ở ngụ tại Tràng-kỳ đã lâu, nghe tin đề-đốc Bá-lý sắp tới, ý muốn dâng công, bèn viết thư nói cho đề-đốc hay rằng nếu như sứ-quan Mỹ-quốc do cửa Tràng-kỳ mà vô, thì mình đây giúp làm thông-ngôn, và giới-thiệu với chánh-phủ Nhựt-bồn được. Tuy vậy trong óc đề-đốc Bá-lý đã tính toán đầu đó sẵn sàng rồi, nên chỉ ông không vô cửa Tràng-kỳ mà lại đến ngay Phố-hạ. Trong ý ông ta chẳng muốn theo đuôi Hòa-lan, làm nhẹ thể Mỹ-quốc đi ; ông muốn tới ngay Mạc-phủ Nhựt-bồn mà đòi phải mở cửa biển khác cho Mỹ giao-thông ra vào. Mỹ đòi thương-nghị yêu cầu như thế, thật là khó lòng cho Nhựt, vì xưa nay chưa bị nước nào đòi gắt thế ấy bao giờ. Đề-đốc Bá-lý biết trước rằng thế nào Mạc-phủ cũng không chịu nghe, cho nên ông ta cho đoàn tàu trận chạy tuốt vào cửa Phố-hạ là cửa cấm và bắn súng đại-bác chỉ-thiên dùng dùng, ấy là để ra oai với Nhựt vậy.

Tuy ra oai như thế mặc lòng, đến việc yêu-cầu thương-nghị thì đề-đốc Bá-lý lại dùng cái ngón hường đãi khoan-thai, rất là khôn khéo. Có mấy người thông ngôn của ông đem theo, đều giỏi Hán-văn và tiếng Hòa-lan, thành ra sự giao-thiệp với người Nhựt được thuận tiện dễ dàng lắm.

Quan Phụng-hành trấn phủ Phố-hạ, vâng lệnh của Mạc-phủ bảo đề-đốc Bá-lý rằng nên đưa tàu trận chạy tới cửa Tràng-kỳ rồi sẽ nói chuyện.

Đề-đốc Bá-lý dư hiểu từ trước rằng thế nào Nhựt cũng có lời nói đó, nhưng ông trả lời không chịu bỏ đi đâu hết. Luôn dịp, ông nói bắn tin cho Mạc-phủ biết rằng ; “Vạn quốc giao thông với nhau, ấy là sự tự nhiên của đạo người lẽ trời phải thế. Bây giờ thế-giới đã thay đổi khác xưa, không dung cho nước nào một mình đóng chặt cửa ngõ lại được. Nếu Nhựt cầm cự không nghe, chẳng trái với đạo người lẽ trời lắm sao ?”

Rồi đó ông ngỗ ý nhứt định cứ đậu tàu chiến tại Phố-hạ, chờ Mạc-phủ thương thuyết, chớ không chịu đi.

Mạc-phủ đành chịu, vì không biết lấy cách gì chống cự, xua đuổi cho nổi, chỉ nói thối thác rằng : “Việc đổi lĩnh quốc-cấm để mở đường giao-thông, là việc rất quan

trọng, nói chuyện với nhau hấp tấp không được. Vả chăng hiện nay tướng-quân nước tôi đang đau bệnh nặng, không thể quyết định việc lớn mau rồi được đâu.”

Thiệt vậy, lúc bấy giờ Mạc-phủ tướng-quân là Đức-xuyên Gia-khánh (徳川家慶 – Tokugawa Ieyoshi) mới mất, mà Nhựt giấu kín, không dám phát-tang, chắc là phòng sợ Mỹ-quốc thừa cơ Nhựt-bồn vô chủ mà bức sách gì chẳng !

Đề-độc Bá-Lý bèn giao hẹn :

- “Vậy thì đề sang năm tôi sẽ trở lại cùng quý-quốc thương-thuyết cũng không muộn gì. Tới lúc đó xin chớ có chân chờ thôi thác chi nữa.”

Đoạn ông đưa ra bức quốc-thơ của đại tổng-thống Mỹ-quốc cùng các tặng phẩm, trao cho quan Nhựt trấn-phủ Phố-hạ chuyển dâng về Mạc-phủ dùm, rồi ông sai cả đoàn tàu nhỏ neo kéo đi.

Cái cử-chỉ của đề-độc Mỹ thật là ngộ-nghĩnh, thật là quân-tử ; đã đem cả đoàn tàu vào đại cửa cấm, bắn súng ra oai, thế mà lại bỏ đi, ước hẹn năm khác, để cho Nhựt-bồn có ngày giờ suy xét sự lợi hại, chớ không phải thấy người ta yếu mà ép càn hay là ăn hiếp ngay. Về sau người Nhựt mỗi khi nhắc nhở tới, vẫn cảm phục cái trí-lực chín chắn tử tế của đề-độc Bá-lý, và cho ông là người mở mồm duy-tân khai-quốc cho Nhựt-bồn vậy.

NÊN HÒA ? NÊN ĐÁNH ? - CẢ NƯỚC XÔN XAO

“Biết người, biết mình”, là sự cần dùng ở đời cho một người, cũng như là cần dùng sanh tử cho một nước. Một nước không tự xét mình yếu hèn, không rõ tình thế thiên hạ. bỗng dưng có ngoại-nhơn lại muốn giao-thiếp tử tế với mình, mà mình cự tuyệt và chống cự người ta, ấy là một cách ngu dại, tự rước lấy cái bại cái chết vào thân vậy.

Nhựt-bồn khôn ngoan, không phải một nước như thế.

Hồi đó, ngoại-quốc tới cầu giao thông với họ, không phải chỉ có một mình Mỹ-quốc thôi đâu. Cũng trong năm Hiếu-minh thứ sáu, ngày 17 tháng 7 (Tây-lịch ngày 21 tháng 8 năm 1853), tức là cách sau việc đề-độc Mỹ-quốc đem tàu binh vào Phố-hạ - như đã nói ở trên - đúng một tháng 13 ngày, có một vị đề-độc Nga-quốc cũng dẫn 4 chiếc tàu binh vô cửa Tràng-kỳ, yêu cầu mở đường Nga Nhựt giao thông.

Đề-đốc Nga gửi quốc-thư trình Mạc-phủ và xin Mạc-phủ cử toàn-quyền đại-thần mau mau xuống Tràng-kỳ thương-thuyết. Trong khi chờ đợi, đề-đốc Nga ở Tràng-kỳ muốn lên trên bộ, nhưng quan trấn-thủ Nhật cản ngăn khôn khéo, không cho người Nga lên bờ. Nga đợi hoài không thấy tin tức, nên ngày 23 tháng 10 năm đó (Tây-lịch 23 tháng 11), cả đoàn tàu Nga nhổ neo kéo đi.

Trong lúc này, Nhật-bồn nhờ có người nước Hòa-lan (和蘭, Hollande) cư ngụ trong xứ mà được biết công việc và tình thế nước ngoài. Những người Nhật nào biết đọc sách Hòa-lan và cùng người Hòa-lan giao du thân cận, mà được nghe lóm một hai chuyện ngoại-giao bí mật, thì cũng biết sơ về tình thế các nước Âu Mỹ ít nhiều. Ngoài ra, hết thầy dân chúng không ai hiểu biết lòng dạ mặt mũi ngoại-nhơn và công việc của nước ngoài ra sao ? Nếu có một hai người nào tinh khôn lanh lợi mà hơi rõ tình thế ngoại-bang chẳng nữa, lại cũng không hiểu việc ngoại-giao là cái quái gì ?

Bởi vậy, sau khi đoàn tàu Mỹ đã nhổ neo đi rồi, có nhiều người Nhật suy nghĩ vơ vẩn rằng nước Mỹ là nước ở ngoài ngàn muôn dặm, xa xôi cách trở quá đi, họ bảo sang năm lại tới, làm sao mà tới cho kịp ; và lại biết chắc đâu họ có trở lại hay không ?

Còn Mạc-phủ thì tự hỏi : Nếu như sang năm, sứ Mỹ trở lại thiệt, thì nước ta trả lời với họ thế nào được đây ?

Bấy giờ Mạc-phủ bèn hỏi khắp chư-hầu lớn nhỏ về sự nên hòa hay nên đánh. Dư luận trong nước rất là xôn xao, kẻ bàn vầy, người nói khác, bối rối phân-vân, không ai biết nhứt định thế nào được hết. Vừa gặp giữa lúc tướng-quân Gia-định (家定 - Iesada) lên nối ngôi, việc nội-chánh còn đang bộn bề, rắc rối, thành ra Mạc-phủ vầy, dư-luận cũng vầy, chưa có ai rảnh trí mà suy-nghĩ tới việc mở nước - thương choặng.

Nói về đề-đốc Bá-lý, sau khi nhổ neo ở Phố-hạ ra đi, đem cả đoàn tàu chạy về Thượng-hải, rồi đậu luôn tại đó. Chỉ phái một chiếc tàu chạy về Mỹ-quốc để báo cáo về việc hẹn hò với Nhật-bồn ra sao. Ông lại tính trước về sự qua năm Nhật-bồn e còn chần chờ dây dưa, nên ông tăng số tàu trận thêm nhiều hơn nữa, và sửa soạn để đợi đúng ngày hẹn ước lại đi.

Qua năm, giữa hồi tháng 2 năm 1854, nhằm tháng giêng năm đầu của niên hiệu An-chánh nước Nhật, đề-đốc Bá-lý lại kéo đoàn tàu trận vào cửa Phố-hạ. Nhưng vì Phố-hạ ở cách thủ-đô của Mạc-phủ là Giang-hộ hơi xa, nên chỉ lần này Bá-lý cho

tàu chạy tuốt vô tới vịnh biển Giang-hộ, nhắc lại chuyện năm ngoái, yêu cầu sao sao năm nay cũng phải thương-thuyết để ký điều-ước Nhựt-Mỹ thông-thương giao hảo cho rồi.

Mạc-phủ bày tỏ nông nổi khó khăn, và nói về sự tàu Mỹ vô tới Giang-hộ như thế là không nên. Đoạn, Mạc-phủ ngỏ ý muốn cùng Bá-lý mở cuộc thương-nghị ở Phố-hạ như năm trước, nhưng Bá-lý một hai không nghe. Sau Mạc-phủ năn-nỉ hoài, Bá-lý mới chịu lấy Hoành-tân làm chỗ thương-nghị.

Hai bên bàn bạc thỏa thuận rồi ký tờ điều ước Nhựt-Mỹ giao hảo thông thương ; Nhựt-bồn gọi là “*Bá-Lý Thần-nại- xuyên ước chương*, 柏理神奈川約章 - ? (**)” nghĩa là tờ điều-ước của Bá-Lý ký với Nhựt tại Thần-nại-xuyên.

Tờ ước này ký ngày mùng 3 tháng 3 niên-hiệu An-chánh nguyên-niên của Nhựt, tức ngày 31 Mars 1854. Ấy là ngày mở mỗi duy-tân tự-cường cho nước Nhựt vậy.

Đây nên nhắc lại hồi tháng 11 năm trước, đề-đốc Nga chờ đợi tin tức của Mạc-phủ không thấy, thì bỏ Tràng-kỳ đem đoàn tàu trận đi qua Thượng-hải, gặp đề-đốc Mỹ tại đây, bàn tính rằng cả hai đội chiến thuyền Nga-Mỹ hiệp lại ra oai, bắt buộc Nhựt-bồn phải mở cửa thông-thương, chắc là Nhựt sợ hoảng hồn mà vâng lời ngay. Song, đề-đốc Bá-lý không nghe cái mưu đó, vì không muốn hiếp bức Nhựt-bồn quá. Rồi đó một mình ông dẫn đoàn tàu Mỹ đến Giang-hộ, kết quả cùng Nhựt ký xong thương-ước một cách êm đềm tử tế.

Sau, tàu Nga lại đến Tràng-kỳ rồi lại bỏ đi nữa. Mãi đến ngày 11 tháng 7 niên-hiệu An-chánh thứ 5, tức là 7 tháng 8 năm 1858, Nga mới tới Giang-hộ cùng Nhựt thương-nghị xong và ký tờ ước như là Nhựt đã ký với Mỹ.

Thế là Mỹ thông hảo với Nhựt trước, rồi sau mới tới Nga, bởi vậy Nhựt cho Mỹ có công đầu hết trong cuộc duy-tân khai-quốc của mình, và có lòng cảm mến tin yêu Mỹ lắm. Thật là nhờ có Bá-lý lúc đó sắp đặt tử tế khôn ngoan, có phước cho Nhựt lắm vậy. Ngày nay, Nhựt có hờn Mỹ ghét Mỹ cũng chỉ để trong bụng thôi, chớ bề ngoài vẫn ân cần niềm nở, vì họ nhớ ơn xưa của Mỹ đã làm cho họ phát-phần tự-cường đó.

*

BÊN TRONG TỜ ĐIỀU-ƯỚC THẦN-NAI- XUYÊN

Phải biết thuở ấy Nhựt-bồn cự tuyệt người ngoài và đã trải qua một thời-kỳ cấm đạo giết đạo không vừa gì, nếu như một nước nào khác đã đem tàu trận tới trước hết, chắc là ý mạnh ăn hiếp Nhựt-bồn nọ kia và thừa cơ Nhựt đang hèn yếu mà ra tay chiếm đoạt không chừng ! Song nước Mỹ lúc bấy giờ đối với Nhựt thiết là quân-tử, chỉ muốn giao-hảo thông-thương chứ không muốn ý mạnh ăn hiếp chút nào, xem ngay việc đề-độc Nga rủ hiệp sức ra oai bức bách mà đề-độc Mỹ không nghe, đủ biết Mỹ thành-tâm và có độ-lượng với Nhựt ra thế nào ?

Ngay đến tờ điều-ước Mỹ nài Nhựt ký tên, cũng chẳng có khoản nào là Mỹ dành lấy miếng béo phần ngon mà hiếp bức gì Nhựt trong đó.

Thiết vậy, tờ ước Thân-nại-xuyên chỉ có 12 khoản rất là vắn tắt đơn sơ, chưa có bàn định giao ước gì về việc bán buôn đổi chác giữa hai nước ; Mỹ chỉ xin Nhựt mở hai cửa biển Hạ-diên và Suong-quán cho tàu bè của người Mỹ lui tới ra vào ; còn cách đối đãi với người Mỹ thì xin Nhựt đừng có gay gắt như là đối đãi người Hòa-lan kia. Sự thiết, lúc ấy tiếng là người Hòa-lan được Nhựt để cho ở buôn bán tại Tràng-kỳ, nhưng không khác là bị Nhựt cấm-cố chút nào.

Tờ ước Nhựt-Mỹ nói đây lấy sự thân-ái giao-thông của người hai nước làm tôn-chỉ cốt yếu, mà không phân biệt sang hèn mạnh yếu gì hết. Hai bên đối đãi nhau bình-đẳng. Nếu nước này gặp lúc ghe tàu nước kia bị nạn, thì phải cứu vớt giúp đỡ cho nhau, hễ họ muốn mua sắm các thứ cần dùng thì cũng không bị ngăn trở v...v...

Đại-khái tờ ước chỉ có vậy đó thôi.

Tuy lúc này Nhựt đang khóa cửa, không thích mua bán giao-thiệp với ngoại-bang, nhưng đến việc cứu nạn phò nguy là việc nhơn-đức, không lẽ nào Nhựt từ chối cho được. Đề-độc Bá-lý chỉ lấy có chỗ đó cảm lòng người Nhựt, chứ không kiếm chác hay thắt ngặt những chuyện khó khăn rắc rối gì, thành ra Mỹ được Nhựt vui lòng mở cửa thông-thương ngay, lại có chỗ nhớ công mền đức của Mỹ nữa là khác.

*

MÁY ÔNG CỐ-ĐẠO LÀM CHO NHỰT SANH NGHI GHÉT NGƯỜI ÂU-CHÂU

Xem qua đoạn trên, ta đã biết rằng giữa thế-kỷ 19 là lúc 5 châu qua lại, 4 biển giao-thông rồi, mà nước Nhựt cũng như nước Nam mình, cản ngăn chém giết Thiên-chúa giáo-đồ và cố giữ cái chánh-sách “đóng cửa nhà, cự người lạ”, cho đến

đổi nước Mỹ sau Nga đem tàu trận tới hăm dọa một cách khôn ngoan, tỏ bày về chỗ lợi hại, kéo dài mãi, Nhựt mới chịu mở cửa thông-thương.

Tại sao vậy ?

Tại sao đến lúc bấy giờ, Nhựt còn trốn tránh ngoại-giao và cố giữ chánh-sách khóa cửa ?

Có phải là dân họ ngu-dại dã-man, không biết sự thông-thương giao-hảo với nước ngoài là có lợi chăng ?

Nếu thiệt họ khờ khạo không biết cái lợi đó thì sao cách ít lúc sau họ biết mở tung cửa ngõ ra cùng người ngoài giao-thông, rồi họ nhảy vọt lên một cái, là được duy-tân hùng-cường, ngang vai bằng lứa với các nước giàu mạnh nhứt nhì trong thế-giới ?

Vậy thì ở trong tất phải có những duyên-cớ gì, ta không nên không xét. Ta nên trở lại chỗ dĩ-vãng của Nhựt-bổn một chút mà xem thực-tình, tự nhiên câu hỏi trên đây được tiếng trả lời minh-bạch lắm vậy.

downloadsachmienphi.com

*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Kể tới hồi bắt đầu duy-tân cải-cách, Nhựt-bổn có lịch sử đã trên 2500 năm, vốn là một nước từng thâm góp được văn-hóa của đại-lục đưa sang mà dồi-mài tô-điểm, thành ra có một cái đặc-sắc bày tỏ rõ rệt rồi. Tức như sau đời trung-cổ trở đi, bao nhiêu học-thuật kỹ-xảo của mấy nước ở đại-lục như Trung-hoa, Ấn-độ, Triều-tiên đều truyền qua Nhựt-bổn rồi tiêm nhiễm biến hóa mà trở nên một nền học-thuật kỹ-xảo riêng của Nhựt-bổn.

Đến tư-tưởng tân-tinh, tuy là dân Nhựt chịu sự cảm-hóa của người đại-lục, nhưng mà về sau dân Nhựt cũng tự thay màu đổi vẻ, khác hẳn người đại-lục. Thế là giống người Nhựt có cái tánh-cách riêng, tự họ sáng-tạo ra cái đặc-sắc của họ vậy.

Khi có tàu Mỹ vô cửa Phố-hạ, là khi Nhựt-bổn đã sẵn có những nền tôn-giáo, luân-lý, văn-học, chánh-trị, luật-pháp, mỹ-thuật, công-nghệ, thấy thấy đều tân tới khá lắm rồi, chớ không phải là xứ mê mọi gì đâu. Lúc ấy mà có người Tây-Âu coi thường xem khinh Nhựt-bổn, tưởng đâu nước này giống như mấy cù-lao ở Nam-dương kia, ấy là người Tây-Âu tối mắt lắm.

Vậy mà sao Nhựt-bồn cứ khur khur ôm chặt cái chánh-sách khóa cửa ngôi nhà, không ngó ngang cần thiết chi tới cuộc ngoại giao với ai ?

Câu hỏi đó chính người Nhựt họ trả lời như vậy :

- Nào có phải lỗi tự Nhựt-bồn chúng tôi đâu ; kỳ thiệt là tại người Âu-Tây thuở trước vụng tính mà ra. Phải biết rằng người Âu bắt đầu để chun vào nước Nhựt trên 360 năm trước kia, chớ phải tới giữa thế-kỷ 19 thì đất nước chúng tôi mới thấy có bóng người Âu-châu sao ! Nếu như họ muốn thành-tâm giao-hảo với chúng tôi thì chúng tôi có cự tuyệt ngoại-giao hay khóa kín cửa ngõ làm chi !

Lời người Nhựt nói vậy đúng với chơn-tình thiệt-sự lắm.

Phải, xem sử Nhựt-bồn, ta thấy từ đầu thế-kỷ 16, đã có người Tây-phương lui tới đất nước của giống dân đại-hòa rồi. Trước hết là người Bồ-đào-nha (Portugals) sang Nhựt vào hồi 1541, kế đến người Y-pha-nho. Rồi sau tới người Hòa-lan, người Hồng-mao nối gót nhau vào nước Nhựt, hoặc truyền đạo, hoặc bán buôn. Đông nhứt là hai nước Bồ và Y. Lúc đó, thiệt Nhựt-bồn không cự ngoại-nhơn ra vô buôn bán và cũng chẳng cấm cản gì về sự truyền đạo.

Song vì mấy ông cố-đạo Bồ Y truyền giáo được thông thả thanh vượng rồi thì ý y lạm dụng cái thế-lực của tín-đồ. Lăm le muốn can-phạm đến chánh-quyền trong xứ. Chánh phủ Nhựt dò xét ý tứ của bọn ngoại-nhơn truyền giáo muốn thừa cơ xâm lấn đất nước của Nhựt, vì đó mới có cái tư-tưởng ngờ ghét xua đuổi người ngoài nổi rùm lên khắp nước.

Sự thiệt, bọn này có phải chuyên tâm giảng đạo mà thôi đâu, phần nhiều ý mình và được trớn rồi thò ra lăm cái cử-chỉ âm-hiêm ngang tàng, làm cho Mạc-phủ Nhựt phải nghi, nhân dân Nhựt phải giận. Nào là phá hoại những chùa phật miếu thần và chê bai công kích tôn-giáo của Nhựt sẵn có từ xưa ; nào là cậy mình có thế lực mà hay ăn hiếp dân không theo đạo, sanh chuyện thừa kiện lên tới cửa quan hoài. Vì đó mà chánh-phủ Nhựt phải để ý ngờ vực người Tây-phương và lo ngại giáo-đồ Cơ-đốc có âm-mưu phản trắc.

Lúc bấy giờ, tuy cùng là người Âu-châu đi kiếm ăn phương xa với nhau, nhưng mà người Hòa-lan và người Y-pha-nho đang có chuyện xích mích ; về cuộc buôn bán ở Ấn-độ và ở Nam-dương, người hai nước Bồ-đào-nha và Y-pha-nho cũng đang dành ăn với nhau kịch liệt. Đã vậy, lại về tôn-giáo, đảng thì theo Cơ-đốc tân giáo (Protestantisme), đảng thì theo La-mã cựu-giáo (Catholicisme), tuy là cùng gốc mà khác nhánh như thế, thành ra như lửa hồng nước lạnh không đụng được nhau. Bọn

giáo-sĩ qua truyền đạo Thiên-chúa ở Nhựt thuở ấy, chính là phe La-mã cựu-giáo, và phần đông là người Bồ, người Ý.

Người Hòa-lan khôn lanh quá ; họ thấy Mạc-phủ Nhựt-bổn có ý lo ngại mấy vị cố đạo Bồ Y, thì họ càng đâm thọc thêm, nói rằng phe đạo La-mã bạo-tàng họa-tâm. Mạc-phủ nghe lời, bèn hạ lệnh cấm. Thế là người Hòa-lan trừ được kẻ nghịch của họ mà thâu hết mỗi lợi buôn bán ở nước Nhựt vào trong tay.

Cái lệnh cấm đạo gây nên sự rối loạn một lúc, Mạc-phủ thấy rõ cái ảnh hưởng của La-mã cựu-giáo có hại, nên chỉ lại càng nghiêm cấm hơn nữa. Nhon muốn phòng ngừa sự lo về sau, Mạc-phủ chỉ cho riêng người hai nước Hòa-lan và Trung-quốc được ở Tràng-kỳ mà thôi, còn thì nhứt thiết ngoại nhơn đều bị ngăn cấm, không được tới lui buôn bán gì hết.

Ta xem sơ lai-lịch như thế, đủ rõ cái nguyên-nhơn chỉ tại mấy người giáo-sĩ Bồ Y ngang tàng nham hiểm, mới khiến cho Nhựt-bổn phải lo thân mà cấm đoán ngoại-nhơn, tuyệt đường giao thiệp, làm hại lây cho những người chuyên nghề bán buôn ; chớ ban đầu Nhựt-bổn có ngăn cản người ngoài vào xứ họ thông-thương và truyền-giáo đâu.

Hai vị Mạc-phủ tướng-quân đã thi hành chánh-sách “khóa nước” đó, trước là Phong-thần Tú-cát (豊臣秀吉 - Toyotomi Hedeyoshi), sau là Đức-xuyên Gia-khang (徳川家康 - Tokugawa Ieyasu). Tới nay, người Nhựt không hề chê trách gì hai ông trước kia khóa-nước là sai lầm thất-kế chút nào. Trái lại, họ nhìn nhận là sự đương nhiên, và so sánh công cuộc của hai vị tướng-quân Phong-thần cùng Đức-xuyên đã làm đó, cũng như thuở Anh-quốc, nữ-hoàng Elisabeth đã đánh đuổi người Y-pha-nho và cấm nghiêm cựu-giáo kia vậy. Việc làm hai đảng tuy có khác nhau nhưng đến bản-ý cũng thế mà thôi.

Nhựt-bổn khóa nước bắt đầu từ họ Phong-thần làm tướng-quân, kể tới họ Đức-xuyên lên thay quyền nối ngôi, cha truyền con nối mấy đời, cứ giữ mãi cái chánh-sách ấy, trước sau luôn 250 năm. Mãi tới năm 1854, đề-đốc Bá-lý nước Mỹ tới gõ cửa lần thứ hai, rồi cùng Nhựt-bổn ký điều ước Thần-nại-xuyên, như trên đây đã nói, bấy giờ Nhựt mới mở cửa ra thông-thương giao hảo với các nước ngoài vậy.

Chương III

Trong lúc khai quốc

Nhật-bôn nhìn nhận cái ngày đề-đốc Bá-lý đem tàu binh tới ra oai gõ cửa, bắt họ ký tờ ước ở Thần-nại-xuyên, ấy là ngày mở mỗi duy-tân tự-cường cho nước họ. Nghĩa là Nhật-bôn có kỷ-nguyên lịch-sử mới, bắt đầu từ ngày ấy mà đi.

Kể về tinh-thần thì phải, nhưng về thiết sự thì chưa. Thiết sự đến năm 1868, Minh-trị Thiên-hoàng (明治天皇 – Meiji Tennou) đem văn võ bá quan tế cáo trời đất tổ tiên thế nguyên 5 khoản, rồi hạ lệnh nhứt thiết cải-cách duy-tân, bấy giờ mới thiết là ngày Nhật-bôn bước vào kỷ nguyên mới.

Cái thời kỳ 15 năm, từ 1854 đến 1867, nội tình quốc-sự của Nhật-bôn có lắm việc biến-động đổi dời, tức là những việc khơi nguồn đắp móng cho cuộc duy-tân tự-cường của họ. Bởi vậy, trong thời-kỳ này, chánh-thể, quốc-tình Nhật-bôn ra sao, cùng là ảnh hưởng trí-thức của ngoại-nhơn đối với những hạng duy-tân chí sĩ ở Nhật ra sao, ta cũng nên xét qua cho biết.

BON NHÀ NHO OÁN TRÁCH MẠC-PHỦ VỀ VIỆC MỞ NƯỚC

Như trong khoản dưới chương 1 đã nói : về đời cận-cổ, Nhật-bôn sanh ra chế-độ phong kiến mới, là Mạc-phủ tướng-quân kéo dài một hơi đến 700 năm. Bắt đầu từ Nguyên-lại-Triều (源頼朝 - Minamoto no Yoritomo) dựng lên chế-độ ấy (Tây lịch 1986)

Ông đại tướng-quân thay mặt Thiên-hoàng, nắm lấy thực-quyền chánh-trị nước Nhật, tự lập ra chánh-phủ riêng có thực-lực, gọi là Bá-phủ (幕府) hay Mạc-phủ (幕府 – Bakufu) rồi phong cho các tướng-sĩ thân tín của mình, mỗi người làm chúa một châu-quận tức là chư-hầu ; hết thảy ở dưới quyền thống-thuộc của đại-tướng-quân. Họ nguyên là ông tổ của chế-độ Mạc-phủ vậy.

Từ đó về sau, trải qua nhiều cuộc trị loạn hưng vong, có mấy lần Mạc-phủ thay dòng dõi họ, theo lẽ mạnh được yếu thua. Trong khi đó, Thiên-hoàng vẫn truyền nối một hệ-thống từ xưa, nhưng ngai chỉ ở ngôi báu làm vì, chớ quyền-hành thì không có.

Hồi đề-đốc Bá-lý đem tàu binh vô gõ cửa Nhật-bôn, và ký tờ ước Nhật Mỹ ở Thần-nại-xuyên (神奈川 – Kanagawa), chính là hồi Mạc-phủ lập ở Giang-hộ (江戸 – Edo), dòng dõi họ Đức-Xuyên (徳川 – Tokugawa) làm tướng-quân. Chính Đức-xuyên tướng-quân đã thuận ký tờ ước Nhật Mỹ vậy. Lúc này trên tướng-quân có đức Thiên-hoàng ngồi hư vị ở kinh-đô, còn dưới tướng-quân thì có 300 chư-hầu

lớn nhỏ, chia nhau cai-trị nước Nhựt, tình thế rõ ràng là nước phong-kiến như Trung-quốc đời Châu, hay là như Âu-châu cổ thời.

Họ Đức-xuyên nổi nhau làm tướng-quân, cầm chánh-quyền Nhựt-bổn luôn 250 năm. Trong hai thế-kỷ rưỡi đó, chỉ duy có lúc hạ lệnh khóa nước, đuổi các giáo-sĩ Bồ và Y, rồi bọn tín đồ Thiên-chúa ở trong xứ nổi lên làm loạn ít lâu, ấy là lúc có nội loạn khiến cho Mạc-phủ phải dùng binh-lực đánh dẹp mà thôi, ngoài việc ấy ra, cả nước được yên-ổn rất lâu dài, ta có thể nói rằng cổ kim đông tây chưa có nước nào được một lúc thái-bình vô sự lâu quá như thế.

Nhưng thái-bình lâu lắm cũng có chỗ hại ; Từ tướng-quân chư-hầu đến sĩ-tốt nhon-dân, trên dưới đều thông thả vui chơi, luôn mấy trăm năm, không phải động binh luyện võ, thành ra tướng-quân vốn lấy võ-lực oai-trị thiên-hạ mà võ-lực ấy lâu ngày không dùng, tự nhiên phải suy yếu đi. Thành linh đến lúc có ngoại nhon đem tàu trận tới gõ cửa ra oai, bắt phải khai cảng thông thương, thì Mạc-phủ đành phải vâng theo, chớ không thể chống cự mà giữ riết cái chánh-sách khóa nước hơn 200 năm nay được nữa.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Thắng An Phòng - 勝安房 (勝海舟) - Katsu Yasuyoshi (Katsu Kaishuu)

Đại Cửu Bảo Lợi Thông - 大久保利通 - Okubo Toshimichi

Tây Hương Long Thạnh - 西郷 隆盛 - Saigo Takamori

Mộc Hộ Hiếu Doãn - 木戸孝允 - Kido Takayoshi

Đông Hương Bình Bát Lang - 東郷 平八郎 - Togo Heihachiro

Bấy giờ cả nước náo-động kinh-hoàng, nghị-luận nổi lên như sấm vang bão dậy ; ai cũng xôn xao trách oán Mạc-phủ sao có sái phép tổ-tiên, bỏ lệ quốc cấm, cho ngoại-nhơn tới lui buôn bán, để gây điều tai vạ hiểm nghèo cho quốc-gia ? Dân cho Mạc-phủ chuyên quyền làm vậy là bất trung với vua, có tội với nước.

Nhứt là đám nhà nho thủ-cự càng quai mò già hàm thống trách Mạc-phủ hơn hết.

Phải, cùng trong thuở ấy, nước Nhứt cũng không khác chi nước Nam mình đây, có đám nhà nho chỉ bo bo thủ-cự, thích rung đùi ngâm thơ, ngoài Nghiêu-Thuần Khổng-Mạnh ra họ không biết việc thiên hạ là gì hết. Huống chi Nhứt-bồn còn có cái tình-thế đặc biệt, là trải hai trăm mấy chục năm trời đóng chặt cửa ngo, cấm tuyệt ngoại-nhơn, thành ra tình thế bên ngoài ra sao, trong xứ ít có ai hay biết. Lúc ấy quốc-dân vẫn đang say mê chuyện đọc sách Tàu, đang sùng bái những Nghiêu-Thuần Khổng-Mạnh, mà giữ thói cô lập tự tôn, coi nhỏ thiên-hạ, tưởng trên đời không còn có ai và cũng không ai bảnh bao hơn mình. Bỗng chốc có việc ở Phố-hạ phát ra, Mạc-phủ nhượng bộ, khác nào một tiếng sét đánh vang lừng, đám nhà nho nghe phải chát tai nhức óc, rồi túa lên bi-thương phần-khích nọ kia, nhưng nhắm lại đó cũng là lý thế tự nhiên, không có chi lạ !

Trái lại, Mạc-phủ nắm chánh-quyền ở trong tay, thường có dịp cùng người Hòa-lan trú ngụ tại Trảng kỳ chuyện trò hỏi han, nhờ vậy mà hơi rõ tình-thế Âu Mỹ văn minh ra thế nào, cho nên Mạc-phủ tự biết việc khai-quốc là nên, là cần, không sao đóng cửa từ khách được nữa.

Song, khốn nỗi lúc này Mạc-phủ đã yếu thế đi rồi, chẳng những không đủ sức để cản ngăn làn sóng quốc-dân chống chỏi oán trách mình, lại cũng không dám công-nhiên ra mặt để mở mang cuộc ngoại giao cho thiệt hẳn hoi rộng rãi mới là đúng chỗ cần dùng lợi ích cho nước nhà. Té ra Mạc-phủ đã thiếu lòng tự tin, mà cũng không trí đồng-đoán, cho nên tiếng rằng mở cửa ngoại-giao, chẳng qua chỉ là việc

do sự thế bất buộc vậy thôi, Mạc-phủ chấp chờn lỗ dờ ở giữa khoảng nửa úp nửa mở, nửa làm, nửa không, có hại cho đại cuộc nước Nhựt vô số, nếu không thì Nhựt có lẽ được duy-tân tự-cường sớm hơn mười năm trước rồi.

Ví dụ hồi năm 1854, Mạc-phủ đã cùng đề-đốc Bá-lý ký tờ hiệp ước tại Tần-nại-xuyên rồi, trên kia đã nói tờ ước này nội-dung rất là giản-dị, chỉ nói sơ về khoản ghe tàu đi biển có gặp hoạn-nạn trôi dạt vô bờ, thì người hai nước cứu giúp lẫn nhau mà thôi, chớ chưa đá động gì đến việc giao-thông mậu-dịch. Mới vậy mà nghị-luận phản-kháng đã nổi lên trong dân-gian um sùm, làm cho mạc-phủ lúng quính. Cách hai năm sau, (1856) viên tổng-lãnh-sự Mỹ là Cáp-lợi-tur (Harry, theo sách Nhựt : 哈利斯 - ? (**)) đến tận Giang-hộ yết-kiến tướng-quân xin đổi lại tờ ước trước kia, mà ký tờ ước hòa-thân và mậu-dịch cho phân minh ; luôn dịp ông ta khuyên Mạc-phủ nên mở tong cửa ngõ ngoại-giao với tất cả các nước. Rồi đó hai bên ký tờ ước mới, gọi là tờ ước Giang-hộ.

Lúc này, làn sóng phản-kháng càng nổi lên cao, Mạc-phủ lo sợ quốc-luận ồn ào, liền sai sứ đem tờ ước trên đây về kinh-đô dâng lên Thiên-hoàng ngự-lãm và xin Ngài phê chuẩn cho. Song bao nhiêu lâu nay trào-đình đã xa cách với thực quyền chánh-sự, còn các vị công-khanh đại-thần trong trào cũng không có ông mô hiểu biết sự tình hải-ngoại ra thế nào ; thành ra trào-đình không biết sao mà phê chuẩn tờ ước, để mặc tướng-quân nhận lấy trách nhiệm. Vả lại, các ông chư-hầu có quyền to thế mạnh, đang muốn dựa oai trào-đình để chống phá cái chánh-sách khai-quốc của Mạc-phủ, vì họ không chịu thay đổi lệ cũ phép xưa, họ càng râu-bày xúi giục trào-đình đừng có phê chuẩn tờ ước.

Bởi mấy lẽ đó, sứ-thần của tướng-quân phải bồi hồi thất ý ở kinh-đô, rồi đành trở về Giang-hộ tay không. Mạc-phủ càng thêm lúng túng lo sợ, chẳng biết xoay trở thế nào ! Thiệt, hồi này là hồi nội-tình Nhựt-bổn rắc rối khó khăn : Trên thì có cái trào-đình không quen thuộc chánh-sự, dưới thì có đám chư-hầu không thông hiểu ngoại-tình, còn quốc-dân lại hầu hết thủ-cự, chí-sĩ đua nhau hô hào nghị-luận vang rùm, bao nhiêu mũi tên đều nhắm cả vào Mạc-phủ mà bắn. Võ-lực của Mạc-phủ đã vì sự thái-bình lâu đời mà suy yếu rồi, nay muốn đè ép quốc-luận để tự quyền làm việc lợi cho nước nhà, cũng là không đủ sức mới khô !

Bên trong bị có tình thế khó-khăn như vậy, còn bên ngoài thì các nước Âu Mỹ hằng ngày tới thúc giục Mạc-phủ mau mau ký điều-ước với họ và mở hết các hải-cảng ra. Trong lúc đó, quan ngoại giao của Mạc-phủ gặp-gỡ tiếp rước người ngoài càng nhiều, thì càng biết rằng việc khai-quốc là việc phải làm, chớ không thể nào chần chờ thôi-thác được. Chỉ tiếc rằng Mạc-phủ không dám công-nhiên tỏ bày lợi

hại để hiệu triệu quốc-nhơn, thông-nhứt quốc-luận, thành ra việc làm vẫn cứ phải làm, mà không dám làm mạnh bạo và bị nghị-luận xôn xao công kích hoài !

Dầu sao mặc lòng, ta cũng phải nhìn nhận rằng Mạc-phủ cam chịu quốc-luận xôn xao công kích, nhưng cứ xóa bỏ chánh-sách khóa nước đã mấy trăm năm, mạnh bạo mở cửa ra cùng Âu Mỹ giao-thông mậu-dịch, ấy là Mạc-phủ có công lao ở trong cái cơ-sở khai-quốc của Nhựt vậy. Cơ-sở này có biết bao là hạng danh-nhơn chí-sĩ, hoặc lấy tri-thức, hoặc lấy khí-khải, đóng góp tài năng tâm lực vào mà xây-dựng lên ; có lắm người lấy máu thịt mà đóng góp vào nữa là khác.

*

MẤY ÔNG CÁC-LÃO VỚI VIỆC NGOẠI-GIAO KHAI QUỐC

Giữa lúc đề-độc Bá-ly mới đến Phổ-hạ yêu cầu Nhựt-bổn mở cửa thông-thương, thì vừa gặp nhằm lúc Mạc-phủ Đức-xuyên có tang sự : Tướng-quân *Gia-khánh* (家康 – Ieyasu) mang bệnh qua đời (1853), con là *Gia-định* (家定 - Iesada) lên nối ngôi, chưa quen việc chánh, kế vài năm cũng mất (1858). Tới *Gia-mậu* (家茂 - Ieshige), tuy còn nhỏ tuổi, nhưng vì là dòng chánh, nên được lên nối chức tướng-quân cho đến năm 1866 tạ thế. Vậy là trước sau 14 năm trời, ngôi tướng-quân ba lần đổi chủ, mà hết hai đời chủ là trẻ con, thành ra bao việc chánh đều ủy-thác quan-hệ ở trong tay mấy ông các-lão (家老 - Karo), bậc đại-thần lão-quan của Mạc-phủ) gánh vác lo liệu hết thảy. Cũng may có mấy ông này là hạng tuấn-kiệt, nặng lòng ưu-quốc, rõ biết thời-cơ ; chính tay mấy ông vun đắp lên cơ-sở khai-quốc buổi đầu, chớ nếu Nhựt-bổn gặp phải bọn lão-thần ngu muội như tình-cảnh một vài xứ khác ở phương Đông này cùng trong lúc đó, thì e vận-mạng nước Nhựt cũng xui xẻo như ai rồi không chừng. Thế mới biết cuộc hưng-vong suy-thạnh của một nước, khôn nhờ, đại chịu, có quan-hệ ở hạng người chấp-chánh lắm thay !

Các-lão của Mạc-phủ lúc bấy giờ đương đầu với cuộc ngoại-giao khó khăn và tự nhậm công việc quốc gia trọng-đại, cả thảy có bốn người, là : *A-bộ Chánh-hoàng* (阿部正弘 - Abe Masahiro), *Quật-diên Chánh-mục* (堀田正睦 - Hotta Masayoshi), *Tĩnh-y Trục Bật* (井伊直弼 - Ii Naosuke) và *An-Đằng-đối-mã* (安藤 對馬 – Andou ?).

A-bộ Chánh-hoàng vốn là người để tâm xem xét về sự-tình của các nước ngoài, biết rằng Nhựt-bổn đến lúc không khai-quốc không xong, cho nên lúc có tàu Mỹ kéo tới ra oai ở Phổ-hạ thì chính ông ta chủ trương khai-quốc, chính ông ta quyết-định việc ký tờ ước Nhựt Mỹ ở Tàn-nại-xuyên. Bình thời, ông hay khuyên nhủ

thúc giục đám thiếu niên anh-tuấn nên đọc sách Hòa-lan, xét việc Âu Mỹ. Lại mượn thầy Hòa-lan tới chỉ vẽ cho Nhứt-bồn rèn tập về lục-quân và hải-quân lối mới. Vì một phần gánh vác quốc-gia đại-nhiệm, lo nghĩ nhọc nhằn quá, *Chánh-hoàng* phát đau, một phần nữa sức yếu tuổi già rồi, gánh vác đại sự không nổi nữa, bèn tấn-cử và giao phó cho Quạt-diên *Chánh-mục* nắm giữ then chốt ngoại giao. Lúc ấy ngoại-giao là việc quan-hệ hơn hết cho quốc gia. Không bao lâu, *Chánh-hoàng* qua đời thì *Chánh-mục* lên nối trọng chức.

Chánh-mục tuy không tự đọc chữ Hòa-lan được, nhưng mà sai bọn gia-thần hằng ngày đọc sách Hòa-lan rồi thuật lại cho mình nghe. Nhờ vậy mà *Chánh-mục* cũng thông hiểu tình thế hải-ngoại nhiều lắm, mới dám mạnh bạo cùng quan tổng-lãnh-sự Mỹ là Cáp-lợi-tư thương thuyết mà ký hai tờ ước khác về việc thông-giao và việc thông-thương, như đoạn trên kia đã có nói qua.

Hồi đó dưới *Chánh-mục*, có mấy tay văn-quan anh-tuấn, như bọn *Nham-lại Trung-chấn* (岩頼 忠震 – Iwase Tadanari), *Tĩnh-thượng Thanh-trực* (井上清直 – Inoue Kiyonao), *Xuyên-lộ Thánh-mô* (川路聖謨 – Kawaji Toshiakira), đều là hạng có tài năng cao rộng, hiểu rõ việc ngoài. Mặc dầu quốc-luận sôi nổi công kích về việc khai quốc thể mấy, bọn này cũng cứ đốc thúc tán thành việc đó là cần dùng cấp bách và hết sức biện bạch lợi hại cho mọi người nghe. Họ chính là hạng tiên-phong chí-sĩ khai-quốc vậy.

Nhứt là Nham Lại Trung Chấn học rộng văn hay, có tài hùng biện. Tờ ước Nhứt Mỹ ở Giang-hộ, chính là do tay Trung-chấn thảo ra.

Ấy tức là tờ ước mà Mạc-phủ sai sứ đem về kinh-đô tâu xin Thiên-hoàng phê-chuẩn, nhưng trào-đình đề mặc Mạc-phủ làm sao thì làm, như chuyện ở trên xa đã nói. Lúc đó *Chánh-mục* bị tổng-lãnh-sự Mỹ là Cáp-lợi-tư yêu cầu phải ký tờ ước này, đem về kinh-đô tâu xin Thiên-hoàng phê chuẩn chưa xong thì vừa đụng có việc kế vị ở trong nhà tướng-quân xảy tới, thành ra *Chánh-mục* và bọn đồng-chí bỗng mất quyền hành. Thế là tờ ước Giang-hộ trên đây còn đang lòi thoi chưa biết trào-đình nhứt quyết lẽ nào, thì trong ngôi các-lão ở Mạc-phủ đã có chuyện tan rã, thay quyền đổi tay.

Tới đây, *Tĩnh-y Trục-bật* phò ấu chúa là *Gia-mậu* và gánh lấy đại-sự, làm như thủ-tướng của Mạc-phủ, có toàn quyền nhiếp-chánh, gọi là Đại-lão (大老 - Tairou). Lúc này cả kinh-đô và toàn quốc, những kẻ không chịu sự mở cửa giao-thông, càng sôi nổi xôn xao dữ lắm. Mấy tờ ước đã bàn định ổn thỏa rồi, phần nhiều có cơ đến phải hủy bỏ.

Nhưng *Tinh-y* là người can cường quyết đoán, mỗi việc gì cũng hỏi han các-lão là *Tùng-bình Trung-ưu* (松平忠優 – Matsudaira Tadamasa) rồi tự mình gánh vác trách nhiệm nặng nề một cách rất là mạnh bạo. Tháng 7 năm 1858, *Tinh y* cứ việc ký tên trong tờ ước mới với Mỹ, ấy chính là tờ ước Giang-hộ đã nói kia vậy. (Tờ ước này qua năm sau hai bên có thêm vô mấy khoản về ngạch thuế nhập cảng, còn đại thể thì cứ giữ mãi tới năm Minh-trị thứ 27 tức là 1894, nghĩa là lúc Nhựt-bổn duy-dân hùng-cường rồi, tuy phải sửa lại toàn-văn, mà đại ý vẫn để y cũ không đổi ; vậy càng tỏ ra thuở tân-cựu giao-thời, về việc ngoại-giao, Nhựt-bổn đã có tay cứng lắm rồi).

Hồi năm 1858, sau khi tờ ước Nhựt Mỹ ở Giang-hộ đã ký rồi, có nhiều nước khác đến xin Nhựt-bổn ký ước với họ, thì cũng phỏng theo kiểu mẫu của tờ ước Giang-hộ này cả. Bởi vậy tờ ước Giang-hộ đối với lịch-sử duy-tân của Nhựt-bổn là một việc trọng yếu lắm.

Lúc ấy theo chun và bắt chước Mỹ-quốc mà được cùng Nhựt-bổn ký kết giao ước, có Anh, Nga, Pháp và Hòa-lan ; người Nhựt gọi chung là "Ngũ-quốc đính-ước" (五国訂約 - ?).

Tuy các nước lấy sự tử tế mà yêu cầu Nhựt-bổn mở cửa nước ra cùng họ ký tờ giao-hảo thông-thương, chớ trong đó họ vẫn giữ lấy phần hơn và không dãi Nhựt-bổn bằng cách bình-đẳng. Liệt-cường dãi Nhựt hỏi đó cũng như kiểu dãi Trung-quốc mấy lâu nay vậy. Nghĩa là ở trong những cửa biển Nhựt-bổn mở ra làm chỗ ngoại-quốc thông-thương, có vạch riêng từng khu vực cho ngoại-nhơn ở tự do, gọi là "cư-lưu-địa (居留地 -) (**)", tức là tô giới (concesion). Thuế ở đất cư-lưu, về phần ngoại-nhơn thu, cho tới ngoại-nhơn có kiện thưa hay phạm tội gì, hoặc riêng họ với nhau, hoặc dính với người Nhựt, cũng đều do quan lãnh-sự của họ xử phân, gọi là "lãnh-sự tài-phán quyền - 領事裁判権 - Ryojisaibanken", (droit d'exteriorité), chớ họ không chịu quyền xử phân của quan tòa Nhựt, vì họ cho pháp luật của Nhựt còn non nớt thấp thời, không đáng xử người văn minh.

Ngay lúc bấy giờ, người Nhựt cũng biết thế là mất quyền, là nhục quốc, nhưng ban đầu đành phải cam chịu, không biết làm sao. Đến sau khai-quốc rồi, không ngày nào mà chánh-phủ và quốc-dân Nhựt không phẫn-phát lo toan để xé những điều-ước bất bình đẳng ấy đi. Có cách lo toan nào khác hơn là mình tỏ ra mình mạnh; hễ mình mạnh thì tự nhiên người ta phải nhường bước và coi mình ngang vai bằng bậc ngay. Trải mấy chục năm Minh-trị Duy-tân, Nhựt-bổn đã tỏ ra họ mạnh, nên chỉ đến năm Minh-trị thứ 27 (Tây lịch 1893), đầu hết là Anh-quốc cùng Nhựt sửa tờ ước cũ, ký tờ ước mới, không còn có tô-giới và quyền lãnh-sự tài-phán nữa.

Kể tới trận Trung-Nhật chiến tranh, là đám vật lộn giữa “cậu tỷ hon” với “ông khổng lồ”, mà cả lục quân, hải quân Nhật-bổn bá chiến bá thắng, làm cho binh mã nhà Thanh chạy thối bán chết, manh giáp không còn. Liệt-cường thấy vậy phải nẩy ra tấm lòng kiêng nể Nhật-bổn. Bấy giờ các nước Mỹ, Nga, Ý, Đức, Pháp, Áo, Hung v.v.... hết thầy đều nổi chun Anh-quốc, cùng Nhật sửa lại điều-ước khác hẳn. Tóm lại, đến cuối năm Minh-trị thứ 30, tức là năm 1897, tất cả các nước Âu Mỹ đều cùng Nhật xé bỏ ước cũ, ký lại ước mới, lấy tinh-thần rất bình-đẳng mà đãi Nhật ; thế là bao nhiêu cái dấu vết táng quyền nhục quốc ở trong những điều ước ký với ngoại bang bắt đầu từ năm 1854 trở đi, tới nay Nhật-bổn tỏ sức mạnh của mình ra mà bôi trơn rửa sạch vậy.

Nhơn nói chuyện “Ngũ-quốc đính ước” trong lúc Mạc-phủ mới khai quốc mà cây viết kéo thẳng tới chuyện 40 năm về sau, giờ ta lại nên trở về gốc cũ mà nói tiếp theo cho biết những tay lão-thần chí-sĩ của Nhật lo toan công cuộc khai quốc lúc ban đầu hết sức khổ tâm và đến đổi lưu huyết ra thế nào ?

MÁU CỦA CÁC TƯỚNG TIỀN-PHONG KHAI QUỐC

Trên kia đã nói hồi đó người Nhật hầu hết vẫn đang mê man nho học, có thói tự-đại tự-tôn, rất mờ mịt tối tăm về tình thế Âu Mỹ. Trừ ra có đôi ba chục người được đọc sách Hòa-lan và năm bảy ông lão-thần phò tá Mạc-phủ, hơi biết sự thế ngoại-quốc, là hiểu cái chỗ nước nhà cần kíp khai quốc mà thôi. Thiệt nhờ có hạng cầm quyền và hạng có học ngoài như thế, nước Nhật mới được mở mặt mở mày, chớ nếu họ cũng tối-tăm cô-chấp như nhút ban dân chúng thì dòng giống non sông Đại-hòa đâu có vẻ vang rực rỡ như ngày hôm nay.

Nhưng lúc ban đầu, mấy người đi tiên-đạo tiên-phong mạnh bạo khai-quốc, mà bị dân chúng xôn xao công-kích, thiệt họ mang lấy khổ tâm ở vào khổ-cảnh, không biết sao mà nói cho cùng.

Hơn 250 năm khóa chặt hải cảng, cấm tuyệt ngoại-nhơn, nay Mạc-phủ tự biết là sự cần dùng lợi ích cho nước nhà, mà mở cửa giao-thông với ngoại bang, không thể không được. Song, dân chúng cho là việc trái nghịch với phép nước lệ xưa, nổi lên la ó rầm rầm : Mạc-phủ chuyên quyền làm xằng ! Mạc-phủ phá hoại quốc-pháp ! Lúc trước, một vị các-lão phò tá tướng-quân, cầm quyền Mạc-phủ là *Quật-điền Chánh-mục*, sai sứ đem tờ ước Giang-hộ (tờ ước Nhật Mỹ thông-thương) về kinh-đô xin Thiên-hoàng phê chuẩn mà không xong, kể tới *Tĩnh-y Trục-bật* lên nối chức thế quyền, nghĩ mình là bậc đại-lão Mạc-phủ, thôi thì cứ việc quyết định ký tờ ước

với Mỹ cho xong, rồi sau tâu lên cho Thiên-hoàng hay cũng được, vì đó là việc ở trong chức quyền của mình được tự tiện mà.

Song, bọn chí-sĩ tôn-quân không chịu như thế ; họ cho đại-lão *Tĩnh-y* làm chuyện tự chuyên thế ấy là thất kính với đức Thiên-hoàng ở trên, và lại làm cho ấu-chúa (chỉ vào tướng-quân *Gia-mậu* đang còn nhỏ tuổi) mang tiếng bất nghĩa. Thành ra dư-luận nổi dậy như núi đổ sấm vang, trách tội Mạc-phủ đảo đẽ, cái khí phẫn-uất của dân lúc này ồn ào nóng nảy quá, không thể nào cản được. Tuy vậy, *Tĩnh-y* cũng ra sức dè nén cái lần sóng phản-đối và cứ việc hô hào chủ-trương khai-quốc. Khôn nổi, phe tán thành thì hiềm hoi, còn phe phản đối thì đầy tràn trong nước. Bọn oán trách Mạc-phủ và phản đối chánh-sách khai-quốc, đến đổi kết phe lập hội, dùng tới võ-lực, ai tán thành khai-quốc thì họ “làm thịt”. Lúc này mặc dầu có bọn chí-sĩ vì phạm tội quốc-sự mà bị hạ ngục rất nhiều, nhưng phong trào phản đối vẫn cứ nồng nàn sôi nổi.

Chính mình *Tĩnh-y*, giữa ngày 24 tháng 3 năm 1860, từ nhà riêng đi vô trong thành bái yết tướng-quân, bị mười mấy người tử-sĩ đón đường đâm chết. *Tĩnh-y* là người thứ nhứt bị thiệt mạng vì chánh-sách khai-quốc vậy.

Nghĩ lại, bước đầu duy-tân cái cách của một quốc-gia nào cũng phải có những sự rối loạn hy sinh như thế. Người Nhựt nhìn nhận rằng máu của *Tĩnh-y* và những kẻ tiếp theo *Tĩnh-y*, chính là những tài-liệu để xây dựng lên đài văn-minh cường-thạnh của Nhựt-bồn ngày nay.

Tĩnh-y là người sáng suốt đồng cảm, chỉ vì yêu nước, lo sự lợi ích cho nước mà bị chết oan mạng, chừng đó oai quyền Mạc-phủ càng suy, quốc-luận xôn xao càng gắt. Đã vậy rồi các nước bắt chước Mỹ-quốc mà tới yêu cầu kết giao với Nhựt mỗi ngày mỗi đông, làm cho Mạc-phủ ở trong cái cảnh ngộ càng thêm khó khăn bối rối hơn nữa. Nhưng đến đây, việc nước đã làm thì đành phải làm tới, chớ không sao thụt lui được nữa. Bởi vậy Mạc-phủ thấy kế quốc-luận công-kích xôn xao, lại nghe lời thỉnh cầu thông-thương của nước Bồ-đào-nha, rồi cùng nước này ký một tờ ước, y như kiểu đã ký với 5 nước trước kia.

Người đứng giữa con sóng ngoại giao, trước mũi tên quốc-luận hồi này là *An-đăng Tin-mục*. Trong nước chê bai chánh-sách khai-quốc của Mạc-phủ càng ngày càng hồng-hộc như trận bão cơn giông, nhứt là sau khi *Tĩnh-y Trục-bật* bị đâm chết, rồi, bọn phản-đối lại hay dùng võ-lực đánh đập xâm-phạm tới ngoại-nhơn nữa.

An-đăng ở cảnh khó-khăn như thế mà điều đình được êm thấm và không thất-tín với liệt-cường, thật là có công ngoại-giao nhiều lắm.

Rồi sau, *An-đăng* cũng bị bọn phản-đối đón đường chém cho một dao, nhưng may khỏi chết.

Bọn phản-đối chánh-sách ngoại-giao khai-quốc đây, có cái danh-hiệu là *Nhương-di-đảng* (攘夷黨 - ?), mục đích của họ hết sức chống ghét ngoại-nhơn ; nói rõ, là người Âu Mỹ, mà họ cho là hạng man di nhưng địch.

Nghĩ cũng thú vị lý kỳ cho cái thuyết *Nhương-di* của người *Nhật* hồi đó, ban đầu có một ý nghĩa, rồi sau có một ý nghĩa khác. Ban đầu, họ khi rở Âu Mỹ, cho là di-địch, cho nên nhứt thiết họ cự tuyệt bài trừ, không chịu cùng Âu Mỹ giao thông, không muốn cho Âu Mỹ vào trong nước họ. Rồi một lúc sau, có dịp cho họ hoảng hồn sáng mắt, ngó thấy Âu Mỹ rõ ràng tài, mạnh, khôn, giỏi, mình phải học theo bắt chước mới được, thì bấy giờ mau mau họ tỉnh-ngộ tự-tân, cố học lấy những tài hay sức mạnh của Âu Mỹ sanh-tồn cạnh tranh, một ngày kia lấy ngay gậy ông đập vào lưng ông cho sướng !

Ấy, nhờ họ có cái tỉnh-thần mau tỉnh-ngộ tự-tân và tỉnh-ngộ rồi thì rất hăm hở mạnh bạo về sự tân-hóa cho nên cuộc duy-tân tự-cường của họ được mau thành công kết quả đó.

downloadsachmienphi.com

*

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MẤY TIẾNG SÚNG LÀM TAN MẤT KHÔNG-KHÍ NHƯƠNG-DI

Kể ra người *Nhật* coi Âu Mỹ như di-địch và có óc cự tuyệt ngoại-nhơn trải đã lâu đời rồi, chớ không phải đến hồi bắt đầu khai-quốc này mới có đâu. Căn do phát ra thiệt từ 300 năm trước, bọn giáo-sĩ *Bồ Y* cậy thế lộng hành, gây nên một phen rối loạn trong nước, thành ra *Mạc-phủ* phải hạ lệnh khóa cửa, xua đuổi ngoại-nhơn. Ban đầu *Mạc-phủ* lại truyền lệnh *Nhương-di* khắp nước, dạy dân cư xung quanh mé biển hễ thấy ghe tàu ngoại-nhơn kéo tới thì phải đánh đuổi đi. Người *Nhật* có lòng ngờ ghét ngoại-nhơn, phần nhiều bởi đó mà ra.

Về sau *Mạc-phủ* tuy có bớt phép nghiêm-cấm đi, nhưng mà chuyện xưa còn in sâu trong óc dân, và lại lòng dân ngờ ghét ngoại-nhơn lâu ngày đã thành thói quen, chôn chặt vào trong trái tim khối óc rồi. Bởi vậy đến lúc khai-quốc lòng người nổi lên phản-đối mới dữ.

Bao nhiêu đời nay nước nhà vẫn nghiêm-cấm ngoại-giao, đến giờ bỗng chốc bị ngoại-nhơn kéo tới nài ép phải ký điều-uớc nọ kia, tuy là *Mạc-phủ* cùng ít nhiều chí-sĩ thức-thời tự biết chánh-sách “khóa cửa cự di” là không thể ôm giữ được nữa,

nhưng mà chu-hầu và quốc-nhơn hầu hết không hiểu tình thế ngoại-bang liệt-cường ra sao, thành ra họ thấy Mạc-phủ khai-quốc thì tóa lên, phản đối dữ dội.

Lúc này trong hai trăm sáu chục chư-hầu nước Nhựt, có hai chư-hầu đất lớn thế to, vào bậc cường-phiên (強藩 - ?) (**), là Tát-ma (薩摩 - Satsuma) và Trường-châu (長洲 - Choshu) chống chỏi chánh sách khai-quốc gắt gao hơn hết. Bao nhiêu kẻ chí-sĩ bất-bình kéo đến đất nước của hai cường-phiên mà âm mưu hoạt-động, rồi phong-trào phản đối dữ tợn tràn lan khắp nước.

Họ nhao nhao lên cầu khẩn đức Thiên-hoàng xuống chiếu khu trừ ngoại-nhơn ; hoặc muốn lấy thể dân-tâm dân-khí mà ép buộc Mạc-phủ không khai chiến với ngoại-nhơn không được. Nhưng Mạc-phủ và hạng chí-sĩ thức thời đã dư hiểu sức mạnh của Âu Mỹ và cũng dư hiểu sự khai-quốc là sự cần dùng lợi ích cho Nhựt-bồn, thế thì Mạc-phủ có khờ dại gì sanh sự khai chiến với Âu Mỹ mà mang hại cho quốc Âu Mỹ mà mang hại cho quốc gia, và lại chống cự liệu được mấy hơi ?

Nhứt là đám sĩ-phu đã chịu giáo dục Hán-văn, tức là bọn nhà nho, thuở nay vẫn tự-tôn tự-đại, khinh rẻ người Tây-phương, cho người Tây-phương là di-địch, bây giờ thấy Mạc-phủ chủ-trương khai-quốc, tiếp rước ngoại-nhơn, thì họ phùng mang trợn mắt, la ó nhiều hơn ai hết.

Họ bất bình cùng trong một lúc kêu gào toan tính cả hai chủ-nghĩa : Một là tôn-vương, nghĩa là phá đổ Mạc-phủ đi, khôi-phục quyền chánh Thiên-hoàng như 700 năm về trước ; hai là nhượng-di, tức là xua đuổi nhứt thiết ngoại-nhơn, chẳng giao hảo thông-thương gì ráo.

Năm 1861, dân-tâm quốc-luận đang phức phức như lửa nóng nước sôi thế ấy, lại nê xảy ra một việc ngoại-giao rắc-rối, làm như lửa cháy còn đổ dầu thêm. Ấy là việc Nga-quốc bỗng dung đem binh chiếm giữ lấy cù-lao Đồi-mã (對馬 - ?) (**), định làm một nơi đồn lũy cho đội chiến thuyền của họ đóng tại Thái-bình-dương. Mạc-phủ hết sức năn nỉ mà Nga không chịu rút binh đi, trả đất lại cho Nhựt. Sau Mạc-phủ phải cậy ông công-sứ Anh can-thiệp gần nửa năm trời, bấy giờ Nga mới chịu lui. Nhưng Mạc-phủ cậy mượn ngoại-bang cứu giúp mình như thế, làm cho dân-tâm càng thêm tức giận, và từ đó lại càng thù ghét ngoại-nhơn.

Tóm lại bọn thủ-cự bất-bình, trước hết còn lấy ngôn-luận kêu gào, kế sau dùng tới thủ-đoạn tàn sát. Hoặc chém những người chủ-trương tán-thành việc khai-quốc ; hoặc đâm giết mấy tay lão thần mưu-quốc trong phủ tướng-quân, tức như chuyện *Tĩnh-y Trục-bạt* bị giết chết và *An-đăng Tín-mục* thọ thương đó. Muốn làm cho

Mạc-phủ phải khai chiến mà nguy, và muốn khiêu khích cho thành cuộc đại-biến, nên họ lại tới mấy nơi hải-cảng thông-thương, kiếm chuyện gây gổ với ngoại-nhơn rồi đập phá cửa nhà và chém giết người ta nữa. Lúc này có nhiều ngoại-nhơn bị hại ; rất đỗi một quan thông-ngôn của công-sứ Mỹ-quốc cũng bị bọn thủ-cự bắt binh đón đường đâm chết, làm cho công sứ các nước đều phát giận, rủ nhau hạ cờ xuống, bỏ Giang-hộ mà đi Hoàn-tân.

Người các nước ở Nhựt-bồn hồi này đều lấy làm nguy ; hai nước Anh Pháp phải đem binh ở dưới tàu lên thành Giang-hộ để bảo hộ dinh công-sứ của họ tại đó. Vậy cũng chưa đủ, các nước suy nghĩ tất phải ra oai trừng trị để cho bọn thủ-cự bắt-binh ở trong nước Nhựt khiếp vía một phen, có vậy thì sau ngoại-nhơn mới ở yên ổn được. Ấy là họ tính thế ra oai giữ mình vậy thôi, chớ hẳn không dè đâu rằng mấy phát súng thần-công của họ sắp bắn ra, chính là tiếng chuông đồng-hồ báo thức, làm cho người Nhựt tỉnh ngủ vùng dậy, đổi ngay đầu óc, rồi thì ba chân bốn cẳng, chạy rượt theo kịp Âu Mỹ trên đường tân-hóa văn minh !

Các nước chủ tâm nhờ mấy cái đầu nào cứng nhưt mà gõ vào ít hèo, tự nhiên châu-thân phải rúng, họ biết lúc bấy giờ hai chư-hầu Tát Trưởng là hai cường-phiên đứng đầu phản đối khai-quốc và thù ghét ngoại-nhơn hơn cả, cho nên họ quyết tới giữa nhà hai cậu này mà trừng trị một phen cho biết mặt nhau chơi.

Năm 1863, mấy chiếc tàu Anh kéo tới bắn phá thành-trị Lộc-nhi-đảo (鹿児島 - Kagoshima), là đất phong của chư-hầu Tát-ma (薩摩).

Qua năm 1864, - bận này lớn chuyện hơn - bốn nước Anh, Pháp, Mỹ, Hòa-lan hiệp tàu binh lại thành một đại-đội, rần rộ kéo tới Hạ-quan (下関 - Shimonoseki), là đất thuộc về chư-hầu Trường-châu mà chĩa súng vào bắn phá rầm rầm.

Hai hiệp súng này chẳng có ý-nghĩa chi là cách cừ-thù đối chiến ; chẳng qua chỉ như câu chuyện ‘trò’ Nhựt mới định tự học nhà trường văn-minh mà lại có ý khinh thầy, ghét thầy, cho nên ‘thầy’ Âu Mỹ muốn gõ sơ một vài cây thước dằn mặt vậy thôi !

Nhưng, thiệt là hai hiệp súng tỉnh hồn duy-tân, hai hiệp súng cứu-tinh độ-mạng cho người Nhựt được trở nên vẻ-vang tốt đẹp.

Thiệt vậy, lúc bấy giờ hai cường-phiên Tát-ma Trường-châu và tất cả bọn nhà nho tự-phụ, bọn thủ-cự bắt-binh, nghe hai hiệp súng tan thành bể núi này rồi, ai nấy đều mở mắt giật mình biết rằng ngoại-nhơn có súng lớn tàu to thế nọ, tài cao sức

mạnh thế kia, mình đây dễ gì đuổi xua chống cự họ được. Chống cự họ mãi sẽ đến nguy hại quốc-gia trước mắt cho coi. Trời ơi ! họ không phải là di-địch đâu, ta “nuông” gì nổi ? Và lại có muốn “nuông” họ thì ta cũng phải làm sao có những súng lớn tàu to, tài cao sức mạnh như họ, hay là hơn họ mới được chớ. Thôi bây giờ mình phải khai-quốc, phải cùng họ giao-hảo hòa-thân, không còn có thể nào dùng được nữa.

Vậy rồi trên từ chư-hầu dưới khắp quốc-dân, bỗng chốc đều sáng trí tỉnh hồn, bao nhiêu cái tâm não, cái khí-khái “khóa-nước cự-di” hôm đang sục sục như lửa cháy dầu sôi, thì nay bắt đầu lần hồi tiêu tan đi hết, mà đổi thay chói rạng bằng cái tâm não, cái khí-khái “duy-tân tự-cường”, đầu dây mối nhợ thật là mở ra từ đây.

Chương IV

MỞ CUỘC DUY TÂN

Sự đổi thay vận-mạng của một dân-tộc quốc-gia, đã đành trước hết phải nhờ có bọn đương quyền khôn ngoan sáng suốt và bọn chí-sĩ thức-thời làm hướng-đạo tiên-phong, nhưng cũng phải nhờ nơi dân-tâm dân-khí có biết hăm-hở tấn-hóa tự cường mới được. Đó là hai sự cần dùng cho cuộc tấn-hóa, phải nương dựa lấy nhau và cùng đi với nhau. Nếu có bọn đương-quyền và chí-sĩ sốt-sắng cải-cách song bị phần đông người ta còn quá ngu-si thủ-cự, tự họ không muốn khôn, muốn mạnh, hay là họ tưởng mình đã khôn lắm mạnh lắm rồi, như vậy thì việc quốc-gia lợi-ích, khó lòng trông mong thi-thố thành-tựu gì được. Trái lại nếu chí-sĩ có, dân-tâm có, nhưng vô phước mà bị đám người cầm quyền là lũ đầu óc ngu đại, cứ ngồi lý trên cao, lấy quyền to sức mạnh của chúng đè đè ép cản trở ý muốn tấn-hóa của dân, thì việc quốc-gia đại-kế cũng không trông mong gì làm nổi. Dân tộc nào gặp cảnh ngộ thế ấy, kết quả đó hoặc là trong nước nổi lên một phen cách-mạng đổ máu góm ghê, hoặc là bị mất nước với người ta, nếu không cũng bị lợi dụng và yêu hèn mãi ; chắc ai cũng ngó thấy nhiều quốc-gia bị lôi kéo đắm chìm vào trong cảnh dưới đó - cảnh vong quốc - nhiều hơn. Nhứt-bổn đã có dân khá, lại không bị quan ngu, thành ra họ tấn-hóa tự-cường được là phải lắm.

Tuy ban đầu Mạc-phủ nhứt định chủ-trương khai-quốc mà dân-tâm xôn-xao phản-đối ; chẳng qua chỉ là sự hiểu lầm chốc lát đó thôi ; tới chừng có mấy hiệp súng ở Lộc-nhi-đảo (鹿兒島 - Kogoshima) và Hạ-quan (下関 - Shimono Seki) thì cả nước tỉnh-ngộ như chớp nháng và mạnh bạo thay đổi tư-tưởng ngay. Chớ không cố-chấp. Bao nhiêu tâm-lực trước kia đổ vào chủ-nghĩa “tòa-quốc nuông-di”, (**), nay dồn cả về một mục đích “văn-minh cải-cách”, vậy rồi nên duy-tân dựng lên.

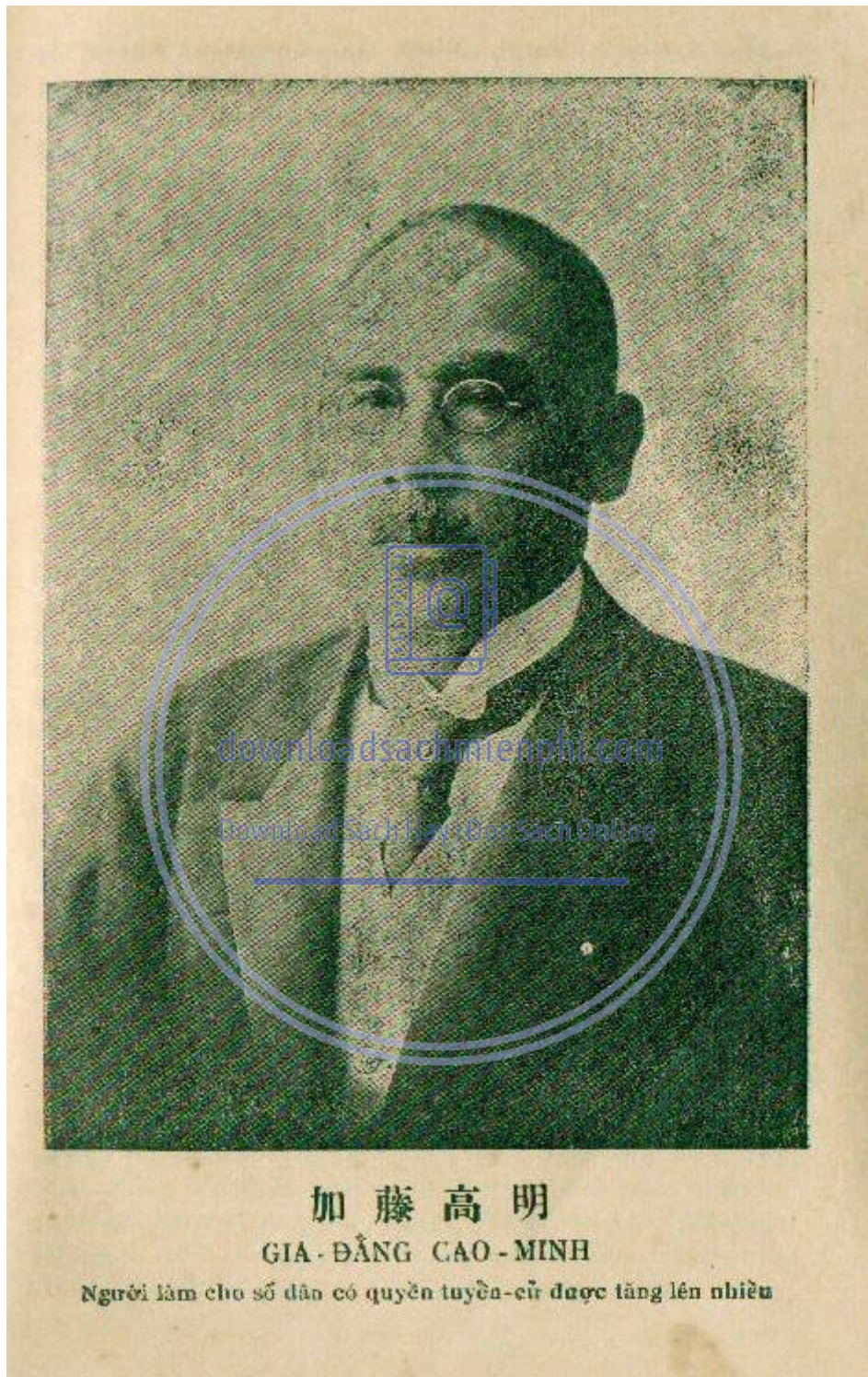
ĐỨC-XUYÊN MẠC-PHỦ DÂNG TRẢ CHÁNH-QUYỀN

Sau khi các nước ra oai bắn phá thành-trị của hai cường phiên Tát Trưởng rồi, thì cái tư tưởng “tỏa-quốc nhương-di” của bọn thủ-cự khắp trong nước đều theo lần khói thần-công đại-bác của ngoại-nhơn mà tiêu tan đi liền. Cuộc biến đổi tư-tưởng này phát khởi từ cuối năm 1864, chính lúc Hạ-quan vừa mới bị đoàn tàu bốn nước hiệp lại ra oai bắn phá, làm cho đảng “nhương-di” giựt mình hoảng vía, biết ngoại-nhơn có sức mạnh ghê, nước mình không sao chống cự nổi ; chống cự thì chỉ hiềm nguy thiệt hại cho mình.

Trông người rồi ngẫm lại ta mà cảm ! Chẳng những người Nhựt đã tỉnh-ngộ không nên “tỏa-quốc nhương-di” mà thôi, đồng thời họ lại tỉnh-ngộ về chỗ sanh tử tồn vong của họ, tất nhiên phải tấn-hóa duy-tân cho bằng những kẻ đã tới bắt buộc họ mở cửa thông-thương và đã giơ súng ra hăm dọa họ kia mới được. Giờ họ xoay ra cái tư-tưởng “đảo Mạc tôn Vương - 倒幕尊王 - ?”, để làm cơ-sở cho cuộc duy-tân cải-cách.

Năm 1866, tướng-quân Đức-Xuyên Gia-mậu qua đời. Đức-xuyên Khánh-Hỉ (徳川慶喜 - Tokugawa Yoshinobu) vô ngôi Mạc-phủ để nối nghiệp nhà, cầm quyền nước.

Qua năm sau 1867, Hiếu-minh Thiên-hoàng (孝明天皇 - Koumei Tennou) thăng-hà, thái tử mới có 15 tuổi, lãnh ba món truyền-quốc thần-khí 2500 năm mà lên nối ngôi báu. Tân quân lên kế-vị năm 1867, qua năm sau - 1868 - đổi niên-hiệu là Minh-Trị nguyên-niên, ấy là Minh-Trị Thiên-Hoàng (明治天皇 - Meiji Tennou). Viết tới đây, tôi chợt nhớ lại câu thơ truyền tụng của Corneille : “Giá cao chẳng đợi tuổi già mới nên” (La valeur n’attend pas le nombre des années), thật đúng hết sức. Vua Minh-trị lên ngôi tuy còn nhỏ tuổi mặc lòng, nhưng đã có tài cao trí lớn, chính ngài ra tay cải cách duy tân, mở ra kỷ-nguyên mới cho nước Nhựt, đưa nước Nhựt lên cõi phú-cường hạnh-phước vậy.



Trong khoảng ba bốn năm đang nói đây, nhơn-tâm quốc-luận hăm hở kêu gào chủ-nghĩa "đảo Mạc tôn Vương" dữ lắm. Ai cũng bảo chế-độ phong-kiến trên 680 năm nay là chế-độ Mạc-phủ cảm quyền, bây giờ phải đến ngày kết-thúc rồi. Ở đời này mà

trong nước Nhựt-bồn còn có hai chánh-phủ : Một nơi chỉ giữ lấy danh-phận hư không, một nơi thì nắm trọn thực-quyền chánh-trị, khiến cho phép tắc chánh lệnh tách ra hai ngã, thể-thống quốc-gia coi chẳng ra sao. Hồi nước nhà còn khóa cửa sống riêng một mình, tuy không hại gì cho công việc quốc-gia, chớ một mai đây khai-quốc tự-tân, thì việc bang-giao tất phải lấy danh-nghĩa Thiên-hoàng để tỏ ra với liệt-quốc mới được. Có hai chánh-phủ cùng đứng trong một xứ, lấy danh-nghĩa mà nói, là sự trái ngược không thể nào dung. Vậy nay muốn lo quốc-gia đại-kế thì trước hết Mạc-phủ nên đem chánh-quyền dâng nạp lại trào-đình, và xóa bỏ cái chế-độ phong-kiến bảy trăm năm nay đi, để Thiên-hoàng chủ-trương, quốc-gia thống nhứt, có vậy thì việc lớn mới có thể kết quả thành-công được.

Ban đầu, do những nhà chí-sĩ có thành-danh kiến-thức đứng lên hô hào xướng-xuất chủ-nghĩa “tôn Vương đảo Mạc”, sau có nhiều ông chúa phiên (藩主, cũng tức là chư-hầu) hùng-cường trong nước nghe lấy làm phải, bèn ra sức tán thành. Tháng 4 năm 1867, trào đình vời các chúa phiên về kinh, nhóm hội chư-hầu, để hỏi ý kiến về quốc-sự, thì mấy ông chúa phiên thể lực đều tâu nên bãi Mạc-phủ. Rồi đó mấy ông sai sứ tới khuyên tướng-quân Khánh-Hi dâng nạp quyền chánh về Thiên-hoàng.

Khánh-Hi là bậc anh hùng quyết đoán, yêu nước kính vua, tự trong bổn-tâm đã có chí muốn bỏ ngôi tướng-quân của mình lâu rồi, song còn sợ giữa lúc quốc-bộ gian nan mà mình bỏ chức thì trên vua dưới dân cho là mình trốn lánh trách-nhiệm chẳng ; nay thấy dân-tâm sôi nổi, quốc-sự dập dồn, tất phải có cái quyền tôn-nghiêm thống-trị của đức Thiên-hoàng mới có thể sửa sang đại-cuộc, lo việc duy-tân được. Bởi vậy khi nghe lời khuyên rất phải, thì Khánh-Hi vui mừng nhận theo liền. Rồi đó Khánh-Hi viết biểu dâng lên trào-đình, lời lẽ rất trung thành thống thiết, xin nạp lại quyền-chánh về Thiên-hoàng ; tự mình lui về ở ẩn tại Tỉnh-cương, như là một tên dân thường vậy.

Ấy là việc ngày 14 tháng 10 năm 1867.

Thử hỏi thế-gian có mấy người ở ngôi cao chức trọng, có oai lớn quyền to, biết vì quốc gia đại-kế mà bỗng chốc lui bước từ ngôi được một cách thái-nhiên quân-tử như Đức-Xuyên Khánh-Hi (徳川慶喜- Tokugawa Yoshinobu) vậy không ? Nghĩ lại có lắm quốc-gia đến lúc ngửa nghiêng hầu mất, mà bọn quyền-thần ngu dại, quan trưởng hư hèn, còn ngồi lì bám chặt lấy cái danh-vị hư-vinh của chúng, không để cho những người có tài đức thế vào, có lẽ cứu chữa được cơn nguy cuộc rồi ; than ôi ! Quốc-gia nguy vong mà bọn ngu hèn cố vị tham quyền, thật là đáng giận, đáng bĩ !

Khánh-Hi trả quyền lui bước, thế là cái gia-nghiệp tướng-quân của họ Đức-Xuyên trải 250 năm đến đây hạ màn, mà cả cái chế-độ Mạc-phủ ở Nhựt-bồn dựng lên từ cuối thế kỷ 12 đến đây cũng chung cuộc.

Từ đó, toàn-quốc về đức Thiên-hoàng thống trị, chánh-phủ mới thành-lập, kỷ-nguyên mới bắt đầu.

Nhơn nói về chung cuộc Mạc-phủ, tưởng nên xét qua ảnh-hưởng luôn thể, cho tiếp câu chuyện, rồi sẽ trở lại công cuộc Minh-Trị duy-tân.

Một cái chánh thể lâu đời bền gốc, có quan-hệ thâm thiết với lịch sử, với chủng-tộc, với quốc-gia, như là Mạc-phủ ở nước Nhật, nay bỗng dung xóa bỏ đi, mặc dầu Khánh-Hỉ tướng-quân là bậc quân-tử cao-nhơn, tự mình vui vẻ ngôi phú quý nhưt đời như là thầy chiếc giày hư vỡ rách đi nữa, nhưng bề nào việc đó cũng là một việc đại-biến, không có lẽ nào không có ảnh-hưởng tới thể-đạo nhơn-tâm và quốc-gia chánh-trị ít nhiều. Chắc hẳn trong trí Khánh-Hỉ (Yoshinobu) tưởng ai cũng kính vua, yêu nước và có độ-lượng quân-tử như mình, cho nên khi thấy sự mình thối vị là sự chánh-đáng cần kíp, thì vội vàng dâng biểu phụng-hoàn đại-chánh rồi thì xuống đại tìm chỗ đi ẩn ngay, chẳng có liệu trước tương-lai và sắp đặt hậu-sự gì cả, vì đó mà xảy ra có nội loạn rắc rối một hồi.

Bây giờ trong nước chia ra làm hai phái đông tây, một phái tôn Vua, một phái phò Mạc, xung đột nhau để dành lại quyền-thế. Phái phò Mạc là một số chư-hầu ở miền đông, không muốn khai-quốc duy-tân, và lại có mang ơn Mạc-phủ đã phong hầu chia đất cho, ngoài ra còn 8 muôn tướng-sĩ là gia-thần bộ-hạ của Mạc-phủ, bấy lâu họ chịu ơn com áo tướng-quân, tự nhiên họ phải dốc-lòng trung-thành ủng-hộ tướng-quân đến cùng. Sau lúc Khánh-Hỉ bỏ ngôi lui bước rồi, thì cả bọn chư-hầu và tướng-sĩ phò Mạc nổi lên làm loạn ở nhiều nơi, nhưt là ở Quan-dông (関東 - Kanto), Áo-võ - 奥? (**), và Sương-quán (箱館 -?), ra mặt chống cự với trào-đình. Ban đầu loạn-đảng ép Khánh-Hỉ trở về Giang-hộ một lúc để dựng Mạc-phủ lại như cũ, nhưng Khánh-Hỉ không chịu. Công sứ Pháp-quốc muốn lấy binh-lực giúp cho Khánh-Hỉ thu hồi đại-vị, Khánh-Hỉ cũng không nghe, chỉ khẳng khẳng giữ vững cái chí tôn Vua trả quyền, và lại ăn năn việc mình sơ sót ban đầu khiến nên có loạn. Song, loạn-đảng không có bao nhiêu người và chí-hướng của họ cũng trái nghịch với nhơn-tâm thời-thế, thành ra không có thực-lực gì. Binh trào-đình chỉ mất công đánh dẹp có hơn một năm, từ 17 tháng giêng 1868 tới 27 tháng sáu 1869, thắng luôn bốn trận, thế là bình-định được nội-loạn, càng tôn thêm oai quyền của trào-đình.

Hồi đó Khánh-Hỉ vẫn ở yên tại Tỉnh-cương, lấy thú gảy đàn xem sách làm vui, trải 30 năm mới dời về Đông-kinh ; đến năm 1902, tức là năm Minh-Trị 35, đức Thiên-hoàng triệu vô bộ-kiến và phong cho Công-tước. Hình như lối 1910 hay 1911, Khánh-Hỉ mới qua đời. (5)

Người Nhật đối với Khánh-Hỉ rất tôn kính nhớ thương, vì cái cử-chỉ cao-minh quân-tử của Khánh-Hỉ đã từ bỏ quyền-hành, phụng-hoàn đại-chánh, kể ra cũng là người có

công với lịch-sử duy-tân của nước Nhật vậy. Nếu như lúc đó Khánh-Hi không chịu kết-thúc Mạc-phủ, thì nhơn-tâm không khỏi chia lìa, quốc-thể chẳng chịu ảnh-hưởng, chẳng những là cuộc duy-tân e chậm trễ khó khăn, mà lại còn sợ có một phen cách-mạng biến động gớm ghê, không tránh khỏi được.

NĂM LỜI THỀ VỚI TRỜI ĐẤT THÁNH THẦN

Minh-Trị Thiên-hoàng lên kế vị ngày 14 tháng 2 năm 1867, đến ngày 14 tháng 10 năm đó, tướng-quân Khánh-Hi dâng biểu xin trả lại Thiên-hoàng tất cả đại-chánh quốc-gia, để ngài thống nhứt toàn quốc, thực hành duy-tân. Trong tờ biểu có câu nói như vậy, tỏ ra tác lòng Khánh-Hi yêu nước kính vua rất là thành-thiệt :

“Hiện nay việc ngoại-giao càng ngày bề bộn khó khăn, trừ phi quyền chánh trào đình tóm thu “về một đường, thì mỗi giềng phép tắc khó lòng mà dựng lên được.

Hạ-thần trộm nghĩ ngày nay tất phải sửa hẳn lệ xưa đi, đem chánh-quyền dâng lại trào đình, rộng cho quốc-dân cặn lời công-nghị, và muôn việc đều trông Thánh-thượng xem xét quyết đoán, rồi cả nước đồng lòng hiệp sức, cùng nhau bảo hộ hoàng-quốc, như thế thì nước nhà có thể tấn tới ngang hàng với vạn-bang trong thế giới đặng. Khánh-Hi tôi tận trung hy-vọng cho quốc-gia chỉ có một việc đó.”

Trào-đình chuẩn y lời tâu, liền ra tờ đại-hiệu-lệnh, bá-cáo trong nước về việc vương-chánh phục-cổ (王政復古 - quyền vua trở lại như xưa), tóm tắt lời cốt yếu như sau này :

“Đức-xuyên Mạc-phủ tâu xin trả lại quyền chánh của trào-đình đã giao phó cho từ xưa nay.

“Trào-đình y theo lời tâu đó. “Vậy từ nay trở đi, chức nhiếp-quan (1) cùng là Mạc-phủ đều bỏ dứt hẳn. Bây giờ trào-đình “trước hết tạm đặt ra 3 chức Tổng tài, Nghị-định và Tham-dự để trông coi liệu định các việc, lấy cái tôn-chỉ của đức Thần-võ lập-quốc ngày xưa làm gốc. Không kể là thế-tộc võ-biên, kẻ trên người dưới, phạm là quốc-dân, thì ai nấy đều phải đồng lòng ra sức lo tính việc chung.” “Trào-đình khuyên hết thầy dân-chúng từ đây đều nên gắng gổ tự tân, rửa cho sạch những cái thói hư tật xấu, đem lòng sốt sắng tận trung, đặng làm việc công, giúp nhà nước v.v...” Ấy là mấy lời đầu hết của Minh-trị Thiên-hoàng ra hiệu-lệnh duy-tân vậy.

*

Một nước ôm giữ những phép xưa thói cũ từ mấy ngàn năm, ngày nay bỗng chốc thay đổi sửa sang nhứt thiết, cho hợp thời-thế và kịp tây-phương, thật là một việc quan-hệ

lớn lao hết sức. Muốn bày tỏ chỗ quan-hệ đó ra, và muốn cho dân biết những cái tôn-chỉ duy-tân ra thế nào, nên chỉ tháng 3 năm 1868, Minh-Trị Thiên-hoàng bèn dẫn hết thầy trào-thần văn võ, cùng là các bậc phiêu-chúa chư-hầu (lúc này cũng đang còn chư-hầu, hai năm sau mới bãi hẳn) làm lễ rất nghiêm trang long trọng, tế-cáo trời đất tổ tiên, đọc lời thề gồm có 5 khoản :

1* - Mở ra hội-nghị rộng rãi, trăm công ngàn việc đều lấy theo công-luận mà quyết-định ;

2* - Trên dưới một lòng, ra sức sửa sang việc nước ;

3* - Văn võ một đường, từ công-khanh đến thứ dân, đều được toại chí, khiến cho lòng người hăm hở sốt sắng.

4* - Thảy bỏ hết những thói hư mỗi tệ chất chứa lâu đời, từ đây gắng gổ duy-tân tự-cường, hiệp theo công-đạo của trời đất.

5* - Cầu trí-thức ở thế-giới, làm cho nước nhà trở nên mạnh lớn vẻ vang.

Rồi thề sao làm vậy, 5 lời thề này chính là chí-nguyên, quy-mô và chánh-sách của vua Minh-trị sửa sang thay đổi nước Nhựt, trước sau có chừng 30 năm, là trở nên một quốc-gia văn-minh, một dân-tộc hùng-cường, đứng ngang hàng với các nước Âu Mỹ. Vua Minh-trị là người sáng tạo ra nước Nhựt mới vậy.

*

ĐẠI-KHÁI CÔNG CUỘC PHÁ CŨ ĐỔI MỚI TRONG 30 NĂM

Công-cuộc Nhựt-bổn duy-tân vừa mau chóng mạnh bạo, vừa vĩ-đại hoàn toàn, y như lời Minh-trị Thiên-hoàng đã thề với trời đất thần minh, khi đã dốc lòng ra tay biến hóa cải-lương, thì mỗi việc gì cũng biến hóa cải-lương hết thảy. Từ nhỏ đến lớn, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, nào là chánh-trị giáo-dục, nào là văn-hóa võ-bị, nào là công-thương, lý-tài, nào là cơ-khí, nghệ-thuật, cho đến những chuyện y-phục tầm thường, tập-quán lật vật, chẳng sót một vấn-đề nào hay một phương-diện nào mà không hóa xưa theo nay, đổi cũ ra mới. Có thể ví dụ như một cái vườn có ngàn gốc cây mọt hư khô héo, người Nhựt là lão làm vườn, đã đào từng gốc cây đó liệng đi, mà trồng cây khác mới lạ tươi tốt thế vào. Cách ít lâu, cái cảnh nhánh khô lá rụng, tiêu tụy thê lương của miếng vườn kia đều biến đi đâu hết, giờ ta ngó thấy toàn là cây lạ bông thơm, có muốn tìm lại những dấu-tích xưa cũng không còn nữa. Thiệt, Nhựt-bổn trừ-cự canh-tân tới vậy lặn !

Dưới đây có nhiều việc quan-hệ sẽ nói riêng hẳn từng nơi, nhưng ngay bây giờ thiết tưởng cũng nên tóm thâu cái đại-quan cho biết công-cuộc biến-hóa của nước Nhật vừa mau chóng mạnh bạo, vừa vĩ-đại hoàn toàn ra thế nào ? Sau khi vua Minh-trị hạ chiếu duy-tân rồi, thì nước Nhật cũ bị xô một cái, là đổ ụp xuống. Về mặt chánh-trị, ngay năm Minh-trị thứ nhứt, đã bãi Mạc-phủ rồi, còn chư-hầu tuy chưa bãi, nhưng chẳng qua họ chỉ còn danh-nghĩa vậy thôi, chứ thực-quyền như trước không có nữa. Trào-đình vờ các chúa-phiên về kinh làm mấy chức Nghị-định - 議定(**) và Tham-dự - 参与(**) ; lại cho mỗi đất phiên lựa chọn đôi ba người có tài về trào làm Cống-sĩ (貢士 - ?) tức là một chức quan nghị-sự. Những người này hiệp lại thành như một hội-nghị để phò tá nhà vua trong việc quốc-chánh. Ban đầu, nhà vua làm như thế, là cách huấn luyện và sắp đặt cho dân sau này có nghị-viện cả dân công cử như ở các nước. Đến năm Minh-trị thứ 4 (1871), chế-độ phong-kiến bãi hẳn : Các chúa-phiên (les Daimios(?)) đem hết đất nước của mình nạp lại trào đình, đổi ra làm huyện. Tới năm Minh-trị thứ 23 (1890) mới có Hiến-pháp ban hành và có Chúng-nghị-viện (衆議院 - Shugiin) mở ra từ đó.

Về mặt bình-dân, xưa kia họ là hạng người lao-khổ, ở dưới quý-tộc và sĩ-tộc, tới năm 1867, lệnh duy-tân tuyên bố hết thảy nhơn-dân bình-đẳng ; ruộng đất đề tự-do, người nông-dân bây giờ làm chủ ruộng mình, không phải chỉ như khi xưa họ nai lưng cấy cấy làm mồi cho chúa-phiên, cho quý-tộc.

Các cửa biển đều mở tung ra cho ngoại-nhơn ra vô buôn bán tự do, Trải 1000 năm, Thiên-hoàng vẫn đóng đô ở thành Kinh-đô (京都 - Kyoto), giờ vua Minh-Trị dời đô về Đông-kinh (東京 - Tokyo) tức là thành Giang-hộ của Mạc-phủ Đức-Xuyên trước.

Cả âm-lịch và trào-đình y-quan cũng bỏ cũ theo mới.

Tóm lại chỉ trong ít tháng, bao nhiêu dấu cũ lệ xưa của Nhật-bổn biến tiêu đi hết, nhường chỗ cho những cách tây phép mới thay vô.

Sự thay cũ đổi mới của Nhật-bổn mau lẹ quá chừng, ai cũng phải kinh-hoàng sững-sốt.

Mỗi việc nhỏ lớn gì cũng phải tạo lập ra mới mẻ hết thảy, thế mà mỗi việc nhỏ lớn gì họ cũng tạo lập ra đủ hết. Không sót cái hay nào của Tây-phương mà Nhật không bắt chước ; không có cơ quan chế độ nào hữu ích của Tây-phương mà Nhật không làm theo. Xe lửa, tàu thủy, nhà băng, xưởng máy, cùng là mọi việc giáo-dục, công-nghệ, khoa-học v.v... thứ nào Nhật-bổn cũng tổ-chức ra có đủ hết thảy trong một lúc.

Ta thử xem một vài con số như dưới đây, sẽ biết người Nhật họ chạy phăng-phăng trên con đường duy-tân mau lẹ ra thế nào ?

Năm 1870, nghĩa là sau khi quyết chí cải-cách mới có ba năm, thì đã làm xong con đường xe lửa thứ nhứt, nối liền Đông-kinh với Hoàn-tân, 28 cây số. Con đường này họ làm hết hai năm mới xong, là vì họ tự làm lấy, chỉ mua tài-liệu của Âu-châu và mướn một vài người Âu-châu làm đốc-công thôi. Đến năm 1880, đường xe lửa dài được 117 cây số. Qua 1893 được 3.010. Tới 1903 lên 6.800.

Giấy thép cũng tuôn ra mau như đường sắt vậy. Liền sau khi hạ lệnh cải-cách một năm, cuối năm 1868, đã có đường giấy thép thứ nhứt từ Đông-kinh đi ra. Đến 1893, kéo dài được 13.576 cây số.

Việc quốc-phòng cũng lo sắp đặt ngay từ ban đầu, học theo cách luyện-quân của Pháp và Đức. Xưởng đúc súng đạn mở ra nhiều nơi. Sáu tháng đầu tiên, còn dùng người Âu-châu, trông coi chỉ vẽ ; từ sáu tháng sau trở đi thì nhứt thiết người Nhứt làm một mình. Về hải-quân cũng vậy, trước hết họ còn mua của Âu-châu một đội tàu chiến, gồm có 7 chiếc tuần-dương, 7 chiếc thiết-giáp, 17 chiếc khinh-hạm, 30 chiếc ngư-lôi, và lại phái nhiều thanh-niên nhơn-tài đi qua Âu Mỹ học tập hải-quân. Không bao lâu, họ tự mở ra trường luyện-tập lấy và tự mở ra xưởng đóng tàu trên một mình, không phải nhờ cậy gì Âu Mỹ nữa.

Trong nước, từ trên xuống dưới, khắp chợ tới quê, ai nấy đều hăng hái về việc tự-tân tự cường. Các ông chúa-phiên đã trả đất lại cho trào-đỉnh rồi thì xoay ra làm chủ ngân-hàng, chủ xưởng tàu, chủ nhà máy, còn tên tá-điền lao-khổ của mấy ông lúc trước thì bây giờ ra làm thợ máy nọ kia.

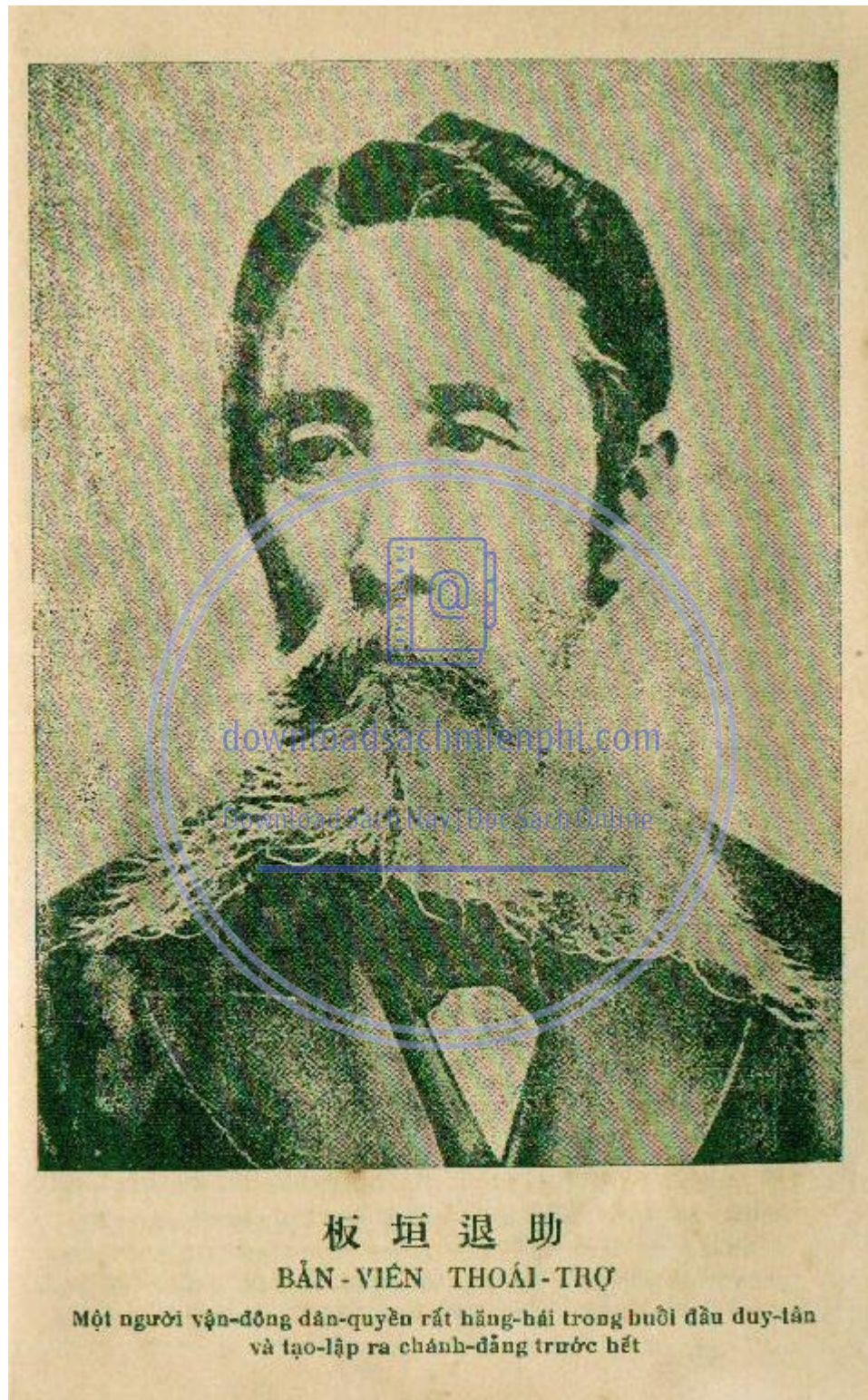
Về việc kết xã lập hội để mở mang thương-mãi kỹ-nghệ, người Nhứt cũng làm mau như bay, như biến. Kể tới năm 1894, nghĩa là duy-tân chưa đầy 30 năm, trong xứ đã có : 1.200 công-ty có vốn tới 300 triệu ; 130 nhà băng lớn ; 30 công-ty bảo-kê sanh-mạng ; 17 công-ty điện-khí .

Giữa thời-kỳ duy-tân, về mặt công-nghệ bằng cơ-khí, chỉ trong vòng mười năm, người Nhứt mở ra những nhà máy nọ nhà máy kia đầy dẫy ở các đô-thị. Ngay hồi năm 1880, nghĩa là mới duy-tân có 14 năm, đã có 20 nhà máy lớn, dùng tới 20.000 thợ. Nói chi bây giờ công-nghệ cơ-khí của họ phát-đạt tới cực-điểm, làm cho Âu Mỹ phải sợ ; những ống khói nhà máy tua tủa lên trời, riêng một châu-thành Osaka, ngó như một đám ngọn cỏ đâm cao lên trên mặt đất vậy.

Tàu buôn của họ cũng mở mang rất sớm : Năm 1890, đã có 855 chiếc tàu buồm và 580 chiếc tàu chạy bằng máy hơi rồi. Việc canh-nông tấn tới sửa sang có kết quả lạ lùng : Từ nghề trồng dâu trồng trà, cho đến làm ruộng cấy lúa, nhứt thiết đều kinh-doanh theo cách mới, cho nên huê-lợi thêm ra rất nhiều. Công-nho trong khoảng 20 năm đầu, tăng số thâu-nhập lên ba lần nhiều hơn ; kho bạc mỗi năm thâu vô tới 580

triệu. Số xuất-cảng cũng tăng lên bốn lần trong khoảng 12 năm : Từ 347 triệu hồi năm 1890 mà lên tới 1.326 triệu trong năm 1902 ; thật cổ kim đông tây chưa ai có cái kết quả lạ lùng như thế.





Lúc đầu, Âu-châu thấy Nhật-bổn bắt chước họ thì họ cười thảm và nghĩ cho là vô hại, bởi vậy họ vẫn kêu là cậu nhỏ Nhật-bổn (le petit Japon). Nhưng đến năm 1894, họ

thấy cậu học trò của họ thì phải giựt mình, đổi ngay cái tư-tưởng khinh-thị ban sơ. Năm 1894, cậu bé tý hon Nhựt-bồn dám đánh ông khổng-lồ Trung-hoa, chỉ trong mấy trận, là ông khổng-lồ bị cậu bé con đánh ngã nằm ngay đơ. Trung-hoa phải để cho Nhựt chiếm-cứ Triều-tiên là miếng mồi Nhựt vẫn thèm muốn từ xưa ; ngoài ra còn phải bồi thêm Liêu-đông nữa. Nhưng liệt-cường Âu-châu ép Nhựt phải trả Liêu-đông cho Tàu ; Nhựt đành lấy Đài-loan thôi. Sau Tàu nhường Liêu-đông cho Nga ; Nga được đất này, trong lòng hờn hở cho là mình thắng trận ngoại-giao, không dè vì đó mà ít lâu về sau mang lấy một cái thua đại-nhục.

Đến năm 1900, lại có dịp cho người Tây-phương kính phục cái giá-trị của Nhựt-bồn hơn nữa. Năm đó, nước Tàu có giặc Quyền-phỉ (les boxers) nổi lên, chủ ý là thù nghịch đánh phá người ngoại-quốc ; có trút ngàn người Âu-châu bị giặc bao vây ở Bắc-kinh, không đường tẩu thoát, mà cứu binh chưa tới, tình-thế rất là hiểm-nguy. Trong 8 nước cùng ra binh để can-thiệp vào cuộc nội-loạn này, đội binh Nhựt-bồn tức tốc tăn lên Bắc-kinh đầu hết, giải được trùng vây, nhờ đó mà những người Âu-châu mới thoát nạn.

Rồi cách 4 năm sau - 1904-1905 - bỗng dưng như một tiếng sét đánh rung đất vang trời, cả thế-giới đều sùng sốt ngẩn ngơ : Cậu bé Nhựt-bồn dám nhảy lên đám cú một ông khổng-lồ khác là Nga-la-tư, lúc bấy giờ là một nước hùng-cường đệ nhứt thiên-hạ. Ai không bảo ông khổng-lồ này nhai ngấu Nhựt-bồn như chơi. Thế mà trong 18(?) tháng, Nga bị bại trận thảm thê : Trên bộ thì thua về tay Nại-Mộc tướng-quân (乃木將軍- Nogi shougun, Général Nogi), binh Nga không còn manh giáp mà về ; dưới nước thì thua về tay Đông-Hương nguyên-soái (東郷元帥 - Tougou Heihachiro), cả đoàn tàu trận Nga trên ba chục chiếc bị Nhựt bắn chìm ở eo biển Đối-Mã. Lần thứ nhứt trong lịch-sử nhơn-loại, người da vàng đánh ngã người da trắng. Chẳng phải riêng một mình người Nhựt lấy làm khoan khoái vẻ vang, mà cả đại-lực Á-châu, dân-tộc Hoàng-chủng cũng có ý vui mừng hí hả nữa. Từ đó, người Tây-phương bắt đầu để tâm lo nghĩ về “Cái họa da vàng” (Péril Jaune) mai sau. Từ đó, bắt đầu sản-xuất cái vấn-đề rắc rối lo ngại, gọi là Vấn-đề Thái-bình-dương (Question du Pacifique), mà người Nhựt chính là chủ động !

Một vài việc làm, một vài con số, như đã lược-thuật trên đây, đủ bày chứng cứ cho ta thấy công cuộc duy-tân tự-cường của Nhựt-bồn chỉ làm trong một thời-kỳ rất ngắn, và được thành-công mau lẹ, kết-quả vẻ vang là dường nào ?

Một nước đang cũ hết sức cũ, yếu hết sức yếu, bỗng chốc trong vòng chỉ có 30 năm, xoay đổi ra mới thiệt là mới, mạnh thiệt là mạnh, cái kết-quả lạ lùng đó vẫn biết là trên nhờ có bậc anh-quân thánh-chúa là Minh-trị Thiên-hoàng, nhưng chính là do nơi cái thông-minh, cái lực-lượng, cái khí-khải chung cả dân-tộc Nhựt-bồn mà nên vậy.

Viết tới đây, tôi chợt nhớ lại bài ca “Á-tế-Á” của cụ Tán-Thuật (2) có đoạn nói về cái thành-tích Minh-trị duy-tân như vậy :

Minh mông một giải(?) Đông-dương,
 Nước non quanh quất trông càng thêm đau.
 Cờ độc-lập đứng đầu phát trước,
 Nhứt-bồn kia vốn nước đồng văn.
 Phương Đông nổi hiệu duy-tân ;
 Nhứt-hoàng Minh-trị anh quân ai bì ?
 Sứ Thần-võ riêng về một họ,
 Vùng Phò-tang chói đỏ góc trời !
 Kể đời một trăm hai mươi hai,
 Năm hai ngàn rưỡi năm mươi có thừa.
 Sẵn cơ-hội trời đưa lại đó,
 Chốn kinh-thành Giang-hộ dòi sang.
 Giệp(?) Mạc-phủ, bỏ Phiên-bang,
 Đổi dòng chánh sóc, thay lòng y-quan.
 Khắp trong nước dân-đoàn xã-hội ;
 Nhà học-đường đã ngoại ba muôn.
 Việc kỹ-nghề, việc bán buôn,
 Nơi lò nấu sắt, nơi khuôn đúc đồng.
 Trà, tơ, lụa, gai, bông, nhung, võ,
 Mọi đồ sơn vân-mẫu pha lê.
 Girom và quạt, tản(?) và xe,
 Đủ mùi hải lục, hiệp nghề công thương.
 Đất Đại-bản mở trường đúc súng,
 Xưởng Đông-kinh riêng cũng một nhà,
 Tràng-kỳ thuyền-cuộc mở ra,
 Giã-tân, Tu-hạ, ấy là hải quân.
 Thuyền với pháo đã trăm lần chấn chỉnh,
 Lại ngư-lôi bác-đĩnh ai tày ?
 Quan quân luyện tập đêm ngày,
 Một nghề so với Thái-tây kém gì !

Duy-tân rồi tới năm Giáp-Ngọ (1894), vì chuyện Cao-ly mà Nhứt-bồn đánh Tàu đại-thắng :

Năm Giáp-ngọ dùng dùng sóng gió,
 Vượt quân sang thắng trở Tam-Hàn.
 Quân Lục-áo(?), tướng Đại-san,
 Ra tay cho biết lá gan anh-hùng.

Đông(?)-tam-tĩnh đã thu trong tay áo,
 Người trắng da ngơ ngáo giựt mình.
 Cuộc hòa đầu khéo thành linh,
 Chủ-trương này bởi Nga-đình vẽ khôn,
 Bụng ái-quốc ghê hồn Nhứt-bồn,
 Giận xung quanh khôn cản nghĩa đồng cừu.
 Đã toan trở súng quay tàu,
 Y-Đặng khen khéo mưu sâu vẫn hồi.
 Nhận bồi-khoản với Bánh-đài nhượng địa,
 Trong mười năm rồi sẽ xem nhau.
 Nga kia lớn nước lại giàu,
 Bên giường giấc ngáy dễ hâu chịu yên.

Tới trận Nhứt-Nga đại-chiến hồi 1904-1905, Nhứt cũng toàn thắng :

Giáp-thìn trong tháng chạp tây,
 Chiến-thơ hai nước định ngày giao-tuy.
 Trận thứ nhứt Cao-ly lừng tiếng,
 Khấp hoàn cầu muôn miệng đều khen.
 Sa-trường xung đột mấy phen,
 Ngọn cờ Áp-lục, tiếng kèn Liêu-dương.
 Hải-quân nguyên-soái Đông-hương,
 Lục-quân Nãi-mộc, ai đương anh-hùng ?
 Hội liệt-quốc diễn tuồng hòa-nghị.
 Chấu đá voi, sự ấy cũng mực cười.
 Xem trong hòa-khoản mười hai,
 Điều nào Nga cũng chịu lui trăm phần.
 Cuộc tang hải khuất thân từng lúc,
 Đám liệt-cường nay cũng chen vai.
 Khen thay Nhứt-bồn nhơn tài,
 Từ đây danh-dự còn dài về sau.

Cả bộ sử tấn-hóa tự-cường của Nhứt-bồn, cụ Tán-Thuật mô tả thâu rút vào trong khuôn khổ mấy vần thơ khéo lắm.

*

CÁC NƯỚC ÂU MỸ CÓ CÔNG GIÚP ĐỠ NHỰT-BỒN DUY-TÂN RA THẾ NÀO

Vấn-đề này cũng nên biết, vì nó có ý nghĩa và có chỗ quan-hệ lý-thú của nó. Có người yên trí rằng mấy thế-kỷ trước, người Âu Mỹ lần mò qua Đông-phương là chỉ có mục-đích “thực-dân lược-địa” (3), mưu lấy sự tư-lợi mà thôi, chớ họ có lòng giúp đỡ cho ai khá lên như họ bao giờ. Với xứ nào, họ cũng dùng cách “tiên lễ hậu binh” ; cho mấy ông thầy tu qua trước rồi kể đưa binh lính tới sau, kiếm có kia khác choán đất người ta thì có, khi nào giúp ai ?

Sự yên trí này cũng có một phần phải ở trong, nhưng còn một phần chưa thiệt là phải. Có xứ họ tới cốt để lược-địa thực-dân, mà cũng có xứ họ tới sẵn lòng giao-hảo thông-thương và phò trợ khai-hóa cho ; ấy là tùy nơi tình-thế và lực-lượng của giống người trong xứ mà họ để chun vào. Tạo-hóa đối với muôn vật, cái gì mọc lên được thì vun bón thêm cho, cái gì nghiêng ngả thì đập xô cho ngã ; ở giữa loài người mạnh yếu với nhau cũng có cái lẽ thường như thế. Dân mạnh tới một xứ yếu, thấy xứ này vua hèn dân ngu, nói phải chẳng nghe, dạy khôn không hiểu, thì họ không chiếm trị còn để làm gì ? Thứ quốc-gia dân-tộc thế ấy chẳng mất vào tay kẻ mạnh này cũng mất vào tay kẻ mạnh khác ; sự suy vong đó đáng kiếp cho cái xứ có vua hèn dân ngu và sự xâm-lược cũng là cái quyền tự-nhiên của giống mạnh.

Còn như tới xứ nào xem ra có hạng trên trước khá, và dân cứng cỏi, thông minh, thì kẻ mạnh kia chẳng tiếc gì mà không vừa giúp cho khá, chỉ vẽ cho hay, chớ muốn nhai muốn nuốt chưa chắc đã trôi, chỉ bằng vun bón phò trợ người ta, cũng là cách kết-giao cầu lợi cho mình được.

Âu Mỹ đối với Nhật-bổn trong thế-kỷ vừa qua ở vào trong cái trường hợp như vậy đó.

Trong cuộc Nhật-bổn khai-quốc duy-tân, cố nhiên là Nhật học theo bắt chước Âu Mỹ đã đành, nhưng chính thiệt Âu Mỹ cũng có lòng lành ý tốt mà phò trợ cho nhiều lắm.

Giữa thế-kỷ 19, vì vấn-đề thông-thương đình ước, mấy phen hầu gây ra cừ thù đại-biến, mà rốt lại Nhật-bổn cũng được liệt-cường Âu Mỹ ân cần vừa giúp cho được tình-ngộ duy-tân tới cùng. Ngay lúc đề-đốc Bá-lý nước Mỹ đem đoàn tàu chiến qua bắn súng ra oai, nhưng trong ý vẫn có lượng khoan-thai tử-tế, chỉ muốn cùng Nhật-bổn giao-hảo thông-thương mà thôi ; về sau cơ-nghiệp vẻ vang mới lạ của Nhật-bổn dựng lên, thật là có nguồn suối đi ra bởi đó.

Kể sau đề-đốc Bá-lý, tới Cáp-lợi-tư qua làm công-sứ Mỹ ở nước Nhật, ông này rõ biết quan-lại của Mạc-phủ chưa rành ngoại-giao, nên chỉ ông thường lấy chơn-tình thổ-lộ và giảng-giải cho nhà cầm quyền Nhật-bổn lúc bấy giờ biết rõ những cái lợi khai-quốc thông-thương ra thế nào. Sở dĩ Mạc-phủ quyết lòng khai-quốc là nhờ có sự khuyên-bảo lợi ích của công-sứ Mỹ ban đầu, thấy kẻ dân-tâm phản đối xôn xao, Mạc-phủ cũng cứ khai-quốc. Cáp-lợi-tư lại khuyên Nhật-bổn cần nên cấm tuyệt a phiến,

kéo có hại to cho nòi-giống ; nhờ vậy mà Nhựt-bổn tránh hẳn được cái độc a-phiên từ đó đến giờ.

Hồi trong nước nổi lên phong-trào “Nhuơng-di” điên cuồng sôi nổi, xảy ra tới vụ đánh chết viên thông-ngôn ở dinh công-sứ Mỹ, làm cho công-sứ các nước phát giận, gởi thơ trách hỏi chánh-phủ Nhựt-bổn sao không hết lòng bảo-hộ ngoại-nhơn. Duy có một mình Cáp-lợi-tư rõ biết nội tình dân-tâm Nhựt-bổn, và cũng lượng xét Mạc-phủ có thành tâm khai-quốc lắm, thành ra chính viên thông-ngôn của ông bị hại vì tay của bọn thủ-cự ở Nhựt, mà ông làm lơ, không trách hỏi phiên hà gì. Rất đổi công-sứ các nước khác giận quá, rủ nhau hạ quốc-kỳ xuống mà bỏ đi Hoành-Tân, không chịu ở Giang-hộ nữa, vậy mà một mình ông Cáp-lợi-tư vẫn ở Giang-hộ không nhúc nhích, lại còn vì Mạc-phủ điều-đinh dùm cho êm vụ bất-bình này.

Trong hồi Nhựt-bổn bắt đầu khai-quốc, mỗi việc gì người Mỹ cũng lấy lòng tử tế chỉ vẽ giúp đỡ cho, có bổ ích cho cuộc tân-hóa của nước Nhựt nhiều lắm.

Năm 1859, Nhựt-bổn sai sứ qua Mỹ để trao đổi tờ ước đã ký với nhau, chánh-phủ Mỹ phái tàu trận ra đón rước và nghị-viện Mỹ bỏ thăm quyết-nghị lấy lễ quốc-tân 国賓, lễ đãi khách chung cả nước mà tiếp đãi Nhựt-sứ, khiến cho người Nhựt lấy làm cảm động hết sức.

Cũng nhờ có chuyến đi sứ này mà nhiều người Nhựt-bổn càng dễ hiểu biết rành rẽ về những lễ-nghĩa ngoại-giao.

Cùng theo đi sứ lúc đó có hai người chí-sĩ về sau in sâu những dấu-tích to lớn về vang trong lịch-sử Nhựt-bổn duy-tân, ấy là Thắng-Lân Thái-Lang (勝麟太郎 - Katsu Rintarou) và Phước-Trạch Dụ-Cát - 福澤 諭吉 - Fukuzawa Ki-ichi).

Thắng-lân Thái-lang vốn là người ăn lộc của Mạc-phủ, mà đến lúc Minh-trị duy-tân lại sốt sắng hô hào, có công với đại-nghiệp quốc-gia nhiều lắm. Còn Phước-trạch Dụ-cát thì qua xem xét văn-hóa Âu Mỹ, rồi về nước chuyên-tâm vào công việc giáo-dục thanh-niên, rèn đúc nhơn-tài ; nhiều tay anh-tuấn trong buổi duy-tân là học-trò của ông đào-tạo ra, chính ông đã mở ra một trường đại-học rất lớn đến nay vẫn còn gọi là Khánh-ứng đại-học (慶応大学 - Keiou daigaku)

Thuở đó người Nhựt xuất-dương cầu học ở các nước Âu Mỹ rất nhiều, mà chính người Âu Mỹ đem văn-nghệ học-thuật của họ vô truyền-bá cho Nhựt-bổn cũng chẳng ít ; nhưt là người hai nước Mỹ và Anh đối với Nhựt-bổn dày công-lao phò trợ hơn hết.

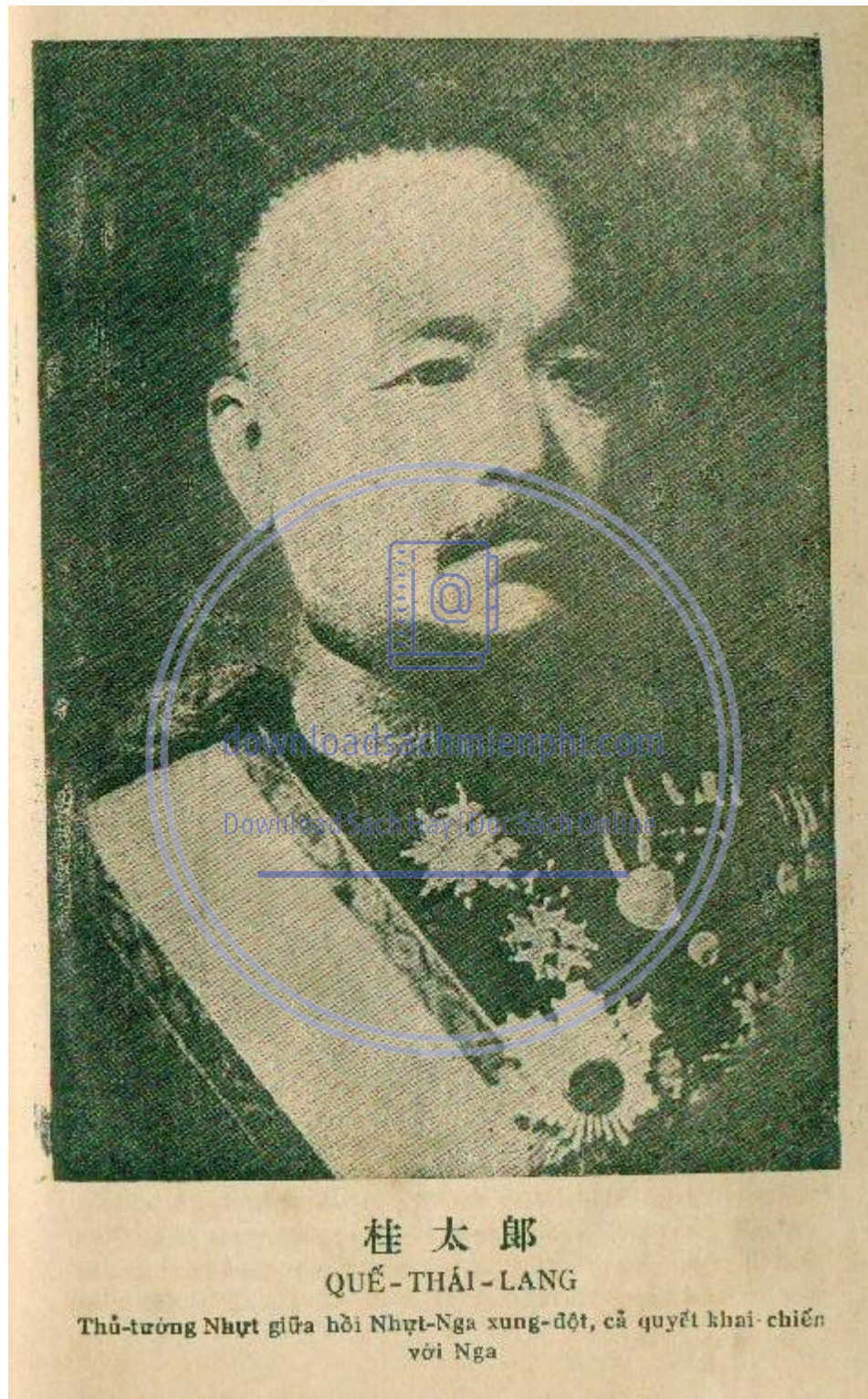
Ban đầu khai-quốc, nhờ công sứ Mỹ là Cáp-lợi-tư mỗi việc bày lợi tránh hại cho Nhựt, như đã nói sơ ở trên. Sau tới công-sứ Anh là A-nhĩ-Kha-quật (阿爾 ? ? (**),

viết theo sách Nhựt) khuyên bảo chỉ vẽ cho Nhựt-bồn đúc ra tiền-tệ mới, khiến cho Nhựt-bồn tránh được một mối hại to. Nguyên là hồi đó, chế độ tiền-tệ của Nhựt còn lồi thối, nên chi vàng bạc trong xứ bị lọt mất ra nước ngoài rất nhiều ; quốc-dân thấy vậy kinh-hoàng, nhưng không biết cách nào ngăn cản cho được. Bọn thủ-cự càng được trốn mà oán trách Mạc-phủ về sự hại mở cửa cho ngoại-nhơn vô thông-thương. Công-sứ Anh lo dùm cho Nhựt, bèn trung-cáo Mạc-phủ mau mau đúc ra tiền vàng và in ra giấy bạc, nhờ đó mà cầm cản được cái hại lọt vàng ra ngoài. Người Nhựt ghi nhớ luôn luôn rằng công-đức này của công-sứ Anh cũng có lợi cho Nhựt như công-đức của công sứ Mỹ đã khuyên bảo cấm tuyệt a phiến kia vậy.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Đến cuối năm 1867, Khánh-Hỉ tướng-quân dâng nạp đại-chánh về Thiên-hoàng Minh-trị. Chánh-phủ Thiên-hoàng tư giầy khắp công-sứ các nước hay rằng những tờ ước do

Mạc-phủ lúc trước đã ký với các nước, nay vẫn kế-tiếp thi-hành và việc giao hảo vẫn y như cũ. Có một bọn chư-hầu không ưng cải-cách, liền chia trong nước ra làm hai phe : Đông và Tây, xung đột với nhau. Ấy là nội-loạn. Trong vòng ít tháng, binh tráo dẹp yên được loạn ở Quan-đông, Áo-võ ; rồi một năm thì loạn ở Sương-quán cũng êm. Lúc đó nhơn-tâm chưa trọn lòng quy-hướng trào-đình, nghiệp thống-nhứt chưa được hoàn-thành, mà ngoại-nhơn đối với chánh-phủ cũ, tức là Mạc-phủ, xem ra tình ý vẫn còn trù mến không phai. Nay chánh-phủ mới bỗng chốc nói về việc kế-tiếp giao-hảo, công-sứ các nước chột nghe, dầu muốn không sanh lòng nghi-ngại cũng không được. Bởi vậy các nước còn đang dè-dự về sự nhìn nhận chánh-phủ mới.

Duy có công-sứ Anh đứng ra nhìn nhận chánh-phủ Thiên-hoàng trước hết, rồi sau công-sứ các nước lần lượt nhìn nhận theo, nhờ vậy mà địa-vị chánh-phủ mới lập ra đối với ngoại-bang được danh-nghĩa nhứt định. Công sứ Anh đối đãi như thế, là vì ông với mấy ông tham-tán của ông ngày thường kết-giao với đám chí-sĩ Nhứt, rõ biết nội-tình nước Nhứt, nay cho sự Mạc-phủ trả quyền trào-đình chính là việc duy-tân cải-cách, chứ không phải là cách-mạng gì mà bảo rằng không nên nhìn nhận chánh-phủ mới. Nhơn đó ông nói dùm với công-sứ liệt-quốc mà chánh-phủ Thiên-hoàng được nhìn nhận đều hết vậy.

Tóm lại, ban sơ khai-quốc có tình-thân của nước Mỹ, trong lúc duy-tân, có lòng tốt của nước Anh, người Nhứt kể ngoại-bang phò-trợ cho họ khai-hóa tấn-bộ, có hai việc đó là lớn hơn cả. Là vì Mỹ-quốc lấy tình-thân, thiên mà mở ra kỷ-nguyên mới cho Nhứt. Anh-quốc thì lấy đại-nghĩa mà giúp cho việc chánh của Nhứt-bồn được đẩy lên.

*

Ngoài ra, còn nhờ có hai cái thể biến cũng làm gốc nguồn cho cuộc duy-tân của Nhứt nữa.

Một cái thể biến từ trong ra.

Một cái thể biến ở ngoài vào.

Ta đã biết rằng khởi từ năm 1853 trở đi, Nhứt-bồn đang là một nước thủ cự đảo để và đóng cửa tuyệt giao với ngoại-quốc gần ba trăm năm, vụt chốc mạnh bạo khai-quốc rồi mau chóng duy-tân được, là nhờ có một bọn chí-sĩ từng đọc sách Hòa-lan, biết chuyện Âu Mỹ, đứng lên kêu gào thúc giục mà ra.

Ý hẩn có nhiều độc-giả phải sửng sốt muốn hỏi điều này : Quái lạ ! Từ năm 1854 trở về trước, Nhứt-bồn vẫn công-nhiên đóng cửa tuyệt giao, vậy chớ làm sao có bọn chí-sĩ từng đọc sách Hòa-lan biết chuyện Âu Mỹ được ? Còn như anh Tàu với nước Nam

mình đây, chẳng hề đóng cửa tuyệt giao lúc nào, thế sao Tàu với mình không có ai biết chuyện của Tây-phương được mấy may cóc rác gì, thiệt là khù khờ tức tối quá ! Chính nước Nam mình, hồi đời vua Lê có lập ra một chỗ riêng gọi là Phổ-hiến (4) cho người Tây-phương tới cư-ngụ thông-thương tự-do ; lại sau đến đời Gia-long, đức thầy Bá-đa-lộc có rước nhiều người Pháp kỹ-sư và quân-gia tới xây thành, luyện quân, đóng thuyền, đúc súng cho vua nhà Nguyễn ; ấy chính là những dịp cho ta mở mắt ra ngó thấy tài hay của Tây-phương và có thể học khôn họ được, nhưng vậy mà chớ hề có ai biết thâm thái lấy trí-thức Tây-phương một chút, đáng tiếc biết bao ! Tới nay Nhựt-bổn hùng-cường vinh-diệu thế kia, còn Tàu với mình yếu-hèn thấp-thỏi thế này là đáng kiếp lắm.

Phải, tôi cũng suy-nghĩ như thế.

Thuở xưa ở Nhựt, Nho-học và Hán-văn cũng thịnh, cũng tôn như ở các xứ chung quanh cùng chung một nguồn văn-hóa với họ, song đám sĩ-phu học-giả họ không quá cố-chấp lý, tự-cao bậy, hết thầy ai cũng như ai đâu. Kỳ thiệt, trong đám nhà nho cố-chấp tự-cao, có nảy ra ít nhiều người có chí, muốn hiểu rộng thấy xa, chịu khó xem xét tài khôn sức mạnh của người ta, chớ không bo bo ôm chặt lấy những lý thuyết của Nghiêu-Thuần Khổng-Mạnh, tưởng trong trời đất không có gì hơn được nữa.

Bởi vậy, giữa đời Mạc-phủ đóng cửa tuyệt-giao, trừ ra cho người Hòa-lan và người Trung-quốc là được phép ra vô mua bán tại Tràng-kỳ mà thôi, thì trong nước Nhựt đã có ít nhiều nho-sĩ cầu kỳ ham học, biết cái học-thuật phương-tây có lắm chỗ hay. Họ bèn rủ nhau đọc sách Hòa-lan, để nghiên-cứu về những môn học luyện binh, đúc súng, chữa bệnh, cùng là các khoa thiên-văn, bác-học, hóa-học nữa.

Những nhà chấp-chánh có trí rộng, cũng biết để tâm xem xét Tây-học ; hoặc tự học lấy, hoặc sai người học rồi thuật lại cho mình nghe. Ví dụ hồi giữa thế-kỷ 18, có nhà Hán-học là Thanh-mộc-Văn-tàng - 青木文藏 - Aoki) vâng lệnh Mạc-phủ sai học chữ Hòa-lan, để tau bày tinh-thể và học-thuật Tây-phương cho tướng-quân biết. Kế sau có những nhà Lan-học như Tiền-giả Lương-trạch 前野良澤 - (Maeno Ryotaku), như Bân-diền Huyền-bạch (杉田玄白 - Sugita Genbaku), đem sách thuốc Tây-phương dịch ra tiếng Nhựt.

Ngoài ra, có nhiều nhà văn-học, nhà chánh-trị, theo mấy thầy-thuốc Hòa-lan học tập Tây-văn. Dầu không thông hiểu Tây-văn, nhưng mà nhờ gần gũi ngoại-nhơn rồi cũng nghe qua học-thuật và tinh-thể liệt-quốc, cái hạng sĩ-phu đó lần hồi nảy ra cũng đông.

Ấy là giữa đời thủ-cự, trong nước Nhựt đã có một bọn người tiên-giác, từng nghiên-cứu học-thuật phương Tây rồi vậy.

Tới năm 1853, có đoàn tàu trận Mỹ-quốc vô cửa Phố-hạ, cả đám nhà nho thủ-cựu trề môi nhún mỗ, tỏ ý khinh khi người Mỹ là mọi rợ, nhưng riêng hạng thức-giả thì không nghĩ như thế. Hạng này tuy còn số ít mặc lòng, cũng mạnh bạo đứng ra chống cãi với tất cả dư-luận sai lầm trong xứ ; răn sức khuyên can ai nấy chớ có coi thường Tây-phương là mọi rợ mà nguy. Quốc-dân hăm he muốn đánh ngoại-nhơn, thì hạng thức-giả tỏ bày lợi hại, bảo đừng có chọc ghẹo đánh lộn với người ta mà thua chết. Dư-luận xướng lên chủ-nghĩa “Nhuơng-di” um sùm ; hạng thức-giả cố giảng giải cái chỗ không thể nào “nhuơng” được đâu, tất phải giao-thiệp đón rước người ta, để lượm lặt lấy những chỗ hay của họ mà bỏ vào chỗ dở của mình mới đáng.

Rồi ít năm sau, vụt một cái thời-thế nhơn-tâm xoay-đổi như chớp nháng, người Nhựt thay đổi tư-tưởng, mạnh bạo duy-tân, đó là nhờ có số ít thức-giả mở trí tỉnh hồn trước mà khuyên lơn dìu dắt hết thầy quốc-dân vậy.

Cái thế biến từ trong biến ra có nguồn gốc mỗi manh như vậy đó.

Người Hòa-lan, trong những thuở có một mình họ được Mạc-phủ rộng dung cho ra vô buôn bán, họ hay thân-cận với đám học-thức hữu-chí ở Nhựt-bồn và có công chỉ dẫn cho đám này về học-thuật Tây-phương nhiều lắm. Đến năm 1854 trở đi, Nhựt-bồn khai-quốc với Mỹ rồi, các nhà truyền-đạo và các nhà bác-học Mỹ bắt đầu sang Nhựt, phần nhiều có lòng sốt sắng rộng rãi, giao tiếp với người Nhựt một cách ôn hòa niềm nở, khiến cho bọn chí-sĩ trong nước lân la thân cận mà được mở mang về trí-thức mới rất nhiều. Hạng chí-sĩ về sau ra hoạt-động chánh-trị và có công-lao lớn trong cuộc duy-tân, được phong Bá-tước, như Đại-ôi 大隈 (Okuma), như Phó-đảo (福島 - Fukushima), như Hậu-đăng (後藤 - Goto), đều nhờ có sự tác-thành ban đầu của người Mỹ nhiều lắm.

Ngoài ra, các ông cố-đạo Thiên-chúa tầm-ngâm giúp ích cho cuộc tân-hóa của Nhựt-bồn cũng nhiều. Ông thì chỉ vẽ khoa-học, ông thì giúp đỡ giáo-dục nọ kia, đều là làm ích dạy khôn cho người Nhựt ; biết bao thanh-niên hữu-chí, nhờ có công ơn khai đạo thế ấy mà hóa ra bực anh-tài. Lại cũng vì đó mà thành ra người Nhựt không còn nghi ngờ thù ghét đạo Thiên-chúa như xưa nữa, rồi trở nên có tục tốt tự-do tín-ngưỡng và ít lâu nhảy vọt lên trên đài duy-tân.

Ấy là cái thế biến ở ngoài biến vào, làm gốc nguồn mỗi manh cho lịch-sử nước Nhựt mới vậy.

(1) Nhiếp-quan 攝官 - ??) hay Quan-bạch - 官白 - ??), đều là chức-phẩm rất cao của trào-đình phong cho vị tướng-quân Mạc-phủ

(2) Nguyễn-Thuật, làm chức Tán-tương quân-vụ ở đời vua Hàm-Nghi, sau bỏ nước đi qua Nhật-bổn rồi về ẩn-cư bên Tàu ; tạ thế chừng ngoài mười năm nay. Cụ chính là nhạc-phụ của Tôn-Thất-Thuyết.

(3) Thực-dân lược-địa (殖民掠地-?)) : Dời dân mình đi ở nơi khác kiếm ăn và cướp lấy đất nước của người ta.

(4) Phố-hiến lúc đó là tỉnh Hưng-yên ở Bắc-hà bây giờ, nhiều người các nước Hòa-lan, Y-pha-nho, Bồ-đào-nha, Nhật-bổn v.v... tới lập tiệm bán buôn đông đảo vui vẻ. Sự phiên-ba của Phố-hiến chỉ thua có thành Thăng-long tức là kinh-đô Hà-nội mà thôi, bởi vậy thuở ấy ta có câu phong-dao :”Thứ nhứt kinh-kỳ, thứ nhì Phố-hiến”.

(5) Đến giờ con cháu họ Đức-xuyên vẫn được trào-đình trọng-đãi, quốc-dân kính-tôn. Con của Khánh-Hỉ là Đức-Xuyên Gia-Đạt (徳川家達 - Tokugawa Iesato) được lập tước-công, hiện có một lúc làm Nghị-trưởng viện Quý tộc.

Chương V

Công Phu Giáo Hóa

Ai nấy đã biết tới giữa thế-kỷ 19 vừa qua, dân-tộc Nhật-bổn vẫn đang là một dân-tộc còn hèn yếu quê mùa, bo bo thủ-cự, chẳng hơn gì những dân-tộc khác ở Đông-phương này cùng trong thời đó ; thế mà chỉ có một mình Nhật-bổn vụt chốc đổi mặt thay da, xăn xái nhảy vọt lên đài văn-minh phú-cường được, là tại sao vậy ?

Chắc có nhiều người trả lời mau mắn :

- Tại dân-tộc họ biết thời thế mà tỉnh-ngộ tự-tân.

Chính phải vậy rồi, song tôi tưởng câu trả lời ấy chưa đủ tỏ hết ý-nghĩa, tất chưa làm thỏa lòng những người muốn hiểu rộng biết xa được. Nếu có ai cắt-cớ lại hỏi vặn ta : “Cùng ở trong cái trình-độ thấp hèn gần giống như nhau, và cùng gặp cảnh-ngộ đại-khải như nhau, thế sao chỉ có một mình dân-tộc Nhật-bổn biết thời-thế mà tỉnh-ngộ tự-tân, còn các dân-tộc khác thì không ?”, vậy thì ta liệu trả lời ra sao cho được đây ? Thiệt vậy cùng trong cái thời-gian xấp-xỉ lồi đó, Đông-phương có mấy xứ cũng vì lẽ đóng cửa tuyệt giao, hay là vì lẽ chém giết tín-đồ Thiên-chúa, mà gây nên có cơ cho liệt-cường Âu Mỹ đem súng đồng tàu trận tới hỏi tội ra oai,

chớ nào phải riêng mình xứ Nhựt mới có cái cảnh-ngộ ấy đâu ! Nhưng sao mấy dân-tộc khác đều phải chìm đắm suy vong vào trong tay người, trừ ra một mình Nhựt-bồn là vẹn về nguyên lành, lại mau mau đổi thay tấn-tới cho kịp thời bằng người được, vậy thì ở trong tất-nhiên họ phải có một cái gốc nguồn, một cái lực-lượng sẵn sàng làm sao đó rồi tới nay họ mới nảy ra tinh-ngộ tự-tân được như thế chớ.

Ấy là một vấn-đề quan-hệ, chúng ta nên tìm tòi suy xét.

Chính là vấn-đề giáo-hóa.

Nhựt-bồn trở nên một quốc-gia dân-tộc như ta thấy ngày nay, có thể nói rút lại một câu, là chỉ nhờ cái thành-hiệu của việc giáo-hóa khôn khéo mà ra. Giáo-hóa của lịch-sử dân-tộc, giáo-hóa của quan giới vua hiền, giáo-hóa của các bậc chí-sĩ tiên-giác, mấy cái nguyên-tố đó chồng chất lên nhau, kết thành tinh-ba rồi sanh ra đứa con quý-báu, tên là : Duy-tân tự-cường.

Bởi vậy, nếu ta muốn biết rõ lịch-sử duy-tân của Nhựt-bồn có gốc nguồn từ đâu phát ra, thì ta phải xét tới công-phu giáo-hóa của dân-tộc họ mới được.

Kể ra có hai phần quan-hệ nhưt :

Một phần là công-phu từ trong lịch-sử dân-tộc.

Một phần là công-phu của các bậc chí-sĩ tiên-giác.

Chủ-ý chương này cốt đem những cái đặc-sắc giáo-hóa có dính dấp bồi bổ hơn hết cho cuộc duy-tân của nước Nhựt mà bày tỏ ra, để cho chúng ta phải nhìn biết rằng việc giáo-hóa có quan-hệ lớn lao cho cái vận mạng nhục, vinh, còn, mất của một dân-tộc một nước ra thế nào ? Còn có chủ ý thứ hai là để giải nghi cho ít nhiều người mình thường băn khoăn không hiểu tại sao bốn năm nước ở góc trời Đông-phương này cũng là học trò văn-hóa Trung-quốc, nhưng rốt cuộc lại Trung-quốc, Cao-ly và Việt-nam mình dính chùm với nhau một lũ yêu hèn đến nay, còn Nhựt-bồn kia thì trở ra đi được một ngả khác hết sức oai-vệ vẻ vang ?

VIỆC GIÁO-DỤC TỪ ĐỜI MINH-TRỊ TRỞ VỀ TRƯỚC

Ngay từ khi mới kết-hiệp nhau thành dân-tộc, xây-dựng lên quốc-gia, Nhựt-bồn đã có cái gốc quốc-dân giáo-dục rồi.

Cái gốc ấy là Thần-giáo.

Thần-giáo là nền tôn-giáo tự-nhiên của dân-tộc Nhựt-bồn, do nơi tư-tưởng nhứt-định “nước là nước thần sáng-tạo, vua là con thần trị-vì” mà lập nên. Bởi đó từ xưa người Nhựt lấy đạo thờ cúng tổ-tiên, tôn vua yêu nước, làm cội rễ giáo-dục. Tuy đời thượng-cổ chưa có chữ nghĩa sách vở chỉ để làm phương pháp giáo-dục, chớ trong hương-tộc gia-đình, trong phong tục tập-quán, người ta vẫn lấy lời lẽ truyền dạy khuyên răn nhau về đạo xử-thế lập-thân cho đúng với Thần-giáo. Trung hiếu, nhơn nghĩa, trong sạch, thẳng ngay, cang cường, võ dũng, ấy đều là những tôn-chỉ tinh-ba của Thần-giáo mà mỗi người Nhựt nào cũng phải trau dồi gìn giữ ở đời.

Nhơn vì tôn-chỉ của Thần-giáo như thế, cho nên về sau lần lần giao-thông với đại-lục rồi có Nho-giáo và Phật-giáo truyền sang Nhựt-bồn, càng giúp ích mở mang cho họ trở nên có văn-hóa rực-rỡ và có phương-pháp giáo-dục hẳn hoi chớ không có chống chọi trái nghịch với những tư-tưởng sẵn có của họ một chút nào. Không như lúc sau, Cơ-đốc giáo ở Tây-phương đem qua, gây ra đến sự xung đột đổ máu rồi tới đổi Nhựt-bồn đóng cửa tuyệt giao.

Nho-giáo sang Nhựt nhằm đời vua Ứng-thần Thiên-hoàng (應神天皇 - ??), vào khoảng năm 200 của Tây-lịch. Sau đó ít lâu thì tới Phật-giáo.

Dưới xa, sẽ có một chương nói riêng về Nho-giáo và Phật-giáo ở nước Nhựt, vì là một vấn-đề cần dùng quan-hệ, phải nói tách riêng mới được. Đây chỉ có ý kể sơ Nho-giáo và Phật-giáo có ảnh-hưởng cho việc giáo-dục của Nhựt-bồn thế nào mà thôi.

Người Nhựt rất hoan-ngình Nho-giáo Phật-giáo truyền vào xứ họ, là vì họ thấy tôn-chỉ đại-cương của hai giáo ấy không khác xa gì tôn-chỉ Thần-giáo của họ xưa nay, nghĩa là đều dạy người ta về những đạo-lý trung quân ái quốc, nhơn nghĩa liêm sĩ như nhau. Nhứt là Nho-giáo đem chữ Hán qua cho họ có cách giáo-dục bằng sách vở chữ nghĩa rất lợi tiện phân-minh, chớ trước kia nước họ không có chữ riêng.

Bấy giờ trong nước mới mở ra trường học - có đại-học tiểu-học, có công-lập tư-lập - lấy Nho-học làm chánh-học, và lấy Hán-tự làm quốc-văn.

Chủ-ý giáo-dục, với hạng dưới là cốt dạy dỗ những chuyện thông-thường cần biết, còn với hạng trên là cốt rèn tập những người thông-thái làm quan giúp nước.

Việc phổ-thông giáo-dục, tuy có một lúc bày ra hạn chế, chỉ có mấy ông thầy chùa tu đạo Phật mà giảng đạo Nho thì mới được mở trường dạy học, nhưng sau rồi nhà-nước để dân tự-do, ai muốn mở trường dạy trẻ, nhà nào muốn nuôi thầy dạy học cũng được. Các trường phổ-thông này gọi là Tự-tử-ốc (寺子屋 - Terakoya), tức như mấy thầy đồ trong xóm ở xứ ta ngày xưa, mà đạo thầy trò nghiêm trang kính mến cũng thế. Duy có cách dạy ở Nhựt-bổn khác : Con trẻ vô học ở Tự-tử-ốc từ tám chín tuổi đến mười hai mười ba tuổi, bắt đầu học tam tự kinh trước rồi lần hồi học tới Tứ-thơ, song ngoài việc học sách tập chữ ra, còn phải học làm toán, học viết thơ, học nói chuyện, và học buôn bán giao-thiệp v.v... tùy theo chức-nghiep gia-đình của đứa trẻ ra sao thì thầy đồ dạy cho môn học thích-dụng đó.

Té ra về mặt tiểu-học của người Nhựt đời xưa đã biết dạy lối chuyên-khoa thích-dụng rồi, chứ không phải rỗng dạy hư-văn như ta trước kia.

Đến như đại-học giáo-dục cũng đã chia riêng ra nhiều khoa : Văn-chương, nghệ-thuật, chánh-trị, pháp-luật ; ai học khoa nào chuyên riêng khoa nấy, nhà-nước nuôi cơm may áo cho và học-sanh có quyền mượn sách để đọc, vì đời xưa kinh sách chưa có bản in, nhà trường chỉ có ít bộ viết bằng tay, người học phải chuyền tay nhau mà coi.

Té ra về mặt đại-học ở nước Nhựt cổ-thời cũng đã biết cách tổ-chức hơi giống như đời nay rồi.

Dầu là bậc học nào thì việc giáo-dục cũng là thu vào trong một mục đích : *Hòa-hồn Hán-tài* (和魂漢才 - Yamatodamashi Kanzai).

Thế nào là Hòa-hồn (和魂 - Yamatodamashi)

Hòa-hồn là tinh-thần sẵn có của quốc-dân.

Thế nào là Hán-tài (漢才 - Kanzai) ?

Hán-tài là kiêm thông tri-thức của ngoại-quốc.

Tóm lại tôn-chỉ giáo-dục, phải lấy Hán-văn Nho-học làm lợi khí để mở-mang học-thuật, bồi bổ trí-thức cho họ, nhưng họ là dòng dõi người Đại-hòa vốn có tinh-thần đặc-sắc rất quý báu tốt đẹp vậy thì tinh-thần đặc-sắc ấy họ phải quý chuộng gìn giữ luôn luôn, không vì học khôn học chữ của người mà bỏ cái hay của mình đi được.

Thế là việc giáo-dục ở nước Nhật đời xưa, tuy có thâm-nhập Nho-học của Tàu và triết-lý của Phật làm cốt, nhưng đến cái gọi là tư-tưởng tinh-thần riêng của Nhật-bôn đã có sẵn-sàng, thì họ vẫn còn giữ, chớ không hề để cho bị xâm phạm tiêu tan đi.

Về việc võ, thì có phép giáo-dục gọi là *Võ-sĩ-đạo* (武士道 - Bushido).

Muốn biết việc giáo-dục ở nước Nhật cổ-thời, không thể nào không nói đến *Võ-sĩ-đạo* ; cũng như muốn biết giáo-dục của Âu-châu đời trung-cổ, thì ngoài giáo-dục nhà tu ra, tất phải nghiên-cứu đến giáo-dục kỵ sĩ (chevalerie) của họ nữa.

Chuộng võ vốn là tinh thần cố-cựu của dân-tộc Nhật-bôn, nguyên-do từ trong sự tín-ngưỡng Thần-giáo, và lại bởi địa-lý, bởi dân-chúng buộc phải phấn-đấu mà ra, ở chương thứ 1 đã có nói rõ. Đến giữa thế-kỷ 12 (theo Tây-lịch) trở đi, có *Võ-sĩ-đạo* lập ra, tức là nền giáo-dục về việc võ. Nhà võ sĩ phải giữ gìn bốn-lãnh, trao dồi nhơn-cách của mình rất nghiêm rất khó ; kính Thần, mộ Phật, tập võ-nghệ, giảng văn-học, lấy đức thẳng-ngay kiem-uớc làm tôn-chỉ, coi lời nói mình nặng như Thái-son, không được sai chạy. Nhứt là không biết tránh nguy sợ chết là gì, kẻ nào nhút nhát tránh nguy sợ chết là kẻ trái nghịch *Võ-sĩ-đạo*.

Lúc bấy giờ, khắp nước đều lấy việc võ-dũng khuyên răn tranh-cạnh nhau, ai nấy gắng gổ làm cho rạng rỡ gia-môn của mình. Tới lúc chúa Nguyên là Hốt-tát-liệt (忽必烈) từ đất Mông-cổ dấy lên, đã thôn-tính được Trung-quốc mà làm vua rồi, liền thừa thắng đem binh ròng thuyền chiến tràn qua đánh Nhật-bôn, bọn tướng-sĩ hải-phòng của Nhật tuy là yếu thế, mà cũng lặn nhào ra đánh binh Nguyên rất là can-đảm, rốt lại phía Nhật chỉ còn có ba mạng sống sót. Trận này làm rung động tâm-lòng dân Nhật đối với việc chống giặc giữ nhà, thúc giục cho *Võ-sĩ-đạo* càng thêm phấn phát.

Từ đó, võ-sĩ rán sức tập rèn giáo-dục, bên trong lấy quan-niệm sống chết để trau-dồi tinh-thần, bên ngoài lấy những thuật cung mã đao kiếm để luyện-tập gân cốt, trở nên hạng người đứng trên hết tứ dân, làm bức thành đỡ ngăn che nhờ nhà nước. Võ-sĩ tự gánh lấy công việc dẹp loạn an dân, coi là nghĩa-vụ trách-nhiệm của mình, hai cây gươm của võ-sĩ đeo bên mình, là cái dấu tỏ về danh-dự, sánh với sanh-mạng, danh-dự còn quý báu hơn. Võ-sĩ mà bị tịch-thâu mất hai cây gươm đó, rồi cầm mang trọn đời, ấy là cực-hình, chớ tử-hình còn là hạng thứ. Nhưng đã là võ-sĩ, thì ai cũng có tinh-thần đồng-cảm, thà chịu bay đầu nát thân, không khi nào chịu để cho mất song kiếm.

Võ-sĩ-đạo có cái cao-phong bỏ mình vì nghĩa, gan dạ xông pha, khiến cho Nhựt-bồn lừng lẫy oai danh ở hải-ngoại. *Phong-thần Tú-cát* (豊臣秀吉 - Toyotomi Hideyoshi) làm tướng quân đem binh vượt biển đánh Triều-tiên, tung-hoành oanh-liệt, làm cho vua nhà Minh nước Tàu phải giựt mình, chính là cái công của Võ-sĩ-đạo. Lúc này người Tây-dương đã bắt đầu qua Nhựt, những người Nhựt có chí đang muốn thu thập văn-minh Tây-dương, chẳng may bọn ngoại-nhơn truyền-đạo làm cho Mạc-phủ sanh nghi, mới có chánh-sách khóa cửa từ lúc ấy mãi cho đến đời Minh-trị duy-tân, ròng rã 300 năm, nếu không vậy thì Nhựt-bồn đã chịu ảnh hưởng giáo-dục Tây-phương sớm lắm rồi.

Tuy vậy, trận Phong-thần Tú-cát đánh Triều-tiên cũng có ảnh hưởng lợi ích cho quốc-dân Nhựt, là được văn-hóa nghệ-thuật của Trung-quốc do ngả Triều-tiên mà truyền sang.

Sau tới họ Đức-xuyên làm tướng-quân, nhứt-thống toàn-quốc, thiên-hạ thái-bình, không phải dùng tới võ-lực nữa, bèn ra sức mở mang về văn-hóa. Thời kỳ này trải hơn hai thế-kỷ rưỡi, việc học-thuật giáo-dục mở-mang phát-đạt lắm; chẳng những về mặt cổ-học mà thôi, cho đến tân-học cũng đã có một hạng người kiến-thức đề tâm nghiên-cứu, khuròi đào ra cái nguồn khai-quốc duy-tân sau này.

Việc giáo-dục ở Nhựt-bồn hồi xưa lai-lịch biến-thiên đại-khải là thế, ta chỉ xét sơ vậy cũng đủ, nhưng có một vài cái đặc-sắc lạ lùng kể ra sau đây, ta nên chú ý.

KHÔNG PHẢI NHƯ KHỈ THẤY AI LÀM GÌ CŨNG BẮT CHƯỚC Y

Sự thiệt, trước khi chưa có Hán-tự truyền sang, Nhựt-bồn cổ-thời không hề có văn tự riêng.

Có mấy nhà cổ-học Nhựt-bồn nói rằng xứ họ thuở xưa đã có chữ riêng gọi là chữ *A-tỳ-lưu* (阿毗留文字 - ??), có 47 âm, hình-dáng gần giống như *Ngạn-văn* (諺文 -) là cổ-tự nước Hàn (tức là Triều-tiên hay Cao-ly ngày nay). Người Nhựt cho thứ chữ này là “Thần-đại văn-tự (神代文字 - ??)”, nghĩa là thứ chữ ở đời Thần mới dựng nước trị vì, hiện nay không còn thấy dấu-tích ở đâu nữa.

Song, một nhà bác-học ở đời Duy-tân là ông *Đằng-cương Thắng-nhị* (藤岡勝二 - Fujioka Katsuji), đã có công khảo-cứu kỹ-lưỡng về quốc-ngữ Nhựt-bồn, nói rằng cổ thời Nhựt-bồn không có chữ riêng nào cả. Chẳng qua đời trước, khi đã có Hán-tự truyền sang rồi, có mấy nhà học-giả háo sự, lấy có Nhựt-bồn cổ thời không có chữ riêng là sự xấu hổ, bèn đoán chừng mà bày vẽ ra chữ *A-tỳ-lưu* cho có chuyện đó thôi. Dầu phải cổ-thời thiệt có thứ chữ ấy đi nữa, thì nó cũng chưa được thông-

dụng cho dân, mà cũng chưa thành hình-thể, chưa đúng tư-cách một thứ chữ. Tóm lại, *Đằng-cương* nói quyết rằng thuở xưa Nhựt-bổn không có văn-tự riêng của mình bao giờ.

Tôi muốn nhắc tích xa xuôi như thế là để chỉ rõ ra rằng Nhựt-bổn bắt đầu có lịch-sử trở đi, tới 900 năm không có chữ riêng mà dùng ; việc giáo-dục lúc ấy chỉ là một cách mẫu-giáo khẩu-truyền, đại-khái cũng như nước Nam mình về đời Hùng-vương vậy. Đến lúc được 1000 năm dần tới (nhằm thế-kỷ thứ hai của Tây-lịch), có Hán-tự vượt biển truyền sang thì Nhựt-bổn mới có văn tự.

Từ đây, sự giáo-dục trong xứ đã có phương-pháp truyền-bá : Họ lấy ngay Nho-giáo làm quốc-học, Hán-tự làm quốc-văn.

Nho-giáo, Hán-tự của ông thầy Trung-quốc có ba cậu học-trò ruột : Cao-ly, Nhựt-bổn và nước Nam mình.

Nhưng mà giống người Nhựt có cái đặc-tánh tự-lập lạ lùng ; họ cần phải bắt chước ai về chuyện gì thì cứ bắt chước, mà vẫn giữ nguyên cái đặc-tánh tự-lập của họ, chớ không phải bắt chước như khi, thấy ai làm sao thì cũng làm theo y như vậy.

Người mình học theo đạo Nho chữ Hán, chỉ trừ ra đọc âm là khác Tàu một chút thôi, còn thì bao nhiêu chế-độ văn-vật của Tàu bày đặt thế nào, mình đều rước lấy và phỏng theo giống y như thế ấy. Từ áo-mão phép-tắc chôn trào-đình, lễ-nghĩa luật-lệ giữa dân-gian, cho đến mọi việc từ-chương, khoa-cử, tang-tế, phẩm-hàm v.v... nhứt thiết chuyện gì mình cũng in khuôn, rập kiểu của Tàu, không sai một mảy. Trải mấy ngàn năm, hễ Tàu vẽ vờ thay đổi cái gì, ta đều bắt chước đúng y cái đó, làm như theo đuôi dính gót người Tàu, không khác gì hình với bóng. Khó nhứt là cúi đầu nhắm mắt mà bắt chước cả cái học-vấn luân-lý của bọn Tống-nho và rước lấy cái độc hại mê-mộng khoa-cử, khiến cho dân-khí hèn-yếu, quốc-vận suy-vi, rồi thì thầy sao trò vậy, dính chùm với nhau một lũ hư hèn chìm đắm như ngày nay. Cao-ly cũng thế, vì họ cũng bắt chước Tàu một cách “chụp hình” như ta.

Nhựt-bổn đâu có phải vậy. Cũng thì học-trò văn-hóa Trung-quốc, nhưng mà họ biết lựa lọc điều hay, xa lánh mỗi tệ, để lập nên một tinh-thần cốt-cách riêng. Ta coi nội một chuyện học theo chữ Hán đạo Nho đủ tỏ ra giống người Nhựt có đặc-tánh tự-lập lớn lắm.

Một là không thêm chuộng hư-văn.

Chỗ cốt-yếu của họ trong sự lợi-dụng Hán-tự là để làm phương-pháp giáo-dục, mà giáo-dục chỉ chuyên thực-dụng, chứ không ham-chuộng hư-văn. Trong xã-hội cũng có một hạng là bác-học danh-nho, ưa mài dũa văn-chương, ngâm-ngã thơ-phú bằng Hán-tự ; còn dân-chúng thì chỉ cốt nhờ nơi Hán-tự để học cho biết về lịch-sử, về đạo-lý, cùng là các việc nhứt-dụng thường-thức, nghệ-thuật, chức-nghiệp mà thôi ; đến việc văn-chương đối với họ chỉ là dư-sự, biết hay không biết cũng chẳng lấy làm khinh trọng gì.

Sự thiệt, Nhựt-bồn học chữ Hán mà không chịu nô lệ phục-tòng nó quá lố như Cao-ly với nước Nam nhà mình. Bởi vậy, khi chữ Hán đã truyền rộng ở trong dân-gian rồi, ngày nào người ta cũng phải thường viết thường dùng tới, có mấy nhà học-thức cao-kiến, thấy chữ Hán rắc-rỉ nhiều nét quá, vừa khó đọc khó viết cho người ta, và e bất tiện cho việc học-vấn giáo-dục, nên chỉ mấy ông tìm cách sửa-đổi cho giản-tiện dễ-dàng. Rồi đó có lối chữ gọi là *Bình-giả-tự* và *Phiến-giả-tự* ở trong trí riêng của họ đẻ ra. Nghĩa là họ nhơn chữ Hán mà tạo-thành một lối văn-tự riêng của Nhựt-bồn vậy.

Bình-giả-tự (平假字 - Hira-gana) là mượn lối chữ viết tháu mà biến ra chữ thiệt, để viết cho đỡ tốn nét.

Phiến-giả-tự (片假字 - Kata-gana) là lối chữ chỉ mượn lấy một “mảnh” của chữ Tàu, hoặc một bên, hoặc một góc, hoặc trên đầu, hoặc dưới cẳng, để viết cho được giản tiện, kéo nguyên-chữ rắc rối nhiều nét quá.

Hiệp lối chữ mượn này với một phần Hán-tự còn để y-nguyên, lập thành ra lối văn-tự riêng của Nhựt-bồn, gọi là *Hòa-văn* (和文 - Wabun), nghĩa là chữ của dân-tộc Đại-Hòa. Có thể nói là “riêng” được hẳn hoi, là vì ta thấy ngoài *Hòa-văn* ra, những chữ Hán nào họ còn để y-nguyên mà dùng, thì khi viết ra mỗi chữ Hán ấy đều có thể chưa theo âm Nhựt ở bên cạnh. Và lại chính Hán-văn người Nhựt cũng viết theo thể-cách mẹo-luật riêng của họ, chứ không giống như hơi văn kiểu đặt của người Tàu. Mình đây học chữ Hán, đã từng có các cụ thơ hay văn giỏi, bóc lấy cái dạng Hán Đường khiến cho người Tàu xem phải kính phục, nhìn nhận không thua gì họ ; Nhựt-bồn thì khác, có người Nhựt đã nói : “Chúng tôi có lắm ông chuyên trị Hán-văn, viết ra đầu hay mấy mặc lòng, cũng vẫn có chứa cái khí-vị Nhựt-bồn trong đó”.

Có lần tôi được tiếp chuyện một ông lãnh sự Nhật ở Saigon, là Cao-trạch Trinh-nghĩa (高澤卓義 - Takazawa ???), Consul Takasawa), nhơn hỏi tại sao văn-pháp chữ Hán của người Nhựt viết khác người Tàu ? Ông Cao-trạch nói : “Có lẽ tại

chúng tôi học chữ Hán từ đời cổ thể nào, sau vẫn tôn-trọng giữ gìn thể ấy ; còn chữ Hán ở bên Tàu thì trải nhiều lớp biến-thiên sửa-đổi về những lẽ lối dùng chữ đặt câu mới tới ngày nay, tự nhiên văn-pháp hai đàng khác nhau nhiều”.

Tôi tưởng lời ông Cao-trạch (Takazawa) có lý.

Ngay đến *Hòa-văn* từ xưa truyền lại, cũng từng trải nhiều phen sửa-sang bồi-bổ cho tới nay, mới thành ra một thể-văn hoàn-toàn phổ-thông. Sách văn báo chí đều biên chép bằng lối chữ riêng đó, xen lộn với ít nhiều Hán-tự, nhưng thường bên cạnh Hán-tự có chua quốc-âm tức là *Hòa-văn*, rất là lợi tiện, dễ hiểu cho dân, đã không mất lâu công-phu học-tập và cũng không phải viết quá phiền phức như là Hán tự để nguyên hình thể. Thử coi một dân-tộc có tánh-cách tự-lập đến đổi đi mượn chữ người ta cũng biến-hóa thành ra chữ mình như thế, đáng phục biết bao !

Nói tới đây tôi chợt nhớ lại ông bà ta xưa cũng từng dựa theo Hán-tự mà đặt ra lối chữ *Nôm*, nhưng chỉ vì cái óc mình quá sùng-bái, quá nô-lệ Hán-tự, cho nên chữ *Nôm* không có thể biến-hóa trọng-dụng mà thành ra một thể quốc-văn có lợi ích cho việc học-vấn giáo-dục như là *Hòa-văn* của Nhựt kia được, thật là đáng tiếc !

Hai là Nhựt-bổn không nhiệm cái độc khoa-cử làm quan.

Nước Tàu, từ đời Hán-đường trở đi, bày ra lẽ lối khoa-cử thi đậu làm quan, là cốt để lung-lạc cám-dỗ đám văn-nhơn say-mê cặm-cui vào đó cho dễ cai trị, không ai còn tâm-tư trí-não để nghiền ngẫm suy cứu hầu có nảy ra tư-tưởng nào rộng xa, lý thuyết gì cao kỳ được nữa. Vì bọn làm vua - hầu hết những kẻ sáng-nghiệp quân-chủ là hạng võ-nhơn - rất sợ những tư-tưởng cao, lý-thuyết lạ, có thể làm rung động dân-tâm, bất lợi cho cái ngai vàng của họ. Như đời Châu về trước, là đời chưa có khoa-cử như mỗi, trối óc người ta, thành ra tư-tưởng học-vấn được tự do phát-triển, có phải đời ấy đã nảy ra được lắm triết-lý cao, nhiều học-thuyết mới, và có những bậc thánh-triết hiền-tài như Khổng, Mạnh, Trang, Mặc v.v... kế tiếp nhau nổi lên đó. Thử hỏi từ Hán-đường trở xuống, có khoa-cử bày ra rồi, nước Tàu có những tư-tưởng và văn-tài như thế mọc ra nữa không ?

Ai cũng phải trả lời : không !

Xét nội chỗ đó đủ thấy nọc độc khoa-cử là ghê gớm.

Nước Nam mình rước văn-hóa Tàu và rước luôn cả nọc độc ấy nữa, lại còn khéo vẽ vời châm chế cho độc thêm, hèn chi suốt cả lịch sử dân-tộc trải mấy ngàn năm, người mình không hề có ai sáng-tác xây dựng ra được một thứ gì gọi là cốt

riêng, về lạ ; rất đổi tới lúc có những súng đồng tàu trện giàn ra ở trước cửa nhà mình rồi, thế mà các cụ danh-nho học-giả mình cũng còn mê mộng vào khoa-bảng từ chương, còn ỷ y vào cái đạo trị-quốc an-dân của Nghiêu-Thuấn Võ-Thang mới khổ !

Dem minh chứng ra như vậy để tỏ cho biết người Nhựt là khôn.

Thiệt, họ đón rước văn-hóa chế-độ của Tàu đủ thứ, chỉ trừ ra cái chế-độ khoa-cử là không. Nói cho phải, thuở xưa họ cũng có đặt ra phép thi để kén hiền-tài, nhưng cách thi giản-tiện tự-nhiên, chớ không quá trương-hoàng tô-điểm như khoa-cử bên Tàu để làm cho say đắm lòng người. Và lại theo thường, họ trọng sự tấn hiền cử-tri như lối kén chọn nhơn-tài đời xưa, và cũng gần giống như lối đầu phiếu tuyển-cử đời nay, nghĩa là ai phải hiền tài, thế nào quan-trưởng sở-tại cũng phải tâu bày tấn cử để cho phiên-chúa hay tướng-quân bổ-dụng.

Huống chi bôn-ý giáo-dục của họ, bao giờ cũng có ý cốt huấn-luyện cho dân có nhơn-cách trước, có học-thức sau, hơn là có ý rèn tập người ta mai sau làm quan. Họ lấy tài võ-dũng ra tranh-hành phần-đấu, để làm cho rạng tỏ gia-môn, lập nên công-nghiệp là phần nhiều. Có lẽ nhờ đó mà họ không vương nhảm cái độc hư-văn khoa-cử, và chính vì chớ tránh khỏi cái độc này, nên chi ngay từ hồi xưa, nghệ-thuật công-thương của họ đã mở-mang khá lắm.

Ba là sớm biết Hán-học thiếu sót.

Dân Nhựt vốn giàu cái khí-tượng hăm hờ tấn-thủ luôn luôn, không chịu ngồi một nơi, đứng một chỗ. Nội một việc bóc lột Hán-văn đặt ra thứ chữ riêng, như đoạn trên đã nói, chính là một cái khí-tượng tấn-thủ tỏ bày rõ ràng.

Đến đổi sau khi Hán-văn truyền-bá tới một bậc cao và lại có Hòa-văn đặt ra, lợi tiện cho việc học-vấn giáo-dục lắm, nếu như dân-tộc nào khác chắc lấy làm tự-mãn tự-túc rồi, nhưng dân-tộc Nhựt-bồn lại có ý bất-mãn về Hán-học đã lâu, cho là Hán-học hãy còn thiếu sót. Bởi bất-mãn về Hán-học, nên chi hồi xưa đã có những người chú ý chuyên-tâm về sự học khác.

Buổi đầu Mạc-phủ Đức-xuyên (trước đời Minh-trị duy-tân lối 250 năm) đã có năm ba người Âu-châu, nhứt là người nước Hòa-lan, lần mò sang Đông-phương buôn bán, nhiều nhà trí-thức ở Nhựt-bồn cùng họ giao-thiệp, xét biết cái học của Tây-phương là hay, rồi cặm cụi học-tập với mấy người Hòa-lan đó. Ấy là Lan-học (蘭学 - Rangaku). Chớ chỉ lúc sau đừng có mấy ông cố-đạo làm cho Mạc-phủ sanh

nghe mà phải thi-hành chánh-sách khóa cửa, thì chắc học-thuật Tây-phương đã có thể tràn vô Nhứt-bổn từ sớm kia rồi.

Dầu sao mặc lòng, giữa đời Đức-xuyên là đời Hán-học toàn thịnh và Tây-phương bị nghi, thế mà trong nước vẫn có năm ba nhà học-vấn đã sớm giác-ngộ về chỗ hơn kém của hai thứ học Đông Tây, mà biết khuynh-hướng về thứ hơn, rồi lần lần giác-ngộ cảm-hóa khắp nước, thành ra một nền dân-gian giáo-dục mới, mở đường đi và lên tiếng trước cho cuộc duy-tân khai-quốc sau này. Ta nên biết cái hạng học-vấn tiên-giác có ảnh-hưởng lợi-ích cho nước non nòi giống là vậy đó ! Có đâu quá nô-lệ phục-tòng Hán-học như nhà nho nước mình, hèn chi có lúc Phổ-hiến tụ tập ngoại-nhơn đông đảo, là lúc có kỹ-sư Pháp đóng tàu đúc súng dùm cho vua Gia-long, chớ hề có nhà học-vấn nào biết mở mắt dòm người, động lòng tự-giác một chút !.

Đó, ta coi dân-tộc Nhứt-bổn từ xưa, về mặt văn-hóa giáo-dục vẫn giữ tinh-thần bổn-chơn và có tánh-cách tự-lập, chẳng những là bất chước người, mà khéo cân-nhắc lợi hại, lựa chọn dở hay, lại còn mượn chữ người để đặt ra chữ riêng của mình được, ấy là một sự cổ lai hình như chẳng thấy dân-tộc nào có. Cái cơ sở Minh-trị duy-tân dựng lên được mau, chính là nhờ có sẵn cốt-cách đời trước đó vậy.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ĐẠI-KHÁI VIỆC GIÁO DỤC TRONG ĐỜI MINH-TRỊ

Trên đây đã có đoạn nói sơ về sự-nghiệp giáo-dục của Nhứt-bổn cựu thời cùng là chỉ tỏ ra mấy cái đặc-sắc về văn-hóa trước đời Minh-trị duy-tân. Đoạn này nói về sự-nghiệp giáo-dục của chính đời Minh-trị, cố nhiên cũng chỉ nói lược những điều cốt-yếu mà thôi.

Trước hết, có một điều ta nên nhìn biết ngay, là trong cái quy-mô lớn lao của Minh-trị Thiên-hoàng nhứt-định cải-cách duy-tân, việc giáo-dục chính là việc chú trọng đầu hết. Bởi vậy, bữa hôm Thiên-hoàng hạ chiếu duy-tân, ngài ngự ra điện Tử-thần, hội các công-khanh chư-hầu làm lễ tế cáo trời đất và tổ-thần, rồi thề-nguyền năm điều, ta thấy hai điều quan-hệ về giáo-dục. Điều thứ 4 thề bỏ hết những thói hư tục lệ ngày xưa, và điều thứ 5 thề phải cầu học những trí-thức mới trong thế-giới, mở mang tân-học cho quốc-dân. Thế là tỏ ra chủ-tâm của vua Minh-Trị chuyên trọng việc giáo-dục lắm.

Việc giáo-dục đã đành cần phải mở mang sắp đặt cho đủ các trường các khoa như bên Âu Mỹ, nhưng ý vua Minh-trị ân-cần thứ nhất về chỗ giáo-dục bình-dân, hầu

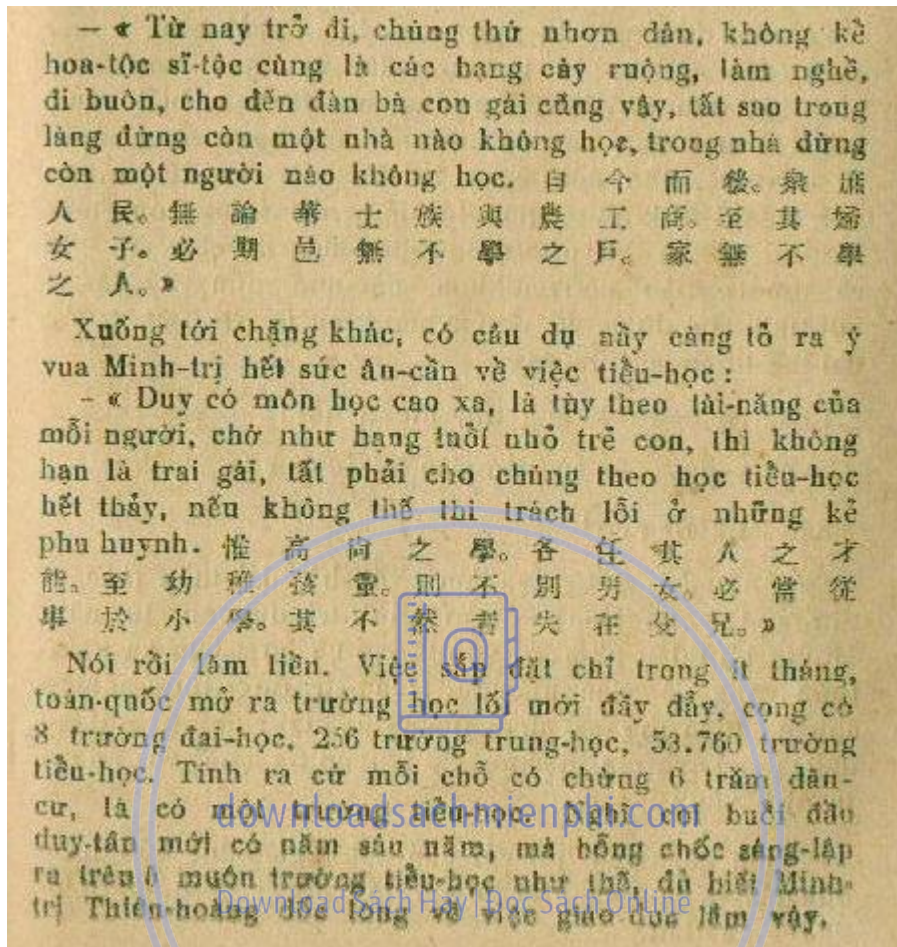
cho trong nước không sót một tên dân nào mà không có học, không biết chữ. Nguyên là việc giáo-dục ở nước Nhật thuở xưa tuy có hồi đã tổ-chức hẳn hoi, khá lắm, nhứt là về đời cận-kim, đời Mạc-phủ Đức-xuyên, văn-hóa giáo-dục rục rờ đảo để, nổi lên nhiều bậc danh-nho bác-học không phải là vừa, nhưng vậy mà công ƠN giáo-dục chỉ hạn ở trong đám hoa-tộc và sĩ-tộc được hưởng nhiều thôi, chớ đám thứ-dân còn sót Thú-dân thì quanh quẩn có mấy trường học “thầy đồ lối xóm” gọi là “Tự-tử-ốc (寺子屋 - Terakoya)” để học tập viết chữ đọc sách và làm toán, chỉ có ba món đó thôi, ngoài ra không học trí-thức cao xa gì khác. Nay vua Minh-trị muốn cho hết thầy thứ-dân đều có học-thức như ai, cho nên ngài rất lưu-tâm vun bón từ dưới gốc, nghĩa là mở mang tiểu-học thật rộng.

Khi công-bố thể-lệ việc học ra, trong tờ dụ của Minh-trị Thiên-hoàng có câu :

- “Từ nay trở đi, chúng thử nhơn dân, không kể hoa-tộc sĩ-tộc cùng là các hạng cày ruộng, làm nghề, đi buôn, cho đến đàn bà con gái cũng vậy, tất sao trong làng đừng còn một nhà nào không học, trong nhà đừng còn một người nào không học (*****)”.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Xuống tới chặng khác, có câu dụ này càng tỏ ra ý vua Minh-trị hết sức ân-cần về việc tiểu-học :

- “Duy có môn học cao xa, là tùy theo tài-năng của mỗi người, chớ như hạng tuổi nhỏ trẻ con, thì không hạn là trai gái, tất phải cho chúng theo học tiểu-học hết thấy, nếu không thế thì trách lỗi ở những kẻ phụ huynh (*****)”.

Nói rồi làm liền. Việc sắp đặt chỉ trong ít tháng, toàn-quốc mở ra trường học lối mới đầy dẫy, cộng có 8 trường đại-học, 256 trường trung-học, 53.760 trường tiểu-học. Tính ra mỗi chỗ có chừng 6 trăm dân cư, là có một trường tiểu-học. Nghĩ coi buổi đầu duy-tân mới có năm sáu năm, mà bỗng chốc sáng-lập ra trên 5 muôn trường tiểu-học như thế, đủ biết Minh-trị Thiên-hoàng dốc lòng về việc giáo-dục lắm vậy.

Từ đó trở đi, không năm nào chánh-phủ không lo mở thêm nhiều trường học, và sửa sang lại Học chế (学制 - Gakusei), khuôn-phép, thể-lệ của việc học), lựa lọc

những cái hay Tây-phương giáo-dục mà bồi-bỏ vào, càng ngày càng hoàn-thiện. Rồi tới năm Minh-trị thứ 20, thì có các trường thực-nghiệp chuyên-khoa như trường dạy đào mỏ, trường dạy công-nghệ, trường dạy cơ-khí, trường dạy canh-nông, thương-mãi, cùng là trăm nghề ngàn nghiệp khác, mỗi mỗi đều có trường lập ra nhan nhản, như bên Âu Mỹ. Trước sau mới có vài chục năm, mà việc giáo-dục tổ-chức đầy đủ như thế, thật là mau chóng lạ đời !

Có một điều này ta nên chú ý, - phải chú ý một cách đặc-biệt - là từ đời đó, cái đời Nhựt-bồn mới bắt đầu duy-tân tự-cường, họ đã sớm biết rằng thế-giới mai sau, vấn-đề kinh-tế càng ngày càng sanh-tử quan-hệ, cho nên ngay từ đời đó, họ đã ra sức mở mang về kinh-tế giáo-dục lắm rồi. Sở dĩ trong một lúc họ lo sắp đặt phổ-thông giáo-dục, lại cho sắp đặt cả thực-nghiệp chuyên-khoa giáo-dục nữa, ấy là vì nội-tình cần dùng đã đành, mà cũng là vì biết trước đại-thế thiên-hạ nữa vậy.

Chắc có người không tin, muốn hỏi :

- Chúng cơ của sự tiên-giác ấy ở đâu ?

Sao lại không có !

Sum-hữu-Lễ (森有 ??) làm Văn-bộ đại-thần, (tức là thượng-thor bộ-Học) ở trào Minh-trị duy-tân, từ năm Minh-trị 19 đến năm 23, vốn là tay có hoài-bảo xa kiến-thức rộng về việc giáo-dục ; các trường thực-nghiệp chuyên-khoa mở ra nhan nhản lúc này, chính một tay ông ta chủ trương tổ-chức. Có lần, họ Sum nói với người ta như vậy :

- Nếu có ai cố hỏi cái chủ-nghĩa giáo-dục của nước nhà nên ra làm sao, thì tôi xin đáp rằng “*kinh-tế giáo-dục*” mà thôi.

Đó, coi Nhựt-bồn có dòm trước đại-thế thiên-hạ hay là không ? Hèn chi ngay từ lúc mới duy-tân và nhứt là từ lúc Âu-chiến đến giờ, Nhựt-bồn cố sức mở mang kinh-tế, cạnh tranh kịch liệt với các nước Âu Mỹ : Nào công-thương, nào lý-tài, nào cơ-khí chế-tạo, nào sản-vật kinh-doanh, không có thứ nào mà họ không mở mang ra có quy-mô rộng lớn, có thực-lực gớm ghê. Rất đổi mấy năm nay họ đem các đồ chế-tạo của họ bày đầy trên thị-trường thế-giới mà bán được cái giá rẻ mạt, làm cho các nhà chế-tạo ở Âu Mỹ phải sợ, phải rên. Tôi nhắm kinh-tế nước Nhựt tấn-phát như ngày nay không lạ gì, bởi họ đã thấy trước và định trước từ 50 năm trước kia mà !

Một chỗ khác nữa, ta cũng nên chú ý, ấy là tôn-chỉ của tiểu-học giáo-dục ở đời Minh-trị. Ông vua minh-quân thánh-chúa này xướng lên cái tôn-chỉ lấy sự trao-dôi đạo-đức và chỉ-bảo thực-dụng cho trẻ con làm gốc. Bởi vậy hồi năm Minh-trị 23 và 24, sau khi Nhựt-bồn đã sửa sang lại chế-độ giáo-dục theo kiểu Đức-quốc rồi, Minh-trị Thiên-hoàng hạ dụ đình ninh khuyên bảo các thầy giáo tiểu-học trong nước một điều quan-hệ thứ nhứt, như vậy :

- “Việc giáo-dục nên để ý hơn hết, là sự trau dồi uốn nắn đức-tánh “của trẻ nhỏ. Phàm một chuyện gì quan-hệ tới đạo-đức cùng là nghĩa-vụ “quốc-dân, thì nên dạy dỗ cho khéo, cho kỹ. Thường thường phải lựa “chọn những công-chuyện nào có dính líu và có lợi ích tới cuộc sanh-hoạt “hằng ngày cần dùng mà dạy bảo ; rồi phải nhắc nhủ rèn tập hoài, kỳ cho “thích-hiệp với thực dụng mới được”.

Thiếu chút nữa tôi quên nói rằng vua Minh-trị định lệ giáo-dục, rất trọng hậu cái địa-vị của các thầy giáo tiểu-học. Các thầy được đối đãi tử-tế, lương bổng lãnh nhiều. Trái hẳn với nhiều nước khác, nhứt là những nước bị cai-trị, càng là hạng thầy giáo trường nhỏ, dạy trẻ nhỏ chừng nào, thì càng bị bạc-đãi và ít lương chừng ấy mới kỳ !

Đời Minh-trị, nhứt thiết việc gì cũng canh-tân sáng-tạo, kể từ việc giáo-dục mà đi, cho nên công-cuộc mở-mang sắp đặt giáo-dục ở đời Minh-trị là một công-cuộc tổ-chức to lớn bộn bề lắm, nói sao cho cùng được, ta chỉ nên biết ít nhiều điều cốt-yếu đặc-biệt như trên đây là đủ.

Còn việc tư-học trong đời này cũng thanh-hành phát-đạt rất mực. Tay chủ-trương tư-học đều là những bậc chí-sĩ anh-hùng, vì thấy cuộc duy-tân quan-hệ ở việc giáo-dục, cho nên họ đứng ra lập nhiều trường tư, để giúp sức với nhà nước mà giáo-hóa nhơn-dân cho mau hùng-cường tấn-hóa. Sự-nghiệp tư-học này là sự-nghiệp “dân-gian giáo-dục”, có công-lao có ảnh-hưởng với cuộc duy-tân của nước Nhựt-bồn lớn lắm, lát nữa sẽ nói riêng một đoạn dưới đây.

Tư-học lập ra ở đời Minh-trị chính là để bổ vào chỗ bất-túc của chánh-phủ và tỏ ra sự cầu học tư lập của dân, cho nên chánh-phủ đối với tư học, chỉ khuyến-khích thì có, chớ không hề kiểm cố ngăn cản, mà kiểm-độc cũng có, nhưng không bắt buộc phải học theo chương trình nhà nước. Trừ ra chánh-phủ nào chẳng muốn cho dân mau khá thì mới cản ngăn thất ngạt tư-học mà thôi.

Để cho tư-học tự-do mở mang, đó cũng là một cái đặc-sắc giáo-dục của đời Minh-trị. Dưới đây, độc-giả sẽ coi tư-học có ảnh-hưởng lợi-ích cho bước tấn-hóa của dân-tộc Nhựt-bồn ra thế nào ?

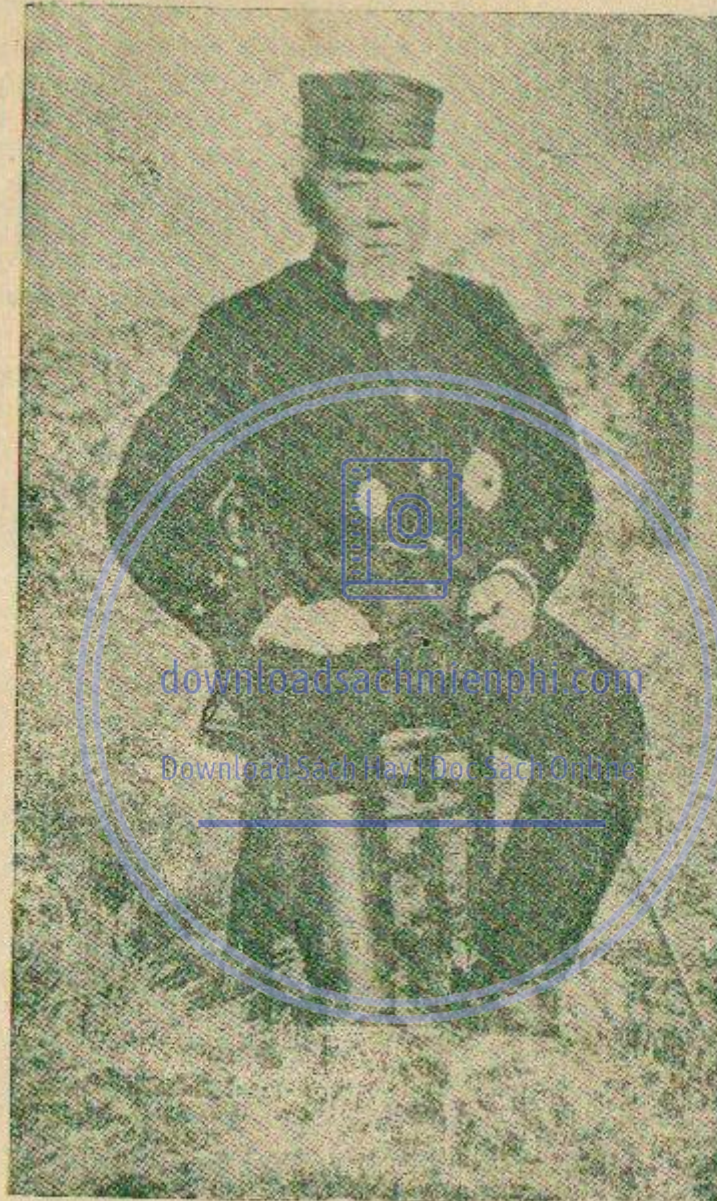
SỰ-NGHIỆP GIÁO-DỤC CỦA DÂN CÒN LỚN HƠN

Ta nên biết cái lâu-đài Nhứt-bồn duy-tân, rất ngắn ngày giờ mà dựng lên được nguy-nga đồ-sộ, vốn không phải chỉ nhờ một mình sức “chánh-phủ giáo-dục” của đời Minh-trị mà nên đâu ; kỳ thiệt, xét tới cội nguồn, thì có nhờ cả sức “dân-gian giáo-dục” từ trước hội khai-quốc cho đến giữa lúc duy-tân, đóng góp công-phu đào-tạo vào đó nhiều lắm.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



大山巖

ĐẠI-SƠN-NHAM

Lục-quân Đại nguyên-soái trong trận Nhật-Nga đại chiến
ở Mãn-châu 1904-1905

Dân-gian giáo-dục là gì ?

Dân-gian giáo-dục (民間教育 - Minkankyoiku) là cuộc giáo-dục của dân tự lo tự làm lấy, không đợi gì chánh-phủ phải chỉ bảo lo toan. Ngó thấy sự nào hay, việc nào phải, tự trong óc họ phát ra cái tánh khôn trí sáng, chịu khó học hỏi bắt chước, rồi lo truyền-thọ cảm-hóa những người khác cũng được mở khôn sáng biết như mình, thế là tự dân họ dạy-bảo khai-hóa lẫn nhau ; dân-gian giáo-dục tóm-tắt là vậy đó. Một nước muốn tân-hóa, cần phải có dân-gian giáo-dục bổ thêm vào chỗ thiếu sót của chánh-phủ giáo-dục, chớ một mình chánh-phủ giáo-dục không khi nào đầy đủ trọn vẹn được.

Có khi dân-gian giáo-dục có công-phu và có quan-hệ lớn hơn là chánh-phủ giáo-dục, tức như sự thiệt đã thấy ở nước Nhật mà tôi đang nói đây.

Đông-phương mình có hai nước lớn là Trung-hoa và Ấn-độ, từng có văn-minh rực-rỡ lâu đời, thế mà ngày nay đều lụn-bại hư-hèn ; còn Nhật-bôn là nước nhỏ xíu lại trở nên hùng-cường vĩ-đại, là tại sao vậy ? Tại hai cậu Trung Ấn đều ỷ cái văn-minh sẵn có lâu đời của mình, tưởng mình thành rồi, đủ rồi, không biết thu-dụng những giáo-hóa hay của ngoại-quốc mới đem lại, chớ Nhật-bôn thì không thế. Người họ từ xưa vốn có chí-khi tấn-thủ rất mạnh, luôn luôn biết lựa lọc đón rước những cái hay của nước khác, khiến cho hóa nên hồn nước thối nhà của họ, thành ra rốt lại họ lấy cái sức quốc-dân đồng-hóa, khác hẳn người hai nước Trung Ấn, mà dựng lên được cái cảnh tốt-đẹp vẻ-vang như ngày nay. Ta có xét tới gốc nguồn, mới biết rằng không phải hết thảy do nơi chánh-phủ chỉ vẽ diu dất mà ra đâu, chính thiệt nhờ có hạng chí-sĩ cao-minh khẳng-khái đã ra tay sắp đặt gây dựng phần nhiều hơn ; ấy đó là công-cuộc dân-gian giáo-dục, hồi xưa đã vậy mà đến hồi khai-quốc duy-tân cũng vậy. Chủ ý đoạn này chỉ nói về dân-gian giáo-dục ở đời cận kim, cùng là giữa lúc khai-quốc duy-tân, cho biết cái chỗ công cao nổi khổ của ít nhiều bậc tiền-hiền chí-sĩ nước Nhật đã đón rước Tây học và tô điểm nền lịch-sử Nhật-bôn tân-thời ra thế nào ?

BÓN ÔNG TỔ ÂU-HỌC CỦA NƯỚC NHẬT

Từ hồi thế-kỷ 16, Phong-thần Tú-cát (豊臣秀吉 - Toyotomi Hideyosi) làm tướng-quân đã nghi bọn truyền-giáo Thiên-chúa mà cấm người Âu-châu lui tới rồi, đến đời Đức-xuyên Gia-khang (徳川家康 - Tokyogawa Ieyasu) dựng Mạc-phủ lại còn cấm gắt hơn nữa. Năm 1639 (Tây-lịch), Mạc-phủ Đức-xuyên ra lệnh “khóa nước” thật nghiêm :

1* - Cấm chỉ ghe tàu của người các nước Tây-dương vào đất nước Nhựt-bổn, trừ ra có người Hòa-lan thì được Mạc-phủ rộng phép cho vô buôn bán tại Tràng-kỳ mà thôi, chớ không được đi lung-tung qua các nơi khác.

2* - Cấm chỉ người trong nước học chữ đọc sách Âu-châu, trừ ra có phép riêng của Mạc-phủ và trừ ra y-học Hòa-lan thì cho học-tập.

Sau khi có lệnh nghiêm-cấm như vậy rồi, có đến ngót một trăm năm, trong nước cũng chưa có ai biết Âu-học là hay mà hòng phạm cấm, cầu học. Trong khoảng đó tuy có người làm chức Hòa-lan thông-sự (tức là thông-ngôn tiếng Hòa-lan) ở Tràng-kỳ, nhưng kỳ thật không hiểu Âu-văn là gì ; lại có thầy thuốc xưng là biết ngoại-khoa Hòa-lan, nhưng chẳng qua chỉ nghe lóng học một vầy thôi, chứ thiệt chưa bao giờ từng nghiên-cứu y-học Hòa-lan bao giờ.

Mãi sau lâu lắm, mới có người bắt đầu học-tập Lan-học, mà công-phu học tập của họ buổi đầu khôn khổ biết bao !

Khởi-sự là năm 1716, hai viên Hòa-lan thông-sự ở Tràng-kỳ là *Thiện-tam-lang* (善三郎 - Zensaburo) và *Cát-hùng Hạnh-tác* (吉雄幸作 - ??), tiếng làm thông-sự mà đều bất thông chữ Lan, bèn phát-phần xin được Mạc-phủ cho phép học-tập. Rồi *Thiện-tam-lang* thì xin người Lan cho một cuốn tự-diễn tóm tắt, về cấm cui học đêm ngày và tính dịch ra để cho người sau, nhưng dịch dở-dang thì chết già. Còn *Cát-hùng Hạnh-tác* thì học làm thuốc với người Lan, tuy rành nghề thuốc, trở về dạy với 600 học-trò, nhưng chính *Hạnh-tác* cũng chưa biết chữ Lan là gì, bởi khi học thuốc, người Lan lấy tiếng Nhựt mà dạy cho.

Tới năm 1739, Mạc-phủ cho phép hai vị thuộc-quan của mình là *Thanh-mộc Văn-tàng* (青本文 ? - Aoki ??) và *Giã-lữ Huyền-trương* (野呂玄丈 - Noro ??) học-tập Lan-học. Hai người cầu học một cách gian-nan vô cùng ! Mỗi khi nghe tin có tàu Hòa-lan tới Giang-hộ, thì rủ nhau xuống tàu kiếm người Lan mà hỏi dò từng tiếng rồi lằm nhằm học đi học lại hoài. Học lạ buổi đầu, mà chữ Âu khó hiểu, và lại lúc bấy giờ mỗi năm mới có tàu Lan ghé vào Giang-hộ một chuyến mà thôi, thành ra hai người học-tập luôn ba bốn năm chỉ biết có mấy chữ số Hòa-lan là hết. Vừa tức vừa thẹn, nên qua năm 1744, hai người rủ nhau để tận Tràng-kỳ là chỗ có người Lan buôn bán mà dòc lòng học-tập, có cả *Cát-hùng Hạnh-tác* cũng đi theo học cho có bạn nữa.

Ở học luôn vài năm, mới ghi nhớ được trên 400 tiếng Lan nhựt-dụng và biết điệu nói cách viết chút đỉnh, rồi phải bỏ về Giang-hộ, không được học thêm. Tuy

vậy, mỗi người cũng viết ra một tập sách nhỏ về Lan học, hoặc về tiếng nói, hoặc dịch vị thuốc.

Người Nhựt nói : “Có thể bảo *Thiện-tam-lang, Hạnh-tác, Văn-tàng, Huyền-trương*, là bốn ông tổ giảng-câu học-thuật Âu-châu trước hết ở nước Nhựt vậy”.

MỘT NGÀY KỶ-NIỆM VỀ CÔNG-PHU HỌC-TẬP TÂN-HỌC KHÔN XIẾT GIAN-NAN

Đã nói Mạc-phủ không cấm sự học thuốc của Âu-châu, vả lại, trong lúc này thầy lang nào học giỏi chữa tài, thì được Mạc-phủ và chư-hầu kính-trọng tin dùng, cho nên những người có chí nghiên cứu học thuật Âu-châu, đều đua nhau nghiên-cứu y-học hết thầy. Thế là học-thuật Âu-châu truyền sang Nhựt-bồn, y-khoa được đón rước trước hết, rồi sau mới lần lần tới các khoa-học khác.

Các thầy lang Nhựt lúc bấy giờ rân học y-khoa Tây-phương, cốt bồi-bổ vào chỗ bất cập của y-khoa Trung-quốc, để chữa bệnh cho đồng-bào trước mắt, mà chính là các thầy tìm phương kiếm thuốc chữa bệnh cho quốc-gia sau này trở nên cường-kiện đó vậy.

Trong hạng tiền-bôi đã gia-tâm học-tập y-khoa Âu-châu rất đông, có ba người xuất-sắc dị-thường và trong việc họ cầu học, có câu chuyện lạ-lùng ngộ-nghĩnh đáng nên thuật ra. Ấy là *Tiền-giả Lương-trạch* (前野良澤 - Maeno Ryotaku, *Bân-diễn Huyền-bạch* (杉田玄白 - Sugita Genbaku) và *Trung-xuyên Thuần-am* (中川 淳庵 - Nakagawa ??).

Ba người vớ được sách thuốc Hòa-lan mấy cuốn và một tấm hình vẽ cơ-thể trong người, gọi là “*Nhơn-thể nội-cảnh-đồ* 人體内景圖 - (**)”, biết là vật quý, có ích cho nghề thuốc và sự học của mình, nhưng khốn nỗi không có thầy nào chỉ vẽ, họ bèn rủ nhau gắng-gỗ công-phu, tự nghiên-cứu lấy được mới kỳ.

Nguyên là trong ba người, chỉ có *Lương-trạch* đã từng thọ-nghiệp với *Thanh-mộc văn-tàng* (một nhà Lan-học đầu hết, nói ở đoạn trên) mà biết được năm sáu trăm tiếng Hòa-lan, còn *Huyền-bạch* và *Thuần-am* thì chưa biết. Cả ba đều là y-sanh, bình-nhựt vốn không quen biết nhau, may sao bữa đó tại Giang-hộ có mở thầy một tên tù tử hình, ba ông cùng đến coi, mở tấm hình “*nhơn-thể nội-cảnh*” đã mua của người Hòa-lan ra đối-chiếu, thấy đúng từ ly từ chút, cùng nhau thán-phục

Lan-học là tài, rồi đó làm quen nhau, *Huyền-bạch* và *Thuần-am* thở than rằng mình mua được sách thuốc và hình vẽ này, nhưng tiếc vì dốt chữ Lan, thành ra không nghiên-cứu được, thật lấy làm tức. *Lương-trạch* nói :

- Tôi có chí nghiên-cứu Lan-học đã lâu, nhưng tiếc nỗi không có bè bạn cùng nhau rèn tập. Trước kia tôi có học chữ Lan chút ít, nay ba chúng ta hiệp sức nhau lại mà nghiên cứu, lý nào không thành-công. Vậy thì ngày mai, tôi mời hai anh ở lại nhà tôi, để anh em ta ra sức rèn tập với nhau ít lâu, chắc là phải được. Hai anh nghĩ sao ?

Hai ông kia mừng rỡ lắm, chịu liền.

Người Nhựt cho cái ngày ấy là một ngày tân-học kỷ-niệm ; cuộc tân-hóa của nước Nhựt, thiệt là phôi-thai từ ngày ấy mà ra.

Sau *Huyền-bạch* viết sách tỏ bày sự Lan-học buổi đầu gian-nan ra thế nào, nghĩ mà đáng thương đáng phục ; trong sách có đoạn thuật chuyện như vậy :

“... Qua hôm sau, anh em tụ hội ở nhà *Lương-trạch* mở cuốn sách “dạy sơ cách mở xẻ ra xem, nghĩ mình đây chẳng khác nào một chiếc “thuyền, sửa soạn chèo lái chưa đủ, mà đánh liều vượt biển ra khơi, ngó “thấy trời biển mình mông, bao xiết lo ngại. Song may có *Lương-trạch* “trước kia đã học chữ Lan ít nhiều, hơi biết câu văn và cách đọc, vả lại “lớn hơn anh em tới 10 tuổi, nên anh em đều tôn *Lương-trạch* làm chủ-“tịch và thờ làm thầy học.

“*Huyền-bạch* hăm-hở quyết học, nhưng mà 25 chữ cái cũng chưa “biết hình thù kêu gọi ra sao ; bây giờ phải gắng gổ học 25 chữ cái, rồi ít ‘lâu mới học chữ một và năm ba tiếng nói bập bẹ. Dầu là một câu ngắn “ngủi trong sách, *Huyền-bạch* cũng gắng công tìm tòi ngẫm nghĩ cho tới “hiểu hết nghĩa-lý mới thôi ; nhiều khi một câu làm cho *Huyền-bạch* ngồi “cặm cui tới ngày sáng đêm, quên ăn bỏ ngủ.

“Bữa kia, đọc sách tới khoảng nói về bộ phận cái mũi, có tiếng “verheffen mà không hiểu là nghĩa gì. Thuở đó làm gì đã có tự-điển lớn “đâu, chỉ có một “cuốn nho nhỏ, của *Lương-trạch* đã mua tại Tràng-kỳ về. Chúng tôi liền “mở ra tra, thấy chữ Verheffen có nghĩa là cái dấu-tích của những nhánh “cây chặt ra, lại quét sân mà tụ đất cát lại thành đồng, cũng gọi là “Verheffen. Ngoài hai nghĩa này ra không thấy chua nghĩa gì khác nữa, “giờ chúng tôi suy nghĩ không biết phải hiểu nghĩa chữ đó thế nào cho “phải.

“*Huyền-bạch* bèn tán rộng với anh em rằng : Nhánh cây chặt ra, lâu “ngày thành đồng, mà quét nhà rồi, đất cát tụ lại cũng thành đồng, vậy cái “mũi nổi cao lên ở trên mặt người ta, thì chữ Verheffen đây cắt nghĩa là “đồng, anh em liệu có được chăng ?

“Chúng tôi suy nghĩ phải lẽ, rồi nhứt định theo cái nghĩa đó. Lúc “bây giờ chúng tôi tự tìm tòi bàn tán ra nghĩa chữ này rồi, ai nấy hơn hờ “vui mừng, xem như là khi không mà bắt được cục ngọc Liên-Thành vậy “v.v...”

Ta coi như thế, thì biết ngày xưa bọn chí-sĩ Nhựt-bồn nghiên-cứu tân-học thật là gian-nan và dụng công khắc khổ biết sao mà nói cho cùng. Ấy vậy mà họ học thét phải thành-công kết-quả mới ghê ! Về sau một nhà duy-tân chí-sĩ có danh-vọng công lao nhứt, là *Phúc-trạch Dụ-cát* (福澤 諭吉 - Fukuzawa Yukichi), mỗi khi đem cuốn sách nói trên đây ra đọc, tới đoạn “nghĩ mình chẳng khác một chiếc thuyền sửa soạn chèo lái chưa đủ, mà đánh liều vượt biển ra khơi, ngó thấy trời biển minh mông, bao xiết lo ngại” thì *Phúc-trạch* than rằng :

- Ta tưởng nhớ lại tiền-nhơn khổ-tâm như thế, bắt ta phải ghê chỗ đồng-cảm, phục tẩm nhiệt-thành của các cụ ngày xưa.

Thở-than vậy rồi *Phúc-trạch* nhỏ sa nước mắt khóc vui.

Than ôi ! Người khổ-tâm học trước, kẻ cảm-động khóc sau, chan chứa cái tinh-thần và cái đặc-sắc ái-quốc của dân-tộc Nhựt-bồn biết mấy !

CÓ NGƯỜI NGỒI TỪ HAY MÔ BỤNG VÌ TÂN-HỌC

Câu chuyện vừa thuật ra trên đây là câu chuyện tân-học từ cuối thế-kỷ 18, nghĩa là lúc tân-học ở Nhựt-bồn mới phôi-thai.

Từ đó trở đi, số người tiên-giác nối gót nhau nghiên cứu Lan-học càng ngày càng đông. Những người học trước, chịu khó dịch sách thuốc của Hòa-lan và làm sách dạy văn-tự Hòa-lan, để truyền thọ cho những người học sau cũng nhiều.

Nhơn vì giao-tiếp người Lan, nghiên-cứu học Lan, tự nhiên đám chí-sĩ Nhựt mỗi ngày thêm nghe biết những cái học hay sức mạnh của Tây-phương, mà so sánh lo ngại cho cái thể nguy sức yếu của mình, nên chi phong-trào tân-học mở tung ra lớn rộng ; bây giờ không phải chỉ có những người học tập làm thuốc lối mới như

thuở nay mà thôi, lại có người xem xét học hỏi tới các khoa vật-lý, hóa-học, chánh-trị và binh cơ của Âu-châu nữa.

Muốn nghiên-cứu tân-học, mà cứ học-tập y-khoa thì Mạc-phủ dung, chớ động tới chánh-trị thời-sự thì Mạc-phủ vẫn cấm. Là vì bọn chấp-chánh lúc này còn là hạng hủ-nho thủ-cự. Nhưng cấm thì cấm, vẫn có người nghiên-cứu, không sợ. Cho biết thứ dân lúc họ muốn học, muốn mạnh, muốn khôn, thì quyền-thế nào cũng không cản nổi. Dầu có người nọ chết, thì có kẻ kia nổi lên tiếp liền.

Hồi đó ở Nhứt-bồn có người bị lao-tù hay phải mổ bụng vì ham hồ tân-học.

Ví dụ hồi năm 1792, có chí-sĩ là *Lâm-tử Bình* 林子平 - ?? đến Trảng-kỳ giao-du dò hỏi người Lan, biết được công việc các nước Tây-phương có cái lối đi chiếm đất thực-dân. Trở về, *Lâm-tử-Bình* suy nghĩ tới việc nước mình không thể quên lãng phòng-bị được, tức thời viết ra cuốn sách “*Hải-quốc binh-dàm*, 海国兵義 - ??” và một cuốn khác nói về chánh-trị, để thức-tỉnh người trong nước. Mạc-phủ cho là tà-thuyết hoặc dân - cũng như trào-đình nước ta xưa cho là yêu-thơ, yêu-ngôn đó, - nên chi cấm-tuyệt hai cuốn sách của *Lâm-tử-Bình* và giam cầm *Lâm-tử-Bình* tới chết.

Bước qua đầu thế-kỷ 19, có hai nhà thanh-niên chí-sĩ là *Cao-giã Trảng-anh* 高野長英 - Takano Choueï và *Độ-biên Hoa-sơn* (渡辺華山 - Watanabe Kazan, viết ra nhiều sách nói về các vấn-đề cứu-quốc, luyện-binh, chánh-trị, kinh-tế, và kêu gào nhà-nước nên mở cửa ra cho ngoại-nhơn vô giao-thông. Năm 1839, Mạc-phủ ghét bọn Lan-học dám nói động tới chánh-trị, bèn bắt *Trảng-anh* và *Hoa-sơn* trị tội. *Trảng-anh* bị xử chung-thân cấm-cổ ; *Hoa-sơn* ban đầu bị xử trảm, nhưng sau được giảm xuống chung-thân cấm-cổ ; ở trong ngục ít lâu, *Hoa-sơn* tự-vận chết.

Còn *Trảng-anh* bị giam trong ngục, bữa kia ngục phát cháy, liền thừa cơ trốn ra ngoài được. Sau lần mò trở về Giang-hộ, biến đổi họ tên hình-dáng đi, vẫn ra sức dịch sách Tây và viết sách hô hào khai-quốc. Đến năm 1850, bị lộ chuyện ra, Mạc-phủ sắp năm đầu được thì *Trảng-anh* tự mổ bụng ra chết rồi !

Tuy có nhiều người vì cô-động tân-học mà mang họa sát thân như ba người trên, nhưng vậy mà phong-trào tân-học và chủ-nghĩa khai-quốc cứ bùng-bột mãi.

Lòng dân đã muốn vậy, dầu Mạc-phủ có quyền-lực ngăn-cản thế nào cũng không lại ; có giết bắt quá chỉ giết được ít nhiều người thôi, chớ cái tư-tưởng ở

trong đầu của cả bọn tiên-giác khá đông, làm sao mà giết nổi. Rồi qua tới năm 1853, có tàu binh Mỹ tới bắn súng ra oai lòi đình ở Phố-hạ, và sang năm sau, 1854, hai nước Nhật-Mỹ ký tờ ước thông-thương, kể tới ba nước Anh, Nga, Pháp cũng đòi ký ước như thế ; bấy giờ Mạc-phủ đã tỉnh-ngộ, liền đổi chánh-sách : Trước kia “tỏa-quốc nương-di” bao nhiêu, thì bây giờ hiểu biết sự “khai-quốc ngoại-giao” là cần dùng bấy nhiêu. Mặc dù có đám nhà nho thủ-cự sôi nổi phản đối, Mạc-phủ cũng cứ hăng hái khai-quốc, có bọn tân-học tiên-giác giúp sức vào cho. Bọn này tuy có ít, nhưng là một sức rất mạnh.

Tới đây, bọn tân-học kế tiếp nhau mở ra trường tư để dạy học mới, và xướng lên “Thái-tây tân-học” một cách công-nhiên.

Ấy là những chí-sĩ duy-tân.

Trong đám này có những người như *Thắng-lân Thái-lang* 勝麟太郎 - Katsu Rintarou, *Tự-phương Hồng-am* (紡方洪庵 - (**)), *Tá-đăng Thái-nhiên* 佐藤泰然 - Satou Taizen v.v... đều là những bậc anh-tài xuất sắc, có công lao to lớn về việc dân-gian giáo-dục, tức là gốc nguồn của cuộc duy-tân. Nhứt là *Tự-phương Hồng-am* dạy học-trò rất đông, nhiều người có công-danh to lớn ở thời-kỳ trước sau duy-tân là học-trò của *Hồng-am* đào-tạo ra. *Phúc-trạch Dụ-cát* là một.

Người này, ta nên biết rõ : Không dự chánh-trị bao giờ, không có chức-quyền gì hết, chỉ là ông thầy dân-gian giáo-dục thôi, thế mà chính là tay thợ khai-quốc duy-tân, được trào-đình nhơn-dân đều kính-tôn trọng-vọng, có công-nghiệp lớn với quốc-gia, có thanh-danh truyền về hậu-thế ; người này thiệt là một nhà giáo-dục ảnh-hưởng cho thế-đạo nhơn-tâm, quan-hệ tới quốc-gia đại-kế vậy.

PHÚC-TRẠCH DỤ-CÁT

(**)

Phúc-trạch Dụ-cát sanh ra năm 1853 ở nước phiên Trung-tân 中津 - Nakatsu ; thuở nhỏ học Hán-văn tới tuổi trưởng-thành, nảy ra cái chí muốn cho nước nhà được thoát chế-độ phong-kiến và thống-nhứt tự-cường, bèn bỏ Hán-học mà đi cầu Lan-học, tới Đại-bản vô thợ-giáo ở trường tân-học của *Tự-phương Hồng-am*. *Phúc-trạch* cố-gắng công-phu mấy năm, Lan học khá lắm.

Năm 1859, do theo điều ước, Hoành-tân trở nên một đô-thị chung cho 5 nước Âu Mỹ buôn bán, *Phúc-trạch* tới xem sự-tình buôn bán của người Tây-phương, xét thấy tiếng Anh rất thiết-dụng, liền quyết ý học tiếng Anh. Nhờ sẵn thông-minh, thêm có chí-khí, nên chỉ vài năm ra công gắng sức, *Phúc-trạch* học được tiếng Anh ít nhiều.

Gặp dịp Mạc-phủ Đức-xuyên sai sứ đi qua Mỹ, *Phúc-trạch* được cử đi theo (1860). Cách hai năm sau (1862), Mạc-phủ lại sai sứ đi sang thông-hảo với các nước Âu-châu, *Phúc-trạch* cũng được đi theo nữa.

Hai lần được theo sứ-thần như thế, chính là cơ-hội tốt cho *Phúc-trạch* được xem xét và ngó thấy văn-minh Âu Mỹ tận nơi. Sau khi ở Âu-châu về nước, năm 1866, *Phúc-trạch* góp nhóp mọi sự kiến-văn của mình mà viết ra cuốn sách “*Tây-dương sự-tình* 西洋事情 - Seiyou Jijou”.

Cuốn sách này ra đời, làm như một tiếng sét đánh rung động tâm-hồn người Nhật. Thuở nay, trừ phái tân-học hiếm hoi ra, không ai biết rõ văn-hóa và tình-thế phương-Tây ra thế nào ; nhờ cuốn “*Tây-dương sự-tình*”, người trong nước mới hiểu đại-thế thiên-hạ cùng là văn-hóa Thái-tây. Lúc này trong trào ngoài quận, trên quan dưới dân, ai là hạng kiến-thức, nếu bàn bạc tới những vấn-đề văn-minh khai-quốc, thì trên án bên mình đều có một bản “*Tây-dương sự-tình*” để mở ra xem, coi như là lời vàng tiếng ngọc vậy.

Qua năm sau là năm 1867, Mạc-phủ trả quyền-chánh về trào-đình, rồi đức Minh-trị Thiên-hoàng cả quyết duy-tân cải-cách. Lúc bấy giờ chánh-phủ Minh-trị sửa-sang thi-thố công việc gì cũng đều châm chước ở trong sách của *Phúc-trạch*. Bởi vậy, người Nhật thường nói chánh-sách duy-tân của đời Minh-trị, có thể cho là phôi-thai ở trong bộ sách “*Tây-dương sự-tình*” mà ra cũng đúng.

Tôi quên nói từ hồi năm 1858, sau khi *Phúc-trạch* đi nghiên-cứu Lan-học ở Tràng-kỳ rồi trở về Giang-hộ, tự mở ra một trường tư để dạy tân-học, gọi là “Khánh-ứng Nghĩa-thực, 慶応義塾 - Keiou Gijuku”. Lấy sự lâu bền mà nói, cùng là cách-thức dạy học mới, khắp nước Nhật-bổn không có trường công, trường tư nào sánh kịp trường Khánh-ứng của *Phúc-trạch* được.

Ban đầu mới lập ra, chuyên dạy Lan-văn, đến khi *Phúc-trạch* biết Anh-văn thông-dụng mà tự cảm cùi học-tập rồi, năm 1863 trở đi, nhà trường thay đổi, dạy ròng Anh-văn.

Mấy năm mới mở, có lồi 100 học-trò. Kịp đến năm 1867, Mạc-phủ trả lại quyền-chánh, Minh-trị xuống chiếu duy-tân, trong nước có việc biến-loạn xôn xao (tức là chuyện phe đảng Mạc-phủ nổi lên chống-cự trào-đình), vì đó mà một lúc trường Khánh-ứng giảm số học-trò, chỉ còn vồn vẹn có 18 mống. Tuy vậy, *Phúc-trạch* không ngã lòng chút nào, cứ việc dạy học như thường, lại đem cuốn “Kinh-tế học” đã mua hồi qua Mỹ quốc mà giảng cho học-trò, tỏ ý rằng mình chỉ dốc lòng mở mang giáo-dục, un đúc nhơn-tài cho nước nhà mà thôi, chớ sự quyền-chánh đổi dời, nội tình rối loạn đi nữa, cũng không thể ngưng việc học lại một giờ nào đặng.

Thiệt, lúc đó có việc Mạc-phủ trả quyền, Minh-trị cải-cách, là một việc đại-biến chưa từng thấy có ở trong lịch sử Nhứt-bổn, bởi vậy phần thì dân chúng còn đang sững sốt lao xao, phần thì binh trào đang đánh binh loạn, thời-cuộc ấy làm cho các trường công tư đều đóng cửa nghỉ học hết thầy. Duy có Khánh-ứng Nghĩa-thực vẫn đứng sững một mình, cứ việc giảng dạy tân-học Thái-tây, chưa từng có một ngày nào ngưng bỏ ; xem vậy thì biết *Phúc-trạch* nhiệt-tâm về việc dân-gian giáo-dục ra thế nào ?

Phúc-trạch chỉ cặm cùi lo toan hai việc : Một là làm sách để giáo-dục tất cả xã-hội, hai là dạy học để giáo-dục đoàn em hậu-tấn, tâm-tư sự-nghiệp trọn đời tiên sinh dồn cả vào hai việc đó. Từ năm 1854, mở ra Khánh-ứng Nghĩa thực, cho đến năm 1897 (năm Minh-trị 34) qua đời, trước sau 43 năm, cặm một cây viết, khua ba tác lưỡi, tự nhận lấy công việc mở mang ra vận-hội mới cho nòi giống nước non làm công việc thiêng-liêng của mình phải gánh, phải làm, mà chỉ giữ vững cái bổn-lãnh của mình là nhà giáo-dục, chớ không hề bon chen vào con đường cầu-danh vụ-lợi một chút nào hết. Lúc mới khai-quốc, lắm người khoe tài dựa thế, cho được có quan sang chức trọng, lấy thế làm vinh, thế mà *Phúc-trạch* dửng dưng, ngoài ra chỉ có hai lần đi theo sứ-thần của Mạc-phủ sang Âu Mỹ làm viên thông-ngôn, chẳng khi nào dính líu tới việc chánh-trị. Đến đời Minh-trị duy-tân trở đi, tuy là được trên trào-đình dưới quốc-dân đều tôn kính nhờ cậy mặc lòng, *Phúc-trạch* chẳng có giây phút nào dính tới chánh-quyền hay là cầu lấy danh-lợi bao giờ. *Phúc-trạch* thật là một nhà giáo-dục chơn-chánh, thật là một nhà giáo-dục cứu-quốc !

Phúc-trạch làm sách nhiều lắm, gộp lại có 50 bộ, cộng 105 cuốn, đều viết bằng lối văn rất bình thường giản dị, không ai coi không hiểu. Năm Minh-trị thứ 4, in ra một bộ sách nhỏ, tựa là “*Học-văn chi khuyên*, 学聞之勸 - ??” gồm 17 cuốn, quốc-dân hoan-nghinh hết chỗ nói, chỉ trong vài tháng mà bán hết 3 triệu 40 muôn bộ Mờ-đầu, *Phúc-trạch* dạy : ”Trời ở trên người, không giúp người, lại ở dưới người, không giúp người 天在人之上。不作人。？天在人之下。不作人。 ”.

Câu đó tỏ ý khuyên-răn quốc-dân nên biết nhơn-quyền trời phú cho mình là đáng tôn, đáng giữ. Muốn tôn giữ được nhơn-quyền ấy thì mình phải học cho bằng người ta.

Lần hồi, *Phúc-trạch* đem sự tích các anh-hùng đồng-sĩ ra viết sách đặt tuồng để cổ võ nhơn-tâm, và bày đầu tổ-chức ra các cuộc diễn-thuyết trước hết. Đến năm Minh-trị 15 (1881), *Phúc-trạch* sáng-lập ra tờ báo “*Thời sự tân-báo*, 時事新報 - Jiji shinpou”, mỗi ngày xuất-bản, tờ báo này tới nay vẫn còn.

Thế là *Phúc-trạch* tuy không phải người ở ngôi cao, nắm quyền lớn, nhưng vậy mà dạy-học, làm sách, viết báo, là ba cơ quan trọng-yếu trong xã-hội, ông đều nắm đủ trong tay, cho nên có thể-lực đối với trào-đình và quốc-dân, có oai vọng hơn là nhà đại-chánh-trị nhiều. Năm Minh-trị 23, ông nâng cao cái địa-vị “Khánh-úng Nghĩa-thực” lên hàng đại-học đường, dạy kiêm 4 khoa văn-học, lý-tài, chánh-trị, pháp-luật. Từ lúc mở trường này ra kể cho đến khoảng năm 1895 mà thôi, trước sau giáo-dục được tới 2 muôn học-sanh. Số học-sanh tốt-nghiệp rồi, hoặc ra làm quan to, hoặc được cử làm nghị-viên trong hai viện Quý-tộc và Chúng-nghị, cùng là hạng làm tổng-lý các công-ty lớn, tính lại đông không biết bao nhiêu. Vả lại, *Phúc-trạch* vốn trọng tinh-thần độc-lập tự-trị, cho nên học trò của ông bị cảm-hóa nhiều, sau khi thành-tài rồi phần nhiều để chun vào trong cõi thương-mãi kỹ-nghệ. Nhờ vậy mà lợi-quyền thực-nghiệp của Nhựt-bổn lúc đó tấn-tới dào dề.

Mùng 3 tháng 2 năm Minh-trị 34, (nhằm 1897), *Phúc-trạch* tạ thế. Chúng-nghị-viện (tức hạ-nghị-viện) hết thấy bỏ thăm chuẩn-y lời ai-điều chung, để tỏ ra cả nước cảm mến thương tiếc ông là người có đại-công giáo-dục diu dắt nước Nhựt lên cõi duy-tân. Nhà-nước làm quốc-tang, bữa tổng-táng có trên 2 muôn người đi đưa, ai nấy đều sụt sùi nhớ tiếc.

Trên kia đã nói sanh-bình của *Phúc-trạch* chỉ ham lo có hai việc, là dạy-học và làm sách. Trong hai việc đó có nhiều dật-sự thú-vị, nên nhắc lại một vài chuyện mà nghe.

Thường khi cùng ai bàn-bạc về vấn-đề giáo-dục thì *Phúc-trạch* nói tới ngày không chán. *Phúc-trạch* chê cái lối giáo-dục xưa nay ở Đông-phương là lối “*dạy trên xuống dưới*” chỉ lo đào-tạo ra một số ít thi đậu làm quan, còn dân-chúng dốt nát thầy kệ. Nay *Phúc-trạch* đổi lại : “*Dạy dưới lên trên*”, nghĩa là lo dạy cho nhứt ban dân-chúng đều có tri-thức, thì nước mới văn-minh tấn-hóa được, chớ một nước chỉ có nhắm mớ người giỏi mà phần đông vẫn ngu dốt, thì cuộc văn-minh tấn-hóa

đặt lên trên cái cơ-sở nào ? *Phúc-trạch* có tư-tưởng như thế, hèn chi cả đời cặm cụi về dân-gian giáo-dục.

Ngoài sự dạy-học, *Phúc-trạch* cũng chuyên viết báo soạn sách. Mà lạ ! Mỗi khi viết cuốn sách hay bài văn nào, *Phúc-trạch* cũng đọc cho bà vợ nghe và hỏi ý kiến ra sao ; vì lỗi văn của *Phúc-trạch* bao giờ cũng viết rõ ràng giản-dị, cho đàn bà con trẻ đều hiểu, hễ câu nào chữ nào, bà vợ nói chưa xuôi chưa đúng, thì *Phúc-trạch* cầm viết ghi ở dưới đề sau sửa lại. Có người hỏi ông sao viết văn làm sách dạy đời, mà lại đi hỏi ý-kiến đàn bà như thế, ông cười và đáp :

- Người ta có ai cùng mình ăn ở thân cận lâu dài và hiểu biết mình cho hơn vợ mình được chứ ! Nếu một bài văn, một cuốn sách mình viết ra mà còn có chỗ chính ngay vợ mình phải chê, hay là không hiểu, thì bảo làm sao đời hiểu được mình và mình hòng dạy ai cho được ?

Tư tưởng của *Phúc-trạch* đại-khái ngộ-nghĩnh kỳ-khôi như thế.

Trường Khánh-ứng của ông lập ra, sau ông quá-khứ rồi, trường cũng vẫn còn khai-giảng như thường, lại càng ngày càng mở rộng và thêm vô nhiều khoa-học khác, ngày nay vẫn còn : Chính là Khánh-ứng Đại-học ở Đông-kinh bây giờ, một trường đại-học có tiếng ở phương Đông ta. Mấy năm gần đây ra sao không rõ, chứ vài chục năm trước, trong đám chí-sĩ Việt-nam qua cầu học bên Nhứt, hình như có nhiều người học thành tài ở Khánh-ứng đại-học ra.

Năm 1907, ở Hà-nội ta có một trường tư-học do các cụ chí-sĩ tiền-bối lập ra, cũng lấy việc mở mang tân-học, thức-tỉnh quốc-dân làm mục-đích. Các cụ đặt tên trường là “Đông-kinh Nghĩa-thục”, chắc hẳn noi theo Khánh-ứng Nghĩa-thục 慶応義塾 của *Phúc-trạch* Dụ-cát để lo việc dân-gian giáo-dục. Thế mà cái vận-mạng của Đông-kinh Nghĩa-thục vẫn vỗi quá ; chỉ được một năm mấy tháng thì bị cấm mất !

MỖI NGƯỜI MỞ MANG DÂN-GIAN GIÁO-DỤC CÓ MỘT Ý-NGHĨA

Đã nói việc dân-gian giáo-dục ở trong lịch-sử Nhứt-bồn duy-tân có địa-vị to và có công-phu lớn lắm. Cái ý-nghĩa thứ nhứt của nó, là dân tự giáo-hóa cổ-lệ nhau để tự-cường.

Trong thời-kỳ duy-tân, sau *Phúc-trạch* Dụ-cát là người có công dân-gian giáo-dục thứ nhứt, còn có nhiều người khác cũng có công với cuộc tân-hóa không phải là nhỏ.

Các trường tư-học mở ra tứ tung ; mà ngộ thiệt ! Mỗi người mở ra một trường tư đều chuyên về một khoa giáo-dục, có một ý-nghĩa riêng, đến cái mục-đích tối cao thì ai cũng như ai : Bồi-bổ vào chỗ bất-túc của chánh-phủ để rèn-đúc nhơn-tài ; giáo-hóa quốc-dân cho mau tự-cường tấn-hóa.

Bây giờ nếu muốn kể ra tường tận, thì không biết bao nhiêu giấy mực cho đủ, nên đây buộc tôi lại chỉ lược-thuật đại-khái mà thôi.

Tân-đảo-Tương (新島 ?) vốn là người có tánh-cách võ-sĩ Nhựt-bôn, mà theo đạo Gia-tô tân-giáo (Protestant), mở ra một trường học vừa cao-đẳng, vừa phổ-thông gọi là “Đồng-chí xã 同志社 - Doushisha”, cốt dung-hiệp cả hai mối đạo-nghĩa Đông-Tây.

Đại-ôi Trọng-tín (大隈重信 - Okuma Shigenobu) mở ra “Đồng-kinh chuyên-môn học-hiệu, 東京専門学校 - Tokyo Senmon Gakkou”, để rèn-đúc thanh-niên về mặt chánh-trị ngay từ lúc đầu Minh-trị, hầu dự-bị cho quốc-dân có đủ tư-cách hưởng lấy chánh-thể lập-hiến của nhà vua sẽ ban cho vài chục năm sau. Trường này sau đổi tên là “Tảo-đạo-điền đại-học, 早稲田大学 - Waseda Daigaku”, hiện nay vẫn còn, vào hàng các đại-học lớn ở Đông-kinh.

Trung-thôn Kinh-vũ (中村 敬宇 - Nakamura ??) mở ra “Đồng-nhơn-xã, 同人社(**)”, vừa mở-mang giáo-dục cho phụ-nữ nhi-đồng, vừa giảng-giải cho quốc-dân biết Tây-phương cũng có đạo-đức cao quý, kéo lúc đó nhiều người hăm hở về văn-minh vật-chất, đến đôi tưởng rằng sự tấn-hóa có thể khinh thường đạo-đức cũng được.

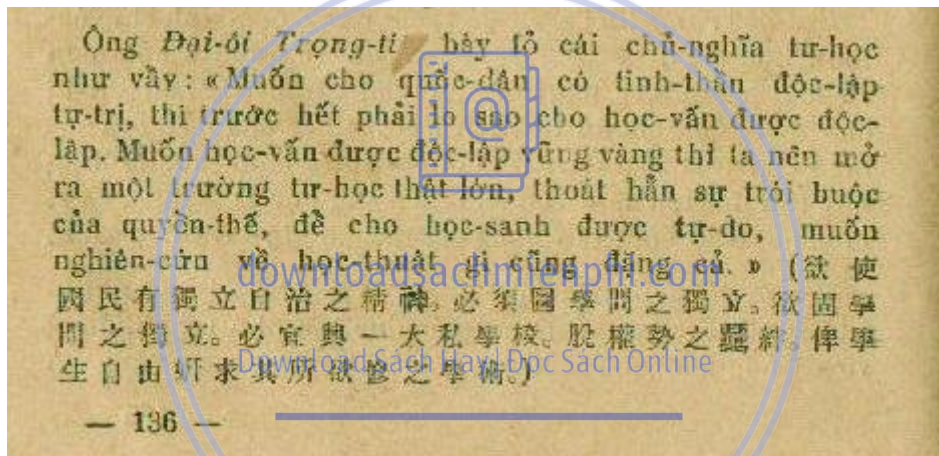
Tân-điền-Tiên (津田仙 - Tsuda Sen) mở ra “Nông-học-xã, (農学社 - Nougakusha)”, và xuất-bản “Nông-học tạp-chí “ để diu dắt nông-dân cải-lương về nghề cày cấy trồng tía.

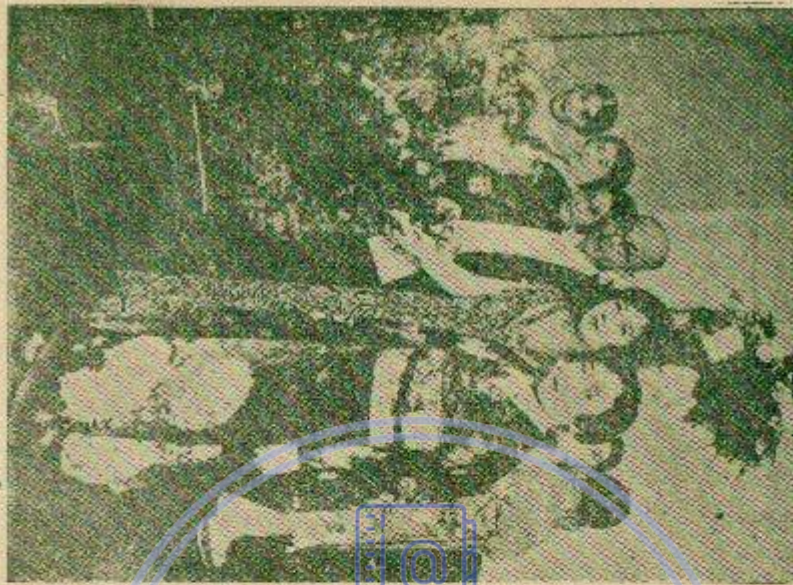
Đó là kể sơ ra một vài cơ quan giáo-dục để làm lệ-chừng vậy thôi, ngoài ra còn nhiều nhà dân-gian giáo-dục khác và nhiều trường tư-học khác, cũng có quan-hệ cho thời-cuộc, công lao với quốc-gia, nói sao cho hết. Rất đỗi có người như *Cát-diên Tùng-âm* (吉田松陰 - Yoshida Shouin) mở trường dạy học trong xóm mà un đúc nên nhiều nhơn-tài trong lúc duy-tân ; học-trò *Cát-diên* sau làm đại-tướng hay được phong chức công hầu vô số. Lại cũng có người như *Tây-hương Long-thạnh* (西郷 隆盛 - Saigou Takamori) đang làm tới chức tướng-soái mà bỏ quan về làng mở trường dạy học. Ta có thể tóm lại một câu rằng : Nhựt-bôn duy-tân, chính là nhờ giáo-dục, mà giáo-dục mau được kết-quả tốt đẹp, là nhờ nơi

chánh-phủ và nhơn-dân cùng ra tay gắng sức : Công-học lo mặt phổ-thông, ban bố thường-thức cho dân, tư-học lo mặt chuyên-môn, rèn-đúc nhơn-tài xuất sắc.

Nhưng ta nên biết các nhà dân-gian giáo-dục ở nước Nhật, có một cái tôn-chỉ cao, ấy là “Học-vấn độc-lập”.

Ông Đại-ôi Trọng-tín (大隈重信 - Okuma Shigenobu) muốn bày tỏ cái chủ-nghĩa tư-học như vậy : “Muốn cho quốc-dân có tinh-thần độc-lập tư-trị, thì trước hết phải lo sao cho học-vấn được độc-lập. Muốn học-vấn được độc-lập vững vàng thì ta nên mở ra một trường tư-học thật lớn, thoát hẳn sự trói buộc của quyền-thế, để cho học-sanh được tự-do, muốn nghiên-cứu về học-thuật gì cũng được cả, (tham khảo hình dưới)”.



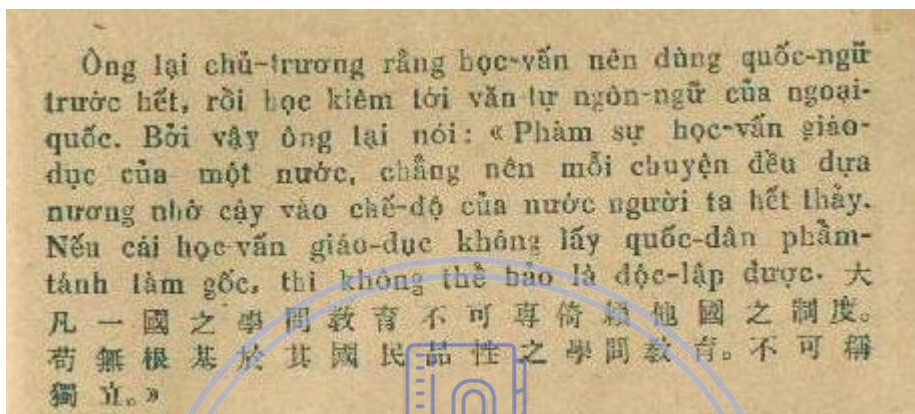


Đến âm-nhạc Tây-phương, Nhật-bản cũng bắt chước, trải 28 năm nay, đã nảy ra những tay âm-nhạc đại-tài là những người trong tấm hình trên đây.



Phong-trào cấm rượu tràn-lan sôi-nổi cả nước. Những bó giấy to thấy ở hình trên đây là những tờ tân-thành cấm rượu ở các tỉnh gửi về có tới 10 triệu chữ ký.

Ông lại chủ-trương rằng học-vấn nên dùng quốc-ngữ trước hết, rồi học kiêm tới văn-tự ngôn-ngữ của ngoại-quốc. Bởi vậy ông lại nói : “Phàm sự học-vấn giáo-dục của một nước, chẳng nên mỗi chuyện đều dựa nương nhờ cậy vào chế-độ của nước người ta hết thảy. Nếu cái học-vấn giáo-dục không lấy quốc-dân phẩm-tánh làm gốc, thì không thể bảo là độc-lập được, (tham khảo hình dưới).



Mấy câu nói thống-thiết và lý-thú thay ! Chính là cái tinh-thần chung của các nhà dân-gian giáo-dục nước Nhựt từ trước khi khai-quốc cho đến giữa lúc duy-tân, do cửa miệng của họ Đại-ôai phát ra vậy!

Download Tech Hay | Doc Sướng Online

Chương VI

TRÊN ĐƯỜNG CHÁNH TRỊ

Đọc qua mấy chương ở trên rồi, chắc hẳn trong trí độc-giả tự-nhiên nảy ra cái cảm-giác nhưt định rằng Nhựt-bổn được duy-tân tự-cường, chính là do nơi dân-chúng khua động thành phong-trào xây-dựng lên cơ-sở. Đầu hết là sức dân, vua hiền quan sáng là sức thứ hai thôi.

Quả có như vậy thiệt.

Phàm một xã-hội nhơn-quần được văn-minh tấn-hóa, phần nhiều khi là nhờ có một số ít người chí-khí thức-thời đứng lên kêu gào diu-dắt quần-chúng mà ra. Hạng đó cũng như hột giống, nó có gieo vãi trước, mới có nảy mầm đâm ngọn, cây xanh lá tốt sau. Đã cần có hạng tiên-phong như thế phát cờ đi trước, song cũng lại cần họ phải có can-đảm thiệ-hành cái chủ-nghĩa của họ cho kỳ được, cho tới cùng ; chớ nếu có chí-khí kiến-thức mà chỉ nói rồi thôi, thì có ích-lợi gì cho nhơn-quần xã-hội

đâu. Hạng người như Nguyễn-trường-Tộ, Bùi-Phùng của mình ở đời Tự-Đức chẳng phải là bậc chí-khí thức-thời đáng yêu đáng kính là gì ; nhưng chỉ tiếc mấy ông biết dùng có một cách là dâng sớ điều-trần mà thôi, ngoài ra không cố rán làm sao giục lòng thức tỉnh quốc-dân và tự mình hoạt-động, thành ra rốt lại mấy ông uổng mạng, mà chỗ thức-thời của mấy ông cũng vô-ích cho việc đời. Nếu đám người chí-khí thức-thời ở Nhựt-bổn bảy tám chục năm trước cũng thế, thì làm gì có nước Nhựt-bổn như ngày nay !

Sự-nghiệp duy-tân nước họ sở dĩ xây-dựng lên được, chính bởi cái sức của đám “*Hạ-ban Phiên-sĩ*” làm chủ-chốt.

Thế nào là “*Hạ-ban Phiên-sĩ*” ?

Khoảng trên đầu sách, đã có chỗ nói chế-độ phong-kiến ở Nhựt từ thế-kỷ 12 (Tây-lịch) trở đi, trên cao hết là Thiên-hoàng chỉ làm vua hư vị vô quyền, trong nước có trên 260 chư-hầu hay là phiên-chúa (藩主 - ??), đều thuộc quyền thống-trị của Tướng-quân, là một võ-gia có thế-lực hơn hết, dựng ra Mạc-phủ, truyền nối đời đời, nắm trọn quốc-chánh trong tay, như kiểu mấy ông bá-chủ ở đời Chiến-quốc bên Tàu vậy. Xã hội có ba giai-cấp, là quý-tộc, sĩ-tộc và bình-dân. Bực sĩ là những người có chức-nghiệp hay là có học-thức. Đây nói về hạng “*Hạ-ban Phiên-sĩ*”, (下班藩士 - ??) tức là chỉ vào bực sĩ ở trong nước Phiên mà lại ở vào lớp dưới. Nguyên là mỗi phiên-bang, có ông phiên-chúa (người trong quý-tộc), làm vua cai-trị, bày tôi phò tá đều là lão-thần và phiên-sĩ, cha truyền con nối, làm thần thuộc đời đời. Phiên-sĩ chia ra có thượng-ban (上班 - ??) và hạ-ban (下班 - ??), nghĩa là bực trên, bực dưới. Phiên-sĩ bực trên là số ít mà nhà thì giàu, chức thì lớn, chỉ giúp đỡ chánh quyền trong phiên bang, chứ họ không làm sanh-nghiệp gì khác hết. Còn hạ-ban - bực dưới - chiếm số rất đông, phần nhiều nhà nghèo, nhưng có học-thức tài-cán, có tâm-chí siêng-năng, nhưng vẫn phải khuất-phục trước mặt đám thượng-ban luôn luôn.

Người có tài-năng học-thức mà bị đè-ép khuất-phục, không được mở mặt dương mày, thì còn gì bất-bình hơn ? Bấy lâu, đám hạ-ban phiên-sĩ vẫn chứa lòng bất bình ; thường rón phần-đầu và tìm cơ-hội để thi-thố tài-năng của họ. Từ giữa thế-kỷ 18, họ giao-tiếp người Lan, nghiên cứu sách Lan, biết được chỗ tài giỏi của học-thuật Tây-phương và tình-thế các nước, liền vùng chỗi dậy ngay từ hồi bấy giờ hoặc kêu gào sửa-sang chánh-trị, hoặc truyền-bá tân-học cho dân ; thế là cái mầm duy-tân của Nhựt nhờ có đám sĩ-tộc thức-thời đã ương hột một trăm năm trước rồi vậy.

Dẫn mãi tới lúc đề-độc Bá-lý qua, Mạc-phủ cả quyết khai-quốc, cho đến khi Minh-trị Thiên-hoàng thống-nhút cả nước rồi thi-hành công-cuộc duy-tân trong 30 năm, đem Nhựt-bôn đặt lên ngang hàng Âu Mỹ, bao nhiêu những người bôn-tầu quốc-sự, sáng-tạo duy-tân, đều là hạ-ban phiên-sĩ hết thấy. Nhà giáo-dục quốc-dân như *Phúc-trạch Dụ-cát* (福澤諭吉 - Fukuzawa Yukichi), *Trung-thôn Kinh-vũ* (中村敬宇 - Nakamura Keiu) mà độc-giả đã biết, chính là hạ-ban phiên-sĩ, nhà chánh-trị đại danh như *Đại-ôi Trọng-tín* (大隈重信 - Okuma Shigenobu), *Y-đăng Bác-văn* (伊藤 博文 - Ito Hirobumi), cũng là hạ-ban phiên-sĩ, anh hùng như lục-tướng *Nãi-mộc* (乃木陸将 - Nogi Rikushou), hải-tướng *Đông-hương* (東郷海将 - Tougou Kaishou), cũng là hạ-ban phiên-sĩ nữa. Tóm lại, chính hạng người ở bậc dưới của xã-hội Nhựt, đã đưa quốc-gia Nhựt lên cao.

Đừng thấy hạng dân vô quyền nằm dưới ở trong một xã-hội mà cho là thường ! Hạng ấy đã có óc khôn, nảy ra sức mạnh và ý muốn, thì sức mạnh ý muốn đó phẳng phẳng đi tới, dầu thành đồng núi sắt cũng không cản được. Thì Nhựt-bôn nhờ sức mạnh ý muốn của đám hạ cấp sĩ-tộc mà trở nên văn-minh hùng-cường đó chớ gì ?

Sức mạnh ý muốn của dân họ tràn lan bày tỏ ra đủ các phương-diện : Chương trên, ta đã thấy họ sốt-sắng tấn-tới trong trường giáo-dục ; bây giờ ta thử xem họ vùng-vẫy trên đường chánh-trị. Mà xem họ vùng-vẫy trên đường chánh-trị, tức là xét cái lai-lịch của chế-độ Hiến-pháp nước Nhựt vậy.

DÂN-QUYỀN LÚC MỚI KHỞI-SỰ DUY-TÂN

Độc-giả đã rõ sự tích hồi Minh-trị Thiên-hoàng quyết ý duy-tân, ngài dặt các vị công-khanh chư-hầu làm lễ tế-cáo trời đất thần minh mà thề 5 điều, thì chính điều thứ nhứt là thề “Rộng mở hội-nghị, muôn việc quyết-định ở nơi công-luận”. Thế là rõ-ràng vua Minh-trị tôn-trọng dân-quyền dư-luận và ngay từ ban đầu đã có chủ-tâm dựng lên chế-độ Hiến-pháp cho nước Nhựt vậy.

Liên đó trào-đình sắp-đặt lại, gọi là *Thái-chánh-quan* (太政官 - Daijoukan) tức là trung-ương chánh-phủ, ở trong chia ra là 7 cuộc (局-Kyoku). Dưới thì dặt ra hai chức là Nghị-định (議定- Gitei) và Tham-dự (參與-Sanyo), dùng để hỏi-han bàn định trào-chánh. Hạng này lựa chọn hoặc là phiên-chúa, hoặc là phiên-sĩ có tài-năng danh-vọng thì được, chớ không phân quý-tiện gì. Thứ lại dặt ra Trung-sĩ 徴士(**) và Cống-sĩ 貢士(**), do các phiên chúa kén chọn tấn cử về trào, phiên

lớn 3 người, phiên nhỏ 2 người hay một người, trào-đình dùng làm quan hạ-cấp nghị-sự, tức như hạ-ng nghị-viện sau này, còn hạng trên thì như thượng-ng nghị-viện.

Đồng thời, vua Minh-trị lại định rõ 3 quyền riêng nhau ; ngài hạ dụ rằng : ”Quyền-lực trong nước từ đây nhứt thiết đều thuộc về một mình Thái-chánh-quan, khiến cho không có mối lệ chánh-lệnh do cả hai ngả ban ra như trước kia nữa. Còn quyền-lực của Thái-chánh-quan cũng chia riêng ba quyền Lập-pháp (立法 - Rippou), Hành-pháp (行法 - Gyouhou) và Tư-pháp (司法 - Shihou), để cho dứt hẳn chỗ lo thiên-trọng chuyên-chế”.

Vậy là Minh-trị chánh-phủ khơi nguồn đắp móng Hiến-pháp cho quốc-dân Nhứt từ đây, mà ở trong có ý noi theo cái thuyết “Tam quyền phân lập” của Montesquieu nước Pháp, rất là rõ-ràng.

Qua năm Minh-trị thứ 2, có “Tập-ng nghị-viện (集議院 - ??)” mở ra, cũng là nơi nghị-sự của các phiên-sĩ do nhà nước chọn lựa sung vào. Sở dĩ những người nghị-sự mà do nhà-nước chọn lựa, không có lẽ gì khác hơn là bởi dân-chúng mới ở chế-độ phong-kiến chuyên-chế vừa thoát ra khỏi, tự nhiên trong sự thay cũ đổi mới, đang còn bỡ-ngỡ, chưa đủ ngày giờ rèn tập tư-cách chánh-trị, cho nên chưa tập cách nhơn-dân bầu-cử được.

Dầu sao mặc lòng, ngay từ lúc ban đầu, chánh-phủ Minh-trị sắp đặt như thế, kể ra cũng khéo tôn-trọng dân-quyền công-ng nghị lắm. Nhờ lấy sự tôn-trọng dân-quyền công-ng nghị làm bia, mà chánh-phủ thi-hành được mọi việc cải-cách rất là mạnh-bạo. Ví dụ năm Minh-trị thứ 4, bỏ hẳn các phiên-bang, đổi ra làm huyện ; lại tuyên-bố “Tứ dân đồng quyền (四民同權 - Shimindouken)” (sĩ, nông, công, thương có quyền như nhau), ấy đều là việc cải-cách mạnh-bạo ; vì nước Nhứt vốn là nước phong-kiến, có giai cấp sang hèn đã lâu đời rồi, mà nay bỗng chốc xóa bỏ đi được, thật là hay.

Lúc ấy có lắm kẻ thấy chánh-phủ cải-cách táo-bạo quá như thế, thì tỏ ý bất-bình, nổi lên làm loạn. Nhưng chánh-phủ nhờ có những ông chúa-phiên thế-lực, tán-thành duy-tân, sùm lại giúp sức, thành ra công-cuộc cải-cách cứ việc tấn-hành, mà mấy đám phản-loạn cũng dẹp được mau.

Bởi nhờ cái oai của các ông cường-phiên, chánh-phủ chế-phục thiên-hạ được, rồi lại bởi sự bãi-phiên, nên chánh-phủ phải thu-dụng các ông vào những địa-vị trọng yếu ở trong trào, trong nước. Trong số này, hai cường-phiên Tát và Trương có thế-lực lớn hơn hết. Sau khi cơ-sở của chánh-phủ lần hồi vững vàng, vây cánh của hai

cường-phiên đó giữ lấy những ngôi thứ trọng-yếu, rồi tác oai tác phước, làm cho cái tinh-thần ban đầu của chánh-phủ tôn-trọng dân-quyền công-nghị, nay phải lần mòn tiêu mất đi. Bè đảng cường-phiên - người ta gọi là “Phiên-phiệt, 藩閥-??” - lại muốn dựng cờ nổi trống, chuyên-chế quốc-chánh trào-cang, không coi dư-luận ra gì nữa hết.

Bọn kiến-thức bất-bình lắm ; họ khua dậy nhơn-tâm, đề đòi dân-quyền và hồi thúc Hiến-pháp. Đây là một thời-kỳ dân Nhựt hoạt-động trên đường chánh-trị rất hay.

Năm Minh-trị thứ 6, trào-đình bàn tính chánh sách đối phó với nước Hàn (tức Cao-ly), thành ra trong trào có cuộc chia rẽ lung tung, kẻ đi người ở. Cả bọn *Tây-hương Long-thạnh* 西郷 隆盛 - Saigo Takamori, *Phó-đảo Chung-thần* 副島種臣 - Soejima Taneomi, *Bản-viên Thối-trợ* 板垣退助 - Itagaki Taisuke, *Hậu-đăng Tượng-thứ-lang* 後藤像次郎 - Gotou Shoujiro và *Giang-đăng Tân-bình* (江藤新平 Etou Shimpei) đang làm chức Tham-dự tại trào, cùng rủ nhau từ-chức, vì họ chủ-trương nhứt định đánh Hàn, nhưng trào-đình không chịu nghe. (Ta coi Nhật mới khởi-sự duy-tân có sáu năm, mà muốn cử binh đánh người, cái dân-khí hăng-hái gan-gốc có ghê không ?) Còn bọn *Nham-thương Cự-thị* 岩倉具視 - Iwakura Tomomi, *Đại-cử bảo Lợi-thông* 大久保利通 - Okubo Toshimichi, *Mộc-hộ Hiếu-doãn* 木戸考 - Kido Takayoshi đều chủ-trương hãy khoan sanh sự với ai, nên lo nội-chánh của mình sửa sang hẳn hoi đã rồi sẽ hay ; bọn ấy ở lại trong trào như thường.

Trong bọn từ-chức bỏ đi kia, có 4 ông vẫn ở xấn xấn tại Đông-kinh để hoạt động chánh-trị bên ngoài, duy có *Tây-hương Long-thạnh* trở về quê-hương Lộc-nhi-đảo (Kagoshima) mở trường tư, rèn tập thanh niên về mặt chánh-trị. Vì sự yêu-cầu dân-quyền mà ba năm nữa *Tây-hương* cử binh đánh lại trào-đình ; câu chuyện ấy sẽ nói sau.

Giờ hãy nói tiếp theo câu chuyện trên. Giữa lúc trong trào mới xảy ra việc chia rẽ có kẻ ở người lui, thì có một người đi du-học bên Anh bấy lâu, nay trở về trào, tàu bày sự-tình Tây-phương. Người đó hết sức ngợi khen chế-độ nghị-viên của Anh-quốc, nói rằng Nhựt-bôn nên bắt chước ; nếu không thì quyền chánh cứ ở mãi trong tay chuyên-chế của một hai ông cường-phiên hoài. Chánh-phủ nên làm sao mở rộng cái tinh-thần tôn-trọng công-nghị như hồi ban đầu ra, để cho quốc-dân có quyền tham-chánh mới được.

Nhơn đó, qua năm Minh-trị thứ 7, ngày 18 tháng giêng, họ *Bản-viên* 板垣 - Itagaki cùng 7 người bạn đồng-chí, dâng tờ biểu lên trào-đình, xin nhà vua mau mau mở ra nghị-viện dân-tuyển (nghị-viện do dân bỏ thăm bầu cử). Lại đem tờ xướng-nghị đó

đăng báo, công-bố cho quốc-dân hay. *Bản-viên* đặt tên rõ ràng “Dân-tuyển nghị-viện 民選議員 - Minsengi-in” là có chủ-ý chỉ rõ cơ-quan ấy thay mặt quốc-dân, tự dân bầu-cử ra, chứ không phải như “Tập-nghị-viện” kia là “Quan-tuyển nghị-viện 官選議員-Kansengi-in” do nhà nước lựa-chọn cất cử.





KHUYỀN-DUỠNG-NGHỊ

Một nhà có công to trong hồi duy-tân, năm 1932(?), đang làm Thủ-tướng, bị bọn võ-quan quá-khích vô tận trong dinh bắn chết.

Hình phía dưới cuối bên phải :

Ba vị Tham-muru-trưởng của Lục-quân, Hải-quân và Không-quân đều là bậc thân-tộc nhà vua.

Lúc này bọn chí-sĩ muốn hiệp nhau lại thành ra chánh-đảng 政党 - Seitou như ở các nước Âu Mỹ, song còn e ngại một chút, là vì thuở đó hai tiếng “đồ đảng” còn phạm nhằm quốc-cấm ; nhà-nước coi giống như nghĩa mưu-phản, hễ ai phạm thì trị tội và nêu tên ra giữa chợ búa. Muốn tránh cái họa đó, nên chi bọn chí-sĩ kết đảng, chỉ tự xưng là “Ái-quốc công-đảng 愛国公党”, để chỉ tỏ ra mình chẳng phải là đồ-đảng phi-vi hay là đồ bất-chánh vậy.

Tới đây, trí-thức dân Nhựt đã mở ra lần lần và sự giáo-dục hiệp-quần cũng tấn-tới khá rồi. Nhứt là nhờ có *Phúc-trạch Du-cát* (Fukuzawa Yukichi) chuyên việc dịch-thuật, ra sức cổ-động chủ-nghĩa bình-dân. Ngoài ra, lại có người dịch “Xã-hội khế-ước” (Contrat Social của J.J. Rousseau và tờ : “Nhơn-quyền tuyên-ngôn” (Déclaration des Droits de l’Homme) của nước Pháp, để thức-tỉnh quốc-dân, cho biết tôn-quý nhơn-quyền. Những sách ấy, dân nô-nức mua đọc, thành ra cái phong-trào dân-quyền tự-do nổi lên mạnh lắm. Dầu cho trong chánh-phủ có những tay cường-phiên chuyên-chế, không trọng dư-luận, nhưng dân sẽ bắt buộc phải trọng ; không muốn cho lập chánh-đảng, nhưng rồi cũng có chánh-đảng cứ lập ra.

CHÍ-SĨ ĐỔ MÁU VÌ DÂN-QUYỀN VÀ CHÁNH-ĐẢNG

Đây bước vào cái thời-kỳ dân Nhựt hoạt-động chánh-trị một cách hăng hái dữ tợn, vì dân-quyền và chánh-đảng mà có nhiều chí-sĩ đến đổ máu uống mình.

Hồi này họ *Mộc-hộ* ở trong chánh-phủ (làm chức Tham-dự), ngấm kín làm đầu cho một bọn theo chủ-nghĩa “tiệm-tấn lập-hiến” (lần hồi tấn lên chánh-thể lập-hiến). Còn họ *Bản-viên* từ lúc bỏ chức Tham-ngự trở về vườn, ở trong dân-gian, thì công-nhiên làm đầu của phe tự-do cấp-tấn, muốn có nghị-viện dân-tuyển cho mau.

Tháng 2 năm Minh-trị thứ 7, một người trong đám cùng *Bản-viên* từ chức Tham-nghị (gọi là Tham-dự cũng thế) hồi năm ngoái, là *Giang-đăng Tân-bình* (後藤新平 - Goto Simpei), lật đật trở về quê-quán ở Tá-hạ (佐賀 - Saga). Bọn sĩ-tộc ở đây tôn *Giang-đăng* (後藤 - Gotou) lên làm thủ-tướng rồi cử binh chống lại chánh-phủ, đòi chánh-phủ phải gấp thi-hành Hiến-pháp. Chánh-phủ thấy vậy, giận lắm, thành ra cả phe *Bản-viên* cùng chánh-phủ tuyệt tình, trở nên thù-nghịch nhau.

Tức thời *Bản-viên* 板垣 cũng từ-giã Đông-kinh trở về quê-hương ở Thổ 土 mà tuyên-truyền thức-tỉnh quốc-dân ; luôn dịp ép đòi chánh-phủ mau mau thi-hành chánh-sách tự-do tấn-bộ. Bấy giờ ở Tá-hạ và Thổ có “Lập-chí-xã, 立志社” dậy lên, nương theo lời tuyên-thệ của “Ái-quốc công-đảng” mà rèn tập tánh-cách tự-trị cho dân. Lại giải bày những lẽ dân-quyền tự-do rất là hăng-hái. Đám thanh-niên nhập xã có tới bốn năm ngàn người. Thành ra “Lập-chí-xã” cùng với trường tư-học của *Tây-hương Long-thạnh* lập ra tại Lộc-nhi đảo, là hai đảng đồng-chí, găng với chánh-phủ trung-ương, làm cho chánh-phủ phải kiêng nể.

Nhờ có “Ái-quốc công-đân”g của *Bản-viên* xướng lập trước hết và truyền hịch trong nước, lần lần các nơi đều có những hội-xã chánh-trị mở ra, có tánh-chất và tôn-chỉ đại-khải như “Lập-chí-xã” trên đây.

Qua năm Minh-trị thứ 8, phe *Bản-viên* và *Mộc-hộ* (lúc này *Mộc-hộ* cũng mới từ-chức về vườn) mời các hội-xã nhóm hội chung ở Đại-bản (大阪 - Osaka), rồi công-bố hai điều đại-cương như vậy :

1* - Cái thuyết của chúng tôi nhứt định, là cầu có một chánh-phủ do nhà vua lập luật (nghĩa là tránh những mối tệ chuyên-chế của một hai cường-phiên).

2* - Chúng tôi muốn thiết-hành cái thuyết ấy, cho nên phải đòi có chế-độ nghị-viện, để cho minh-bạch luật-phép trong thiên-hạ.

Rồi đó *Mộc-hộ* 木戸 cùng *Bản-viên* lại trở vô chánh-phủ làm chức Tham-nghị như cũ. Nhà vua sai ông cùng với *Đại-cửu-bảo Lợi-thông* 大久保利通 và *Y-đăng Bác-văn* (伊藤 博文 - Ito Hirobumi) hiệp nhau khảo-cứu chánh-thể. Vua Minh-trị hạ chiếu, có câu : “Chánh-phủ Lập-hiến lần hồi dựng lên, trăm và chúng dân đều được nhờ phước”. Liền khi ấy, chánh-phủ đặt ra Nguyên-lão-viện (元老院) và Đại-thẩm-viện (大審院) ; bấy giờ là ba quyền thiết và phân-lập.

Từ đó, thuyết dân-quyền tự-do càng thanh ; khắp nước chỗ nào cũng lập hội kết xã và nghị-luận chánh-trị nổi lên rất cao.

Tháng 6 năm ấy (năm Minh-trị thứ 8), chánh-phủ mở ra hội-nghị địa-phương của nhà-nước, cho mỗi phủ huyện có hai người thay mặt dân đi dự hội, và cho các nhà làm báo được dự nghe. Song hồi này có nhiều tờ báo nói giọng kịch-liệt quá ; họ công-kích chánh-phủ chỉ kiếm chuyện chần-chờ, không mau đặt nghị-viện dân-tuyên. Chánh-phủ phải giữ quyền mình cho nghiêm, liền ra điều-lệ làm báo, trị tội phỉ báng và kiểm-thúc ngôn-luận.

Đồng thời, giữa chốn trào-đỉnh, cũng nổi lên chống nghịch nhau về chủ-nghĩa. Ví dụ *Đại-cửu-bảo* (大久保 - Okubo) vẫn chủ tiệm-tân, còn *Bản-viên* thì cứ chủ cấp-tân luôn luôn.

Vì chỗ bất đồng ý-kiến đó nên chỉ qua tháng 10, *Bản-viên* lại từ-chức Tham-nghị, lui về dân-gian, cho dễ ra sức thúc-giục nhơn-tâm mở-mang dư-luận.

Bọn chí-sĩ cấp-tân nôn-nao đòi ban Hiến-pháp mở nghị-viện ngay, song chánh-phủ xét chưa phải thời, nên cứ ước hẹn dần dà mãi. Bởi vậy, đến tháng giêng năm Minh-trị thứ 10 (nhằm 1886), phe trưởng tư ở Lộc-nhi-đảo, tức là phe chánh-trị cấp-tân, đồ đảng của *Tây-hương Long-thạnh* (西郷 隆盛 - Saigo Takamori) , tôn *Tây-hương* lên làm tướng, cử binh làm loạn, hỏi tội chánh-phủ. Ta nên biết bây giờ *Tây-hương* làm ông chủ trưởng tư, làm một nhà hoạt-động chánh-trị, chớ lúc cuối đời Mạc-phủ cách mười mấy năm trước, ông ta đã từng làm tới Lục-quân đại-tướng rồi. Bọn bất-bình thấy ông có tướng tài, nên họ tôn ông làm tướng, để cự với chánh-phủ. Song chúng quả bất địch, họ *Tây-hương* bại trận mà chết. Ban đầu chánh-phủ cho ông ta là phản-thần, nhưng sau 12 năm, nhà vua nghĩ lại mà thương, bèn phong tước hầu cho con ông. Tại kinh-thành Đông-kinh có dựng tượng đồng kỷ-niệm, chính *Tây-hương* là người tử-tiết vì chánh-trị đầu hết.

Tây-hương (西郷 隆盛 - Saigo Takamori) phần-uất vì trào-chánh bị bọn “*Phiên-phiệt*” chuyên quyền, nên khi cử binh khởi-nghĩa, có phát ra mấy vần thơ rất hùng. Bài thơ truyền tụng qua tới nước Nam mình, không mấy ông nhà nho không ngâm-ngã thán-phục ; có ông khoái ý, dịch ra quốc-văn. Ấy là bài :

大聲呼酒上高樓
雄氣欲吞五大州
一片丹心三尺劍
揮拳先斬佞臣頭

*Đại-thanh hô tửu thượng cao-lâu,
Hùng khí giục thôn ngũ đại-châu,*

*Nhứt phiên đơn-tâm, tam xích kiếm.
Huy quyền tiên trăm nịnh thần đầu.*

Tôi thấy ông Á-nam Trần-tuần-Khải dịch (1) :

*Hét lớn lên lâu đánh chén say,
Khí hùng như nuốt năm châu ngay.
Nột mảnh lòng son ba thước kiếm,
Lấy đầu quân nịnh cho biết tay.*

Ông Nguyễn-bá-Học dịch ra điệu lục bát :

*Năm châu ngon lắm ở bay !
Rượu đầu ? Cho mổ bước ngay lên lâu.
Lòng son, ba thước lưu cầu,
Ra tay trước hãy chém đầu thằng gian.*

Trong lúc Tây-hương cử binh, bọn bất-bình ở các nơi cũng tủa lên hưởng-ứng, thành ra trong nước có nội-loạn lung tung.

Bấy giờ, *Bản-viên* 坂垣 liền thừa cơ-hội thúc-giục nhà-nước nên gấp gấp thành-lập chánh-thể Lập-hiến, cho yên lòng dân. *Bản-viên* sai xã-trưởng của “Lập-chí-xã” là *Phiến-cương Kiện-cát* (片岡健吉 - Kataoka Kenkichi, sau làm Nghị-trưởng Chúng-nghị-viện) lên tới kinh-đô dâng tờ kiến-nghị. Trong đó, đại ý xin chánh-phủ nên rộng xét công-luận, để sửa-sang những điều chánh-trị sai lầm, khiến cho ba quyền lập-pháp, tư-pháp và hành-chánh được vững-vàng đúng-đắn ; vậy thì nên mau mau mở ra nghị-viện dân-tuyển, dựng lên cái nền Hiến-pháp.

Kể ra lời-lẽ của *Bản-viên* êm-đềm mà thông-thiết lắm ; nhưng mà lúc ấy chánh-phủ đang lo dẹp loạn, không rảnh ngày giờ xem xét gì đáng, thành ra tờ kiến-nghị của *Bản-viên* vừa dâng lên là bị xếp xó ngay.

Phe cấp-tấn có gan dạ mưu mô dữ lắm ; giữa lúc phe nội-loạn nổi lên, chánh-phủ lo giẹp như thế, có mấy người chức-sự ở trong Nguyên-lão-viện, là *Lục-áo Tôn-quan* 陸奥宗光-??), về sau làm Ngoại-giao đại-thần), *Lâm-hữu-tạo* 林有造-??, về sau làm Đệ-tín đại-thần, tức là làm thượng-thor bộ Bưu-chánh), cùng mấy bạn thanh-niên đồng-chí nữa, âm-mưu sắp đặt cử binh ngay ở Đông-kinh toan đánh đổ chánh-phủ để dựng lên chánh-thể Lập-hiến.

Nhưng rủi cơ mưu bại-lộ ra, cả bọn đều bị bắt hạ-ngục, cả *Kiến-cương Kiện-cát*, xã trưởng “Lập-chí-xã”, khi dâng thư kiến-nghị còn đang xẩn-vẩn ở Đông-kinh đợi tin, nay cũng bị chánh-phủ hiềm-nghị, bắt nhốt vô khám.

Giữa cuộc huyết-đầu của chánh-phủ và nhơn-dân, chánh-phủ đại-thắng. Không mấy chốc, việc loạn ở miền Tây-nam dẹp yên được rồi, bọn bất-bình khắp cả trong nước đều nép tiếng, im hơi, không còn dám hó-hé lấy võ-lực ra để chống-cự gì nữa. Chừng cái oai của chánh-phủ càng to, mà chánh-thể Lập-hiến tới đây hình như muốn hồng mất rồi.

Nhưng, may sao lại xảy ra một việc biến-động, khiến cho cái vận của chánh-thể Lập-hiến bỗng dừng lại xoay ra có thể hồi-hả rộn-ràng : Ấy là việc hồi tháng 5 năm Minh-trị 11, người trọng-yếu của phe tiệm-tân là *Đại-cử-bảo Lợi-thông* bị thích-khách đón đường đâm cho mấy dao chết tốt. Vụ ám-sát này càng tỏ ra lòng dân nóng nảy tấn-hóa lắm vậy.

Chắc bởi thấy nhơn-tâm như thế, nên chỉ cách đó không bao lâu, chánh-phủ mở ra địa-phương hội-nghị ở các phủ huyện, tức là sắp-đặt thứ-tự để mở ra trung-ương hội-nghị về sau.

Luôn ba năm Minh-trị 11, 12 và 13, bọn *Bản-viên* và *Hà-giã Quảng-trung* 河野廣中 - ??, sau cũng làm nghị-trưởng Chung-nghị-viện) hai ba lần mở ra toàn-quốc đại-hội ở Đại-bản, mục đích đều là thỉnh-cầu chánh-phủ phải mở Nghị-viện cho mau. Cả thấy có 96 đoàn thể chánh-trị ái-quốc ở khắp trong nước, cộng hơn 9 muôn 8 ngàn hội-viên, cử đại-biểu đi dự hội.

Trước khi các phe dân-quyền nhóm đại-hội lần thứ ba, chánh-phủ thấy dân làm rộn quá, liền gấp đặt ra thể-lệ nhóm hội, rồi tức-tức đánh dây thép truyền lệnh cho quan quyền ở Đại-bản phải ngăn cản đại-hội và giải-tán “Ái-quốc-xã” đi. Song, bọn chí-sĩ hay được tin trước bèn lật-đặt nhóm hội sớm hơn và lập ra một đoàn-thể chung, gọi là “Kỳ-thành Quốc-hội Đồng-minh 期成国会同盟 - ??” nghĩa là thề nhau hiệp sức hoạt-động kỳ cho đến lúc có Quốc-hội (tức là Nghị-viện) mở ra mới thôi.

Rồi Đồng-minh này phái *Phiên-cương Kiện-cát* cùng *Hà-giã Quảng-trung* 河野廣中 thay mặt cho dân 2 phủ 22 huyện, đi lên Đông-kinh dâng tờ nguyện-vọng. Chánh-phủ kiểm cơ, không xét tờ ấy. Hai người tổng-đại-biểu lại đưa lên Nguyên-lão-viện, cũng bị cự nốt.

Đồng-minh liền đặt trung-ương tổng-bộ của mình ở ngay Đông-kinh thề rằng phải kêu gào cho được quá phân nửa quốc-dân ký tên đóng-dấu vào tờ nguyện-vọng, để đồng-minh làm cho đạt mục-đích mới nghe.

Hồi này, phong-trào chánh-trị nổi rùm cả nước ; người ta không ước hẹn nhau mà cũng theo đuổi chung một mục-đích, có nhiều đại-biểu khắp nơi, kế tiếp nhau về kinh, hoặc tới các nha môn, hoặc viếng các đại-thần, ai nấy cùng bày tỏ kèo nài có một việc là thi hành Hiến-pháp. Chánh-phủ lấy làm phiền về sự phải tiếp chuyện các đại-biểu mỗi ngày, bèn ra một đạo pháp-lệnh mới, định rằng từ nay phàm ai có dâng thơ hiến kế gì, nhứt thiết phải do quan địa-phương xem xét rồi tâu về kinh mới được.

Bọn chí-sĩ kêu gào dân-quyền tự do thuở nay, cốt xúi người ta kéo nhau về kinh dâng tờ nguyện-vọng cho đồng, là để ra oai với chánh-phủ, nhưng giờ chánh-phủ ra lệ mới kia rồi, thì cái mưu cao của bọn chí-sĩ không còn ăn thua được nữa. Từ nay, phong-trào lại xoay ra thế khác. Bây giờ bọn chí-sĩ lo gây dựng ra thế-lực của dân-chúng. Hoặc kết thành chánh-đảng ; hoặc dạy dỗ nhơn-dân về việc chánh-trị, hoặc tổ-chức các cuộc diễn-thuyết khắp nơi. Cả nước hoạt-động chánh-trị, có vẻ rầm rộ lạ lùng. Họ *Bản-viên* thật là hăng-hái và chịu khó-nhọc, tối ngày đi ngược về xuôi, du-thuyết trong nước, làm kích-thích nhơn-tâm dữ lắm.

CHÁNH-ĐẢNG TRƯỚC NHỨT VÀ TRÀO-ĐÌNH PHẢI HẸN KỲ MỞ RA QUỐC-HỘI

Qua năm Minh-trị thứ 14, có một việc quan-hệ về quốc-gia lý-tài, chánh-phủ tính làm, nhưng cách định xử-trí không khéo, làm cho dư-luận sôi-nổi dữ. Các báo viết bài công-kích chánh-phủ mỗi ngày. Lại có người tổ-chức ra những cuộc diễn-thuyết rất lớn để phản-đối công-nhiên.

Ngay giữa chánh-phủ, ý-kiến của các ông Tham-ngự cũng nghịch nhau, nhứt là *Đại-ôi trọng-tín* (大隈重信 - Okuma Shigenobu).

Ông này nguyên là phiên-sĩ ở Tá-hạ, nổi tiếng anh-tài tân-học, nên được trào-đình Minh-trị triệu vô kinh làm chức Tham-ngự. Ở trong trào *Đại ôi* giúp đỡ công việc duy-tân cải-cách rất nhiều ; thứ nhứt các việc ngoại-giao tài-chánh ban đầu hết sức khó khăn rắc rối, mà *Đại-ôi* bàn tính sắp đặt hay lắm. Thế là bấy lâu *Đại-ôi* vẫn trung-thành phò-trợ chánh-phủ, nhưng đến khi có việc quan-hệ lý-tài nói đây, chánh-phủ tính làm, thì *Đại-ôi* gân cổ công-kích đả-đả.

Việc ấy - một việc bán đất công ở Bắc-hải-đạo - do đám “*Phiên-phiệt*” ở trong trào-đỉnh làm ngang. Bởi vậy *Đại-ôi* nói rằng nếu muốn cho tuyệt cái mầm “*Phiên-phiệt*” ý thể làm ngang đi, thì không có cách gì hay hơn là mau mau mở ra Quốc-hội, để cho dư-luận của dân cùng chánh-phủ được hiểu biết nương dựa vào nhau.

Không phải *Đại-ôi* chỉ nói suông mà thôi ; nói rồi liền thảo ra một tờ biểu, sửa soạn dâng lên Thiên-hoàng ngự-lâm, trong đó *Đại-ôi* xin tới năm Minh-trị 16 thì phải mở Quốc-hội. Nội trào đều hoảng-kinh về lời xướng-ngợi của *Đại-ôi*.

Lúc đó Minh-trị Thiên-hoàng đang ngự giá tuần du ở miệt đông-bắc. Đến hôm ngự về, liền đêm hôm ấy ngài triệu hết các đại-thần và tham-ngự vô nhóm trong cung, rồi lập tức bãi việc tính bán đất công kia đó, cho khỏi quốc-dân đến năm Minh-trị 22 thì mở Quốc-hội.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



原 敬
NGUYỄN-KÍNH

Người trước hết tổ-chức một Nội-
các binh-dân



乃 木 大 將
NÃI-MỘC-ĐẠI-TƯỚNG
(Général Nogi)

Có võ công nổi tiếng hoàn-cầu
năm 1905 vì trận đại-thắng quân
Nga ở Lữ-thuận (*Port Arthur*).

Thuở giờ chánh-phủ chân-chờ, dự dự không nhứt định đến năm nào mới mở Quốc-hội. Nay nhờ có *Đại-ôi* dâng biểu thúc-giục, nên mới có kỳ hẹn đến năm Minh-trị 22. Nhưng vì *Đại-ôi* chủ-trương gấp mở Quốc-hội, có ý hối-thúc trào-đình như thế, trào-đình bải chức Tham-nghị của *Đại-ôi*. Đồng thời có nhiều vị quan-liêu và tham-nghị cùng một ý với *Đại-ôi*, trong đó có *Khuyển-dưỡng-Nghị* 犬養毅 - Inukai Tsuyoshi, *Thí-giả Văn-hùng* 矢野文雄 (Yano ??), *Vĩ-kỳ Hành-hùng* (尾崎行雄 - Ozaki Yukio) v.v... cũng phải một lượt bải chức nữa. Tóm lại, lúc ấy phàm những người nào có nhơn-duyên và đồng-ý với họ *Đại-ôi*, đều bỏ chức về vườn, không còn ai ở lại trong hoạn-lộ. Sau năm Minh-trị thứ 6, có vấn đề đánh Hàn mà trào-đình chia rẽ tới nay có việc biến-động này ở giữa chánh-phủ là việc lớn nhứt.

Bước ra ngoài hoạn-lộ rồi, *Đại-ôi* cùng với *Bản-viên* là hai tay thủ-lãnh chánh-trị hoạt-động ở trong dân-gian, ra sức hô-hào kết-lập chánh-đảng, đối-đầu với chánh-phủ. Huống chi *Đại-ôi* từng ở trong trào lâu ngày, bao nhiêu chỗ thực-tình và chỗ thiếu-sót của chánh-phủ ra sao, *Đại-ôi* đều thấu rõ hết, thành ra chánh-phủ kiêng sợ, coi *Đại-ôi* và *Bản-viên* như hai địch-quốc lớn.

Từ trước đến giờ, trong việc chánh-trị hoạt-động tuy có những đoàn-thể nọ, đồng-minh kia lập ra rồi, nhưng đó chưa thiết phải là chánh-đảng. Nay có sắc-chỉ hẹn kỳ mở Quốc-hội rồi, nhơn muốn rèn-tập nhơn-dân để nay mai đủ tư-cách tham-dự chánh-trị, nên chi *Bản-viên* bèn đứng ra tổ-chức một chánh-đảng, có chủ-nghĩa và kỷ-luật hẳn hoi, gọi là “Tự-do-đảng (自由党 - Jiyuutou)”.

Nhứt-bồn có chánh-đảng, thiết là khởi thủy từ đây.

Cùng trong một ngày (15 tháng 10 năm Minh-trị 14), *Đại-ôi* lập ngay tại Đông-kinh một chánh-đảng, gọi là “Lập-hiến Cải-tấn-đảng 立憲改進黨 - Rikken Kaishintou”.

Ngoài ra còn có mấy đảng khác nữa, nhưng kể sự lâu bền và có hệ-thống về lịch-sử, thì chỉ có đảng Tự-do của *Bản-viên* và đảng Cải-tấn của *Đại-ôi* mà thôi.

Bản-viên lấy tư-cách là tổng-lý đảng Tự-do, đi dạo khắp trong nước để tuyên-truyền diễn-thuyết, cô-động lòng dân. Qua tháng 4 năm sau (Minh-trị 15), *Bản-viên* ở Đông-kinh, tới dự một cuộc đại-hội trong vườn Kỳ-phụ, bị thích-khách là *Tương-nguyên Thượng-cảnh* thừa cơ đâm trúng vào bụng. Nhưng may phước *Bản-viên* không chết. *Tương-nguyên* bảo rằng *Bản-viên* quá-khích, làm nhiều-hại

quốc gia, cho nên va đập ; và tưởng nếu đập chết *Bản-viên*, thì phá đổ cả đảng Tự-do cùng tiêu. Ngay sau khi bị đập, *Bản-viên* vẫn tỉnh và nói cứng :

- *Bản-viên* này dầu có chết đi nữa, “tự-do” không khi nào chết được đâu.

Nghe lời nói như thế, đủ rõ cái chí-khí của những tay hoạt-động chánh-trị trong hội duy-tân ra thế nào ? Nhờ có những tay đó mà dân-quyền chánh-đảng nước Nhựt được mau vẻ-vang tấn-tới vậy.

CON ĐƯỜNG ĐI TỚI HIẾN-PHÁP CÒN NHIỀU CHÔNG GAI

Giữ lời ước-hẹn với dân, Minh-trị Thiên-hoàng lo dự-bị việc mở Quốc-hội. Tháng hai năm Minh-trị 15, ngài sai *Y-đăng Bác-văn* cùng mấy tay anh-tài bác-học qua Âu-châu khảo-cứu Hiến-pháp, *Y-đăng* qua ở Âu-châu xem xét đến một năm ngoài mới trở về. Sau lại đi Âu-châu khảo-cứu một lần nữa ; lần này về nước mới thảo ra Hiến-pháp dâng lên Thiên-hoàng ngự lãm. *Y-đăng* dùng nhiều công-phu tâm-lực vào việc này. Đại-khái Hiến-pháp Nhựt-bổn gần giống như Hiến-pháp nước Đức. Nguyên-văn do *Y-đăng* thảo ra, có đôi chỗ chật-hẹp cho dân, nhưng chính vua Minh-trị sửa lại vì ngài muốn chủ-não Hiến-pháp trọng về mục-đích cho dân tự-do tấn-hóa.

Trong khi một mặt Minh-trị Thiên-hoàng sai họ *Y-đăng* đi Âu-châu khảo-cứu Hiến-pháp, một mặt chánh-phủ “*Phiên-phiệt*” bày đặt thêm những thể-lệ gắt-gao về việc kết xã lập hội, để trở-ngăn chánh-đảng khó phát-đạt.

Đã vậy mà lúc này mấy chánh-đảng lại tranh dành lẫn nhau rồi vu vạ cho nhau, quên mất kẻ thù chung của bọn mình, là chánh-phủ “*Phiên-phiệt*” kia, thành ra chánh-phủ thừa cơ-hội đó mà dùng thủ-đoạn cương-ngạch để đè ép chánh-đảng.

Các chánh-đảng phải chịu mọi sự thất-ngặt không nổi cho nên phải rủ nhau giải đảng. Tới hai đảng mạnh thế nhất, là đảng Tự-do của *Bản-viên* cùng đảng Cải-tấn của *Đại-ôi* cũng vậy. Nhưng chỉ bên ngoài họ làm bộ giải đảng, chớ bên trong vẫn giao-thông thình khí với nhau và cứ bí-mật hoạt-động luôn.

Vì đó, mà luôn mấy năm, lòng dân bị bít mắt đầu nọ, tất phải bung ra đầu kia : Có nhiều việc quá-khích bạo-động xảy ra, đến nỗi nhiều người ra tù vô khám vì tội quốc-sự-phạm, hay là bị xử đến tử-hình cũng có. Nhất là hồi năm Minh-trị 19, chánh-phủ cùng các nước bàn tính sửa lại các điều ước đã ký từ mấy chục năm trước, trong đó có khoản quan-hệ về pháp-luật, chánh-phủ chịu để quan-tòa ngoại-quốc hiệp với quan-tòa Nhựt xử kiện. Khoản này làm cho dư-luận nhơn-dân sôi-

nổi dữ. Ngoại-giao đại-thần là *Tĩnh-thượng-Hình* 井上馨 - Inoue Kaoru phải bãi chức và cả Nội-các *Y-đăng* phải nhào. (Ta nên biết từ cuối năm Minh-trị 18, trào-đình đã bỏ Thái-chánh-quan mà đổi ra Nội-các (内閣 - Naikaku) như các nước, có Nội các tổng-lý và đại-thần các bộ. *Y-đăng Bác-văn* lúc này làm Nội-các tổng-lý. Nước Nhật có Nội-các bắt đầu từ đây).

Bây giờ, những chí-sĩ đảng-viên của các đảng cũ lại nhen-nhúm nổi dậy, có *Hậu-đăng Tượng-thứ-Lang* 後藤像次郎 - Gotou Shoujirou đứng ra liên-kết hết thảy các phe đảng hiệp lại cho có sức mạnh, *Hậu-đăng* nói :

- “Ngày nay không còn phải là ngày anh em trong nhà chúng ta tranh-“danh xích-mịch nhau được nữa. Ta thử ngó qua đại-lục, con đường xe “lửa Tây-bá-lợi của Nga đang làm kia, không bao lâu nữa thì tới Mãn-“châu, kéo dài tới muôn dặm, đó thật là việc có quan-hệ tới sự sanh tử tồn-“vong của Đông-dương mình. Vậy anh em chí-sĩ trong nước, nên bỏ “những điều tiểu-dị, lấy nghĩa đại-đồng, cùng nhau kết thành một đoàn-“thể lớn, đặt có thể-lực mà dùng ở trong Quốc-hội nay mai sắp mở ra “đây. Nếu như gặp phải chánh-phủ chuyên-chế thì chúng ta chỉ đá một “cái là nhào chớ lo gì !”

Các đảng-phái cũ nghe lấy làm phải, đều xúm theo ngọn cờ của *Hậu-đăng* mà trở nên một đoàn-thể có thể-lực rất lớn, bao vây cả chánh-phủ, khiến cho chánh-phủ e-dè lính-quýnh. Các chánh-đảng ở Nhật có lúc thành cuộc liên-hiệp lại một cánh, là từ cuộc liên-hiệp này của *Hậu-đăng* làm được trước hết.

Giữa ngày lễ mừng Minh-trị Thiên-hoàng kỷ-nguyên năm thứ 22 (1889), Thiên-hoàng công-bố Hiến-pháp thi-hành và ân-xá cho các quốc-sự-phạm. Trải 22 năm, chí-sĩ hoạt-động chánh-trị, thúc đòi Hiến-pháp, thế là nay đã đạt tới mục-đích.

16 NĂM THAY ĐỔI 23 NGHỊ-VIÊN

Ngày mùng 1 tháng 7 năm Minh-trị 23 (1890), nước Nhật có cuộc tổng-tuyển-cử Chúng-nghị-viên thứ nhứt 衆議員 (tức như Communes nước Anh hay Chambre députés nước Pháp).

Các nước ở Đông-phương, một nước có chánh-trị Hiến-pháp trước nhứt, chính là nước Nhật.

Phép tuyển-cử ban đầu cũng lựa chọn kỹ-luỡng, trong số 42 triệu dân Nhật-bồn lúc ấy chỉ có 46 muôn người đi bỏ thăm, nghĩa là chưa được 1 phần 100 có quyền đầu phiếu.

Thuở đó phần nhiều dân chúng nước Nhật còn chưa biết yêu-cầu lấy quyền tham-chánh ; duy có số ít là hạng chí-khí học-thức biết sốt-sắng lập thành chánh-đảng và hoạt-động chánh-trị mà thôi. Bởi vậy lúc đầu, cái quyền đầu phiếu ít nhiều rộng hẹp thế nào, dân chúng không lấy làm vui buồn gì cả. Song cái số ít kia là cái sức mạnh góm ghê, địa-vị chánh-trị của dân Nhật mau tấn-tới chỉ nhờ về cái số ít đó.

Giờ các chánh-đảng lại nổi dậy hoạt-động tự-do. Không đảng nào không ra sức phấn-đấu với chánh-phủ, cái chỗ họ nghi-nan phòng sợ là xem chánh-phủ có giữ đúng tinh-thần Hiến-pháp không ? Hay là đặt dưng Nội-các nào có xứng chức đúng tài hay không ?

Rồi thì các đảng cũ tái-khởi và nhiều đảng mới tổ-chức ra, danh-hiệu đã nhiều mà chánh-kiến cũng lắm. Hai đảng “Hiến-chánh-đảng 憲政党”, và “Chánh-hữu-hội 政友会” có thể-lực ở nghị-viện Nhật-bồn ngày nay, thay đổi nhau tổ-chức Nội-các bảy lần, chính là khai sanh từ hội Minh-trị duy-tân, sau khi ban hành Hiến-pháp ít năm.

Thiệt vậy, có Hiến-pháp ban hành rồi, phong-trào chánh-trị càng thêm hoạt-động ; đã nói rằng lúc này có nhiều đảng mới lập ra, danh-hiệu đã nhiều mà chánh-kiến cũng lắm. Có khi các chánh-đảng rời nhau ra mà phấn-đấu tranh-dành nhau về chánh-kiến dữ-dội ; có khi các chánh-đảng hiệp nhau lại công-kích phản-đối chánh-phủ cũng dữ-dội. Vì đó mà chánh-phủ thường phải dùng cái quyền giải-tán Nghị-viện luôn : Từ Minh-trị 23 đến Minh-trị 39, trước sau 16 năm mà đổi thay tới 22 Nghị-viện. Ta xem như vậy, đủ thấy phong-trào chánh-trị nước Nhật giữa hội mới bãi cự cạnh-tân đã bùng bật tấn-tới dường nào !

Tuy có lúc các chánh-đảng chia xé gây-gỗ nhau, nhưng không bao giờ họ quên chỗ quyền-lợi tối-cao của quốc-gia. Khi quyền-lợi tối-cao đó cần dùng cả nước đồng-tâm hiệp-lực, thì tức khắc các chánh-đảng liên-hiệp lại ngay. Ví dụ như hội đánh Tàu năm 1894 và hội đánh Nga năm 1904-1905, cả nước Nhật kết-hiệp lại như một người để giúp-đỡ chánh-phủ đến cùng ; họ nghĩ mấy lúc có quốc-gia đại-sự, không phải là lúc nên có đảng phái tư-tranh vậy.

CHÁNH-TRỊ HOẠT-ĐỘNG TRƯỚC SAU CÓ BỐN THỜI KỲ

Phong-trào chánh-trị nước Nhật có chỗ nhọn-quả tương-sanh rõ-ràng : Ta xét cuộc vận-động dân-quyền, tức là xét lịch-sử chánh-đảng, mà xét lịch-sử chánh-đảng tức là xét lịch-sử Hiến-pháp.

Thiệt vậy, ngay lúc đầu duy-tân, có cuộc vận-động dân-quyền do những tay chí-sĩ mạnh bạo chủ trương, mới có chánh-đảng lập ra để làm cơ-quan hoạt-động. Rồi có chánh-đảng xướng-xuất, rèn tập chánh-trị cho quốc-dân và thúc-dục chánh-phủ, nên chỉ mới sớm có Hiến-pháp thi-hành, nếu không thì chưa chắc năm Minh-trị 23, nước Nhật đã có Hiến-pháp đâu.

Nay muốn tóm thâu cái lịch-trình của dân-quyền chánh-đảng nước Nhật ta có thể chia làm 4 kỳ :

1* - Kỳ thứ Nhứt, khởi từ năm Minh-trị thứ 7 có bọn *Bản-viên, Hậu-đăng, Phó-đạo, Giang-đăng* dâng biểu xin mở ra Nghị-viện dân-tuyển, cho đến năm Minh-trị thứ 14, là lúc họ *Đại-ôi* thoát-ly chánh-phủ, ra ngoài hoạt-động. Trong thời-kỳ này tuy chưa có chánh-đảng nào tổ-chức ra, nhưng cũng đã có nẩy mầm đắp móng lên rồi, mà *Bản-viên* chính là người sáng-lập chánh-đảng đầu hết.

2* - Năm Minh-trị 14, có chiếu của Thiên-hoàng kỳ hẹn với quốc-dân đến năm thứ 23 thì mở Quốc-hội. Lúc bấy giờ, *Y-đăng Bác-văn* cùng mấy vị quan-liêu khác vâng chỉ nhà vua đi qua Âu-châu xem xét để về thảo ra Hiến-pháp ; còn dân chúng thì có hai đảng Tự-do và Cải-tấn thành-lập. Nhưng mà chánh-phủ đè nén rất nghiêm, cho nên đảng Tự-do phải đành giải-tán một lúc, rồi đến năm trước khi sửa-soạn mở ra Quốc-hội thì đảng ấy lại dấy lên, xây-dựng cái nền-móng dân đảng liên-hiệp về sau. Ấy là kỳ thứ hai.

3* - Từ năm Minh-trị 23, Quốc-hội mở rồi trở đi, là kỳ thứ ba.

Hồi này, hai đảng Tự-do và Cải-tấn, bề ngoài hiệp lại thành ra Dân-đảng để phản-đối chánh-phủ, và chính bên trong thì hai đảng xung-đột lẫn nhau. Chánh-phủ ra sức đề-phòng và chống trả lại ; hoặc khi bắt giải-tán Nghị-viện, hoặc lúc phải can-thiệp vào việc tuyển cử. Tuy chánh-phủ ra oai làm khó các đảng không còn thiếu cách gì, nhưng vậy mà bao giờ phe phản-đối cũng chiếm được số đông ở trong Nghị-viện để làm ngặt chánh-phủ luôn luôn.

Tới năm 1894, sau trận Nhật-Thanh giao-chiến trở đi, thì tình-thế xoay đổi ra khác. Bấy giờ chánh-phủ biết không thể đè nén các đảng được nữa ; mà các đảng cũng

hiếu rằng cứ thù-nghịch phản-đối chánh-phủ hoài, là sự bất-lợi. Đảng Tự-do bèn cùng chánh-phủ đề-huê trước hết ; thứ đến đảng Tấn-bộ. Chừng đó hai đảng hiệp nhau lại tổ-chức ra Nội-các chánh-đảng. Trên đàn chánh-trị Nhật, có Nội-các của đảng-phái bắt đầu từ đây. Song bên trong đảng-phái không được thuận-hòa nhau, thành ra Nội-các chánh-đảng phải rã một lúc, nhường cho những người không thuộc về chánh-đảng nào cả. Vậy đủ biết Nội-các vô đảng, vốn khó đứng yên đã đành, mà đến Nội-các chánh-đảng chưa tới ngày giờ chín-chắn thì cũng không vững nào.

4* - Đến kỳ thứ tư, khởi từ năm Minh-trị 31 trở đi, lúc Nội-các chánh-đảng, lúc Nội-các vô đảng, đắp đổi lẫn nhau. Tới đây chánh-phủ và chánh-đảng khéo nhường-nhịn dung-hòa nhau để sửa-sang quốc-chánh.

Tóm lại, chánh-trị nước Nhật được mau tấn-tới mở-mang, thiết nhờ cái công-phu của chánh-đảng gây dựng bồi đắp trong đó lớn lắm. Chánh-đảng có công khai-động thức-tỉnh người trong nước mau có giáo-dục chánh-trị, mau hiểu dân-quyền tự-do ; chánh-đảng có công kiểm-ché những ngón chuyên-quyền và cứu chữa những điều sai sót của chánh-phủ trong lúc quốc-dân chưa có quyền tham-chánh, nhứt là ở trong chánh-phủ ban đầu lại có cái thế-lực ngang-tàng của đám “*Phiên-phiệt*”. Sau nữa là chánh-đảng có công hồi-thức Hiến-pháp được sớm ban-hành, Quốc-hội được mau thành-lập.

Có một chỗ Nhật-bổn khác lạ người ta, ta nên nhìn biết, là các nước Âu Mỹ, thường thường có Hiến-pháp Quốc-hội trước, rồi mới có chánh-đảng sanh đẻ ra sau. Ví dụ như nước Anh là nước có Hiến-pháp làm kiểu-mẫu cho Nhật bắt chước phần nhiều, xưa kia có Quốc-hội mở ra đến mấy trăm năm rồi mới có chánh-đảng ; Nhật lại trái hẳn : Trước có chánh-đảng rồi sau mới có Quốc-hội đẻ ra. Quốc-hội bên Anh là một nguyên-do sản-xuất chánh-đảng ; còn chánh-đảng ở Nhật thì lại là một cái động-lực làm mẹ của Quốc-hội ; đó là cái đặc-sắc lạ-lùng của chánh-trị nước Nhật vậy. Còn nói gì trong cái thời-gian có vài chục năm, họ xông pha vùng vẫy trên đường chánh-trị không bao lâu mà có được Hiến-pháp hẳn-hoàn như thế, kể ra mau chóng biết sao mà nói cho cùng.

Ta nên nhớ luôn luôn rằng : Trên con đường này hay là các con đường nào khác cũng thế, Nhật-bổn đi tới mục-đích quá mau, đều là do nơi quyết-tâm và lực-lượng của dân hết thảy.

(1) Trần-quân viết bài trong số báo Đuốc-nhà-Nam đặc-biệt ngày 9 Février 1934, cho bài thi trên đây của Y-đăng Bác-văn, ấy là sai lầm. Chính của Tây-hương Long-thạnh. Chỉ Tây-hương với thủ-đoạn cách-mạng của Tây-hương mới phát ra bài thơ như thế. Ta nên nhớ hồi đang duy-tân, phe đảng của hai phiên Tát và Trương chuyên-quyền, nắm giữ hết các địa-vị trọng-yêu, ngăn-trở dân-quyền, nên chỉ Tây-hương phần-uất mà khởi binh, mới phát ra cái khẩu-khí như bài thơ đó. Còn Y-đăng lúc ấy đang làm quan lớn trong trào, cộng-sự với phe đảng hai phiên Tát-Trương, thì làm gì có sự phần-uất ấy đâu.

Chương VII

HIẾN PHÁP NHỰT BỒN

Chương trên nói riêng về lai-lịch từ khi có phong-trào chánh-trị hoạt-động nổi lên cho tới lúc có Hiến-pháp ban-hành; chương này nói riêng về Hiến-pháp, đại-khái nội-dung và thực-tế của nó ra thế nào, chắc hẳn cũng có ích cho những người ưa nghiên-cứu chánh-trị. Nói chi một ngày kia thế nào xứ mình lại chẳng phải có Hiến-pháp ra đời.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TINH-THẦN HIẾN-PHÁP NHỰT-BỒN

Đây nên nhắc sơ lại một câu chuyện đã nói ở chương trên, vì nó có ảnh-hưởng tới gốc-tích của Hiến-pháp.

Ấy là câu chuyện xảy ra hồi tháng 7 năm Minh-trị 14, chánh-phủ bàn tính đem bán những tài-sản thuộc về của công ở Bắc-hải-đạo (北海道 – Hokkaidou). Cách tính xử-trí như thế làm cho dư-luận nổi lên bất-bình dữ-dội. Nhứt là *Đại-ôi Trọng-tín* (大隈 重信 - Okuma Shigenobu) đang làm Tham-nghị trong trào, ra sức phản-đối kịch-liệt hơn hết. *Đại-ôi* thấy việc này, bèn suy-nghĩ rằng nếu muốn cho dứt cái tệ “*Phiên-phiệt*” làm ngang đi, thì không gì hơn là sớm mở Quốc-hội. Tức-thời ông thảo ra tờ biểu đề dâng lên Thiên-hoàng, một hai xướng-nghị đến năm Minh-trị 16 phải mở Quốc-hội mới được, Minh-trị Thiên-hoàng đi tuần- du các tỉnh miền đông bắc trở về, nội đêm nhóm các đại-thần và tham-nghị lại, bỏ việc chánh-phủ tính làm kia, rồi qua ngày hôm sau hạ chiếu hẹn kỳ mở Quốc-hội vào năm Minh-trị 23 (1890). Nhưng vì cái tội khởi-xướng gấp mở Quốc-hội, nên họ *Đại-ôi* (Okuma) cùng anh em đồng-chí của ông ở trong trào, đều bị bãi chức về vườn hết.

Cuộc chánh-biến này có ảnh-hưởng tới địa-vị chánh-trị của dân Nhật nhiều lắm, ta nên chú ý ba điều :

1* - Nếu không có *Đại-ôi* đánh bạo hồi-thức, thì chắc chánh-phủ chưa quyết-định năm nào mới ban Hiến-pháp, e đến năm Minh-trị 23 cũng chưa có Quốc-hội mở ra đâu.

2* - Cái kế-hoạch của *Đại-ôi* bị thất bại, có ảnh-hưởng tới sự khuynh-hướng của nước Nhật chẳng nhỏ. Người Nhật nói nếu việc *Đại-ôi* chủ-trương mà thành-công, thì chẳng những là Nhật có Quốc-hội mở ra sớm hơn, mà ngay chế-độ Hiến-pháp cũng không giống như chế-độ thi-hành bấy lâu nay.

Sao vậy ?

Chỉ vì *Đại-ôi* vẫn hâm-mộ muốn bắt chước cái lối nghị-viện chánh-trị của nước Anh, và lại bộ-hạ của ông, nhiều hạng thanh-niên học-thức, cũng ham-thích những học-thuyết chánh-trị của Anh tự-do hơn. Ví dụ Hiến-pháp do tay *Đại-ôi* thảo ra, chắc là noi theo mẫu mực Hiến-pháp Anh-quốc, chứ không phải như Hiến-pháp do *Y-dăng* (伊藤 博文 Ito Hirobumi) noi theo Đức-quốc vậy.

3* - *Đại-ôi* về vườn rồi cùng *Bản-viên* (板垣 – Itagaki) hoạt-động chánh-trị, làm cho thế-lực của dân được nâng cao lên, chánh-phủ không dám khi-thị như lúc trước nữa.

Năm Minh-trị 14, sau khi *Đại-ôi* về vườn rồi, thì người trọng-yếu ở trào là *Y-dăng Bác-văn*. Qua năm sau, Thiên-hoàng sai *Y-dăng* lo thảo Hiến-pháp.

Y-dăng qua Âu-châu hai phen để nghiên-cứu, rồi về mới thảo ra bản Hiến-pháp dâng lên, được trào-đình chuẩn-y ; ấy là bản Hiến-pháp ban hành từ năm 1889, còn giữ tới nay.

Giờ muốn biết rõ tinh-thần của Hiến-pháp Nhật-bồn thi-hành từ năm 1889 ra thế nào, tưởng ta nên đọc một đoạn tự-thuật của *Y-dăng* là người thảo ra Hiến-pháp đó như vậy :

“Nước Nhật có tình-hình riêng, không thể nào bóc-lột trọn cả Hiến-pháp “của một nước ngoài nào đem về làm ép cho được. Ví dụ như ngôi vua có “gốc nguồn sâu xa ở trong quốc-sử, lòng dân bao giờ cũng khắng-khít “tôn-sùng. Xưa kia là đời quốc-gia còn lấy thần-quyền làm chủ, chứ chưa “thành ra cuộc phong-kiến, thế mà ngôi vua đã là trụ-chốt thể-thống của “nhà-nước rồi.

“Nay muốn khảo-cứu để lập ra Hiến-pháp mới, về chỗ cầm chừng cái đại-“quyền của vua, tất nhiên phải thận-trọng cho lắm, mới được, cốt để ủng-“hộ cái quyền sẵn có từ xưa, hầu cho ngôi báu không phải là một cách chỉ “đặt ra làm vì mà thôi.

“Nhưng chánh-thể lập-hiến, điều cốt nhứt là phải làm sao bảo-hộ những “sanh-mạng, tài-sản, danh-dự, quyền-lợi của chúng dân. Nếu muốn bảo-“hộ những cái đó của dân cho được hẳn-hòì, thì quyền lớn của Thiên-“hoàng, cần phải có cách cầm chừng mới đặng. Ví bằng quyền ấy không “có cách cầm chừng thì không kể là muốn làm chánh-thể lập-hiến ra thế “nào đi nữa, nó cũng không đứng vững được.

“Còn điều khác cũng phải lo-liệu sắp-đặt, là làm cho các chư-hầu phong-“kiến xưa cùng với chế-độ mới ngày nay được dung-hiệp với nhau. Trong “hàng chư-hầu, có dòng họ bà con với nhà vua không phải là số ít ; thuở “xưa mấy ông vốn có thực-quyền làm chúa một đất, cai-trị một dân ; đến “nay tuy phong-kiến đã bỏ, nhưng dân-chúng đối với mấy ông, cũng vẫn “có lòng tôn-sùng, vả lại “mấy ông cũng vẫn truyền-nói nhau dùng những danh-hiệu vua phong “cho đời trước. Vậy nay Hiến-pháp mới bày ra, cũng phải sắp-đặt làm sao “cho mấy ông đó được có nơi có chốn tử-tê.

“Lại Hiến-pháp mới, đem các thứ quyền-lợi nọ kia phú cho dân-chúng, ấy “là tự đấng quân-vương sẵn lòng ban cho quốc-dân để cho quốc-dân được “hưởng mọi sự vẻ vang tốt đẹp, chớ không phải có dấu-tích gì tỏ ra dân-“chí ép buộc dành cướp quân-quyền ; điều đó không bày tỏ ra cho rành rẽ “không được.”

Rút ở bài “帝国憲政之由来 (**)” (Đế-quốc Hiến-chánh chi do lai chính Y-đăng viết trong bộ “Nhứt-bổn khai-quốc ngũ thập niên sử” của Đại-ôi Trọng-tín.

Ta nghe Y-đăng nói như vậy, thì ra cái chủ-ý của Hiến-pháp Nhựt có bốn điều :

- 1* - Ủng-hộ cái đại-quyền của vua sẵn có xưa nay ;
- 2* - Vì quyền-lợi của dân mà phải hạn-chế bớt cái quyền-lực của Thiên-hoàng ;
- 3* - Các phong-kiến chư-hầu thuở trước, nay ở trong Hiến-pháp cũng có địa-vị ;
- 4* - Nhơn-dân có quyền-lợi nọ kia chiếu theo Hiến-pháp, là tự vua sẵn lòng ban cho, chớ không phải tự dân đòi hỏi.

Xem Y-đăng lấy cái tinh-thần thận-trọng như thế làm gốc để soạn ra Hiến-pháp, thì đủ rõ Hiến-Pháp Nhựt-bổn thi-hành từ 1889, chủ-nghĩa của nó thật khác hẳn với

chủ-nghĩa tự-do tấn-bộ của bọn *Bản-viên*, *Đại-ôi*. Vả lại ở trong Hiến-pháp *Y-dăng* vẫn giữ cái màu mè bảo-thủ của đám “*Phiên-phiệt*”, nhằm không lạ gì.

Lấy toàn-thể mà nói, thì Hiến-pháp Nhật-bổn dựa theo chế-độ quân-chủ lập-hiến (君主立憲, monarchie constitutionnelle) của Đức-quốc hồi trước phần nhiều, rồi châm-chế theo lịch-sử và quốc-tục cùng là cách tổ-chức riêng của xã-hội Nhật-bổn mà định ra. Đức-quốc hồi xưa có cái thuyết “đế-vương thần-quyền” với Nhật-bổn có sự tín ngưỡng “ngôi vua muôn đời một hệ”; hai bên lý-tưởng có khác gì nhau.

HIẾN-PHÁP SẮP-ĐẶT QUYỀN-HẠN CỦA VUA VỚI DÂN RA THẾ NÀO ?

Hiến-pháp nước Nhật ban-hành năm 1889, kể ra thật là đơn-giản. Toàn văn chỉ có 76 điều; đầu hết nói về quyền-vị của đức Thiên-hoàng; thứ đến nghĩa-vụ quyền-lợi của nhơn-dân, rồi tới Đế-quốc nghị-hội, Quốc-vụ đại-thần, Khu mật-viện, Tư-pháp, Tài-chánh v.v...

Đồng thời tuyên-bố mấy đạo mạng-linh đặt ra Quý-tộc-viện, Chúng-nghị-viện, cùng là phép-tắc bầu-cử các viện ấy.

Bởi vậy, nay ta muốn biết qua cách-thức sắp-đặt chánh-trị ở nước Nhật thì ta phải xét qua mấy đạo mạng-linh nói đây mới rõ đặng. Trước xét về hình-thức đã định ra theo phép; sau xét về thiết-tế ở ngoài.

Theo Hiến-pháp 1889 đã định, thì cách-thức sắp-đặt chánh-trị của nước Nhật, làm theo lối “tam quyền phân lập” như các quốc-gia văn-minh gần đây. Tư-pháp (司法 – Shihou), (pouvoir judiciaire) thì giao trọn cho các quan tòa một cách độc-lập lâu dài, không có gì động phạm tới được. Lập-pháp (立法 – Rippou), (pouvoir législatif), thì do Đế-quốc nghị-hội (帝国議会 – Teikokugikai), gồm hai viện Quý-tộc (貴族 – Kizoku) và Chúng-nghị (衆議 – Shugi) hiệp lại. Còn Hành-chánh (行政 – Gyousei) (pouvoir exécutif) thì ký-thác trong tay Thiên-hoàng cùng Quốc-vụ đại-thần (国务大臣 – Kokumudaijin) là các quan lớn trong trào thân-cận phò-tá Thiên-hoàng.

Song, nội ba quyền, có quyền Hành-chánh rốt lại cao hơn hai quyền kia. Thiên-hoàng làm đầu Hành-chánh, lại lấy tư-cách là đấng quốc-gia nguyên-thủ tóm thâu cả quyền thống-trị, y theo Hiến-pháp mà thi-hành mọi việc. Như thế là về quốc-chánh, Thiên-hoàng nắm giữ cả hai quyền lớn Lập-pháp và Hành-chánh (Tư-pháp nằm ở trong Hành-chánh, điều đó khỏi nói), một tay ngài thi-hành sai khiến nhứt-thiết. Trong Hiến-pháp định rõ rằng: “Nhật-bổn do đức Thiên-hoàng muôn đời

một hệ cầm quyền thống-trị, (日本以？世一系之天皇統治之 - (??*****))”. Chính Y-đăng có viết một cuốn sách bằng chữ Anh, sau có người dịch ra chữ Hán, trong đó, Y-đăng cắt nghĩa về Hiến-pháp Nhật-bổn, cũng nói rõ địa-vị của Thiên-hoàng Nhật, khác hẳn các đảng nguyên-thủ bên Âu-châu : “Chẳng những ngài làm vua mà thôi, còn thống-trị nữa”.

HÀNH-CHÁNH

THIÊN-HOÀNG. - Đầu bộ Hành-chánh là Thiên-hoàng, Thiên-hoàng là đảng thống-trị tối-cao của quốc-gia.

Quyền lực của Ngài không những coi sóc Hành-chánh, mà coi sóc cả Lập-pháp nữa. Ngài có quyền xem xét, chuẩn-y luật-phép để sai thi-hành ; ngài vờn nhóm nghị-hội ; ngài tuyên-bố khai hội, bế hội, đình hội và giải-tán Chúng-nghị-viện khi nào ngài muốn. Trong lúc quốc-gia có việc gì khẩn-cấp, thì vì sự giữ-gìn trị-an hay là lo tránh tai-họa, đầu trong khi ấy không nhằm kỳ nhóm nghị-hội, Thiên-hoàng có quyền ra những sắc-lệnh cần dùng để thay thế pháp-luật. Ngài có quyền định ra ngạch quan, lệ quan, lương quan văn võ, và bổ dụng hay bãi chức quan-viên văn võ lúc nào tùy ý.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ngài thông-độc tất cả hải-quân, lục-quân, không-quân trong nước ; có quyền tuyên-chiến, giảng hòa hay ký điều-ước cùng các nước. Ngài ra lệnh giới-nghiêm (戒嚴, état de siège). Ngài phong tước-vị cùng các vinh-hàm. Ngài có quyền đại-xá, ân-xá, giảm tội, phục quyền.

Ta xem những chức-quyền kể ra trên đây, thì biết Thiên-hoàng Nhật-bổn, về lập-pháp, về hành-chánh cùng là nội-trị ngoại-giao, đều có quyền trọng đại độc-lập đến thế nào ! Nhật là có quyền ra sắc lệnh trong khi quốc-gia có việc khẩn-cấp, và một mình ngài tự ý quyết-định những việc khai chiến, giảng hòa, ký ước như thế, nội hàng nguyên-thủ các nước lập-hiến đời nay, thật ít có ông nào được rộng quyền tới bậc đó.

NỘI-CÁC (内閣). - Dưới Thiên-hoàng thì có Quốc-vụ đại-thần (国务大臣) hay là Nội-các phò-tá Thiên-hoàng, gánh vác trách-nhiệm ; nhưt thiết giấy tờ gì thuộc về việc nước, phải có một vị đại-thần Quốc-vụ ký tên với Thiên-hoàng mới có hiệu-lực.

Kể theo phép nước, thì Quốc-vụ đại-thần là tay sai thân-cận của Thiên-hoàng, thay thế Thiên-hoàng mà lo trách-nhiệm ; nhưng kể lẽ công, thì trách-nhiệm của Quốc-vụ đại-thần phải chịu, chỉ là đối riêng với Thiên-hoàng thôi. Quốc-vụ đại-thần tức là Nội các (Cabinet), gồm tất cả các ông tổng-trưởng các bộ, ông làm đầu hết gọi là Nội-các tổng-lý đại-thần (内閣総理大臣 – Naikaku souri daijin) (premier ministre), quen kêu là thủ-tướng.

KHU-MẬT-VIỆN . - Ngoài Nội-các, có Khu-mật-viện (樞密院. Cơ quan này để khi nhà-nước có công việc gì trọng-yếu, thì Thiên-hoàng hỏi ý-kiến. Khu-mật-viện đại-thần cùng Quốc-vụ đại-thần đều là bậc quan lớn thân-cận phò-tá Thiên-hoàng.

Những lúc cần ra mạng-lệnh khẩn-cấp, cần ra luật giới-nghiêm, hay là phân xử về những việc tài-chánh quan-hệ đặc-biệt, Thiên-hoàng phải hỏi ý-kiến Khu-mật-viện, nhưng mà ý-kiến đó ngài vẫn có quyền tự-do nghe theo hay là bác bỏ cũng đặng.

Theo Hiến-pháp định, nhứt thiết quốc-gia đại-chánh, Thiên-hoàng phải hỏi ý-kiến Khu-mật-viện đã đành, mà tự Khu-mật-viện cũng có quyền bàn soạn và xướng-nghị nữa. Xem vậy thì biết Khu-mật-viện có địa-vị lớn

lao ở trên đàn chánh-trị Nhứt-bồn, nhứt là bởi những người được sung vào viện này, nếu không là bậc quốc-gia nguyên-lão, thì cũng hạng danh-vọng huu-quan và mấy tay học-vấn uyên-bác.

Khu-mật-viện ở Nhứt là một cơ-quan ít thấy nước nào có. Tuy Anh-quốc có cơ-quan hơi giống, gọi là hội-đồng tư-mật (Privy Council), nhưng đến địa-vị và quyền-hạn so sánh với Khu-mật-viện của Nhứt thì khác hẳn nhau.

LẬP-PHÁP

ĐẾ-QUỐC NGHỊ-HỘI . - Hiến-pháp Nhứt-bồn đặt ra Đế-quốc nghị-hội (帝国議会 – Teikokugikai), gồm cả hai viện Quý-tộc và Chúng-nghị nhập chung lại mà thành-lập. Lấy danh-nghĩa mà nói, đại-khái cũng như ở nước Pháp khi bầu tổng-thống hay là khi nhà-nước có đại-sự, ví dụ như muốn sửa lại Hiến-pháp thì cả Thượng-nghị-viện (Sénat) cùng Hạ-nghị-viện (Chambre des députés) nhóm chung lại ở đền Versailles thành ra Quốc-gia hội-nghị (Assemblée Nationale) vậy.

QUÝ-TỘC-VIỆN . - Quý-tộc-viện (貴族院 – Kizoku-in) ban đầu mới lập, định số nghị-viên có trên 300 người ; đến năm 1925, tăng lên 420 người.

Những người sau đây được sung vào viện Quý-tộc :

1* - Các ông hoàng-thân đúng tuổi ;

2* - Hạng quý-tộc được phong tước công (公) và tước hầu (侯) ;

3* - Hạng quý-tộc được phong tước bá (伯), tước tử (子), tước nam (男), thì mỗi họ nhóm hội đồng-tộc chọn lựa mỗi họ mấy người sung vào Quý-tộc-viện ;

4* - Nghị-viên sắc-tuyển là hạng có công lớn với quốc-gia hay là có học-thức danh-vọng cao, bất cứ ở giai-cấp nào, Thiên-hoàng hạ sắc kén chọn và phong làm nghị-viên trong viện Quý-tộc.

5* - Hạng người nạp thuế nhiều hơn hết ở các phủ huyện, cũng do Thiên-hoàng hạ sắc kén chọn.

Gần đây lại chọn thêm 4 người ở trong Học-sĩ-viện (学士院 – Gakushi-in) ra nữa.

Trong năm hạng trên đây, hạng 3 và hạng 5, kỳ-hạn làm nghị-viên 7 năm, còn ba hạng 1, 2 và 4 thì mãi đời.

Xem cách tổ-chức Quý-tộc-viện thế ấy, hoàn toàn là một cơ-quan đại-biểu cho những bậc quý-tộc, phú-hào và quan-liêu. Những bậc này đều là phần-tử có đặc-quyền trong xứ, và có cái tinh-thần phong-kiến như xưa.

CHÚNG-NGHỊ-VIỆN. - Chúng-nghị-viện (衆議院 – Shugi-in) ban đầu có trên 300 nghị-viên, đến năm 1925 tăng lên 464. Tính ra trong 12 muôn người, có một người làm nghị-viên.

Cách tổ-chức viện này, có thể-lệ riêng, chớ trong Hiến-pháp không biên định rõ.

Phép tuyển-cử đại-khái là chia trong nước ra từng khu tuyển-cử lớn ; mỗi phủ huyện (nên biết phủ huyện bên Nhật tức là tỉnh ở các nước khác) là một khu, mỗi đô-thị lớn cũng thành riêng một khu. Mỗi khu cử ra mấy nghị-viên tùy theo dân số.

Nước Nhật cũng dùng cách tuyển-cử có hạn-chế. Mấy hạng người đúng lệ sau đây mới có quyền đầu phiếu :

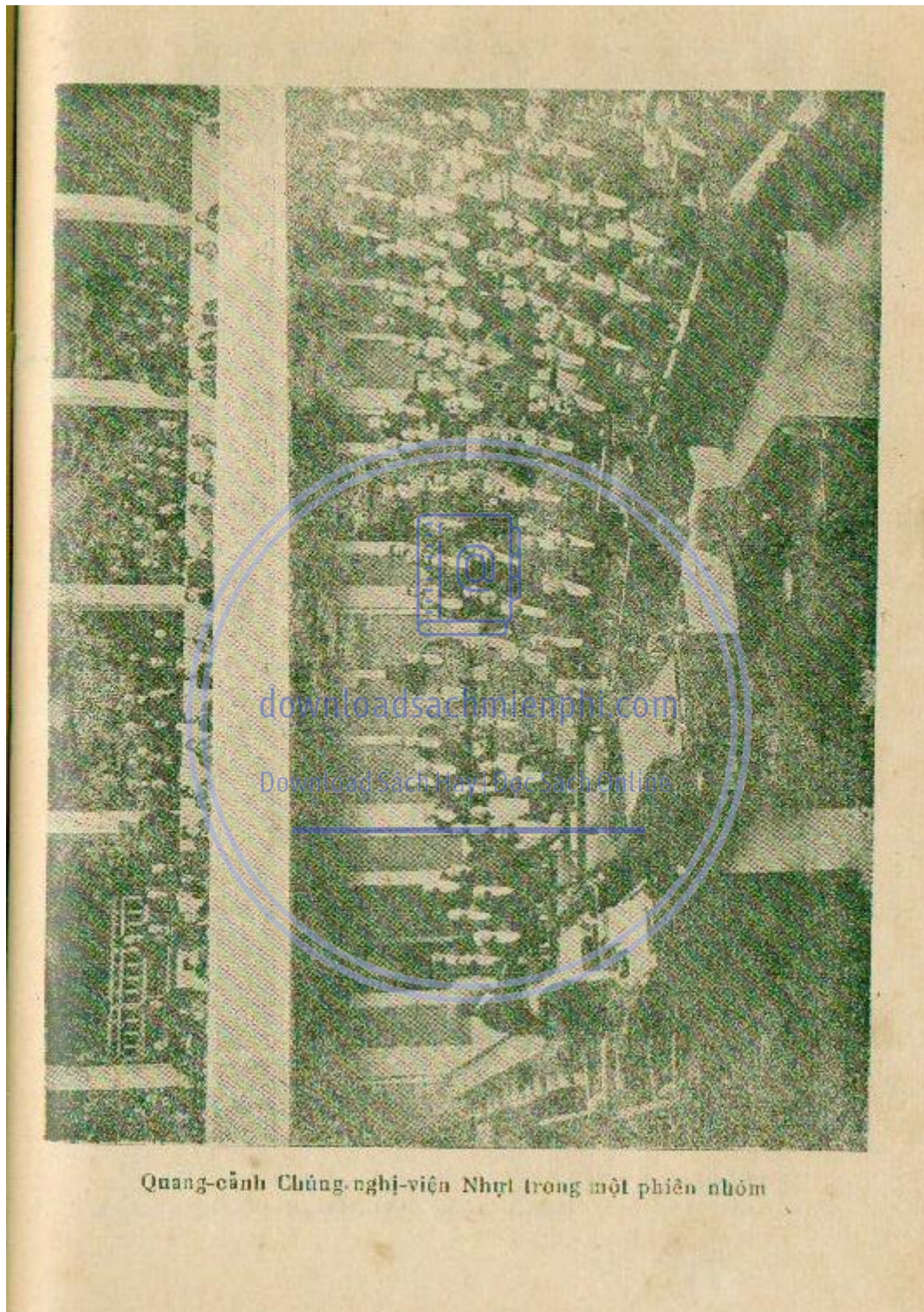
1* - Con trai đúng 25 tuổi ;

2* - Phải có chỗ ở luôn trong khu tuyển-cử 1 năm trở lên ;

3* - Từ một năm trước và sau đó cũng thế, có nạp thuế chánh-ngạch 15 viên (円 - yen) trở lên.

Người ra ứng cử, cũng phải là hạng có tư-cách và nạp khoản thuế như trên mới được.





Quang-cảnh Chung-nghị-viện Nhật trong một phiên nhóm

Bởi vậy ban đầu cả nước Nhật chỉ có 45 muôn người có quyền tuyển cử mà thôi. Lệ ấy giữ mãi đến năm 1900 mới sửa lại ; người ra ứng-cử không bị hạn-chế về mặt tài sản phải có bao nhiêu ; còn người đầu phiếu thì sự hạn-chế tài-sản cũng

giảm xuống, ai đóng thuế ruộng hay thuế khác 10 viên và đóng được một năm rồi, tức thì có quyền đi bỏ thăm.

Nhờ nói rộng ra như thế, nên số dân tuyển-cử tăng lên được 150 muôn.

Tới năm 1919, lại nói rộng nữa : Ai nạp thuế 3 viên, đủ tư-cách là người cử-tri. Số dân tuyển-cử tăng lổi 300 vạn.

Từ đây trở về trước, chế-độ tuyển-cử ở Nhựt hạn-chế ít người như thế, rõ ràng Hiến-pháp chỉ cho những người về giai-cấp hữu-sản nhiều ít mới được quyền bỏ thăm nhứt là có ý thiên-trọng về hạng địa-chủ tài-chủ, chớ chưa có tinh-thần dân-trị bao nhiêu. Mãi đến năm 1925, thì mới thi-hành chế-độ "Phổ-thông tuyển-cử (普通選挙)" (Suffrage universel). Từ đó tới nay, phàm là đàn ông dân Nhựt, 30 tuổi trở lên, chẳng kể có đóng thuế gì hay không, hết thầy đều có quyền tuyển-cử Chúng-nghị-viện. Số dân bỏ thăm bèn lên đến 13 triệu người. Thế là từ năm 1925, dân Nhựt mới thiết là có quyền tham-chánh, và chánh-trị Nhựt mới bắt đầu ngả về con đường dân-trị vậy. Ấy là nhờ nơi thế-lực dân-chúng khoảng 15 năm nay tấn lên mạnh lắm.

Theo lệ, những người làm quan-lại trong triều ngoài quận, cùng là thầy tu, học trò, thầy giáo tiểu-học, cho đến những người bao thầu công việc tạo-tác của chánh-phủ, đều không được phép cử làm nghị-viện.

Quý-tộc-viện và Chúng-nghị-viện, mỗi viện đều có chánh-nghị-trưởng, phó-nghị-trưởng. Với Quý-tộc-viện thì chánh phó-nghị-trưởng do Thiên-hoàng chọn người sắc phong. Còn Chúng-nghị-viện cũng do Thiên-hoàng kén chọn 3 người trong viện, để cho viện bỏ thăm cử lên làm nghị-trưởng.

Cũng như Hạ-nghị-viện các nước, sổ dự-toán công-nho của nước Nhựt mỗi năm, chánh-phủ phải đưa ra Chúng-nghị-viện xem xét, có công-nhận mới được. Duy có nhiều khoản chi tiêu thuộc về đại-quyền của Thiên-hoàng (như lương quan văn võ, quân-phí hải lục và mấy khoản do theo điều-uớc mà phải chi tiêu) cùng là các khoản phí-dụng của chánh-phủ theo như nghĩa-vụ pháp-luật đã định, nếu không được chánh-phủ đồng ý, thì nghị-viện không có quyền bác đi hay giảm bớt. Tóm lại, Hiến-pháp cho Quốc-hội có quyền về tài-chánh hẹp lắm.

Nhứt thiết pháp-luật gì cũng phải trải qua Đế-quốc Nghị-hội, nghĩa là hai viện Quý-tộc và Chúng-nghị họp chung lại bỏ thăm công-nhận thi-hành thì mới có hiệu-lực. Hai viện Quý, Chúng, đều có thể trình ra những pháp-án (法案 – Hou-an)

(Projets de loi để viện xét định. Lại được xướng-nghị cùng chánh-phủ, tâu bày lên Thiên-hoàng. Đánh thuế mới, giảm thuế cũ, cũng phải do Đế-quốc Nghị-hội đồng ý.

Còn Hiến-pháp, khi muốn sửa-sang thay-đổi điều gì, duy có Thiên-hoàng và chánh-phủ mới được xướng-nghị, chứ Nghị-hội không được, Nghị-hội chỉ có quyền bàn-bạc và quyết định thôi. Không như bên Pháp, chính Hạ-nghị-viện có quyền xướng-nghị sửa sang Hiến-pháp, rồi đưa ra Quốc-gia hội-nghị (Assemblée Nationale) quyết-định. Té ra bộ Lập-pháp ở các nước khác cao, mà ở nước Nhựt lại có địa-vị thấp kém.

CÁC CỤ NGUYÊN-LÃO

Hiến-pháp Nhựt-bổn, trên đây là xét về hình-thức, giờ ta thử xem qua thiết-tế, thấy có một đôi chỗ lạ lắm.

Cứ lấy hình-thức của Hiến-pháp mà nói, như đã bày tỏ ở trên, thì chánh-trị đại-quyền nước Nhựt, phó-thác ở tay đức Thiên-hoàng là đảng quốc-gia nguyên-thủ. Song, xem đến thiết-tế, thì chánh-quyền lại không ở Thiên-hoàng mới kỳ. Thiên-hoàng Nhựt-bổn tôn-nghiêm vậy chứ, mà không có quyền được như Mỹ-quốc Tổng-thống hay Đức-quốc Hoàng-đế lúc nọ đâu. Đến đổi chính một nhà học-giả chánh-trị ở Nhựt đã nói : [Download Sách Hay | Đọc Sách Online](https://bookykhoea.com)

- “Kể về quyền-lực, Thiên-hoàng Nhựt-bổn là bực nhỏ nhứt trong hàng quân-chủ ở thế-giới. Quân-chủ một nước chơn-chánh Lập-hiến là Anh-hoàng kia, có quyền lớn hơn Nhựt-hoàng nhiều. Ở nước Nhựt, đức Thiên-hoàng tôn-nghiêm, là theo hình-thức về địa-vị xã hội mà tôn-nghiêm đó thôi, chứ không phải là ngài chiếm được địa-vị trọng-yếu bực nhứt về chánh-trị đâu”.

Chiếu theo điều khoản trong Hiến-pháp thì Thiên-hoàng Nhựt-bổn vừa làm vua vừa thống-trị ; nhưng xem đến thiết-trạng chánh-trị nước Nhựt, thì Thiên-hoàng là đảng nguyên-thủ chỉ ở ngôi vua mà không thống-trị.

Mà chánh-trị đại-quyền, lại cũng không ở Nội-các. Ai nấy đều biết vua nước Anh có cái danh thống-trị, rứa mà chánh-trị Anh-quốc thiết ở trong tay Nội-các có hoàn toàn trách-nhiệm. Nội-các Nhựt-bổn không được như thế. Tiếng là Quốc-vụ đại-thần - hay Nội-các - lấy danh-nghĩa Thiên-hoàng và thay mặt vâng mạng Thiên-hoàng, nắm giữ hết thảy quyền hành, song mấy ông đó không phải hoàn toàn được độc-lập hành-động bao giờ. Kỳ thiết, sự hành-động của Nội-các hay Nội-các có chánh-sách gì, thường phải chịu một cái thế-lực đặc-biệt khác hoặc sai-khiến hoặc

cầm-chùng ; cho tới vận-mạng của Nội-các cũng phải nằm ở trong cái thế-lực đó mà còn, mất, nên, hư.

Thế-lực gì vậy ?

Ấy là thế-lực các cụ nguyên-lão.

Ta nên biết chánh-trị Nhứt-bổn có “Nguyên-lão-viện (元老院)” là một cơ-quan đặc-biệt, không thấy nước nào có.

1* - Nguyên-lão-viện là một cơ-quan ở ngoài pháp-luật và Hiến-pháp, chỉ do thói quen mà có đó thôi. Thiên-hoàng lựa mấy ông lão thần sung vô viện đó, vừa để thưởng-tặng công lao, vừa để hỏi-han quốc-kế.

2* - Bình-thường, các cụ nguyên-lão không có chức-vụ gì nhứt-định. Trừ ra khi nào quốc-gia có việc phi-thường, thì bấy giờ nguyên-lão có chia nhau gánh vác những chức-vụ quan-hệ. Như hồi Nhứt-Nga chiến-tranh, nguyên-lão *Y-dăng Bác-văn* (伊藤 博文 - Ito Hirobumi) chuyên lo ngoại-giao ; nguyên-lão *Tĩnh-thượng-Hình* (井上馨 - Inoue Kaoru), *Tùng-phương Chánh-nghi* (松方正毅 - Matsugata Masayoshi) chuyên lo lý-tài, nguyên-lão *Sơn-huyện Hữu-bằng* (山県有朋 - Yamagata Aritomo), *Đại-sơn-Nham* (大山巖 - Ooyama Iwao) chuyên lo quân-sự.

3* - Nguyên-lão không nhứt định số người là bao nhiêu ông, bởi vậy có lúc nhiều, có lúc ít. Hiện nay hình như càng ít lắm, mà có thực-lực và oai-quyền nhứt hạng, là ông nguyên-lão *Tây-viên-Tự* (西園寺) ; ta thấy mỗi khi Nhứt-bổn có chánh cuộc biến-động đổi-thay, Thiên-hoàng đều triệu ông *Tây-viên* về trào vấn-kế.

Chỗ bày tỏ ra quyền-lực nguyên-lão rất lớn, là lúc có việc thay đổi Nội-các. Thiên-hoàng hay hỏi nguyên-lão để nhứt định người nào có thể đứng ra tổ-chức Nội-các mới. Bởi vậy thiệt sự nguyên-lão có quyền quyết-định tối hậu, là vì khi nào Thiên-hoàng cũng y theo ý-kiến của nguyên-lão mà quyết-định giao phó Nội-các cho ai. Tức như ba bốn năm nay, Nội-các Nhứt-bổn thay-đổi từ *Khuyển-dưỡng-Nghị* (犬養毅 - Inugai) đến *Trai-dăng* (齊藤 - Saitou), tới *Cương-diễn* (岡田 - Okada) bây giờ, mỗi lần ta đều thấy báo đăng tin Chiêu-hòa Thiên-hoàng (昭和 - Shouwa) triệu ông nguyên-lão *Tây-viên-Tự* (西園寺) chống gậy lợm khộm về kinh hỏi-han chánh-sự ; mỗi lần Thiên-hoàng giao-phó việc tổ-chức Nội-các cho người nào cũng do ông *Tây-viên-Tự* tấn-cử.

Bởi có sự vận-chánh và sự tấn-cử đó, nên chi vận-mạng Nội-các và đến cả chánh-cuộc Nhựt-bổn nữa cũng thường quan-hệ ở thế-lực của nguyên-lão. Tiếng rằng nguyên-lão tấn-cử người lập Nội-các rồi thôi, sau không có quyền gì trực-tiếp can-thiệp vào chánh-sách của Nội-các, nhưng kỳ thiệt vẫn là có quyền can-thiệp gián-tiếp. Tuy mấy ông nguyên-lão ở xa một nơi, mà thế-lực oai-quyền của mấy ông vẫn quan-hệ tới chánh-sách và sanh-mạng của Nội-các luôn luôn. Thuở nay thấy hiềm gì Nội-các bị nguyên-lão can-thiệp mà vương phải cơ-nguy ? Hiềm gì Nội-các làm mấy cái chánh-sách bị phái nguyên-lão không dung mà đến phải từ-chức ? Thế-lực nguyên-lão là thế-lực ngầm, nhưng mà lớn lắm.

Sở dĩ phái nguyên-lão ở trong chỗ vô hình mà có ảnh-hưởng oai-quyền đến chánh-cuộc Nhựt-bổn như thế, là bởi các cụ già đó đều là người đại-biểu của cái thiệt-lực chánh-trị nước Nhựt : *Phiên-phiệt*.

Độc-giả đã rõ công-nghiệp duy-tân xây-dựng lên phần lớn nhờ nơi hai cường-phiên là Tát-phiên (薩藩) và Trường-phiên (長藩), cho nên tự nhiên họ lũng-đoạn cả chánh-quyền, bao nhiêu chức trọng quốc-gia, đều là người vây-cánh của hai cường-phiên chia nhau nắm giữ hết. Ngoài chánh-trị ra, tới quyền hải-quân và lục-quân, cũng là ở trong tay của nhơn-sĩ hai phiên chia nhau nữa. Hồi vua Minh-trị đặt riêng hai bộ Lục-quân Hải-quân, nhơn-sĩ Tát-phiên giữ hải-quân, nhơn-sĩ Trường-phiên giữ lục-quân. Một nước chỉ có chánh-trị và võ-lực là hai cái sức mạnh nhứt, mà nhơn-sĩ hai phiên Tát-Trường nắm cả, thì lẽ đương nhiên họ là phái thiệt-lực trong nước, có thịnh-thế oai-quyền đến cả toàn-cuộc chánh-trị vậy.

Những ông khai quốc công-thần hay là chánh-trị tiền-bối, phần nhiều là nhơn-sĩ của phiên này hay phiên kia tin dùng cất nhắc ban đầu, đến sau già cả hưu quan, được lựa chọn lên bậc nguyên-lão ; cô nhiên các ông là đại-biểu *Phiên-phiệt* và dựa vào đó mà có quyền-lực ngầm ngấm to lớn nhứt nước, nhắm không lạ gì.

Nói tóm lại, thiệt tình chánh-trị Nhựt-bổn : Quân-nhơn cầm cốt chánh-trị, *Phiên-phiệt* cầm cốt binh-quyền, mà nguyên-lão là đại-biểu của *Phiên-phiệt*, vì các ông nguyên là bậc tiền-bối, thế-lực trong *Phiên-phiệt* mà ra, cho nên trên đàn chánh-trị, nguyên-lão có địa-vị đặc-biệt, có thế-lực đặc-biệt, không ai qua đặng.

Xưa kia gọi là *Phiên-phiệt*, tức nay gọi là *Quân-phiệt* (軍閥); tuy danh-hiệu có đổi dời, chớ đến thiệt-lực oai-quyền ở trong nước thì vẫn thế. Ta xem việc chinh-phục Mãn-châu mấy năm nay đủ biết. Từ năm 1931 tới giờ, mấy lần thay đổi Nội-các, Chiêu-hòa Thiên-hoàng vời ông nguyên-lão *Tây-viên tự Công-vọng* (西園寺公望) về kinh-đô hỏi ý-kiến, lần nào ta cũng thấy ông tấn-cử một người đồng tình với

quân-giới và ông tán-thành cái chánh-sách võ-lực của phe *Quân-phiệt* luôn luôn. Đến bức người khai-quốc công-thần, chánh-đảng lãnh-tụ, như *Khuyển-dưỡng-Nghị*, ra cầm chánh-quyền trong năm 1932, chỉ vì không chịu thế-lực *Quân-phiệt* sai khiến mà bị mấy viên tiểu-tướng xông vào tận dinh bắn chết !

CÓ NĂM VIỆC LÀM DẤU TỔ RA CHÁNH-TRỊ NHỰT-BỒN CÓ THỂ BIẾN-HÓA

Tuy chủ-não và giới-hạn của cuốn sách này chỉ hạn-định trong cái vòng 30 năm Nhựt-bồn duy-tân, nhưng tôi thiết-tưởng về vấn-đề chánh-trị, sẵn dịp đang nói, nên nói cho luôn : ta có thể tạm thoát xa vòng hạn-định mà nói rộng ra một chút cũng không sao.

Tánh-chất và thiết-trạng của chánh-trị Nhựt-bồn, như mấy đoạn trên đây đã nói, bắt đầu từ Minh-trị sơ-niên, cho đến năm 1914 có Âu-châu đại-chiến phát-sanh ra, đại-thế trước sau vậy, không có biến-động lớn lao mấy.

Nhưng ta dòm xem sự-tình nước Nhựt từ lúc Âu-chiến trở lại đây, hình như chánh-trị của họ đang ở trong hồi thay-đổi. Cứ lấy mấy việc sau này mà xét, người ta có thể nói rằng chánh-trị Nhựt-bồn nay mai chắc có cái thể biến-hóa lớn lắm, chẳng phải giữ y nguyên-trạng được mãi đâu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Một là thế-lực của nguyên-lão có vẻ lần hồi điều-tàn. Nguyên-lão trải bao nhiêu năm cầm cốt chánh-trị nước Nhựt, tới lúc qua đời Minh-trị trở đi, thì oai-thế nguyên-lão kém đi lần lần. Nhứt là hồi có một Nội-các nhơn vụ Hải-quân hối-lộ mà bị đổ nhào, rồi họ *Đại-ôi (**)* (Độc-giả đã biết ông này cùng *Bản-viên* (板垣-Itagaki) là phe độc-lập và giữ chủ-nghĩa tân-bộ tự-do, chứ không thuộc về *Phiên-phiệt*) lại dấy lên cầm quyền, thì oai-thế các cụ nguyên-lão hình như phải chịu ảnh-hưởng mà kém sút đi nhiều.

Vả lại, sự thiệt trong khoảng mấy năm gần đây, nguyên-lão kế tiếp nhau qua đời hết bọn, chẳng những đám già tiền-bối là *Tĩnh-thượng* (井上- Inoue Kaoru), *Đại-son* (大山 - Ooyama Iwao), *Son-huyện* (山県有朋- Yamagata Aritomo) rủ nhau thành ma, ngay đến mấy cụ hậu-bối như *Tự-nội* (寺内- Terauchi), cũng trước sau từ già cõi đời nữa. Ngày nay, chẳng qua chỉ còn sót lại có *Tây-viên-Tự* (西園寺) cùng một hai ông hậu-tân nữa thôi. Đã vậy mà danh-vọng và thế-lực của các ông già hậu-bối kém thua các ông già tiền-bối rất xa. Vì thế mà nguyên-lão lần hồi sút mất cái thế-lực cầm cốt ở trên đàn chánh-trị Nhựt-bồn đi. Tuy rằng hiện nay mỗi khi có quốc-gia đại-sự, nhứt là lúc thay-đổi Nội-các, Thiên-hoàng vẫn chiếu theo lệ

xưa, vời mấy cụ già về kinh để hỏi ý-kiến, nhưng đến thiết-sự, mấy cụ ít có cơ-hội can-thiệp vào chánh-sách của Nội-các như là hồi trước, và lại lực-lượng của mấy cụ cũng nhỏ bớt đi rồi.

Hai là thể-lực dân-chúng nổi dậy.

Sau trận Âu-chiến, cuộc sanh-hoạt của dân Nhựt, vì tình-thể thiên-hạ nguy-biến đổi-dời mà phải chịu ảnh-hưởng khá lớn. Hồi Âu-chiến, Nhựt-bồn thừa cơ bán được hàng-hóa vật-liệu ra ngoài rất nhiều, công-nghệ bỗng chốc mở-mang rộng lớn, trong nước bày ra cảnh-tượng phồn-thạnh khác hồi trước xa, mà hạng “tân phú-ông” một lúc phát lên giàu có đông lắm. Xã-hội thịnh-linh có vẻ thanh-vượng phong-phú ; vật-sản trong nước lên giá cao hơn bội phần, nhưng được hưởng lợi, chẳng qua chỉ có một số ít người, còn sanh-kế của phần đông nhơn-dân thì trở lại hóa ra khó-khăn khốn-khổ.

Chùng đó vì sự kinh-tế ép bức, dân-chúng ra mặt bất-bình ; tức như hồi tháng 8 năm 1918, khắp các đô-thị lớn trong nước, giá gạo bỗng dưng vọt lên cao quá, dân-chúng nhơn dịp này nổi lên thị-oai phản-kháng một cách dữ-dội xôn-xao.

Cuộc xôn-xao này từ ý-nghĩa kinh-tế mà tấn lên ý-nghĩa chánh-trị ; dân-chúng phản-kháng thị-oai, hết sức công-kích những thói xa-xỉ của bọn quyền-quý tư-bổn. Phong-trào lúc đó, bắt đầu đã có pha-trộn ít nhiều màu-mè xã-hội chủ-nghĩa ở trong rồi.

Sau vụ bạo-động lớn đó rồi thì kế tới chỗ này chỗ kia, có cuộc đình-công xảy ra lung-tung. Giữa năm 1919, Nội-các *Tự-nội* (寺内) là Nội-các thay mặt *Phiên-phiệt* bị đánh đổ nhào, nhà bình-dân chánh-trị là *Nguyên-kính* (原敬 - Hara Takashi) nghiễm-nhiên đứng ra vâng mạng tổ-chức Nội-các mới, thay mặt cho chánh-đảng “Chánh-hữu-hội (政友会”. Ấy là lần thứ nhứt có một nhà chánh-trị bình-dân ra cầm quyền-chánh.

Việc biến-động này có ý-nghĩa và phạm-vi rộng lớn, mà tánh-chất của nó rõ ràng là chống-chối với cái trật-tự đã thành nền-nếp bấy lâu. Ta xem việc đó đủ thấy dân-chúng Nhựt-bồn gần đây đã tự-giác nhiều ; họ đối với chánh-phủ đã nhẹ bớt cái thói-quen sợ-sệt tôn-trọng đi, vô số lại còn ra mặt bất-bình với chế-độ đang thi-hành đó nữa. Và chẳng giữa lúc dân-chúng rộn-rục vận-động thị-oai, mà bỗng chốc có nhà lãnh-tụ một chánh-đảng ròng là bình-dân được Thiên-hoàng vời ra giao-phó quyền-chánh quốc-gia cho như thế, chính là một việc phá-lệ ở trong lịch-sử Hiến-pháp nước Nhựt, vì cái trách-nhiệm đó, địa-vị đó, thuở nay thường chuyên tay nổi

gót nhau trong đám *Phiên-phiệt* và quý-tộc mà thôi. Như vậy chẳng phải chứng tỏ ra rằng chánh-trị Nhật-bổn rục-rịch có cơ thay-đổi màu-mè, chẳng phải thể-lực dân-chúng đã lần hồi trở nên to lớn là gì !

Thứ ba là oai-thế của phe quân-nhơn cũng đã giảm bớt. Nước Nhật sau cuộc duy-tân, lấy chủ-nghĩa quân-quốc (軍国主義, militarisme) như kiểu người Đức, làm cơ-sở lập-quốc. Người trong nước tôn-trọng sùng-bái quân-nhơn không khác nào đối với thần-thánh. Bởi vậy đám Quân-phiệt được trón mà chuyên-chế ngang-tàng, là sự thường thấy.

Song gần đây xem ra dân Nhật có một bộ-phận quan-hệ, không có vẻ quá trọng quân-nhơn như trước, thể-lực của quân-nhơn cũng hết lừng-lẫy quá như lúc xưa. Nhật là thời-thế dòn-dập, kinh-tế nguy-nan như mấy năm nay, chỉ riêng có phe quân-nhơn hay phùng mang trọn mắt, lâm le chiến tranh, chớ dân-chúng thiệt tình không muốn.

Cũng vì quân-nhơn đã hơi kém thế, nên chỉ mấy năm trước ta mới được thấy có một Nội-các dám đưa ra cái nghị-án rút bớt niên-hạn đi lính cho dân ; vả lại, mấy chức trọng ở hải-ngoại, như chức tổng-đốc thuộc-địa Đài-loan, Cao-ly, cũng có thể đổi dùng quan văn nhiều khi, chớ trước kia chức ấy luôn luôn về tay quan võ.

Mặc dầu có việc chiếm-đoạt Mãn-châu mới rồi chính là thủ-đoạn quân-nhơn, mặc-dầu hiện nay đám quân-nhơn đang hâm-he dự-bị chiến-tranh dữ lắm, nhưng sự thiệt thể-lực quân-nhơn đối với dân-chúng kém sút nhiều rồi, không quá lớn lao như trong đời Minh-trị nữa. Ta có thể nói rằng chánh-trị nước Nhật có cơ thoát-ly cái thể-lực quân-nhơn đi lần lần, cuộc dân-trị chỉ trong nay mai chắc thực-hiện được.

Thứ tư là quyền tuyển-cử của dân đã được mở rộng.

Độc-giả biết ban đầu Hiến-pháp mới ban-hành, số dân có quyền bỏ thăm ít lắm, duy có giai-cấp tư-sản mới được hưởng quyền ấy thôi. Các nhà chánh-trị hô-hào dân-quyền tự-do, lớp trước như *Đại-ôi* (Okuma), *Bản-viên* 板垣, lớp sau là *Nguyên-kính* 原敬, *Gia-đăng* (加藤), rất là hăng-hái với chủ-nghĩa dân-trị. Sau cuộc Âu-chiến rồi, phong-trào dân-chúng nổi lên tung-bùng, khiến cho vấn-đề mở-mang quyền-lợi công-dân càng thấy nao-nức.

Hồi năm 1919, nhà chánh-trị bình-dân là *Nguyên-kính* 原敬 vâng mạng tổ-chức Nội-các xong rồi, liền đưa ra cái pháp-án mở rộng quyền tuyển-cử. Từ ấy trở đi,

đư-luận sẵn trón nổi lên xôn-xao một hai đòi nhà-nước phải sửa-sang chế-độ tuyển-cử cho thiệt có tinh-thần dân-chủ mới nghe. Lúc trước, trong 60 triệu dân Nhật, chỉ có 160 vạn người được quyền tuyển-cử ; nhờ có *Nguyên-kính* yêu-cầu cải-cách, số người đó mới tăng lên tới 300 vạn.

Thế mà sự cải-cách ấy dân còn chê là ít ; họ trách nhà nước chỉ làm nửa chừng ; họ bất-bình ra mặt, gây nên náo-động khắp cả trong ngoài nghị-viện, đến đổi qua tháng 2 năm sau (1920), Chúng-nghị-viện bị giải-tán.

Sau lúc bầu-cử Chúng-nghị-viện mới, tuy là phe của chánh-phủ chiếm được nhiều ghế hơn, nhưng mà dân-chúng vẫn cứ hoạt-động ồn-ào dữ-dội, một hai đòi cho được chế-độ phổ-thông đầu phiếu, mới thỏa lòng dân.

Rốt lại đến năm 1925, hội *Gia-đăng* 加藤 làm Nội-các tổng-lý, bấy giờ cái án phổ-thông tuyển-cử mới làm xong. Từ đây trở đi, phàm là dân đàn ông nước Nhật, hễ đúng 30 tuổi, tức-thị có quyền bỏ thăm bầu-cử Chúng-nghị-viện, chớ không hạn là có nạp thuế gì hay không. Nhơn đó số dân đầu phiếu tăng lên 13 triệu.

Dân-chúng Nhật-bồn vận-động kéo-nài cho được cái quyền tham-dự chánh-trị một cách rộng-rãi như thế, lấy ngày giờ mà nói thật là tấn-tới đáo-đẽ. Nhật là từ lúc khai-quốc duy-tân tới ban-hành Hiến-pháp cho đến lúc đang nói đây, ngày giờ chưa có bao nhiêu lâu. Ta xem đường đi nước bước của dân-chúng Nhật-bồn tấn-tới mau lẹ thế ấy, chỉ tỏ cho ta thấy rằng hễ nào nay mai chánh-trị Nhật-bồn cũng xoay về con đường dân-trị hản-hồi ; bao nhiêu dấu-vết phong-kiến quý-tộc, sẽ thành ra một cỗ-vật, cỗ dây rêu -phong !

Thứ năm là có cơ chánh-đảng nối gót nhau tổ-chức Nội-các.

Từ năm 1898, hai đảng của *Đại-ôi* (大隈 重信 - Okuma Shigenobu) và *Bản-viên* hiệp nhau lại tổ-chức Nội-các mà bị thất-bại trở đi, trong chánh-giới Nhật lâu lắm không có Nội-các chánh-đảng nào dựng lên được, về sau tuy có nhiều phen, đảng “Chánh-hữu-hội, 政友会” ghé vai vào Nội-các này kia nhưng đó chẳng qua là chánh-đảng phải chịu đầu-hàng ở trước oai-thế của *Phiên-phiệt*, để chia hưởng một vài cái ghế “cụ-thượng” vậy thôi, chớ không phải là chánh-đảng được đứng lên tổ-chức Nội-các một mình.

Mãi tới năm 1918, Nội-các *Tự-nội* 寺内内閣 là vây-cánh bộ-hạ *Phiên-phiệt*, gặp phải lúc giá gạo mắc mỗ, dân-chúng làm dữ, mà bị đổ nhào ; bấy giờ mới có một Nội-các của chánh-đảng lập ra được lần thứ nhứt. Ấy chính là Nội-các *Nguyên-*

kính 原敬. Ông này là lãnh-tụ đảng “Chánh-hữu-hội” lúc đó. Kế sau lại có những Nội-các *Phiên-phiệt* đấp đổi nhau. Cho tới năm 1924, Nội-các *Gia-đăng* 加藤内閣 là Nội-các chánh-đảng lần thứ hai. Tới khoảng năm sáu năm vừa qua, có lúc lãnh-tụ đảng “Hiền-chánh 憲政” là *Nhược-Quy* 若槻 mấy phen làm đầu Nội-các, cũng là Nội-các chánh-đảng. Năm 1932, thủ-tướng *Khuyển-dưỡng-Nghị* bị đảng-viên bạo-động xông vô trong dinh bắn chết đó, nguyên là lãnh-tụ đảng “Chánh-hữu-hội” đứng ra tổ-chức Nội-các, ấy cũng là chánh-đảng Nội-các. Mấy kẻ giết ông nào phải ai lạ : chính là quân-nhơn, quân-nhơn tức là *Phiên-phiệt* mà !

Tuy hai năm nay, không thấy lãnh-tụ chánh-đảng nào ra tổ-chức Nội-các, nhưng mà chánh-đảng vẫn có can-dự vô phần nhiều và có quan-hệ đến vận-mạng Nội-các rất lớn. Chánh-đảng ở Nhật gần đây, đối với chánh-phủ và chánh-trị trong nước, càng ngày càng có thịnh-thế, ai muốn cầm quyền, không thể nào rời bỏ hay khinh thường chánh-đảng như mấy lúc xưa đây.

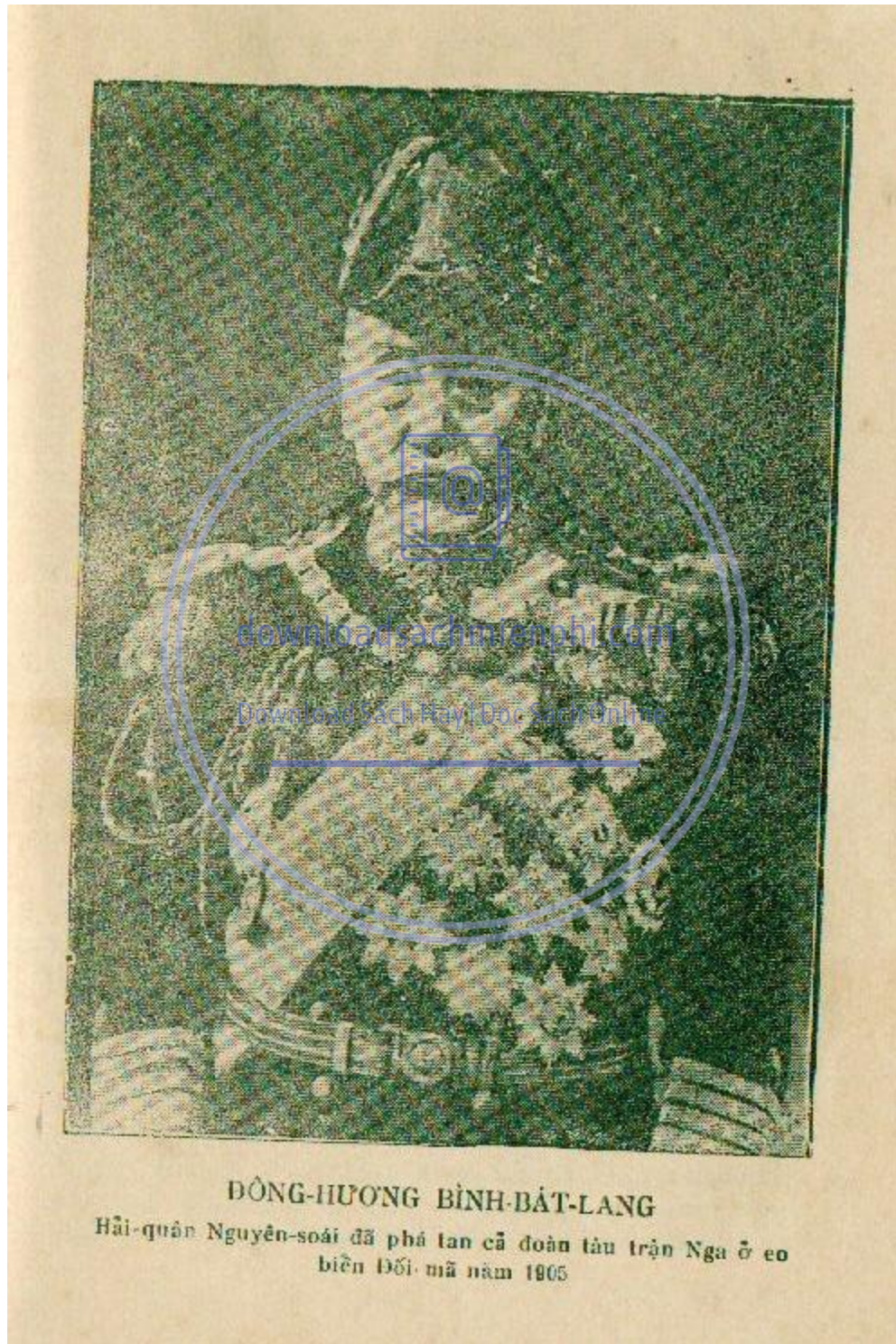
Chúng ta cứ xét năm cái hiện-tượng biến-hóa kể ra trên đây, thì biết chánh-cuộc Nhật-bồn từ hồi Âu-chiến trở đi, rõ ràng có vẻ xoay về dân-trị lần lần, không phải rờng rã một màu quý-tộc phong-kiến như 20 năm về trước nữa. Huống chi lâu nay các phe thuộc về giai-cấp vô-sản trong xã-hội, đã lần-lượt dựng ra chánh-đảng, hiệp thành đoàn-thể hăng-hối ; mỗi việc gì họ cũng phân-đấu cạnh-tranh với các phe có sản-nghiệp to, có thế-lực lớn, không chịu mềm-mỏng nhường-nghìn chút nào.

Vậy càng tỏ ra dân-chúng Nhật-bồn bị đè-nén ở dưới oai-quyền thế-lực của chánh-phủ *Phiên-phiệt* bao nhiêu lâu, bây giờ họ đã lần lần tự-giác về địa-vị chánh-trị của họ, cùng nhau kết phe hợp sức lại, sắp sửa trở nên một thế-lực mạnh lớn ở giữa xã-hội Nhật-bồn. Chánh-trị nước Nhật sẽ bị cái thế-lực đó xô đẩy, mà sẽ trải qua một cuộc biến-hóa quan-hệ, chớ không sao khỏi được. Hiến-pháp năm 1889 tất phải thay hồn đổi xác, chắc không giữ hoài như cũ được đâu.

Nếu nay mai có cuộc chiến-tranh với một liệt-cường nào, thì nội-tình chánh-trị Nhật-bồn càng phải biến-hóa mau lẹ. Tôi nhớ hình như có một nhà chánh-trị nào ở Âu-châu nói rằng “một mai Nhật-bồn khai-chiến với ai, tất nhiên trong nước họ có một cuộc cách-mạng rất lớn” ; lời nói ấy có lẽ là lời nói tiên-tri về chánh-cuộc nước Nhật đó.

CHƯƠNG THỨ TÁM

LỤC-QUÂN, HẢI-QUÂN



Đã nói toàn cuộc “Nhật-bổn duy-tân” có thể gọi tắt là một cuộc tóm-thâu bắt-chước hết thảy những cái gì là mới, là hay, là tài, là lạ của Tây-phương. Từ chánh-trị, giáo-dục, võ-bị, khoa-học cho tới kỹ-nghệ, công-thương, cơ-khí, mỹ-thuật, không có thứ nào mà Nhật không đập đổ cái cũ, cái dở của mình, để đổi lấy cái hay, cái mới của người. Trên đường văn-minh tân-hóa, họ như người khách lữ-hành có việc gấp, mà đi thâu đêm suốt sáng, rào cẳng rút đường, hầu tới mục-đích địa-điểm cho mau, kéo sợ chậm-trễ hư việc.

Bởi vậy, bắt đầu từ 1868 trở đi, lối 30 năm sau, Nhật-bổn nghiêm-nhiên trở nên một nước văn-minh phú-cường, trừ cái quốc-hồn ra thì bao nhiêu dẫu cũ vết xưa ba chục năm về trước không còn thấy tăm-hơi đâu hết.

Mấy tiếng súng của Tây-phương thức-tỉnh và thúc-hối Nhật-bổn mau quá !

Đã đọc một chương ở trên xa kia, độc-giả tất đã biết rõ cái cơ khiến cho Nhật-bổn văn-minh tự-cường mau, chính là do mấy tiếng súng của Tây-phương hâm-he, bắt-buộc. Trước là mấy tiếng súng của đoàn tàu Mỹ bắn vào Phố-hạ ; sau là mấy tiếng súng của hạm đội 4 nước Anh, Lan, Mỹ, Pháp, hiệp nhau bắn vào Lộc-nhi-đảo và Hạ-quan. Những tiếng súng đó chỉ tỏ cho người Nhật thấy cái mãnh-lực của Tây-phương cao hơn mình muôn phần ; nếu mình muốn sanh-tồn, thì phải làm sao cũng bắn được những tiếng súng long trời lở đất như họ vậy mới được.

Thế là Tây-phương lấy võ-lực khiêu-khích bắt-buộc Nhật-bổn phải tỉnh giấc mộng xưa mà đi vào con đường mới, hèn chi trong cuộc duy-tân, chánh-phủ Nhật-bổn lấy việc sửa-sang binh-bị, sắp-đặt quốc-phòng là việc quan-hệ cấp-bách thứ nhứt cũng phải.

Phải xem qua cái lịch-trình của lục-quân và hải-quân nước Nhật, mới dễ thấy cuộc duy-tân của họ bày tỏ ra sự thành-công kết-quả đã mau-chóng lại tốt-đẹp vẻ-vang đến thế nào ?

CÓ NGƯỜI SỚM BIẾT NGHIÊN-CỨU BINH-PHÁP THÁI-TÂY

Ai cũng biết Lục-quân Nhật-bổn nổi tiếng khắp thiên-hạ là thứ quân có kỷ-luật nghiêm-minh và dũng-mãnh liều chết lạ thường. Họ ngang hàng với lục-quân của Pháp và của Đức chứ không phải vừa. Nhiều người Âu-châu đi xem trận Nhật-Nga chiến-tranh 1904-1905, đều phải công nhận.

Có lạ gì dân-tộc Nhật-bồn sẵn có tánh-cách thượng-võ từ trong trứng đẻ ra, trải qua con đường lịch-sử dằng-dặc hai ngàn mấy trăm năm, nào là vì lẽ phần-đầu sanh-tồn mà phải đánh giết những bộ-lạc ở xung-quanh họ, nào là trong nước có những việc nội-loạn chinh-chiến luôn luôn, thành ra từ xưa, người Nhật đã từng biết sửa-sang võ-bị, rèn-tập lực-quân là thế nào rồi. Một dân-tộc có “Võ-sĩ-đạo - 武士道” là quốc-túy, quốc-hồn, tự nhiên ai cũng biết trọng võ, ai cũng là tên lính được cả. Có thể nói Nhật-bồn từ khi có lịch-sử cho đến lúc được chừng 2300 năm, không có mấy trương mà không biên chép việc võ.

Chỉ duy đến đời cận kim, họ Đức-xuyên làm tướng-quân, ngoài thì đóng cửa tuyệt-giao, trong thì thái-bình vô sự, ròng rã hai trăm mấy chục năm như thế, việc văn hết sức tấn-tối, mà việc võ ra chiều lãng-quên đến đổi hình như dân Nhật không còn có thứ máu hung-hăng võ-dũng như tổ-tiên thuở trước nữa. Bởi vậy hồi cuối thế-kỷ 18, năm 1789, người Nga mở-mang bờ-cõi sang phương Đông, ý mạnh xâm-lấn mất cù-lao Thiên-đảo - 千島 của Nhật, mà Nhật cam chịu ngó lơ ; rồi từ đó về sau thường có lá buồm tàu Tây ra vô thấp-thoảng ở biển gần kề Nhật-bồn luôn luôn, nhưng cũng chưa đủ kêu gọi cái hồn thượng-võ thủ-thân của dân Nhật tỉnh dậy.

Mãi tới năm 1853, một đoàn tàu Mỹ kéo tới Phố-hạ bắn súng rầm-rầm, bảy giờ trong nước Nhật, trên dưới mới rúng động hoảng-hồn, coi như tiếng sét bể núi nghiêng trời thình lình giáng-hạ ! Cái hồn Đại-hòa dân-tộc là cái hồn thượng-võ trọng binh, hai trăm mấy chục năm bị uất kết trầm-kha, nay vùng tỉnh dậy, rồi những người mang cái hồn ấy ùn-ùn phần-phát giống như cái thế núi lở nước tràn, không có thứ gì ngăn-cản được. Bảy giờ, trên thì mấy nhà cầm-quyền Mạc-phủ, dưới thì hạng chí-sĩ thức-thời, đều xôn-xao nhìn biết sức mạnh ghê-gớm của Tây-phương, và nhứt định làm sao mình cũng phải có quân lính tập rèn như người Tây, súng đạn dữ-dẫn như người Tây, thì mới sanh-tồn đặng.

Song, y như một đoạn trên xa kia tôi đã nói, nước Nhật có phước, cho nên đối với văn-hóa Tây-phương, trong dân-gian thường sản-sanh ra những hạng chí-sĩ có cái óc tỉnh-ngộ thời-thế sớm hơn nhà cầm-quyền, sớm hơn cả dân-chúng, dầu về phương-diện nào cũng thế. Chính hạng ấy tỉnh ngủ dậy trước, rồi đánh thức nhà cầm-quyền và dân chúng dậy theo.

Như đời Đức-xuyên cấm dân nghiên-cứu Tây-học, còn việc mua bán thì chỉ cho phép một mình người Hòa-lan là người Tây-phương được ra vô buôn bán ở đất Tràng-kỳ mà thôi, nhưng vậy mà trong đám sĩ-dân Nhật-bồn vẫn có năm mươi học-giả thâm lén xem xét văn-minh Tây-phương. Ngay đến quân-học Tây-phương

đời ấy cũng đã truyền qua Nhựt-bồn chút ít được rồi. Ta coi một chứng cứ này đủ biết.

Năm 1840, tức là trước khi có đoàn tàu Mỹ vô bắn súng thị-oai ở cửa Phố-hạ 13 năm, nước Nhựt đã có người dân ở Tràng-kỳ tên là *Cao-đảo Tứ-lang* (高島四郎 - Takashima Shirou) lần mò chơi bời với người Lan, xem kiểu súng Lan, tự-nhiên trong óc nảy ra kiến-thức về thời thế, về sức mạnh của quân lính súng đạn Tây-phương. Rồi đó *Cao-đảo* chuyên tâm giảng-cứu binh-học Tây-phương ngay chẳng dụ-dự chút nào ! Không bù với sĩ-dân nước mình, từ hồi cuối thế-kỷ 18, có đức thầy Bá-đa-lộc đem mấy chục tay kỹ-sư quân-gia Pháp qua đóng tàu đúc súng dùm cho vua Gia-long, có khí-giới tân-kỳ đó ngài mới thắng nổi Tây-son, ấy chính là dịp đáng cho ta có một hai *Cao-đảo Tứ-lang* sớm hơn Nhựt-bồn 50 năm rồi chứ ! Vậy mà chẳng hề có một nho-gia hay một võ-sĩ nào của mình thấy cái sức mạnh đó mà biết tỉnh-ngộ bắt chước !

Cao-đảo học rồi dâng thơ lên Mạc-phủ, đại-khai nói rằng :

“Thanh-quốc - 青国 (tức là nước Tàu lúc đó) bị Âu-binh đánh phá tan-tành, “là vì binh-khí của Thanh dùng theo kiểu xưa, quân lính tập-rèn lối cũ, “không có thể nào chống lại được với binh-khí quân-sĩ lối mới đời nay. “Nếu như nước Nhựt ta không mau mau sửa-sang binh-khí, quân-đội và “chiến-pháp, thì việc quốc-phòng của ta không có thể nào khỏi nguy được” đâu. Vậy xin tướng-quân nên mau thi-hành cuộc đại-cải-cách về việc “binh cơ võ-bị mới đăng v.v...”

Vừa nói vừa làm, *Cao-đảo* lại cậy người Hòa-lan mua một ít súng đạn ở nước Hòa-lan đem qua, rồi tự mình rèn-tập võ-nghệ tân-thời cho một số em cháu học-trò. Khi tập rèn thành-thuộc đâu đó rồi, chính *Cao-đảo* dẫn toán lính mới, bồng súng mới đó, lên tới Giang-hộ, để phô bày trước mắt, hầu chỉ tỏ cho Mạc-phủ thấy việc nghiên-cứu Tây-học là việc cần-kíp dường nào. Tuy nhà cầm-quyền chần-chờ nghi-ngại, chưa chịu nghe lời *Cao-đảo* mặc lòng, chứ *Cao-đảo* cũng đã làm cho Mạc-phủ hơi tỉnh-ngộ về thế-lực Tây-phương nhiều ít.

Trở về quê-hương, *Cao-đảo* mở trường dạy học luyện binh đúc súng kiểu Tây. Có nhiều chí-sĩ thức-thời vẫn dốc lòng khâm-phục binh-pháp Tây-phương, giờ kéo tới Tràng-kỳ thờ kính *Cao-đảo* làm thầy càng ngày càng đông. *Cao-đảo* cùng người học trò giỏi nhất là *Giang-xuyên Thái-lang* - 江川太郎 - Egawa Tarou, mở xưởng đúc súng đạn riêng mà tự thảo ra trận-đồ phòng-giữ đất nước. Tia sáng “binh-pháp duy-tân” của Nhựt-bồn, chính là từ trong nhà *Cao-đảo* mà bật lên chiếu rọi trước hết vậy.

Tội-nghiệp *Cao-đảo* về sau bị nhà cầm-quyền sanh-nghi là có chi lạ sao đó, nên chi cuối năm 1842, *Cao-đảo* bị bắt hạ ngục rồi chết luôn trong ngục.

Tới đây, tôi động lòng vut nhớ lại cảnh-ngộ của ông *Nguyễn-trường-Tộ* mình ở đời Tự-đức cũng dâng thơ yêu-cầu cải-cách về học-thuật võ-bị, không được trào-đình biết nghe, lại còn sanh nghi rồi giam-cầm ông ta chết khô trong ngục. Thân-thể *Trường-Tộ* giống như *Cao-đảo* ; chỉ khác nhau một chỗ, là *Cao-đảo* có thiệt-nghiệm ít nhiều, còn *Trường-Tộ* chỉ cao-đàm trên giấy. Thành ra, cùng là vì việc quốc-gia thời-thế mà chết khô như nhau, nhưng mà một người có lưu lại ảnh-hưởng với hậu-nhơn, một người thì vô-bỏ cho quốc-sự !

Mặc lòng *Cao-đảo* gặp bước chẳng may cho đời mình, nhưng mà công-nghiệp khởi-sáng của *Cao-đảo* vẫn sống đời đời. Người Nhựt đều nói : “Ông tổ Tây-phương binh-pháp ở nước Nhựt, chính là *Cao-đảo* !”.

Người nọ mang họa mà chết, tức thời có người kia nổi chí mà dấy lên ngay, không sợ gì hết. Nội cái tinh-thần vô-úy của chí-sĩ Nhựt như thế, đủ khiến cho Nhựt ít năm sau trở nên văn-minh hùng-cường tới bao nhiêu lần cũng đáng.

Nổi chí *Cao-đảo*, chính là *Giang-xuyên* ; học-trò ra tay làm cái việc của thầy học để lại.

Giang-xuyên cứ mở trường dạy học-trò tập binh đức sùng và lo việc quốc-phòng như *Cao-đảo* trước. Một mặt *Giang-xuyên* khéo tỏ bày thời-thế, mà được mấy cụ Các-lão - 閣老 của Mạc-phủ tin dùng. Mạc-phủ giao cho *Giang-xuyên* xây hai pháo-đài ở Hạ-điền - 下田 - Shimoda và Phẩm-xuyên - 品川 - Shinagawa, làm như hai bức thành đá, hộ-vệ Mạc-phủ. Đến năm 1855, nghĩa là sau khi đoàn tàu Mỹ qua Phố-hạ 2 năm, thì *Giang-xuyên* mang bệnh qua đời.

Người Nhựt đều nói : nhờ nơi *Cao-đảo*, *Giang-xuyên*, hai thầy trò sốt-sắng gan-dạ, mới mở ra đầu mối sửa-sang binh-pháp tân-thời cho Mạc-phủ, mà cũng chính là hai ông tổ-sư của Lục-quân Nhựt-bốn ngày nay”.

ĐẠI-KHÁI LAI-LỊCH CỦA LỤC-QUÂN NHỰT TỪ MẠC-PHỦ ĐẾN ĐỜI MINH-TRI

Sau đó, cả về hải-quân và lục-quân, Mạc-phủ đều lo sửa-sang lại, và mua sắm binh-khí tân-thời để cho việc quốc-phòng được vững-vàng. Mạc-phủ lại tự mở ra

xưởng chế-tạo súng đạn nữa. Các phiên-bang cũng bắt-chước ; mỗi phiên đều mở ra xưởng súng đạn riêng của mình. Tự nhiên ban đầu súng đạn ấy chế-tạo ra chưa tốt, nhưng mà nhờ có chỗ “lo thân và dè người” nó xui-khiến, thúc-giục, thành ra chỉ trong ít năm, công-cuộc chế-tạo binh-khí lỗi mới ở nước Nhựt được tấn-bộ mau lẹ.

Đến hồi tàu chiến của Anh bắn vào đảo Lộc-nhi - 鹿児島 - Kagoshima (1863) và năm sau hạm đội 4 nước Anh, Pháp, Mỹ, Lan, kéo tới bắn vào Hạ-quan (1864), nước Nhựt thêm cơ-hội tỉnh-ngộ ra rằng chỉ có súng bèn đạn tốt cũng chưa đủ cho mình cự ai hay là đánh người được, tất nhiên phải khéo luyện tập binh-đội nữa mới xong.

Rồi năm 1862, Mạc-phủ theo kiểu Tây mà lập ra được 3 binh đội : Bộ-binh 8.306 người ; kỵ-binh 1.068 người ; pháo-binh già-chiến (dùng đánh nhau ngoài đồng) 800 người ; pháo-binh yếu-tắc (giữ chỗ hiểm-yếu, ví dụ như pháo-đài) 2.045 người ; tướng-sĩ 1.406 người ; cộng lại mấy đạo lực-quân được 13.625 người. Lại bắt-chước Tây-phương mà định ra thứ bậc danh-hiệu các tướng-tá ở lực-quân, hải-quân, rồi phái người đi Âu-châu nghiên-cứu binh-chế.

Tới năm 1867, Mạc-phủ muốn mấy vị võ-quan Pháp sắp-đặt và thao-luyện lực-quân cho mình. Các phiên-bang cũng đua nhau sửa-sang vũ-bị lỗi mới ; có điều là mỗi phiên tự ý bắt-chước cách-thức của một nước Âu-châu, chớ không nhứt định một thứ. Nhưng cũng năm 1867 đó, Mạc-phủ đem quyền-chánh dâng trả Thiên-hoàng, rồi sang năm sau là Minh-trị nguyên-niên, bắt đầu mở ra lịch-sử duy-tân cho nước Nhựt.

Một hai năm đầu Minh-trị, tuy là chánh-quyền đã trả lại nhà vua, nhưng mà binh-quyền thì chưa, vì còn ở trong tay các phiên, mỗi phiên, có quân-đội riêng : phiên theo kiểu Anh, phiên theo lối Đức.

Minh-trị Thiên-hoàng sai *Son-huyện Hữu-bằng* - 山県有朋 - Yamagata Aritomo (37 năm sau làm đại-tướng trong trận đánh Nga) và *Tây-hương Tông-đạo* - 西郷従道 - Saigou Judou cùng đi qua các nước Âu-châu, xem xét binh-chế. Tháng 8 năm Minh-trị thứ 3, hai ông này về nước, gánh vác công việc sửa-sang quân-chánh.

Bấy giờ Nhựt-bổn mới nhứt-định lựa chọn theo kiểu Pháp-quốc mà tổ-chức lực-quân của mình, các phiên cũng lần lần trả lại đất cát cùng binh-quyền cho nhà vua thống-nhứt. Lúc này trở đi, lực-quân Nhựt-bổn mới thiệt là bước vào thời-kỳ tổ chức theo lối mới, huấn-luyện theo lối mới.

Ta nghĩ coi quân-đội một nước trải mấy ngàn năm quen đánh nhau bằng giáo mác gươm đao, và lại kỷ-luật không rành, giáo-dục ít có ; nay bỗng xóa bỏ hết lớp cũ, để tạo-lập ra lớp mới tinh, lẽ tự-nhiên công-cuộc cải-cách này vừa vất-vả khó-khăn, nhưng thật là công-trình vĩ-đại lắm vậy. Nhứt là luyện-tập lực-quân kiểu mới mà sau 37 năm nữa đã đem ra thử sức với lực-quân của một đại-cường-quốc lâu đời là nước Nga, rốt cuộc binh Nhứt toàn thắng, càng tỏ ra công-cuộc cải-cách mau lẹ rõ ràng biết sao mà nói cho cùng.

Tôi tiếc không thể nói kỹ về công-cuộc cải-cách binh-pháp của đời Minh-trị từ lý từ chút, là vì giới-hạn giấy mực hẹp-hòi, mà dầu có nói kỹ chắc cũng là dư, vì giống người chúng ta vốn không thượng-võ, không hào binh, tưởng nếu nói nhiều về công-cuộc tổ-chức này có lẽ lắm người đọc sanh chán !

Chúng ta chỉ nên biết rằng công-cuộc cải-cách binh bị của Nhứt trong hồi duy-tân đã làm một cách thấu-triệt, hoàn-toàn, không có một điều hay nào về binh-cơ võ-bị của Âu Mỹ mà Nhứt-bồn không thâm-góp bất-chước. Từ việc giáo-dục tướng-sĩ, chế-tạo khí-giới, cho đến việc xây-dựng pháo-đài, sắp-đặt binh-chế, nhứt nhứt đều lần hồi sửa-sang, kỳ cho tới có lực-quân hãn-hồi như Âu Mỹ.

Mười mấy năm đầu, Nhứt-bồn còn phải mượn võ-quan Âu Mỹ qua rèn-tập, và sở đúc súng đạn cũng mượn các nhà chuyên-môn ngoại-quốc chỉ vẽ trông nom. Nhưng từ năm Minh-trị 15 trở đi, thì mọi việc luyện binh đúc súng gì, người Nhứt cũng tự làm lấy hết, không phải mượn tay người ngoại-quốc nào nữa. Là vì có những thanh-niên đi du-học Âu Mỹ trở về, đã rút nghề của Âu Mỹ mà tự-chủ công-việc luyện binh đúc súng được rồi. Học như họ vậy mới thiệt là học cứu nước.

Muốn biết hải-quân lực-quân đời Minh-trị càng ngày càng tân-tới sửa-sang thế nào, ta cứ xem nội số tiền công-nho gia-tăng cũng biết : mấy năm đầu chi-phí 7 triệu viên có, 8 triệu viên có ; 20 năm sau lên 13, 14 triệu, cho tới khoảng Minh-trị 35, 36, thì số đó lên từ 50 đến 80 triệu, 100 triệu ngoài. Rõ ràng Nhứt-bồn chịu tốn-hao sắp-đặt quân-đội khí giới lắm vậy.

Một việc có tổ-chức mà không có thực-nghiệm, thì cũng còn là việc thiếu sót, và không thực-nghiệm thì làm sao biết chỗ dở hay ? Hải-quân, lực-quân nước Nhứt được kiêm cả hai cái lợi đó.

Trong khi quân-đội hải lục cải-cách theo mới, có mấy dịp tốt để cho tướng-sĩ Nhứt-bồn thử sức của họ rất hay.

Trước hết, là hồi ban đầu Mạc-phủ mới dâng trả quyền-chánh nhà vua, còn có số ít chư-hầu bất phục, rủ nhau nổi loạn, ép nài Đức-xuyên Khánh-hỷ phải trở về Giang-hộ làm tướng-quân lại. Dịp này, quân lính nhà vua trên bộ dưới thủy phải ra tay đánh giệp hơn một năm mới êm. Tuy là nội-loạn, nhưng tướng-sĩ có cơ-hội thao-luyện chiến-pháp lỗi mới của họ bắt đầu học được bấy lâu.

Năm Minh-trị thứ 10, có loạn ở miệt Tây-nam do Tây-hương Long-thạnh - 西鄉隆盛 xướng lên, lại có dịp cho tướng-sĩ nhà vua thử sức mình một lúc nữa.

Tới năm Giáp-ngọ (1894), Nhựt-bổn khởi sự đem binh ra thử sức ở ngoài, ấy là lúc chiếm-cứ Đài-loan, đánh nhau với quân nhà Thanh của Trung-quốc. Trận này cả hai quân hải lực đánh đầu thắng đó, làm binh Thanh ngó thấy bóng cờ của Nhựt đã chạy te. Rồi đến năm Canh-tí 1900, Trung-quốc có loạn Quyền-phỉ - 拳?, Nhựt-bổn đem quân sang cùng 7 nước Âu Mỹ, gọi là “Bát-quốc liên-quân, 八国連軍” vào Bắc-kinh giệp loạn ấy; cũng là dịp cho binh Nhựt thực-nghiệm tài-lực của mình, mà cũng là dịp cho Tây-phương ngó thấy phải lấy làm sững-sốt ngẩn-ngơ: không hiểu sao Nhựt-bổn luyện quân lỗi mới quanh-quẩn có ba chục năm, mà đã có được những quân-đội thật là đồng-mãnh thiện-chiến và có kỷ-luật nghiêm-minh, không thua Tây-phương chút nào.

Sau mấy kỳ thực-nghiệm trên đây, tuy là binh Nhựt được Tây-phương khen-ngợi và đánh ăn Trung-quốc, nhưng tướng-sĩ Nhựt không hề tự-kiêu, cũng không cho là tự-mãn tự-túc. Trái lại, dầu đánh thắng được khen mặc lòng, họ vẫn xem-xét lại mình còn thiếu-sốt những chỗ nào, rồi cố gắng được cải-lương tấn-bộ hơn nhiều nữa. Các thanh-niên tướng-sĩ xét mình chưa đủ học-thuật làm lo, cho nên sau lúc chiến-sự xong rồi, ai nấy trở về càng gia-công luyện-tập, vì họ thấy rõ binh-sĩ Trung-quốc chỉ vì không có học-thuật huấn-luyện nên mới chọi ai thua nấy, chớ không chi lạ.

Lúc này những súng đạn cùng các thứ quân-khí của Nhựt tự chế-tạo ra đã tấn-tới lắm. Nhựt là có kiểu súng bộ-binh của một vị thanh-niên đoàn-trưởng là Thôn-điền - 村田 - Murata (major Murata Tsuneyoshi) sáng-chế ra, đạn bắn đi rất xa. Vậy là vừa mới bắt-chước người ta, mà họ đã nảy ra cái óc tự chế binh-khí rồi; tôi tưởng thiên-hạ không có dân nào đi học người mà mau tự-lập mình đến thế.

Quân-khí đã tốt, tướng-sĩ lại đem ngày luyện-tập; một nước có lục-quân như vậy, không mạnh sao được? Lục-quân đó, đến sau năm 1904-1905, Nhựt-bổn đem qua Mãn-châu đánh tan quân lính của đại-cường-quốc Nga-la-tư, làm cho thế-giới kinh-hoàng, rồi từ đó Nhựt-bổn được leo lên ngang hàng với liệt-cường Âu Mỹ.

Phàm là dân Nhựt, ai cũng phải có nghĩa-vụ ra lính. Đến tuổi ra đứng dưới lá cờ nhà binh, thì ai cũng bình-đẳng như ai, không phân sang hèn giàu nghèo gì cả. Về niên-hạn ra lính, gần đây có sửa đổi thế nào, tôi chưa được biết, chớ theo như binh-chế đời Minh-trị hồi mới duy-tân cho đến hồi đánh thắng Nga, thì nhứt-thiết nam-tử đứng 20 tuổi đến 40 tuổi, đều có nghĩa-vụ binh-dịch.

Có 4 hạng lính ; Thường-bị 常備 , Hậu-bị 後備 , Bổ-sung 補充 , Quốc-dân 国 .

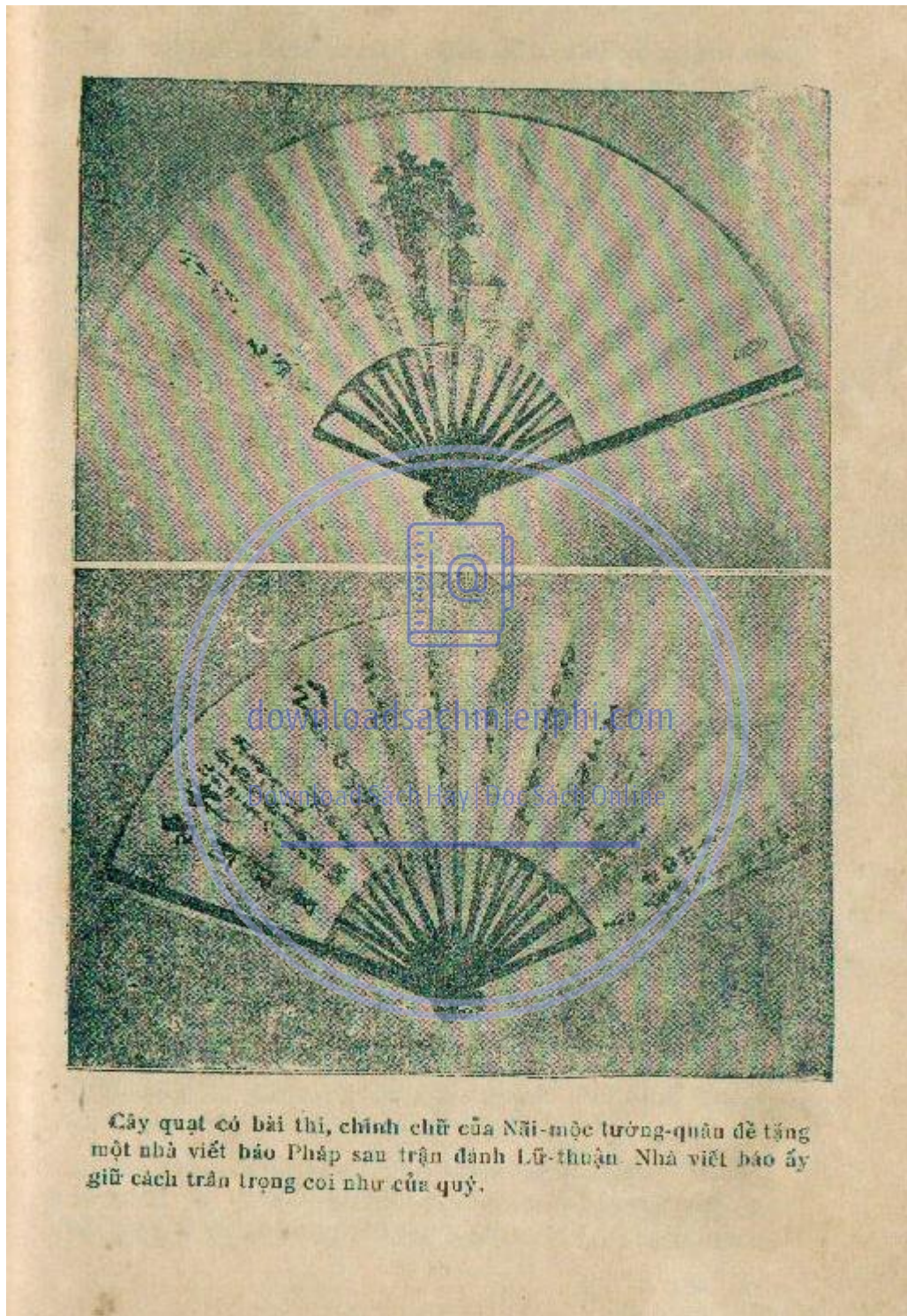
Hạng lính Thường-bị chia ra làm hiện-dịch và dự-bị 2 kỳ. Lính hiện-dịch thì lục-quân 3 năm, hải-quân 4 năm ; lính dự-bị thì lục-quân 4 năm 4 tháng, hải-quân 3 năm.

Ngạch lính Hậu-bị, kỳ hạn ra lính định là 5 năm ; mãn hạn thì tên mình thoát khỏi sổ lính.

Hễ con trai đến tuổi thành-định tức là đứng 20 tuổi, buộc phải ra lính hiện-dịch ngay, để chịu sự rèn-tập nghề binh. Duy có học-trò thì được rộng kỳ cho học xong rồi mới phải nhập ngũ. Còn những người đăng lính vào hạng dự-bị, thì mỗi năm chỉ bị kêu ra tập-rèn có một tháng.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Lính Hậu-bị cũng như lính Dự-bị nói trên đây, là những người bình-thời vẫn có nghề-nghiệp làm ăn, không buộc vô ở trong trại, nhưng tên họ có ghi trong sổ quân, khi có chiến-sự thì nhà-nước kêu ra đi lính.

Những người có vóc-dạc kém sút, và sức-khỏe không hạp cách quân-nhơn, thì đăng vào ngạch lính Bồ-sung.

Đến như ngạch lính gọi là Quốc-dân-binh, ấy là những người ra lính đã mãn hạn rồi, nhưng xin đăng lại để phục-dịch quốc-gia mãi mãi.

Riêng với học-sanh, nhà-nước cho rộng-rãi hơn : học-sanh cao-đẳng chỉ phải ra lính hiện-dịch có 2 năm ; học-sanh đại-học thì 1 năm. Còn trung-học trở xuống vẫn phải ra lính hiện-dịch 3 năm như thường. Những học-trò bậc cao, sau khi làm tròn phận-sự đi lính rồi, tình-nguyện sung vào quân-đội thì gọi là “chí-nguyện-binh 志願兵 - Shiganhei”, tức như ngạch lính gọi là les volontaires ở Pháp-quốc vậy.

Kể đến hồi đánh Nga, khắp cả nước Nhật, số dân có thể ra làm nghĩa-vụ binh-dịch, lồi chừng trên 700 muôn người.

Hiện-thời, Lục-quân Nhật-bồn có cả thảy 17 sư-đoàn - 師団 - Shidan, ấy là kể số lính tại-ngũ trong nước và trấn-thủ ở Mãn-châu, Cao-ly, chớ còn những ngạch lính Hậu-bị, Dự-bị và Bồ-sung có thiệt số bao nhiêu, không ai biết được. Ví dụ một mai đánh nhau với nước nào, mà chánh-phủ hạ lệnh động-viên (動員令 douin-rei, Mobilisation), thiệt số tất cả ngạch lính bao nhiêu, chánh-phủ giữ bí-mật lắm.

Chiếu theo Hiến-pháp Nhật-bồn, toàn-quốc Hải-quân, Lục-quân và Không-quân, đều ở dưới quyền tiết-chế của đức Thiên-hoàng. Chính ngài là Hải, Lục, Không-quân Đại-nguyên-soái 海陸空軍大元帥. Ngài có quyền độc-tài về quân-chánh, chớ không phải qua tay Nội-các ưng không mới được. Lúc có chiến-sự, ví dụ như lúc đánh Nga, Đại-bồn-dinh 大本營 (Quartier général) hay là Nguyên-soái-phủ 元帥府 vẫn đặt tại thành Đông-kinh, do Đức Thiên-hoàng làm đầu, có Nội-các thủ-tướng cùng mấy vị Hải-quân, Lục-quân đại-thần và mấy vị Đại-tướng-quân làm chức Tham-ng nghị Đại-bồn-dinh. Khi đức Thiên-hoàng ngự tới Đại-bồn-dinh bàn tính quân-cơ, vẫn mang nhung-phục Đại-nguyên-soái.

Chính ngài lựa chọn giao phó các tướng-tá thay mặt ngài ra trận cầm quân, gọi là Tổng-chỉ-huy 総指揮 - soushiki hay là Tổng-tư-lệnh 総司令 sousirei. Tức như hồi có chiến-sự với Nga, đức Thiên-hoàng phong Đại-sơn-nham 大山巖 - Ooyama Iwao làm Lục-quân Tổng-tư-lệnh, đánh bộ-binh Nga ở Mãn-châu, và phong Đông-hương Bình-bát-lang 東郷平八郎 - Tougou Heihachirou làm Hải-quân Tổng-tư-lệnh, đánh thủy-binh chiến-hạm Nga ở cửa Lữ-thuận và Nhật-bồn-hải. Ra trận, hết thảy tướng-sĩ ba-quân đều phải vâng theo phương-lược của quan Tổng-tư-lệnh, mà chính quan Tổng-tư-lệnh lại phải vâng theo huân-lệnh từ Đại-bồn-dinh truyền cho.

Trận đánh Nga, hai ông *Đại-son* và *Đông-hương* vốn là trung-tướng mà Thiên-hoàng Minh-trị lựa chọn cất nhắc lên ngôi đại-tướng, và đem cả vận-mạng Lục-quân, Hải-quân nước Nhựt phú-thác cho, là vì ngài biết rõ tài-năng thao-lược của hai ông, nên mới trọng-dụng ủy-thác như vậy. Quả thiệt, vua Minh-trị không lầm chút nào : bộ binh Nga đại bại vì tay *Đại-son* cũng như thủy-binh Nga tan-nát vì tay *Đông-hương*, một ông vua tri hơn thiên dụng, có lợi cho quốc-gia là thế đó.

NHỰT-BỒN VÓN LÀ MỘT NƯỚC HẢI-QUÂN LÂU ĐỜI

Cứ lấy địa-thế mà nói, Nhựt-bồn cũng như Anh-quốc, là nước cù-lao rời rạc, biển rộng bao quanh, vậy thì khỏi nói chắc ai cũng đoán biết rằng vì lẽ sanh-tồn hộ-thân, tự nhiên dân-tộc họ từ xưa vốn giỏi nghề đi biển và cũng từng có tư-tưởng về hải-quân rồi, chớ không phải đợi đến ngày nay.

Thiệt vậy, ngày xưa vua chúa Nhựt-bồn thường dùng chiến thuyền kéo đi chinh-phục những cù-lao kế cận. Dân-chúng trong nước phần nhiều ở ven biển phải sanh-nhai đánh cá, tự nhiên nghề hàng-hải họ đã gan-dạ rành-rẽ lắm. Lại nhiều thương-gia chuyên nghề buôn bán từ biển này qua biển kia, cho nên họ biết đóng ra những chiếc ghe lớn, để đi biển rộng, trương buồm thuận gió, dám vượt đại-hải mà qua buôn bán với Nam-dương quần-đảo và nước Nam mình rất sớm. Ai thuộc sử ta, chắc còn nhớ có một đoạn về đời Hậu-Lê chép rằng có một chiếc ghe buôn Nhựt-bồn bị bão lớn đánh trôi vào địa-phận nước ta, người sống mà ghe hư hết, không thể dùng được nữa. Quan ta vì nghĩa bang giao, muốn đóng cho bọn dân Nhựt này một chiếc ghe lớn để họ về nước, nhưng đóng cả năm không xong, rồi sau đành thú thiệt cái dở của mình không đóng ghe đi biển được. Họ phải chờ đợi trút năm nữa mới có ghe khác ghé vào rước đi. Nước Nam ta, mặt ngoài ngó ra biển, bờ biển từ bắc vô nam, dài mấy muôn dặm đường, mà không đóng nổi một chiếc ghe đi biển lớn, thảm chưa ?

Ta coi đại-khái một vài việc như trên, đủ rõ Nhựt-bồn cổ-thời đã biết dùng chiến-thuyền và đã có gan hàng-hải ra thế nào rồi.

Trong lịch-sử họ thường có nhiều trận hải-chiến lớn lao. Hoặc trong nước đánh lẫn nhau, như lúc hai võ-gia *Nguyên-lại-Triều* 源頼朝 và *Bình-thanh-Thịnh* 平清盛 giao-chiến trên biển, họ *Nguyên* dùng một đội chiến-thuyền tới trên 840 chiếc, để quyết thư hùng ; ấy là trận hải-chiến lớn nhất của Nhựt-bồn cổ-thời. Hoặc hải-chiến với ngoài, là hồi cuối thế-kỷ 13, binh *Nguyên* nước Tàu tức là binh *Mông-cổ* đã từng găm thét bao lâu ở đại-lục Âu-Á, đem trên 10 muôn chiến-thuyền qua đánh Nhựt-

bồn, chiếc nào cũng to lớn kinh càn, thế mà dân Nhật ở các phiên-bang phía Tây cũng dám chống-cự đả đố. Lúc này, hai đảng mạnh yếu cách xa, thiếu chút nữa Nhật thua to và mất nước về tay giặc Nguyên, nhưng may sao có trận bão-tổ nổi lên, làm cho chiến-thuyền của Nguyên chìm rảo. Người Nhật tin đó là sức thần cứu-giúp, cho nên họ càng tin họ là “Thần-quốc tử-tôn”, và rồi từ đó trở đi, Nhật-bồn không bị tai nạn ngoại-xâm nào nữa.

Chẳng những họ không bị ngoại-xâm, mà chính họ lại có cái chí ngoại-xâm người ta. Lúc *Phong-thần Tú-cát* 豊臣秀吉 - Toyotomi Hideyoshi làm tướng-quân, từng đem chiến-thuyền sang đánh Triều-tiên ; rồi sau đó có người đồng-cảm, bày mưu lập kế, muốn cướp lấy Đài-loan và quần-đảo Lữ-tống (tức là Phi-lật-Tân) ngay từ bây giờ.

Đến đời *Đức-xuyên* 徳川 - Tokugawa làm tướng-quân, thi-hành chánh-sách khóa cửa luôn 200 năm ngoài. Trong thời-kỳ dằng-dặc đó, quốc-gia vô-sự, thiên-hạ thái-bình, không ai để ý tới việc hải-phòng, lại có một lúc, tướng-quân *Đức-xuyên* cấm dân trong nước đóng những ghe lớn để đi biển xa, vì sợ người ta giao-thông với ngoại-quốc.

Mãi sau cuối đời Mạc-phủ *Đức-xuyên*, ghe tàu Âu Mỹ qua Thái-bình-dương nhiều, bọn chí-sĩ thức-thời ở nước Nhật mới xướng lên vấn-đề hải-phòng, làm cho trên dưới xao-xuyến. Tới năm 1853, có đoàn tàu Mỹ của đề-đốc Bá-lý kéo qua, rồi Mạc-phủ được thư của quốc-vương Hòa-lan khuyên bảo Nhật-bồn thế nào cũng phải mau mau sửa-sang hải-quân, theo lối Âu Mỹ, bấy giờ Mạc-phủ mới tỉnh-ngộ, quyết ý mở-mang hải-quân. Đầu hết (1855), mở ra trường dạy hải-quân ở Trảng-kỳ, dùng người Lan làm thầy. Rồi sau mở ra xưởng đóng tàu và cơ sở đúc sắt ở Giang-hộ nữa. Việc hải-quân giáo-dục khởi thủy từ đây.

Ngoài ra hai chiếc tàu chiến của chánh-phủ Hòa-lan và nữ-hoàng Anh-quốc gởi qua tặng cho, Mạc-phủ lại xuất tiền mượn các nước Tây-phương đóng nhiều chiếc tàu, lập thành một hạm-đội riêng của mình. Năm 1860, Mạc-phủ phái chiếc quân-hạm tên là Hàm-lâm chở sứ-thần qua Mỹ-quốc ; ấy là lần trước hết Nhật-bồn có quân-hạm đi xa.

Trong khoảng có 5 năm mà Mạc-phủ tổ-chức ra được hải-quân hạm-đội và mở-mang hải-quân giáo-dục như thế, tuy chưa ra gì, nhưng kể cũng là sốt-sắng mau-lẹ quá. Bấy giờ các phiên-bang cũng bắt-chước, hoặc phái người đi cầu học hải-quân ở Âu Mỹ, hoặc mua sắm chiến-hạm tân-thời, phiên thì một vài chiếc, phiên thì

mười lăm chiếc ; hiệp cộng lại số chiến-hạm của Mạc-phủ (44 chiếc) cùng các phiên-bang, lúc này Nhựt-bồn đã có trút trăm chiếc tàu binh chớ không phải ít.

Đến lúc Minh-trị duy-tân thì bao nhiêu chiếc tàu trận đó đều thống-thuộc về tay trung-ương chánh-phủ hết.

Ta nên biết tàu trận của Mạc-phủ và phiên-bang, hầu hết là thứ tàu nhỏ ; sau Minh-trị Thiên-hoàng thân về, mới thiết là ra sức khuếch-trương cho Nhựt-bồn có hải-quân thiết lớn, chiến-hạm thiết hùng, vì ngài rõ biết rằng : “Việc sắp-đặt hải-quân là việc rất gấp của nước Nhựt, nước Nhựt tất phải dựng lên cái cơ-sở hải-quân cho thiết đúng mới được, ”. Hải-quân Nhựt-bồn bước vào con đường phấn-khởi từ đó.

Trước hết mở trường Hải-quân học-hiệu ở Đông-kinh, kén chọn thanh-niên tuần-tú trong nước để học-tập thủy-chiến. Về hải-quân, Nhựt-bồn rờn mướn người Anh làm thầy huấn-luyện ; học-sanh tới kỳ thực-nghiệm, tàu trận nước mình không chứa hết, thì nhà-nước cũng gởi họ sang mấy chiếc tàu trận của Anh mà tập-rèn công việc trong tàu và nghiên-cứu về cơ-khí.

Một mặt tạo-lập ra mấy xưởng tự đóng lấy tàu binh ; chính đồn nhứt là xưởng ở Hoành-tu-hạ - 横須賀 - Yokosuka . Năm Minh-trị thứ 6 khởi công đóng lấy hai chiếc tàu, 1540

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

tấn và 897 tấn, đến năm thứ tám hạ thủy. Lúc đầu còn mướn kỹ-sư chuyên-môn ở bên Tây sang làm đốc-công ; nhưng từ Minh-trị thứ 9 trở đi, Nhựt-bồn đã có những tay chuyên-môn đóng lấy được rồi, chẳng cần phải người ngoại-bang giúp sức.

Tuy vậy vua Minh-trị muốn cho nước mình mau có hạm-đội lớn, nên chi mỗi năm đều xuất công-nho ra mướn xưởng đóng tàu ở Anh, ở Đức, ở Pháp, ở Mỹ, đóng những chiếc chiến-hạm lớn. Chính ngài mỗi năm tự giảm số tiền chi-tiêu trong nội-cung lấy 30 muôn viên để bỏ vào khoản chế-tạo quân-hạm. Quốc-dân thấy vậy cảm-động, nhiều người quyên giúp tiền muôn bạc triệu để cho nhà-nước đóng tàu.

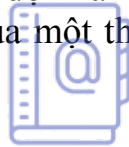
Bởi vậy đến năm Minh-trị 16, Nhựt-bồn đã có một đội chiến-hạm đủ các hạng tuần-dương, thiết-giáp, ngư-lôi, thủy-lôi vân vân ... cộng tới một trăm mấy chục chiếc.

Trong những lúc số chiến-hạm mỗi ngày một tăng-gia, thì các pháo-đài và quân-cảng trong nước cũng lần-lượt hoàn-thành. Cho tới súng đạn lớn nhỏ, người Nhựt đã tự chế ra rất là tinh-xảo. Nhứt thiết những việc gì quan-hệ về hải-quân, giờ cũng có trường giáo-dục huấn-luyện hết thầy.

Năm Minh-trị 27 (tức năm Giáp-ngọ, 1894), vì việc Triều-tiên mà Nhật-bồn đem hải-quân khai-chiến với Trung-quốc. Bao nhiêu năm Nhật-bồn kinh-doanh hải-quân, trận Trung-Nhật giao chiến này có dịp cho Nhật đo tài thử sức coi hải-quân mình kết-quả ra thế nào. Nhật chỉ đem ra có 27 chiếc tàu, đánh hạm-đội tỷ-hon của nhà Thanh trận nào cũng thua ; Nhật bắt được của Thanh 17 chiếc.

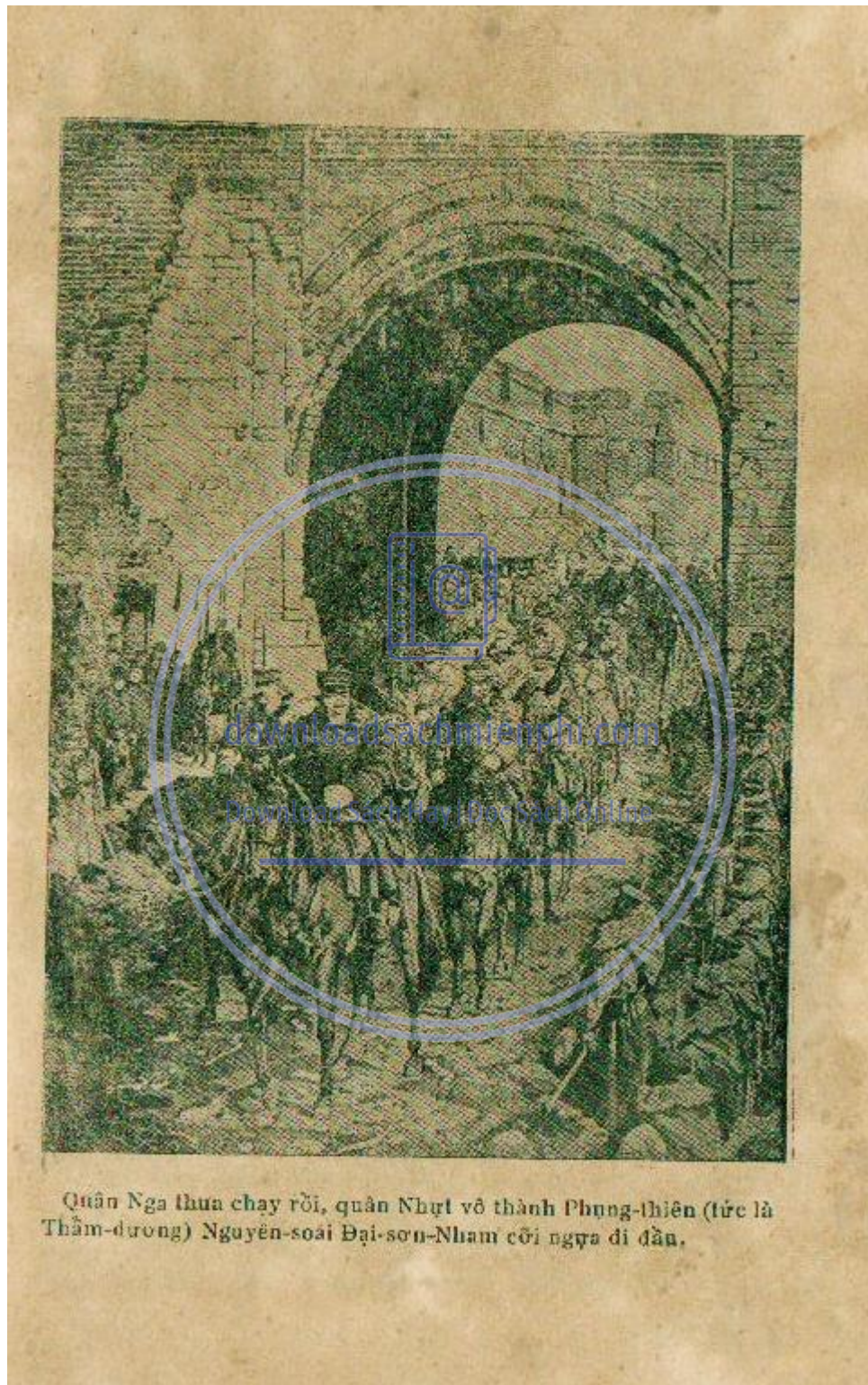
Trận này Nhật-bồn đại-thắng, chẳng những khiến cho thế-giới phải kính-phục, mà chính Nhật-bồn cũng tự biết hải-quân mình cần phải mở mang nhiều nữa mới đủ.

Từ đó Nhật lại lo đóng thêm nhiều tàu mới, chế-tạo ra những kiểu súng mới, và ngày đêm thao-luyện hải-quân, cho nên đến đầu năm 1905 mới đánh phá tan-tành cả hai hạm-đội hùng-cường của Nga ở cửa Lữ-thuận và trên Nhật-bồn-hải, gồm có gần 80 chiếc tàu. Dưới đây có đoạn nói riêng về trận ở Đối-mã-đảo - 對馬島 , *Đông-hương* đại-tướng phá tan hạm-đội Ban-tích (Escadre de la Mer Baltique) tại đây, tỏ ra hải-quân Nhật-bồn trải qua một thời-kỳ huấn-luyện chỉ có 30 năm, mà trở nên đồng-mãnh đến thế nào ?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Luôn dịp, ta nên biết trong khi chánh-phủ Minh-trị lo khuếch-trương hải-quân thì nhơn-dân Nhật-bổn đua nhau chế-tạo thương-thuyền. Cũng trong cái thời-gian như

hải-quân, bóng cờ thương-thuyền của Nhựt-bồn bay phát-phới khắp cả năm châu sáu biển. Cái giống Đại-hòa sẵn có nghề-nghiệp tài-năng đi biển từ xưa, ngày nay trên mặt biển không chịu thua ai, nghĩ cũng xứng đáng lắm vậy. Chỉ lạ một điều là về hải-nghiệp cũng như các phương-diện học-thuật khác, họ đổi cũ thay mới, mở-mang tấn-tới quá mau, ai cũng kinh-dị bái-phục là phải lắm.

KHÍ-KHÁI VÀ VÕ-CÔNG CỦA TÊN LÍNH NHỰT

Quân-đội nước Nhựt, hải vậy mà lục cũng vậy, bỏ cũ theo mới trong vòng 30 năm, đã thu được kết-quả tốt-đẹp rực-rỡ, nổi oai-danh lẫm-liệt vẻ-vang, ta nên biết một phần lớn là do nơi tinh-thần thượng-võ của dân-tộc Nhựt-bồn sẵn có lâu đời mà ra.

Từ xưa, họ có tinh-thần thượng-võ, đến đổi kết-tụ thành như một tín-ngưỡng, một luân-lý, một quốc-hồn, ai nấy đua nhau gìn-giữ trau-dồi, lấy đó làm mực thước xử thế lập thân, và tự nhận cái nghĩa-vụ “cứu dân báo quốc” là nghĩa-vụ mình, làm được nghĩa-vụ ấy là sự vinh-diệu đệ nhất.

Chính là “Võ-sĩ-đạo”.

Ở chương đầu hết, tôi đã có một đoạn nói về lai-lịch và tôn-chỉ của Võ-sĩ-đạo rồi, khỏi cần nhắc lại nữa. Đây, nhơn dịp nói về cuộc cải-cách quân-đội Nhựt trong hồi duy-tân, nên tôi muốn tóm-góp lược-thuật một vài chuyện khí-khái cương-dống của nhà võ-sĩ Nhựt, tên lính Nhựt, hay nói chung là người dân nước Nhựt. Ta sẽ thấy rằng võ-sự của Nhựt ngày nay tuy là đổi cách khác hình, chứ cái thể-chất của nó là tánh khí-khái cương-dống thì vẫn là từ cái nguồn Võ-sĩ-đạo đời xưa dòi-dào lai-láng mà phát ra vậy.

Võ-sĩ Nhựt có cái đặc-biệt, là nhiều người có phong-thể nho-nhã ung-dung, mà trong cái phong-thể đó vẫn không mất khí-khái cương-dống.

Thiệt, võ-sĩ họ xưa nay không phải chỉ ròng chuộng sự giỏi nghề mạnh sức mà thôi, hầu hết kiêm học cả văn, cho nên có hạng võ-gia mà giỏi văn-học, hay thơ ca, không phải là ít. Ai nấy đều có lòng nhân-ái nghĩa-hiệp, tánh ý một mực khiêm-nhường, rất trọng danh-dự. Ngày xưa võ-sĩ ra trận gặp kẻ đối-địch với mình, hai bên cùng đem tên họ và quê-hương ra tỏ cho nhau biết, rồi bấy giờ mới nghiêm-chỉnh oai-dung, lấy nghề võ ra tranh cao hạ với nhau. Khi đã phân cao hạ thì kẻ thắng không bao giờ làm nhục bên thua, hành xác kẻ chết. Họ cho là cái lễ giao-chiến phải vậy mới đúng. Đến sự đánh chùng giết lén, thì võ-sĩ lấy làm xấu hổ, không thềm làm, dầu được thắng trận thành-công gì đi nữa cũng vậy.

Đã có một câu chuyện hồi giữa thế-kỷ 11, đến nay người Nhật còn truyền làm giai thoại.

Nguyên-nghĩa-Gia - 源義家 cầm binh đi đánh Áo-châu, thỉnh linh giữa đường bắt gặp tướng giặc là *An-bồi Trịnh-nhiệm* - 安部貞任 - Abe Sadatou liền phóng ngựa rượt theo, toan bắn một mũi tên cho tướng giặc chết tốt. Song trước khi bắn, họ *Nguyên* nghĩ ra một bài ca, rồi hát lớn tiếng để ngõ ý cho tướng giặc biết rằng mình sắp bắn đây. *An-bồi Trịnh-nhiệm* nghe ca, kèm ngựa quay đầu ngó lại, rồi ứng-khẩu đọc một bài ca để đối đáp, trong bài ca bày tỏ nông-nỗi của mình giữ thành cực-khổ bấy lâu.

Nghĩa-gia nghe bắt mũi lòng, lập tức thu cây tên cất vào trong bao, không nỡ nào bắn cho đành, để mặc cho *Trịnh-nhiệm* chạy trốn.

Một võ-sĩ chơn-chánh, chẳng thèm đánh chung giết lén người ta, và có phong-thể nho-nhã tới như vậy đó.

Đời thượng-cổ, Thần-công hoàng-hậu 神功皇后 đem binh đánh Hàn, có lệnh truyền cho tướng-sĩ : “Kẻ đã đầu hàng chớ có giết ; kẻ đã bị vít, chớ làm nặng thêm, 降？殺, 傷？使重(**)”. Chắc câu cô-huân đó, võ-sĩ Nhật vâng giữ đời đời, nên chỉ ta thấy trong trận Nhật Nga chiến-tranh ; bữa nọ trước cửa Lữ-thuận, một chiếc chiến-hạm Nga bị bắn chìm, tướng-sĩ Nga trôi nổi lúp-ngụp trên mặt biển, quan tư-lệnh ở chiến-hạm Nhật là trung-tướng *Thượng-thôn* - 上村 ngó thấy, liền hô binh-sĩ của mình mà nói : “Giờ họ là người bị nạn chết trôi, chớ không phải là kẻ thù nữa, ta phải hết lòng cứu-vớt cho mau !”. Tức thời binh Nhật thả xuống bơi lại cứu-vớt, được tướng-sĩ Nga trên 300 người khỏi chết. Tướng-sĩ Nga cảm-động quá, khen-phục binh Nhật có lượng bác-ái, chớ kẻ khác thì mặc-kệ chết chìm, để chịu cứu vớt chưa !

Một đặc-tánh của võ-sĩ Nhật là có máu công-phần lạ lùng. Trời ơi ! Hễ khi họ thấy một chuyện gì thiệt-thời nhục-nhã cho quốc-gia chủng-tộc họ, thì máu công-phần của họ sôi lên sục sục, không có cái sức mạnh nào làm cho nguội lạnh đi được. Nhật là họ tự nghĩ mình đây là võ-sĩ vẫn có nghĩa-vụ xông-pha khói lửa, da ngựa bọc thân, để hộ-vệ nòi-giống nước non, mà nay có chuyện tổn-hại bất-bình cho nòi-giống nước-non, thì mình làm sao chịu nổi ! Bộ mình đây là giá áo túi cơm, vô tâm vô dụng sao ? Nếu mình không lo báo-phục, không rửa sạch chỗ bất-bình ấy đi, chẳng hóa ra mình hư-sanh vô-dụng lắm ; vậy dầu sống hay chết, mất hay còn, tất nhiên mình phải có một phen quyết-đấu mới được. Lòng công-phần đó chẳng phải riêng của một vài cá-nhơn, mà thiệt là chung cả hạng người vác súng mang

gươm sẵn có tinh-thần chuộng-võ, có nghĩa-vụ giúp nước. Tôi muốn thuật ra một chuyện rất gần để làm chứng.

Hồi năm 1894 (tức năm Minh-trị thứ 27), vì vụ can-thiệp nội-chánh nước Cao-ly, mà Nhựt cử binh đánh nhau với Tàu. Chỉ giao-phong có mấy trận, cả binh lục và binh thủy của nhà Thanh đều đại-bại ; nhà Thanh phải lật đật xin đình chiến giảng hòa. Qua năm sau (1895), *Lý-hồng-Chương* 李鴻章 - Ri Koushou phụng mạng vua Thanh (lúc này là vua Quang-Tự 光緒) phong làm toàn-quyền đại-sứ, sang tới đất Mã-quan 馬關 nước Nhựt, để cùng toàn-quyền Nhựt là *Y-dăng Bác-văn* 伊藤 博文 ký tờ hòa-ước.

Phàm nước thua trận, bao giờ chẳng phải chịu thiệt-thòi, cũng như nước thắng trận bao giờ lại không đòi ăn miếng sừng ? Theo hòa-ước Mã-quan 6 khoản, có một khoản Tàu phải nhường đất bán-đảo Liêu-đông 遼東 lại cho Nhựt, cùng 2 đảo Đài-loan 台灣, Bành-hồ 澎湖 nữa.

Hòa-ước này vừa mới ký tên đóng dấu được 6 ngày, thì Nga lấy oai-thể mình khuyên Nhựt trả Liêu-đông cho Tàu, đừng lấy. Hoàng-đế Ni-cô-la thứ nhì (Tsar Nicolas II) nước Nga gửi điện-văn qua Minh-trị Thiên-hoàng ; đại-ý nói Nga thấy trong hòa-ước Mã-quan có khoản Nhựt đòi nhường Liêu-đông, cốt để có chỗ dòm ngó oai hiếp Bắc-kinh rất tiện, như vậy e có hại cho cuộc hòa-bình lâu dài ở Đông-phương, nên Nga lấy tình thân-ái, xin khuyên Nhựt chớ lấy Liêu-đông v.v...

Tiếng nói là khuyên, chớ kỳ thiệt là Nga ép Nhựt không được lấy, vì lúc bấy giờ Nga là nước lớn, oai to thể mạnh lắm, Nhựt phải xét mình mà kiêng nể ngay. Huống chi ở trong vụ đó lại có nước Đức nước Pháp, tán-thành đồng ý với Nga nữa, thành ra thế-lực 3 nước dồn ép Nhựt ta phải nhả Liêu-đông trả Tàu.

Vụ này làm cho nhơn-tâm ở Nhựt sôi-nổi tức-tối lạ thường. Bọn võ-nhơn đều nghiêng răng trợn mắt, đấm ngực dậm chun, tỏ lòng phần-khích đối với danh-dự quốc-gia và hết sức oán-hận anh Nga lấy cường-oai can-thiệp, làm cho Nhựt-bồn hực mất một cái lợi-quyền chính bởi bọn họ là võ-nhơn đã xông-pha khói lửa mới có. Lòng phần-khích bày tỏ ra ở ngôn-ngữ hành-động hằng ngày : nào là nhiec Nga ngang-tàng, chê bai chánh-phủ mình nhút-nhát, cái giọng đó thấy đầy trên báo-chương, chẳng bữa nào không ; nào là rình đón kiều-dân Nga mà ầu-đả hay ám-sát, cốt làm sao cho sanh cuộc chiến-tranh hai nước mới thôi.

Tuy những chuyện ngôn-ngữ bạo-động này không phải “tác-giả” đều là võ-nhơn, nhưng mà chính là ảnh-hưởng của võ-nhơn và chính võ-nhơn xúi ngầm. Chánh-

phủ Nhựt e khiêu-khích sanh biến với Nga, nên phải ra tay đàn-áp, vì chon-tình lúc này Nhựt chưa có đủ cái thực-lực để chống-chọi với Nga đâu được. Nhiều võ-nhơn phần-khích mặc lòng, chớ cũng tự lượng sức mình như thế. Song, họ coi mỗi thù lớn như trời biển, trước sau thế nào cũng có một phen đánh Nga rửa thù mới xong.

Một vị lão-tướng ở Nhựt bây giờ là *Đại-đảo Kiện-nhứt* 大島健一 - Ooshima Kenichi mới đây thuật chuyện lại rằng cùng lớp mang gươm vác súng với ông ta hồi đó, nghe cái tin tổ-quốc bị 3 nước kia can-thiệp mà phải trả Liêu-đông, thì ai nấy tức-giận dầy gan ói mật. Chính ông ta cũng vì tức-giận quá mà phát ra thơ cảm-khái, có câu :

遺恨十年磨一劍

流星光底逸長蛇

Di-hận thập niên ma nhứt kiếm,

Lưu-tinh quang để dật tràng-xà.

downloadsachmienphi.com

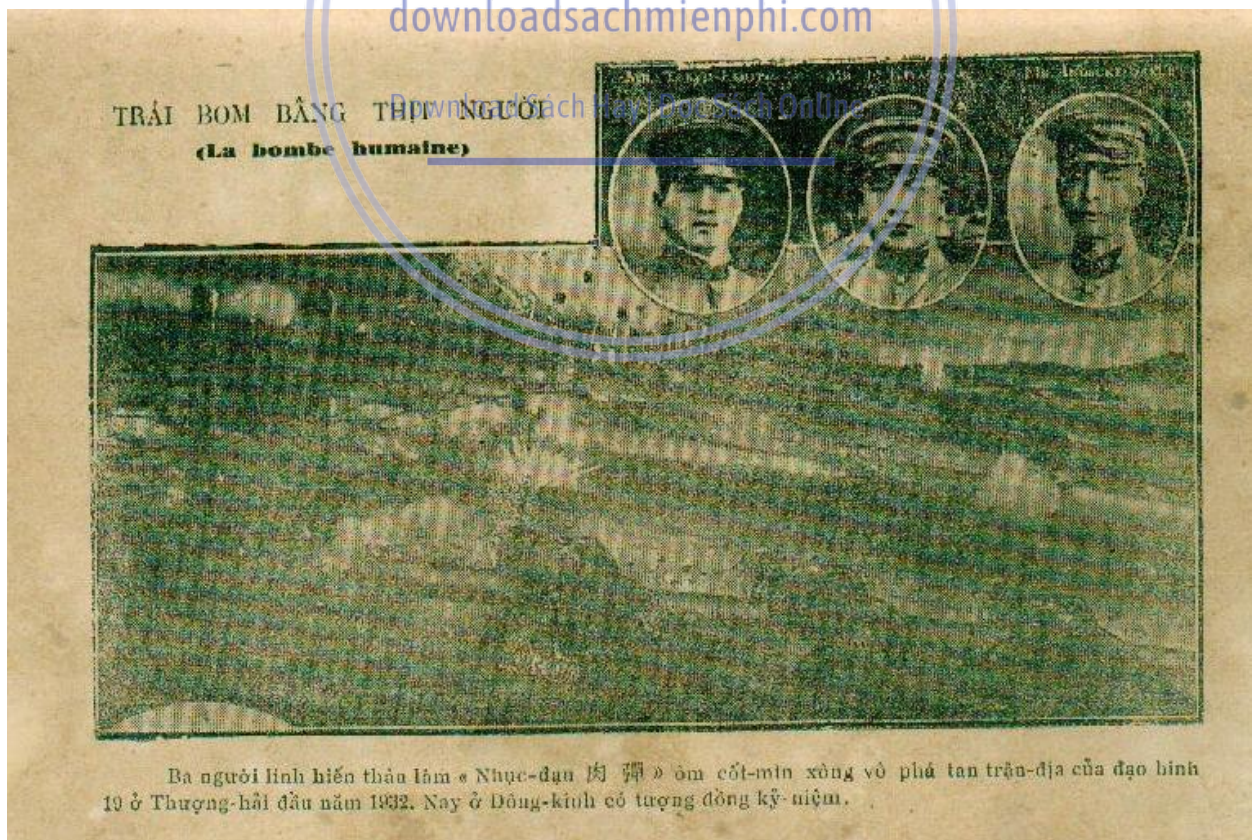
Hai câu thơ của *Đại-đảo Kiện-nhứt* có thể đại-biểu chung cả tấm lòng công-phần báo-cừu của tướng-sĩ Nhựt-bồn ở đời bấy giờ. Từ tướng-soái đến sĩ-tốt, ai nấy cùng một cách nồng-nàn, hăm-hở, lo dôi-mài binh-thơ, tập-rèn võ-thuật, để một ngày kia có thể tuốt gươm xách súng ra thử tài rửa hận với Nga cho được thì mới hả lòng. Cái chí báo Nga như đinh đóng chặt trong tâm-não của mỗi con nhà võ, giúp cho sự thao-luyện kỹ-thuật của họ càng được mau thành công-phu kết-quả. Họ thề với cây gươm đeo ở bên mình rằng sông chết thế nào cũng có một ngày họ cho nó tắm máu người Nga ; không 5 năm thì 10 năm, không 10 năm thì 20 năm, cái ngày đó sao cũng phải có !

Mà quả nhiên như câu thơ sấm của *Đại-đảo Kiện-nhứt* ở trên đây : tướng-sĩ Nhựt-bồn luyện nghề tập trận, ném mật nằm gai trong vòng 10 năm, từ 1895 đến 1905 là họ đủ thực-lực và có cơ-hội đánh mọp binh Nga ở đồng-bằng cũng như ở trên mặt biển, trả được cái thù thị-oai bắt trả Liêu-đông năm xưa. Chính *Đại-đảo Kiện-nhứt* cũng là một viên tướng đánh Nga hồi 1905 ; mà trước khi 10 năm ông ta quyết mài một lưỡi gươm ròng-rã 10 năm cho thiệt bén, để nữa chém đầu người Nga cho đã-nur giận, thế là đúng kỳ và như nguyện đó vậy. Không ngờ cái khẩu-khí anh-hùng linh đến như thế.

Ta coi võ-sĩ Nhựt giàu lòng công-phần đồng-cửu, có cái kết-quả vẻ-vang là đem tổ-quốc họ đặt lên ngang hàng liệt-cường thế-giới, vì sự thiệt Nhựt-bổn chiếm được địa-vị ấy, chính là sau trận thắng Nga mà đi.

Có trận Nhựt Nga, Tây-phương mới bừng mắt ngó thấy tướng-sĩ Nhựt-bổn có sức chiến-đấu lạ thường, không sợ hiểm nguy, không kể tánh-mạng, không nài đau-đớn. Tấm lòng họ ái-quốc nồng-nàn, mà không bộc-lộ ra bên ngoài có một vẻ gì là hằm-hừ, nóng-nảy ; trái lại, họ ái-quốc một cách bình-tĩnh, thâm-trầm, đã đem thân hứa cho nhà-nước thì họ thái-nhiên sấn-sỏ vào mọi cảnh nguy-hiểm, gian-nan ; trái tim họ đối với nước cứng như sắt đá, không có sức nào làm tan-rã dôi-dời đi được.

Đầu năm 1904, hồi Nhựt-Nga rục-rịch khai-chiến, dư-luận Âu-châu đều tin chắc thế nào Nhựt cũng phải thua, bất quá Nhật chỉ giao-phong với Nga một vài trận, là đủ thấy nhứt-nhối mềm-xương, không chịu nổi đâu. Trừ ra có mấy vị quân-quan Âu-châu dự vào (Bát-quốc liên-quân) đánh giặc Quyền-phỉ ở nước Tàu hồi năm 1900, nhơn đó mà được chứng-kiến cách hành-quân của Nhựt-bổn, thì mới tin rằng chưa chắc nga thắng nổi Nhựt mà có thắng cũng là trần-ai khổ-sở, chớ không dễ gì.



Đến khi tuyên-chiến rồi, ngay mấy phát súng đầu-tiên mà đi, binh Nga thấy cái sức chiến-đấu của binh Nhựt mà kinh-hoàng sững-sốt. Thử binh gì mà đánh đầu cũng lặn nhào vô trong vòng khói lửa, thì cái chết như không. Trên bộ đã vậy, dưới thủy cũng chẳng khác gì : hễ gặp tàu trên bên giặc là họ sấn tới mà đánh, còn có một tên quân một viên đạn là còn đánh, chớ không chịu lui trước bao giờ. Rất đổi là cửa biển Lữ-thuận 旅順 (Port - Arthur) mà họ muốn lấy sức người để bít lại, thật võ-sĩ họ can-dũng đến thế là cùng !

Làm cách nào mà bít được cửa biển ?

Nguyên là hạm-đội Thái-bình-dương của Nga đóng ở Lữ-thuận, sau mấy trận thò ra đánh nhau với hải-quân Nhựt bị thất lợi, bèn trốn núp ở trong cửa biển không dám ló ra nữa. Hải-quân Tổng-tư-lịnh Nhựt là *Đông-hương* đại-tướng 東郷大將 liền nghĩ ra cách “bít cửa” Lữ-thuận, nếu thành-công thì nhốt cả hạm-đội Nga nằm cứng trong cửa, không có ngõ ra ; bằng không vậy thì cũng là cách chọc cho tàu Nga phải ra ngoài biển khơi để mà đánh.

Hải-quân Nhựt mua rất nhiều tàu dò cũ, để dùng vào việc bít cửa. Mỗi chiếc tàu đều chở cốt-min và năm bảy viên tướng-sĩ để chỉ-huy chiếc tàu, rồi thì cả đoàn cùng nhắm cửa Lữ-thuận mà chạy thẳng vào. Nếu pháo-đài của Nga ngó thấy mà bắn chìm càng tốt, không thì mỗi chiếc tàu cũng tự châm lửa vào cốt-min cho phát nổ lên, để tàu chìm xuống ngầm-ngang một đồng ở ngay cửa biển, làm mắc nghệt đường lối ra vào của hạm-đội Nga.

Cuộc bít-cửa như thế, Nhựt-bôn làm tới năm bảy lần, chớ không phải một. Mỗi lần bảy tám chiếc tàu đi tự-tử cách này, Hải-quân Tư-lịnh-bộ phải cần mấy chục viên tướng-sĩ dẫn đi ; mà tướng-sĩ dẫn đi như thế cũng là đi tự-tử, chớ trăm phần không có lấy một phần may sống sót, lội về bờ trận được. Thế mà lần nào cũng vậy, vừa có một tiếng hô của Tư-lịnh-bộ, tức thời có cả ngàn người trong hải-quân dành nhau biên tên vào sổ ứng nghĩa liều mình, đến đổi Tư-lịnh-bộ phải dùng cách bắt thăm, ai trúng thì đi. Những người bắt thăm trật, rầu buồn tức tối lắm.

Nói chuyện bít-cửa, không thể nào không nhắc tới *Quảng-lại Võ-phu* 廣賴武夫 .

Quảng-lại Võ-phu, chức Hải-quân trung-tá, làm trưởng-quan chiếc tàu thủy-lôi (torpilleur) hiệu là Triều-nhật 朝日 đã mấy phen có công đánh thắng hạm-đội Nga ở trước Lữ-thuận rồi. Sau đó trút thán, hạm-đội Nga nằm lỳ trong cửa không thấy thò ra. *Quảng-lại* hăm-hở đánh giặc mà không được đánh, tức quá, bèn cùng 70 tử-sĩ, dẫn năm chiếc tàu cũ, xông-pha vào mũi đạn của pháo-đài Nga, để toan lấp cửa Lữ-thuận. Song lần này không thành-công.

Cách một tháng sau, *Quảng-lại* dẫn 4 chiếc tàu dò cũ khác, đi bít cửa nữa.

Trong 4 chiếc tàu, *Quảng-lại* tự cầm đầu chiếc tên là Phước-tĩnh ; và một người bạn là *Sam-giã-tôn* 杉野孫 làm phó. Khi đoàn tàu chạy gần tới cửa Lữ-thuận, *Quảng-lại* bảo *Sam-giã* xuống dưới bụng tàu sắp-đặt cốt-mìn, sửa-soạn việc tự bắn cho tàu chìm, còn mình thì ở trên coi chỉ-huy chiếc tàu chạy phăng-phăng vô trong cửa. Thành linh bị một viên đạn thần-công của Nga bắn tới, trúng giữa bụng tàu, thành ra cốt-mìn chưa đốt đã nổ, *Sam-giã* chết tươi. Tàu gần chìm, *Quảng-lại* cùng bọn lính xuống thuyền nhỏ bơi đi. Chừng ngó lại không thấy bạn *Sam-giã* ở đâu, *Quảng-lại* biểu tập lính bơi về trước, rồi mình tự quay lại leo lên chiếc tàu đang chìm kia mà tìm kiếm *Sam-giã*. Lúc bấy giờ trong chiếc tàu đã bị nước ngập tới từng trên rồi, mà *Quảng-lại* chạy từ mũi xuống lái 3 lần, cũng không tìm thấy bạn, lúc ấy mới chịu xuống thuyền bơi về. Bơi chưa được bao xa, bỗng một viên đạn Nga bay tới, trúng ngay giữa đầu *Quảng-lại*, làm cho tan-nát thân-thể.

Tin buồn đưa về Đông-kinh, trong triều ngoài quận, trên vua dưới dân, ai cũng thương-tiếc kính-phục ; vì *Quảng-lại* vì nước quên-sanh, nặng tình với bạn mà chết như thế, nên cả nước Nhật đều tôn là “Quân-thần”, lại làm lễ chiêu-hồn rất lớn.

Lúc sắp đi bít cửa lần thứ hai, *Quảng-lại* cầm bút đề một bài thơ ở trên tàu Triều-nhật như vậy :

七生報國

一死心賢

再期？效

含笑上船

Thất sanh báo quốc,

Nhứt tử tâm kiên

Tái kỳ thành hiệu

Hàm tiếu thượng thuyền.

Ý nói mình là đời thẳng nam-tử, thân-hình 7 thước, đã hứa đem ra báo bổ quốc-gia, thì một cái chết đã nhứt-định trong lòng rồi ; lần này là lần thứ hai mình đi làm việc bít cửa, mong sao được thành-công, thì mình chết cũng vui. Bây giờ ta tươi cười bước lên tàu để đi.

Ta xem mấy câu thơ trên đó, đủ thấy một người võ-sĩ Nhựt khảng-khái quyết-tử hết sức !

Cái gương quyết-tử của *Quảng-lại Võ-phu*, có vô số người sau noi theo.

Chắc ai cũng nhớ đầu năm 1932, binh Nhựt đánh Thượng-hải, gặp nhằm tay cường-địch là đạo binh 19 của Tàu chống-cự lại hãn-hòì, binh Nhựt đánh rất hăng, thế mà dây dưa trút tháng, vẫn chưa phá nổi mặt trận binh Tàu. Bấy giờ trong binh-đội Nhựt, có ba tên lính đồng được nhảy ra hiến mình để phá tan hầm-lũy của bên nghịch. Ba người cùng ôm một viên đạn cốt mìn dài, xăm xăm xông thẳng vào trận-địa Tàu ; cốt-mìn nổ tứ tung ; cố-nhiên thân-thể ba người lính đều nát như tương, nhưng mà hầm-lũy phía trước mặt trận của binh Tàu bị phá tan-tành, nhờ đó Nhựt mới tấn binh được, rút lại đạo binh của Thái-đình-Giai phải lui.

Ba người lính liều chết kiểu đó, người Nhựt gọi là ‘nhục-đạn’, 肉彈 (viên đạn thịt). Hiện nay ở Đông-kinh có đài kỷ-niệm ba người liệt-sĩ này ; nhà-nước đúc tượng đồng tả-chon như lúc ở Thượng-hải vậy.

Còn câu chuyện này, cũng tỏ ra tánh-khí cương-dũng khinh-sanh của võ-sĩ Nhựt, thấy trong sách “Le Japon dans le Monde” của Antoine Zischka tả một cách đối-chiếu ngộ lắm : Hồi năm 1933, hạm-đội Mỹ tập trận ở Thái-bình-dương, có thả một viên đạn thủy-lôi xuống biển để thử, nhưng viên đạn ấy chưa nổ, nên bộ Hải-quân muốn lấy lên, bèn rao hơi có cậu lính nào tình-nguyện làm việc đó, nhưng chẳng có một cậu nào dám lãnh mạng hết. Họ nghĩ viên đạn của nhà-nước đáng giá 300.000 quan, tuy là nhiều tiền thật, nhưng mà giá-trị tám thân họ còn quý hơn, mắc hơn số tiền ấy nhiều, đại gì họ xuống biển lặn mò rủi chết oan mạng. Trái lại, đồng thời bộ Hải-quân Nhựt-bồn mới chế ra được một kiểu ngư-lôi (torpille) có máy riêng, cho người ngồi vô trong đó rồi phóng ra, để người ngắm đúng tàu nghịch mà vận máy cho ngư-lôi đánh ngay mục-đích, thì tàu nghịch thế nào cũng phải bị bắn chìm, không thoát đâu khỏi. Có điều muốn thí-nghiệm sức mạnh của ngư-lôi mới chế, bộ Hải-quân rao hỏi mấy người tình-nguyện cảm-tử, trong vài ba ngày tiếp được đơn tình-nguyện của bốn năm ngàn người liều mình chịu chết. Nghĩ coi, một đàng là viên đạn chưa nổ, mà lặn đem lên, không chắc có rủi-ro gì, thế mà chẳng có một người dám chịu ; còn một đàng là mạng chết nắm chắc cả trăm phần

trăm, thì có mấy ngàn người hiến-thân cảm-tử ; vậy ai khí-khải cương-dũng hơn, ta cứ xét cũng rõ. Thế mới biết sự ái-quốc khinh-sanh, người Nhựt cho là cái danh-dự đệ nhứt trên đời, nên ai cũng nô-nức nhau để cầu lấy.

Sau nữa, võ-sĩ Nhựt-bồn xưa nay còn có cái tập-tục lạ-lùng này, càng tỏ ra họ khí-khải cương-dũng đến cực-điểm ; ấy là tập-tục mổ bụng tự-tử, tiếng Nhựt gọi là *Hara-kiri* hay *seppuku* .

Từ khi Nhựt-bồn có *Võ-sĩ-đạo* dựng lên, liền có tập-tục này, do ở quan-niệm danh-dự mà ra. Bởi võ-sĩ Nhựt thờ chuộng danh-dự thứ nhứt. Một võ-sĩ đã cầm gươm ra trận thì chỉ có nước một là thắng hai là chết, chớ bại trận là điều nhục-nhã cho võ-sĩ, hay là để cho giặc bắt sống được mình, danh-dự võ-sĩ cũng cầm ngặt lắm. Lâm vào cảnh đó, võ-sĩ phải có gan tự giết mình đi, để bảo-toàn danh-dự.

Song nếu tự giết mình bằng chén thuốc độc, bằng sợi dây thắt cổ, hay là nhào xuống sông xuống hồ, võ-sĩ đều cho là những cách hèn-nhát, không xứng-đáng với hạng người có can-đảm anh-hùng. Lấy dao cắt cổ, họ cũng cho là cách chết theo đàn-bà. Người võ-sĩ anh-hùng tất phải tự chết một cách thung-dung, chậm-rãi, thông-thả, tự-nhiên, không mất vẻ tươi cười mà cũng không rên la đau đớn. Đã vậy mà phải chết trước mặt người ta và phải giữ lễ-nghĩa hân-hòi cho tới khi tắt hơi ngã xuống mới thôi. Nhà võ-sĩ Nhựt bèn lựa cách mổ bụng, chỉ có vậy mới là chết có gan, chết sang-trọng, hiệp với tư-cách của con nhà võ.

Người định *hara-kiri* ngồi trước bàn thờ ông bà, làm lễ cúng-bái hân-hòi, chung quanh có mấy người bạn-hữu hay họ-hàng đứng chứng-kiến, trong đó có một người cầm sẵn thanh kiếm nơi tay. Rồi đó người tự-tử rút lấy con dao dựng trong hộp để trước mặt, một tay cầm dao tự mổ bụng mình, một tay kéo lấy ruột ra ngoài, nét mặt cứ tự nhiên, nụ cười cứ hiện ra luôn luôn ở cửa miệng, không được rên-la nhúc-nhích chút nào. Trước khi người mổ bụng sắp xỉu xuống thì người cầm thanh kiếm đứng bên chém dùm một kiếm cho ngã chết hẳn. Thế là xong lễ mổ bụng.

Bởi có tập-tục và thành lễ như thế, nên chỉ mỗi người võ-sĩ nào ban đầu cũng học cách dùng thanh kiếm cho đúng phép lịch sự, phòng mai sau có lúc cần phải mổ bụng mình không biết chừng. Thuở xưa, võ-sĩ Nhựt tập rèn kiếm-thuật hết sức trang-trọng, tinh-vi, không khác gì nhà thi-sĩ cặm-cui về nghề đẽo chữ gọt vắn, hay là những chôn ngoại-giao, trào-đỉnh, người ta gò-gẫm về lối y phục giao-tế vậy.

Cái tục tự-tử anh-hùng can-đảm này xưa nay ở nước Nhựt thấy có rất thường ; ngoài võ-sĩ ra, hạng người khác cũng có nữa. Mỗi khi một vị Thiên-hoàng qua đời, thế nào cũng có ít nhiều người mổ bụng để chết theo, vì là thương vua quá. Ví dụ

Nãi-mộc 乃木-Nogi đại-tướng mổ bụng tự-tử liền sau khi vua Minh-trị thắng hà. Năm 1924, có một người thương-dân, ngồi ngay trước cửa dinh công-sứ Mỹ-quốc tại Đông-kinh mà mổ bụng tự-tử, là cốt để tỏ ý phản-đối cái chánh-sách của Mỹ-quốc bạc-đãi dân Nhật kiều ngụ ở hạt Californie. Từ đó tới nay, còn thiếu gì đám *hara-kiri* khác. Trận Nhựt-Hoa giao-chiến ở Thượng-hải, cũng có một vị tiểu-tướng mổ bụng, vì đã lỡ để binh Tàu bắt sống rồi thả về. Sau cuộc thao-diễn hải-quân ở Thái-bình-dương năm kia, có một viên đội-trưởng cùng mổ bụng xử mình, vì tự xét mình hơi lỗi phạm-sự chút đỉnh.

Chuyện *Nãi-mộc hy-diễn* 乃木希典 - Nogi Maresuke mổ bụng chết theo vua Minh-trị, nên thuật sơ lại cho độc-giả nghe.

Hồi Nhựt Nga chiến-tranh, *Nãi-mộc* làm Lục-quân đại-tướng, cầm mấy đạo binh vây đánh Lữ-thuận dữ quá, mấy ngàn binh Nga đành phải đầu hàng. Chiến-công và oai-võ của *Nãi-mộc* nổi vang thế-giới, có nhà thế-tộc ở Âu-châu, lấy một thanh bửu-kiếm của hoàng-đế Nã-phá-luân ngày xưa gởi qua tặng *Nãi-mộc*. Sau trận phá Lữ-thuận rồi, *Nãi-mộc* có câu danh-ngôn này : “Phàm cách dùng binh, bao giờ cũng quyết thắng bại ở 15 phút đồng-hồ sau cùng, hễ bên nào cứ quyết-chiến và giữ vững trận-thế trong 15 phút chót, đó là bên ấy thắng trận”. Bởi vậy bên Âu-châu người ta gọi là “un quart d’heure de Nogi” (một khắc đồng-hồ của *Nãi-mộc*). Nhà viết tiểu-thuyết đại-danh ở Paris, được cử vô Pháp-quốc Hàn-lâm viện cách nay mấy tháng, là Claude Farrère tiên-sanh, viết sách thường lấy võ-sĩ Nhựt-bôn làm đề-mục và năm trước có bài diễn-văn nói về Nhựt-bôn, khen-ngợi *Nãi-mộc* dữ lắm.

Theo như tiên-sanh, sở-dĩ *Nãi-mộc* mổ bụng chết theo Minh-trị Thiên-hoàng, là vì có một chuyện hồi nhỏ, cũng là danh-dự võ-sĩ làm nguyên-nhơn. Lúc vua tôi đều còn nhỏ tuổi, cùng học một trường ; bữa kia *Nãi-mộc* vì việc học lỗi-lầm mà bị ông thầy quở-trách sao đó, *Nãi-mộc* nghĩ sự danh-dự, nhứt định tự-tử. Song vua Minh-trị (lúc đó còn là đông-cung thái-tử) can ngăn ; ngài nói :

- Ta là vua của người : sự lỗi-lầm đó ta gánh vác dùm cho, ta biểu người cứ việc sống.

Vì bấy giờ vua Minh-trị đã biết tài của *Nãi-mộc* sau này có thể làm rường cột cho quốc-gia, nên chỉ ngài gánh lỗi, để cho *Nãi-mộc* đừng chết vậy.

Quả thiệt về sau *Nãi-mộc* cầm binh đối nghịch với Nga ở Mãn-châu, đánh đâu thắng đó, nổi tiếng anh-hùng. Vua Minh-trị có đức sáng tri nhưn thiện dụng như thế, gọi là minh-quân anh chúa phải lắm.

Một chuyện từ hồi còn nhỏ, ai không tưởng *Nãi-mộc* quên rồi. Nhứt là *Nãi-mộc* lập đại-công với quốc-gia thế đó, mấy cái lầm-lỗi lúc trước cũng đền-bù có dư. Nhưng mà không ; việc phạm danh-dự thuở nhỏ *Nãi-mộc* chẳng quên ; nay vua Minh-trị thăng-hà, *Nãi-mộc* mở bụng chết theo, là vì *Nãi-mộc* nghĩ vua mình đã qua đời rồi, không còn người nhận dùm sự lỗi xưa kia cho mình nữa, vậy thì mình phải chết để bảo-toàn danh-dự mới được.

Một bậc người phú-quý hiển-vinh, anh-hùng oanh-liệt như *Nãi-mộc*, không chịu hưởng sự vẻ-vang sung-sướng, mà còn nhớ lại việc danh-dự từ năm bảy chục năm trước, cam bỏ hết một đời phú-quý hiển-vinh để cứu lấy danh-dự ; thật võ-sĩ Nhứt-bồn có cái tinh-thần quý-trọng danh-dự đến thế là tuyệt-phẩm vậy.

TRẦN Ỗ ĐỐI-MÃ HẢI-GIÁP, ĐÔNG-HƯƠNG NGUYỄN-SOÁI PHÁ TAN HẠM-ĐỘI CỦA NGA

Muốn biết cuộc duy-tân của Nhứt-bồn khởi-sự từ năm 1868 trở đi cho tới ngoài 30 năm sau, có cái thành-hiệu đến đâu rồi, thì cứ xem cái thành-hiệu về binh-lực võ-bị của họ là thấy rõ-ràng hơn hết.

Tôi muốn nói cái thành-hiệu đó là trận Nhứt thắng Nga năm 1905, thắng cả trên bộ lẫn dưới thủy. Một nước, hồi nào muôn việc cũ mèm, bỗng chốc muôn việc đổi mới, mà thâm-thoát có 37 năm, hải-quân lục-quân của họ đem ra chiến-thắng một đại-cường-quốc phương-Tây, bảo đó không phải là cái thành-hiệu duy-tân thì là gì ?

Vì sao có trận Nhứt Nga chiến-tranh 1904-1905 ?

Tóm tắt là vì Nga mở-mang thế-lực sang phương Đông lớn quá, làm ngăn-trở con đường tấn-phát của Nhứt, cho nên Nhứt phải sanh-tử tương-tranh để tìm lấy mạch sống. Bắt đầu từ cuối thế-kỷ 18, Nga ý mạnh xí mất một miếng đất tổ-truyền của Nhứt làm của mình, ấy là cù-lao Hoa-thái 樺太島 (1). Nhứt vẫn căm-tức nhưng vì thế yếu, không

(1) Có tên khác là Khố-hiệt-đảo (?) (**) hay Tát-cáp-liên(?) (**) cũng thế, tức là cái cù-lao ta thấy trên địa-đồ đề tên là Sakhaline, nửa phần về Nga, nửa phần về Nhứt. Nhứt lấy lại được nửa phần sau trận thắng Nga 1905 ; còn nửa phần nữa bây giờ họ tính mua lại của Nga, cũng như là mua con đường xe lửa Đông-mãn kia.

làm sao được. Lần lần về sau Nga mở-mang thế-lực, trên bộ thì khắp Mãn-châu tới Triều-tiên, dưới nước thì có hạm-đội đóng ở Hải-sâm-uy 海參威 (Vladivostok) và

ở Lữ-thuận 旅順 (Port-Arthur), nắm giữ cái hải-quyền ở trên Nhật-bồn-hải 日本海 - Nihonkai (Mer du Japon), làm trở ngại khó chịu cho con đường tấn-phát của Nhật-bồn qua đại-lục, tức là cái ngõ sống cho Nhật tất-nhiên phải đi. Đại-khái cái nguyên-nhơn cốt-yếu của trận Nhật-Nga chiến-tranh 1904-1905 là ở đó, chớ việc nội-chánh của nước Triều-tiên làm cơ cho hai bên khai-chiến, chỉ là một cái nút chỉ nhỏ ở trong nui tơ rối lớn mà thôi.

Vì chuyện thâm-thù là một, vì lẽ sanh-tồn là hai, cho nên tướng-sĩ Nhật cùng Nga giao-chiến có cái tráng-khí hùng-tâm, không viết mục nào tả ra cho hết. Trên bộ dưới thủy cũng vậy, con muỗi Nhật tấn lên đến đâu là con cọp Nga thối lui đến đó, làm cho dư-luận thế-giới sững-sốt không ngờ, và bày tỏ ra việc cải-cách võ-bị của Nhật-bồn chỉ có ba chục năm thành-hiệu lớn quá. Song, đây không phải có ý viết Nhật Nga chiến-sử, mà chỉ riêng nói về trận Đồi-mã hải-giáp 對馬海峽 (Déroit de Tsoushima), là vì trận này có nhiều ý-nghĩa :

Một là nó kết-thúc Nhật Nga chiến-tranh, bởi đến lúc Nga đem hạm-đội Ban-tích (Escadre de la Mer Baltique) sang cứu-viện mà bị phá tan, thì Nga phải ngã cờ cuốn giáp ngay, không dám đánh với Nhật nữa ; đành bỏ quyền-lợi ở Nam-Mãn, ở Triều-tiên, cho tới hải-quyền của Nga ở Nhật-bồn bấy lâu cũng tiêu nữa. Nhật bắt đầu tấn-phát qua đại-lục từ đây.

Hai là trận này làm cho Nhật từ bữa này qua bữa mai nhảy lên ngang hàng liệt-cường thế-giới và có thanh-thế, có địa-vị trọng-yếu, trên Thái-bình-dương.

Ba là trận này Nhật-bồn lấy số ít đánh với số nhiều mà thắng, tỏ ra nhơn-tài hải-quân nước Nhật mới tập rèn đổi mới không bao lâu mà có thao-lược lạ lùng. Người Tây-phương ngợi-khen so-sánh *Đông-hương* nguyên-soái với đề-đốc Nensôn (Amiral Nelson) của Anh-quốc khi xưa, vì Nhật thắng trận này là trận rất to mà tự mình hao-tổn rất nhỏ mới kỳ.

Vào hồi tháng 8 tháng 9 năm 1904, Nga-hoàng Ni-cô-la II (Tsar Nicolas II) được tin cấp báo của quân mình ở phương-Đông : dưới nước thì hạm-đội Thái-bình-dương (2) bị đánh gần tiêu, trên bộ thì Lữ-thuận sắp mất mà Liêu-dương và Phụng-thiên cũng nguy. Thấy binh-tình nguy-cấp như thế, Nga-hoàng liền mở quân-sự hội-ngị, quyết-định lựa chọn những chiếc tàu chiến tốt nhất ở trong hạm-đội Ban-tích mà lập ra hạm-đội Thái-bình-dương thứ hai, giao cho Thủy-sư đề-đốc Rô-dê-văng-ky (Amiral Ziniri Petrovitch Rojestvenski) làm tổng-tư-lệnh, đi qua Đông-phương cứu-viện.

Mùng 4 tháng 10 năm đó, cả đoàn tàu trận lớn nhỏ gần 40 chiếc đậu dài ở cửa biển, khói lên nghi-ngút, che bóng mặt trời, ngó oai-phong thật là lẫm-liệt đường-hoàng, ai cũng phải sợ. Khi đoàn tàu sắp nhổ neo đi, Nga-hoàng cùng hoàng-hậu, thái-tử, ngự giá xuống coi rồi phán rằng :

- Đem đoàn tàu như vậy đi đánh giặc, giặc nào không tan ; hãm trận, trận nào không phá ! Trẫm phái hạm-đội này sang Đông, trong ý chẳng phải là cốt mong vào cửa biển Hải-sâm-uy của ta bên đó mà thôi, ý trẫm còn trông tướng-sĩ các người phen này cùng giặc Nhựt quyết chiến, để rửa thù cho hạm-đội Thái-bình-dương và làm rõ-ràng cho nước nhà ; vậy tướng-sĩ các người nên cố-gắng !

(2) Lúc đó hải-quân nước Nga chia làm 4 hạm-đội hay là 4 đoàn tàu chiến, đóng ở 4 nơi : một là hạm-đội Ban-tích (Escadre de la Mer Baltique) ; hai là hạm-đội Hắc-hải (Escadre de la Mer Noire) ; ba là hạm-đội Lý-hải (Escadre de la Mer Intérieure) ; bốn là hạm-đội Thái-bình-dương (Escadre du Pacifique). Hạm-đội này đóng ở cửa Lữ-thuận, bị hạm-đội Nhựt phá tan, sau đem hạm-đội Ban-tích sang cứu viện cũng bị phá tan nữa.

downloadsachmienphi.com

Rồi đó hạm-đội Ban-tích lục-đục khởi-hành.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đề-đốc Rô-dê-văng-ky chia ra làm hai toán : một toán do ngả Địa-trung-hải qua kinh-đào Suy-ê (Canal de Suez) mà sang Ấn-độ-dương ; còn một toán tự mình thống-lãnh thì bao vòng châu-Phi, rồi qua mũi biển Hảo-vọng (Cap de Bonne Expérance) rồi cũng băng qua Ấn-độ-dương mà sang Đông.

Sau khi hạm-đội này đi được ít ngày, kể có tin rằng hạm-đội Thái-bình-dương ở Lữ-thuận bị Nhựt-bôn đánh chìm hết rồi, Nga-hoàng lo sợ quá, vội vàng sai thêm một đoàn tàu nữa đi, gọi là hạm-đội Thái-bình-dương thứ ba.

Hạm-đội trước đang đi nửa đường hay tin Lữ-thuận đã bị binh Nhựt hãm mất rồi, mà binh Nga đánh nhau ở Phụng-thiên cũng thua, thành ra tướng-sĩ trên hạm-đội lo buồn, nay đi mai nghỉ, rất là chân chờ chậm chạp. Mãi đến ngày 12 tháng 4 năm sau - 1905 - mới đi qua Saigon, ghé vào đậu ở vịnh Cam-ranh nước ta để chờ hạm-đội Thái-bình-dương thứ ba tới nơi rồi cùng đi.

Song lúc đó nước Pháp trung-lập, theo phép không được cho tàu trận của bên nào đậu nhờ trong đường nước của mình. Nhựt hay tin có tàu Nga đậu ở vịnh Cam-ranh, liền đánh điện-văn trách hỏi nước Pháp, và xin chiều theo điều-ước trung-lập

mà tổng-cô tàu Nga đi. Bởi vậy hạm-đội Nga phải nhổ neo ra khơi, chớ không được đậu ở Cam-ranh nữa. Ra biển chạy được ít lâu thì gặp hạm-đội Thái-bình-dương thứ ba cũng vừa qua tới, nhập lại với nhau, cả thấy trên 40 chiếc. Hôm nay là mùng 5 tháng 5 năm 1905. Tính ra hai hạm-đội Nga khởi-hành ở biển Ban-tích bên Nga từ đầu tháng 10 năm ngoái, thế là hết 7 tháng mới đến phía ngoài hải-phận Trung-kỳ ta.

Nói về hải-quân Nhật-bồn, từ tháng chạp năm trước (1904), đánh phá tan nát hạm-đội Nga ở cửa Lữ-thuận rồi, thì hạm-đội Nhật đều rút về quân-cảng Tá-thế-bảo 佐世保 - Sasebo, sửa máy sơn tàu, lau chùi súng ống lại, và cho tướng-sĩ nghỉ-ngơi trên 60 ngày. Trong dịp đó, xưởng đóng chiến-hạm của Nhật cũng vừa đóng xong 38 chiếc tàu trận mới.

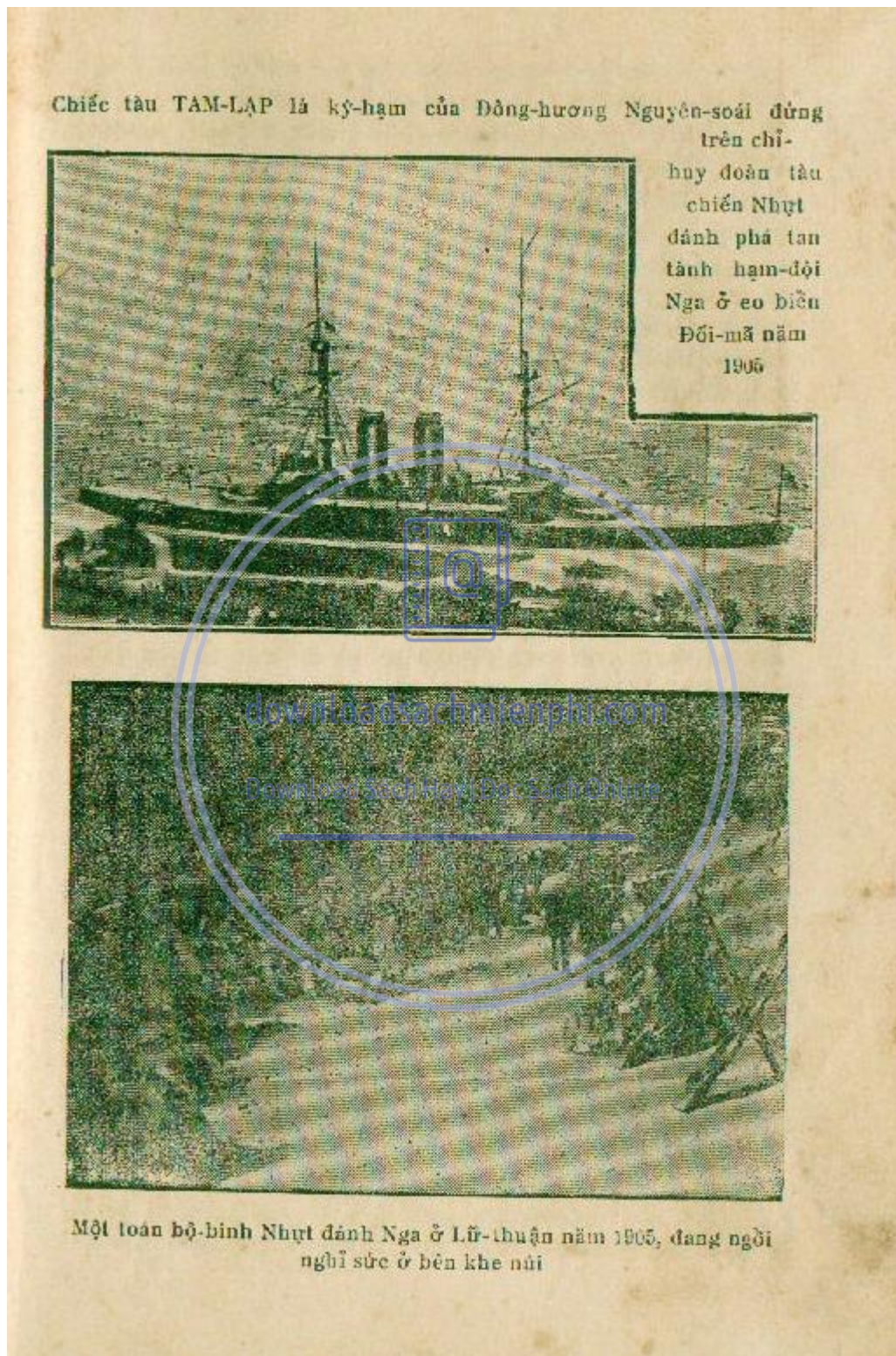
Đông-hương 東郷 nguyên-soái cùng các viên bộ-tướng là *Thượng-thôn* 上村, *Xuất-võ*, *Qua-sanh* 瓜生 .v... thắng trận khai-hoàn, về Đông-kinh bái yết Thiên-hoàng, rồi đến ngày mùng 6 tháng 2 năm 1905, lại vâng mạng xuất-chinh, sửa-soạn đầu đó, chờ hạm-đội Ban-tích của Nga sang tới nơi là đánh. Nguyên-soái *Đông-hương* bài binh bố trận, chia hải-quân ra làm 7 đội, mỗi đội tuần-phòng một ngả ở trong Nhật-bồn-hải và Trung-quốc-hải, còn chính ngài thì thống-xuất đội chiến-hạm thứ 7, phòng-bị quanh miệt quần-đảo Lưu-cầu 琉球 (Iles Ryukyu) và eo biển Đối-mã 對馬, vì ngài đã định trước thế nào hạm-đội Nga cũng phải đi qua ngả này mà lên Hải-sâm-uy của họ.

Lúc này là 14 tháng 5, hạm-đội Nga đang còn linh-đỉnh trên mặt biển ở phía ngoài hải-phận Trung-kỳ ta, mà vẫn chưa biết hạm-đội của *Đông-hương* bố-trí thế nào, trấn-thủ ở đâu. Bấy giờ, đề-đốc Rô-dê-văng-ky bèn hội tất cả các bộ-tướng và hạm-trưởng các tàu tề-tụ ở tàu kỳ-hạm (3) để bàn tính phương-lược, coi giờ nên đi ngả nào. Các tướng bàn-bạc phân-vân chia-rẽ. Một viên bộ-tướng nói :

- Bên giặc thế nào cũng giữ chặt lấy ngả Nhật-bồn-hải, hạm-đội ta chớ nên đi lên ngả đó mà nguy. Chi bằng ta vòng ra Thái-bình-dương, dựa theo mé biển phía ngoài Nhật-bồn mà đông cho mau, rồi băng qua eo biển Tôn-cốc 宗谷 của Nhật mà lên Hải-sâm-uy thì mới toàn vẹn được.

Một viên hạm-trưởng vùng-vằng tức-tới, đứng phắt dậy nói lớn :

(3) Đoàn tàu chiến khi ra trận, chiếc tàu có ông Hải-quân nguyên-soái ở trên, treo cờ hiệu-lệnh nguyên-soái, thì gọi là kỳ-hạm 旗艦, tiếng Tây kêu là Navire-Amiral.



- Chúng ta đây, cả đoàn tàu hùng-tráng trên 40 chiếc, che mây rẽ nước từ Tây sang Đông, phí ngày giờ trải 8 tháng nay, đi băng ngang một nửa trái đất, là cốt để tìm

lấy giặc mà đánh cho hả lòng, hầu lập nên đại-công như đề-đốc Nen-sôn (Nelson) thuở trước. Nay lại định trốn tránh quân giặc mà bao vòng ngả Thái-bình-dương, thật là vô-lý. Theo ý tiểu-tướng định kế bây giờ, không có gì hơn là trước hết chúng ta đánh lấy Đài-loan 台湾 làm nơi căn-cứ cho hạm-đội Ban-tích của ta, ấy là thượng-sách, rồi thì thừa cơ đánh giặc sau.

Các tướng thanh-niên cường-tráng, đều khen kế đó là phải. Đề-đốc Rô-dê-văng-ky suy-nghĩ lằng-lặng một lát rồi đứng dậy bảo chư tướng :

- Ta quyết định đưa cả hạm-đội do ngả Đồi-mã hải-giáp mà lên Hải-sâm-uy.

Chư tướng vỗ tay, tung hô vạn-tuế.

Đoạn, đề-đốc lại ra hiệu-lệnh cho tất cả đoàn tàu như vậy :

- Quân giặc sắp gần kề trước mắt ta rồi. Hạm-đội chúng ta ăn thua vinh-nhục, chỉ ở trong khoảng ít ngày nữa đây, vậy tướng-sĩ các người phải nỗ-lực để báo-đền tổ-quốc.

Đến ngày 25, hạm-đội Nga do phía đông Đài-loan mà ra Trung-quốc-hải, chỉ sai vài chiếc tàu vận-tải ghé vào Thượng-hải lấy thêm than dầu vật-thực, còn thì toàn-đội nhắm ngay eo biển Đồi-mã mà phăng-phăng thẳng tới.

Phía bên quân Nhựt, nguyên-soái *Đông-hương* hay tin hạm-đội Ban-tích đã chạy ngang qua quần-đảo Lưu-câu, thì định chắc sớm tối ngày 26 hay 27, thế nào cũng đi qua hải-giáp Đồi-mã, cho nên hạm-đội Nhựt bèn sẵn ở đấy chờ đánh.

Nói cho ngay, *Đông-hương* nguyên-soái dự biết rằng đề-đốc Nga, tay cừu-địch với mình, là một vị hải-quân to tướng, đã nổi tiếng thông-minh, can-đảm và có tài thao-lược ghê-gớm lắm. *Đông-hương* lại cũng dự biết rằng lấy số tàu binh mà kể, thì hạm-đội Nga nhiều hơn hạm-đội mình. Vậy thì Nhựt khó làm sao thắng Nga cho nổi. Tuy nhiên, *Đông-hương* đã suy-tính hư thiệt kỹ-lưỡng, biết rõ hạm-đội của đề-đốc Rô-dê-văng-ky thiếu-thốn về binh-lực và thuốc đạn ; nhứt là cả đoàn tàu đi từ Âu sang Á, ròng rã 8 tháng nay, tự-nhiên máy-móc phải tròng-trành, tướng-sĩ phải mỏi-mệt, mà tàu lại không chở đủ số than để lên tới Hải-sâm-uy mà qua mắt Nhựt-bồn cho được ; thế nào giữa đường tránh khỏi đánh nhau ? Nga yếu thế e thua là ở chỗ đó. Trái lại, tàu Nhựt thì vừa mới sơn phết, sửa-sang máy-móc và tích-trữ đạn dược rất sung, còn tướng-sĩ ai nấy đều tỉnh-táo hăng-hái, chỉ đợi có giặc lại mà đánh.

Lấy tình-trạng hai bên về binh-lực và sĩ-khí như thế mà suy-xét so-đo, cho nên *Đông-hương* nguyên-soái vững lòng chờ đợi hạm-đội Nga tới chỗ eo biển chỉ rộng có 122 hải-lý là eo biển Đồi-mã để cùng giao-chiến một phen sống mái, chớ không vì thấy tàu Nga đông, tướng Nga giỏi, mà kiêng sợ chút nào !

Ngày 26, *Đông-hương* nguyên-soái ra lệnh cho chiếc tàu do thám, hiệu là Tín-nùng 信濃 ải cẩn-thận tuần-phòng ở quanh biển Đồi-mã, hễ thấy bóng tàu Nga, phải đánh điện-tín cấp báo cho đại-đội hay. Chiếc tàu này đi tuần biển đến 2 giờ khuya thì thấy đoàn tàu Nga, liền phi báo cho hạm-đội Nhựt hay. Các nhà quân-sự chuyên-môn của Âu-Mỹ nói rằng chớ chi chiếc tàu Tín-nùng của Nhựt đi tuần chậm-trễ 5 phút đồng-hồ sau, thì hạm-đội Nga vượt khỏi Đồi-mã rồi, không đến đối phải còn thấy ở đó.

Tảng sáng 27, mặt dầu biển dậy sóng to, trời có sa-mù bịt-bùng, hạm-đội tiên-phong của Nhựt được tin hạm-đội Nga sắp tới, tướng-sĩ Nhựt hăm-hở nghinh-chiến. *Xuất-võ* trung-tướng truyền bảo bộ-hạ như vậy :

- Anh em ta đêm ngày chờ đợi hạm-đội Ban-tích tới để đánh ; ngày nay may mắn làm sao tàu giặc đã tới trước mắt, cái giờ sanh-tử quyết-chiến của anh em ta đến rồi. Song binh-gia thắng bại, không biết đâu trước mà lường ; nói ví-dụ như tàu chúng ta bị bắn nặng lắm, thì anh em ta cũng thề đánh tới chết chớ không thềm lui. Còn một viên đạn, cứ đánh ; còn một tên quân, cứ đánh. Ai nấy đều nên nỗ-lực tận-tâm mà đánh giặc, rủi như tàu chúng ta chìm thì trước khi chùn vô bụng cá, chúng ta đem hết thầy vật-dụng quân-cơ trong tàu mà tự hủy đi ráo, chớ để lọt qua tay bên giặc nghe ! ...

Rồi đó *Xuất-võ* trung-tướng giàn trận, xông vào giao-chiến với hạm-đội Nga. Trong lúc sa-mù tối-tăm, tàu Nga không biết tàu Nhựt nhiều ít thế nào, chỉ thấy bên Nhựt bắn mình thì mình bắn lại, rồi thì phân hạm-đội ra làm hai hàng tả hữu, kéo dài trên 20 dặm, phăng phăng chạy vào eo biển Đồi-mã. Lúc này mà đề-đốc Nga còn chưa thấy rõ thiệt-tình bên Nhựt, trong trí vẫn tưởng rằng mấy chiếc tàu Nhựt mà mình ngó thấy đây là thứ tàu hư cũ không thể chiến-đấu gì được ; còn đại-đội hải quân Nhựt thì đang đón hạm-đội mình ở eo biển Tôn-cốc là phía trên kia, thế là Nhựt mắc mưu mình rồi, thôi mình có thể thừa hư mà thắng lên Hải-sâm-uy dễ-dàng như chơi. Than ôi ! Đề-đốc Nga không biết có hạm-đội của *Đông-hương* đang bờm sẵn ở Đồi-mã hải-giáp, lát nữa coi mà !

Quả thiệt *Đông-hương* nguyên-soái được tin hạm-đội Nga sắp qua Đồi-mã hải-giáp liền ra lệnh cho cả hạm-đội bộ-hạ mình gồm 20 chiếc tàu, giàn trận như hình tràng-

xà, xông ra nghinh-địch. Cờ hiệu giao-chiến kéo lên bay phát-phối ở trên kỳ-hạm Tam-lạp 三笠 *Đông-hương* nguyên-soái truyền lệnh cho toàn đội rằng : “Tổ-quốc vinh nhục ở một trận này, tướng-sĩ các người đều phải gắng sức”. Lệnh này làm cho hùng-tâm tráng-khí của chư tướng-sĩ thêm phấn-chấn trăm phần.

Hạm-đội Nhựt phân hai, một nửa đánh vào sau lưng hạm-đội Nga, một nửa thì chạy hàng dài ở phía tả, chặn ở mặt trước. Lúc hai bên còn cách xa nhau 10 ngàn thước, tàu Nga bắn trước, nhưng tàu Nhựt làm thình, chờ khi còn cách chừng 5 ngàn thước, thì tàu Nhựt mới thử bắn 6 phát. Súng Nhựt bắn hay quá, trong 6 phát mới bắn đó, có 3 phát trúng ngay vào một chiếc tàu Nga, mà một phát trúng giữa tướng-đài, viên đề-đốc chiếc tàu ấy bề sọ chết tốt.

Nga muốn biến thế-trận để đối-địch cho dễ, nhưng bị Nhựt xông vào đánh riết quá, nên biến thế-trận không kịp. Đã vậy mà súng Nhựt bắn 10 phát trúng đến 6, 7 ; còn súng Nga bắn trả thì xuống nước gần hết. Hồi 2 giờ chiều, hai bên đánh nhau càng hăng, súng nổ vang trời, khói lên mù mịt. Tuy binh Nga chống-cự hăng-hái can-đảm cũng dữ, nhưng mà tàu nào tàu nấy bị đạn Nhựt bắn phá như tử, thành ra lòng quân đã hơi rung-động.

Đến 2 giờ rưỡi, hạm-đội Nga bị khốn trong vòng vây, trận-thế rối loạn tứ tung, muốn phá vây chạy trốn, nhưng mà tàu Nhựt áp tới bao-phủ như bức tường dày, không có ngả nào cho tàu Nga thoát ra được. Lúc này tàu Nga có mấy chiếc bị bắn chìm rồi, tàu Nhựt lại nhắm vào kỳ-hạm của đề-đốc Rô-dê-văng-ky mà bắn dữ-dội. Đề-đốc đứng trơ trên tướng-đài, tay cầm thanh gươm ra hiệu cho tướng-sĩ ; bỗng chốc tàu cháy ngùn-ngụt, cháy tới tướng-đài, làm cho đề-đốc Nga bị thương nặng lắm, vội vàng cùng bộ-tướng sang qua tàu khác vừa xong, thì chiếc kỳ-hạm chìm nghiêm.

Bây giờ chiếc tàu Nga hiệu Nicolas 1er thay làm kỳ-hạm, cùng chiếc Alexandre III đánh lại tàu Nhựt rất là đồng-mãnh, vì tướng-sĩ ở hai tàu này đều là hạng tinh-nhuệ trong hải-quân Nga.

Song, rủi cho Nga, hết tàu này tới tàu khác, bị trúng đạn Nhựt mà nổ chìm liền. Thét tàu Nga phải đành liều, phá vòng vây mà chạy ; tàu Nhựt rượt theo bén gót.

Tối lại, trên biển u ám, không sao ngó thấy rõ đường mà đánh, nên chỉ *Đông-hương* nguyên-soái truyền hiệu-lệnh cho hạm-đội mình đều tụ ở phía ngoài cù-lao Uất-lăng, chỉ sai một đoàn tàu ngư-lôi và tàu khu-trục theo đánh tàu Nga. Hồi 8 giờ tối, biển nổi sóng âm âm mà trời đen như mực, tàu Nga linh-đỉnh trên biển không biết lối nào mà đi, vì sợ đi bậy, gặp tàu Nhựt thì khốn. Nhờ vậy mà tàu ngư-lôi và

tàu khu-trục của Nhật theo dõi tới nơi, lại xông vào đánh tàu Nga, chiếc thì bị chìm, chiếc thì hư máy, không cử-động gì được nữa.

Chính một chiếc tàu có đề-đốc Rô-dê-văng-ky và tham-mưu bộ-tướng cũng bị hết than hư máy, đứng sững trên biển, nên phải kéo cờ hàng, để cho binh Nhật bắt sống cả mấy thầy trò ; còn chiếc tàu Nga thì Nhật dắt về Tá-thế-bảo 佐世保 - Sasebo quân-cảng.

Có 5 chiếc khác thừa lúc đêm tối, định đông thẳng lên Hải-sâm-uy, không dè tới sáng, bị một hạm-đội Nhật lù lù chặn ngang trước mặt. Chính là hạm-đội của *Đông-hương*, *Đông-hương* ra hiệu khuyên hàng ; 5 chiếc tàu Nga biết thế chống-cự không nổi, kéo cờ trắng lên hàng ngay.

Nội buổi sáng 28 tàu Nhật còn lùng kiếm tàu Nga, hoặc bắn chìm, hoặc bắt sống. Thế là cả hạm-đội Ban-tích của Nga trên 40 chiếc, đến đây không còn sót lại chiếc nào toàn-vẹn. Tính ra Nhật bắn chìm của Nga 21 chiếc ; bắt sống 5 chiếc ; 3 chiếc mắc cạn bị hư ; 8 chiếc trốn thoát ; 1 chiếc chạy mất tung-tích nơi nào không biết. Có lẽ nó là chiếc chạy lạc vào cửa Ô-cấp ta rồi chìm ở khoảng trên Nhà-bè mà mấy chục năm nay còn thấy cột buồm trôi lên mặt nước đó chẳng ?

Phía Nga, hạm-đội Ban-tích tan-nát như đã kể trên đây, còn tướng sĩ thì 4.000 người bị hoặc bị đạn mà tử-trận, hoặc đắm tàu mà chết chìm ; 7.000 người bị Nhật bắt sống, trong số đó có đề-đốc Rô-dê-văng-ky và nhiều danh-tướng khác nữa. Thế mà phía Nhật, thì chỉ mất ba chiếc tàu ngư-lôi, chết 116 người và bị thương-tích 350 người thôi.

Trận hải-chiến ở eo biển Đồi-mã này kết-thúc cuộc thắng bại giữa hai nước Nhật Nga, từ đó Nga bị đuổi ra khỏi phía đông Thái-bình-dương để nhường cho Nhật trở nên hải-thượng bá-chủ. Và lại trận Đồi-mã đánh xong hôm nay, thì ngày mai oai-danh Nhật-bồn lừng-lẫy toàn-cầu, nhảy vọt lên ngang hàng với liệt-cường Âu Mỹ. Ai cũng nói rằng thiên-hạ cổ-kim, không tiền tuyệt hậu, chẳng thấy có một trận hải-quân chiến-thắng nào mà cái giá nó ít tổn-hao quá như là trận Nhật chiến-thắng Nga ở Đồi-mã hải-giáp vậy.

Thắng trận khải-hoàn, *Đông-hương* nguyên-soái trở nên một bậc dân-tộc anh-hùng, thế-giới vĩ-nhơn. Người thắng trận đã nâng cao địa-vị của quốc-gia dân-tộc Nhật-bồn đó, thọ gần 80 tuổi, mới mất ở Đông-kinh hồi tháng 6 năm 1934, Nhật-bồn làm lễ quốc-táng hết sức long-trọng. Nhơn dịp đó, ta thấy vô số báo chí Âu Mỹ tự thuật lai-lịch và ca tụng chiến-công của *Đông-hương*.

Đông-hương, hồi đầu duy-tân, là một chàng thanh-niên do vua Minh-trị lựa chọn phái đi qua học hải-quân ở Anh-quốc giữa năm 1868. *Đông-hương* lưu học tại Anh-quốc luôn 7 năm, đã nghiên-cứu về binh-pháp hải-quân lại tinh-thông cả về cơ-khí hải-quân nữa. Lúc bấy giờ Âu-châu gọi *Đông-hương* là “cậu học trò Nhật-bổn” (écolier Japonais). Cách sau vừa đúng 30 năm, tảng sáng ngày 27 tháng 5 năm 1905, cậu học trò Nhật-bổn làm Hải-quân nguyên-soái. Phá tan hạm-đội của một cường-quốc Âu-châu ở Đồi-mả hải-giáp đó.

Giữa lúc đánh trận, *Đông-hương* cầm thanh bửu-kiếm đứng trên tướng-đài của chiếc kỳ-hạm Tam-lạp 三笠, chỉ-huy quân-sĩ từ sáng sớm đến tối mịch, bỏ cả ăn uống, quên hết hiểm nguy. Đạn Nga bay ngang trước mặt vù vù, mà *Đông-hương* không hề nhúc-nhích, cái thái-độ đồng-cảm tự-nhiên của *Đông-hương* như thế, càng làm cho mạnh khí nức lòng tướng-sĩ Nhật-bổn bội phần. Ai nấy reo hò hăng-hái, quyết chiến cho đến lúc toàn thắng mới thôi. Có tướng ấy, tất nhiên có quân ấy là phải lắm.

Tuy thắng đại-trận, lập đại-công thế ấy, mà *Đông-hương* chẳng lấy làm đặc-chí tự-khieu chút nào. Ai khen công-trận thì *Đông-hương* chỉ nói đó là nhờ có oai-linh của Thiên-hoàng, đồng-khí của ba quân, hồng-phước của tổ-quốc. Ngày khai-hoàn về Đông-kinh, cái cử-chỉ trước hết của *Đông-hương* là vô nhà thương thăm viếng đề-độc Rô-dê-văng-ky, nắm tay đề-độc mà nói :

- Tôi rất lấy làm vinh-hạnh được gặp một tay đối-địch hết sức đồng-cảm như ông.

Cái cử-chỉ này càng tỏ ra võ-sĩ Nhật-bổn có tánh nho-nhã di-truyền từ xưa, như một đoạn trên kia đã nói vậy.

CHÚNG TÔI HỌC THEO TÂY-PHƯƠNG CÁC ÔNG MÀ !

Xét qua công-cuộc cải-cách võ-bị của Nhật đã thành-công mau lẹ và có kết-quả rõ-ràng như thế rồi, luôn dịp ta nên nhìn biết một điều này nữa. Điều này, chẳng phải ý tôi muốn nói ra đặng ngợi-khen gì Nhật-bổn, nhưng mà nó chính là một sự thật, không nên bỏ qua.

Hồi duy-tân, Nhật-bổn hồi-hả sửa-sang võ bị theo như Tây-phương, chẳng phải chỉ cốt lo “giữ mình” mà thôi đâu, kỳ thiệt họ đã lập chí “ăn người” rồi. Đã không muốn tân-hóa tự-tân thì thôi, chớ nếu tân-hóa tự-tân, thì tất-nhiên phải có những vấn-đề công-nghệ phát-đạt, vấn-đề nhơn-khẩu gia-tăng, bắt buộc họ có cái tình-thế riêng phải lấy võ-lực để tìm lấy hơi thở, mưu lấy đường sống.

Bởi vậy, ông tướng tên quân nọ mới ngày hôm nào hãy còn mang giáp múa đao, cầm cung ra trận, không khác gì tướng-sĩ Trung-quốc thuở xưa, thế mà bỗng chốc duy-tân, bao nhiêu thói xưa lối cũ xóa đi hết, nhứt thiết đổi dùng từ binh-cơ đồ-trận cho tới nhung-trang khí-giới của Tây-phương, sự biến-hóa ấy thâm-thoát chưa được bao lâu, thì họ đã đem ra thực-nghiệm “ăn người” rồi. Nào đánh Trung-quốc chiếm lấy Đài-loan, Bành-hồ, nào mượn tiếng sửa-sang nội-chánh dùm cho Cao-ly rồi sau bảo-hộ luôn, lại nào là cố đánh thắng Nga để nắm lấy hải-quyền ở miệt đông Thái-bình-dương và đuổi Nga ra khỏi Mãn-châu để khuếch trương thế-lực mình sang đại-lục, ấy đều là những sự hiển-nhiên Nhựt-bổn đã dùng võ-lực sửa-đổi theo Tây-phương mà thiệt-hành “ăn người” cả đó.

Sau lúc thắng Nga trở đi, võ-bị của Nhựt ngày càng thêm mở-mang tấn-tới. Đến giờ, thôi thì quá rồi : hải-quân lục-quân của họ đã đứng ngang hàng với mấy nước đệ nhứt hùng-cường trong thế-giới ; võ-nhơn họ, ở bên trong có thế-lực lớn lao bên đàn chánh-trị, ngó ra ngoài muốn hằm-hự nhai nuốt cả những Úc-châu của Anh, Phi-luật-tân của Mỹ, Nam-dương quần-đảo của Hòa-lan, chớ không phải muốn vừa. Mãn-châu chưa đủ no bụng họ đâu, họ còn đang dòm qua đĩa thịt liền một bên, muốn nhai luôn cả Tây-bá lợi-á của Nga luôn một miếng cho gọn !

Tuy ngoài miệng hay nói hòa-bình ngọt sớt, nhưng kỳ thiệt Nhựt-bổn chính là một nước “quân-quốc chủ-nghĩa” (Nation militariste) rõ-ràng không còn phải nghi gì nữa.

Có người Âu Mỹ nào trách-thiện Nhựt về chỗ đó thì Nhựt cười và nói :

- Ủa ! Chúng tôi học theo Tây-phương các ông chớ ai !

Thì chính là lời nói thiệt.

Như trên xa kia đã nói, thiệt là trước nhờ mấy tiếng súng của đề-đốc Bá-lý, sau nhờ có những hiệp súng của 4 nước Âu Mỹ hiệp nhau bắn nổ rầm-rầm ở Lộc-nhi-đảo và Hạ-quan, làm cho người Nhựt vùng tỉnh-giác mê mộng mấy ngàn năm mà vội-vàng cải-cách duy-tân. Việc thứ nhứt là họ đã ngó thấy Tây-phương mạnh ở súng gang tàu sắt, thì trước hết họ phải lo sao cho họ cũng có những vật cần kíp đó. Antoine Vischka (4) viết câu này thực là đúng với tư-tưởng tâm-lý người Nhựt hồi năm 1868 : “Nếu người ta sống theo cách Âu-châu thì cũng phải biết bắn giết theo cách Âu-châu mới được”, (Si on vivait à l'eupéenne, il fallait aussi tuez à l'eupéenne).

Võ-bị nước Nhựt hồi duy-tân sửa-sang tân-tới quá mau, cho đến đổi cách sau 37 năm đem ra thực-nghiệm chiến-thắng được Nga, tóm lại chỉ gốc ở một chỗ giác-ngộ và định-kiến có bấy nhiêu đó !

Lại cũng vì chỗ giác-ngộ định-kiến đó mà Nhựt-bôn phải trở nên một nước quân-quốc chủ-nghĩa, soi gương nổi gót thầy học Tây-phương. Thử hỏi xưa nay trong thiên-hạ có một nước nào, hoặc mở thêm đất cát, hoặc mưu lấy lợi-quyền, mà khỏi dùng đến võ-lực ? Nước mạnh nào lại không là nước quân-quốc chủ-nghĩa ? Tây-phương bắt đầu từ thế-kỷ 17 sang mở-mang đất-cát, kinh-doanh quyền-lợi ở Đông-phương, chẳng nhờ có binh ròng tướng mạnh, tàu sắt súng gang, thì nhờ ở sức nào khác hơn ? Chính Tây-phương qua bắn súng vào Phò-tang tam-đảo rầm-rầm, mới đánh thức Nhựt-bôn tỉnh-ngộ tự-cường đó chớ ai ! Cũng chính Tây-phương chỉ tỏ cho Nhựt biết sức mạnh của súng đạn tân-thời và biết mỗi lợi của võ-lực sung-túc, cho nên Nhựt phải bắt-chước đó. Ngày nay họ trở nên quân-quốc chủ-nghĩa mà thú thiệt rằng học bài chung sách của ông thầy Tây-phương là phải lắm.

Danh-sĩ Pháp là Maurice Dekobra năm ngoái qua chơi Nhựt-bôn trở về viết cuốn sách “Samourai huit cylindres” rất ngộ, có nhắc lại câu nói của ông giáo-sư Nitobé ở trường Đông-kinh Đế-quốc đại-học như vậy :

“Hồi Nhựt-bôn tự bỏ cái thú tịch-mịch phong-lưu của mình từ xưa mà để mắt dòm ra thiên-hạ, ngó thấy trên biển Trung-quốc phát-phối nhiều lá cờ lạ, thuở nay

(4) Tác-giả cuốn “*Le Japon dans le Monde*”, 326 trang, nhà Payot ở Paris xuất-bản.

mình không biết, thì ai nấy đều sững-sốt lạ-lùng : nào cờ tam-tài, nào cờ có băng đỏ của Hồng-mao, nào cờ điểm sao lôm-đóm của Mỹ-quốc.

“Chớ chi lúc nọ ở dưới những lá cờ đó, có một đạo binh toàn là thi-gia và mỹ-thuật-gia kéo tới bờ biển chúng tôi, thì không chừng chúng tôi đã cao-hứng vì lẽ cạnh-tranh tinh-thần, mà cùng họ phấn-đấu ở trong vòng nghệ-thuật văn-chương một cách rất là ôn-tôn thân-ái. Song cơ-khổ thay ! Lúc chúng tôi dòm thấy dưới những bóng cờ đó tua tủa lên vô số là đầu gươm mũi súng chói mắt sáng lòe, thì chúng tôi hiểu ngay rằng chúng tôi đây phải đúc súng rèn binh để giữ lấy thân chúng tôi mới được. Bởi vậy, ngay từ khi chúng tôi bắt đầu tiếp-xúc với Tây-phương, thì chủ-nghĩa quân-quốc đưa tới cho chúng tôi bắt chước đầu hết mọi sự. Thiệt, công-cuộc tổ-chức hải-quân và lục-quân của Nhựt ngày nay, có phải là Nhựt phát-minh ra đâu ; Nhựt chỉ chép y kiểu cách của Âu-châu thôi mà.”

Chương IX

VĂN HÓA ĐÔNG TÂY

Nhiều người ngó thấy Nhựt-bổn sanh ra được đũa con duy-tân tự-cường giống Âu-châu như đúc khuôn, tưởng vậy là Nhựt-bổn nhờ công ơn khí-bẩm của Âu-châu truyền cho hết thảy.

Mà người ta không tưởng vậy sao được ; vì chúng-có hình-tích là những cơ-khí, cửa nhà, xe tàu, y-phục cho đến chánh-trị, lý-tài, kinh-tế, quân-sự kia, nhứt thiết là của Âu-châu sản-sanh, vậy thì đũa con Nhựt-bổn duy-tân, chẳng phải con của Âu-châu thì còn ai ?

Nếu chỉ xét người ở ngoài da, thì vậy đó là phải rồi. Nhưng, chưa chắc mỗi ai có khí-bẩm Âu-châu truyền cho, cũng duy-tân tự-cường được, Trung-quốc từ thế-kỷ 18, đã có nhiều người Tây-phương lui tới, đem những cái hay của họ sang cho mà thấy, sao Trung-quốc không văn-minh hùng-cường đi ? Cũng như nước Nam mình đời Gia-long, có những người Pháp tài nghề chuyên-môn, là Olivier, là Chaigneau, qua đây đóng tàu đúc súng, xây thành luyện quân ở ngay trước con mắt mình, sao mình không giỏi văn-minh hùng-cường đi ?

Tại sao ?

Chỉ tại Trung-quốc với mình như chị đàn-bà khô-khan yếu-đuối, trong mình không có những cái tánh-chất có thể cảm-thọ khí-bẩm tốt lành của người ta để sanh-sản ra tốt lành.

Trái hẳn lại, Nhựt-bổn từ xưa chẳng những đã chứa sẵn nhiều tánh-chất phát-dục chín chắn tốt lành, mà ngay đũa con văn-minh hùng-cường cũng đã nằm sẵn trong thai-nghén của họ rồi, vừa đúng lúc ngày đầy tháng, thì Âu-hóa tới rước nó ra, chớ không phải Âu-hóa đem trợn đũa con để sẵn cho Nhựt-bổn đâu ! Khác nào hột giống cây quý tự người Nhựt đã gieo nó dưới đất rồi, Âu-hóa như trận mưa phải thời, tự nhiên nó nảy mầm đâm nhánh lên vậy.

Một bậc danh-nhơn trong thời-đại Minh-trị, nông-học kiêm pháp-học bác-sĩ là Tân-độ-hộ Đạo-tạo - 新渡戸稻造 - Nitobe Inazou ví dụ Âu-hóa có công như là cô mụ, rất có ý-vị :

- “Âu-hóa đối với nước Nhật chúng tôi không khác gì chuyện cô mụ hộ-sanh đối với một đứa “nhỏ trong thai, đến ngày đến tháng, cô mụ tới đỡ cho nó chun ra đời. Nếu Âu-châu có công với “sự tân-hóa duy-tân của chúng tôi, tức là cái công của cô-mụ hộ-sanh đó. Nghĩa là đứa nhỏ “cứng-cát tốt-lành đã có sẵn trong thai-ngén của chúng tôi rồi, chỉ nhờ Âu-hóa tới làm người “hộ-sanh, khiến cho người mẹ sanh ra đứa nhỏ được mau-chóng hơn, dễ-dàng hơn, và ít quằn-“quai đau-đớn. Bảo rằng đứa nhỏ do chúng tôi sanh ra đó là của Âu-châu ban cho hết thầy thì “sai lắm. Rút lại mà nói : Nhật-bổn có nhờ Âu-châu là để cho cái sức có sẵn nơi mình, được “mau phấn-phát, tấn-tới theo thời vậy.”

Câu nói nghe như hơi quá tự-phụ, nhưng quả là chứa đầy sự thiệt.

Về văn-hóa tư-tưởng, Nhật-bổn có chứa cái kết-thai lâu đời chẳng phải tầm thường. Nhật là văn-hóa tư-tưởng nào họ cũng thâm-góp, cảm-thọ của người, nhưng rất khéo lựa chọn, khéo dung-hòa, khéo lọc hay bỏ dở để cho thích-hiệp và hữu-dụng với mình, thành ra đến lúc văn-hóa tư-tưởng Thái-tây sang Đông, họ biết đón rước vô-vập lấy liền. Trên con đường này, trước khi muốn thấy dấu chun họ ở chặng sau, ta dòm sơ lại bước đi của họ ở mấy chặng trước thử xem.

Sự thiệt, Nhật-bổn đã sẵn có một cái thai văn-hóa kết tinh lâu rồi.

Muốn xét cái thai văn-hóa của Nhật-bổn, đầu hết phải xét từ tôn-giáo mà đi.

Thiệt, quả như lời của ông giáo-sư Félicien Challayé đã nói : “Chính là tôn-giáo đã vạch rõ ra những tánh-chất cốt-yếu của nền văn-hóa ấy, khiến cho nó có vẻ lạ khác người ta, có linh-hồn riêng của nó. Nó ảnh-hưởng tới tư-tưởng, tánh-tình và công việc của người Nhật làm một cách rất sâu-xa ; chính tôn-giáo đã giúp ý-tưởng cho họ nảy ra văn-chương, ra mỹ-thuật, làm nên khuôn-mẫu cho tất cả những điển-chương phép-tắc tổ-truyền ; chính tôn-giáo đã làm cho rung-động và ngày nay cũng vẫn còn rung-động sự sống bề ngoài cũng như sự sống bề trong của người Nhật” (*Ce sont les religions qui ont déterminé les caractères essentiels de cette civilisation, lui ont donne son originalités, son âme. Elles ont profondément agi sur les idées, les sentiments et les actes de Japonais ; elles ont inspirée leur litzérature et leurs arts, modelé toutes les institutions tradictionnelles ; elles ont animé et elles animent encore leur vie extérieure comme leur vie intérieure*).

Từ thuở nước Nhựt cổ, có ba nền đạo lớn, vẫn là những đạo cốt-yếu của nước Nhựt kim ngày nay : Thần-đạo, Không-giáo, Phật-giáo.

THẦN-ĐẠO. - Ở chương thứ nhứt, độc-giả đã thấy một đoạn nói người Nhựt tin-tưởng nước họ là Thần-quốc, do Thần dựng lên, đức Thiên-hoàng là con cháu, dòng-dõi của vị Thần tôn-nghiêm cao-quý hơn hết, đời đời truyền nối trị vì, không ai được xâm-phạm, không hề có sự thay-đổi bao giờ. Tự-nhiên Thần-đạo (神道 - Shindou, shinstoisme) là đạo gốc, có từ lúc Nhựt-bổn mới thành dân-tộc, mới lập quốc-gia trở đi.

Đây, cần nói thêm về Thần-đạo, nhứt là những điều trước kia chưa nói, vì có quan-hệ với vấn-đề văn-hóa.

Ta nên phân biệt : *Thần* của người Nhựt, không phải *Thần* như của Tàu và nước Nam ta, phàm ai sống khôn thác thiêng, được người ta lập đình miếu thờ tự và có nhà vua sắc phong là *Thần* thì mới là *Thần* ; cũng không đồng nghĩa với *Thánh* (Saint) ở đạo Gia-tô, thường là những người xưa kia tận trung với đạo Chúa hay là tử-tiết vì đạo, về sau được Tòa-thánh ở La-mã phong *Thánh* thì mới được là *Thánh*.

Thần-đạo ở Nhựt-bổn cốt nhứt là sự tưởng-nhớ kính-thờ các “Gia-di” (加彌, Kami), tức là anh linh của những người qua đời. “Hết thấy những kẻ chết đều thành Thần”, ấy là lời của nhà chí-sĩ ái-quốc Hirata (1776-1843), đứng ra xướng-minh Thần-đạo, gây nên một phong-trào vừa có chủ-nghĩa tôn-giáo quốc-gia ; vừa có tôn-chỉ chánh-trị ái-quốc ; chính cái phong-trào đó về sau kết-cuộc là Mạc-phủ phải dâng trả quyền-chánh của Thiên-hoàng và mở ra thời-kỳ Minh-trị duy-tân vào năm 1868 vậy.

Căn-bổn của Thần-đạo tóm-tắt lại ở sự tin-tưởng này : anh-linh của kẻ chết vẫn quanh-quất ở giữa kẻ sống ; vẫn đi về lui tới nhà cửa con cháu ; tuy ở trong cõi thiêng-liêng vô-hình mà vẫn kiểm-xét tánh-hạnh đạo-đức, và dự phần vào những cảnh vinh nhục vui buồn của kẻ đang sống luôn luôn. Vẫn biết rằng cõi Thần cũng như cõi người, có hạng xấu tốt nên hư, nhưng mà hết thấy những kẻ đã chết, đều có quyền sức thiêng-liêng tác oai tác phước cho người sống được. Giữa người sống với kẻ chết vẫn có sợi dây quan-hệ liên-lạc với nhau.

Kẻ chết cần dùng người sống tưởng-nhớ kính-thờ để cho vong-linh được yên-ổn sung-sướng trên cõi thiêng-liêng. Còn người sống phải nhờ kẻ chết che-chở phò-trợ cho mình ở đời.

Có nhiều hạng Thần : Thần của gia-đình là anh-linh của cha mẹ, ông bà, tổ-tiên, thờ-tự bàn thờ trong nhà ; Thần chung của làng xóm, thờ ở đình miếu hương thôn ; tới Thần chung cả nước là anh linh của các đấng anh-hùng hào-kiệt, chí-sĩ, danh-nhơn, mà trên hết là anh-linh của tổ-tiên đức Thiên-hoàng. Cho đến trời, đất, cây, đá, các đồ dùng về nghề-nghiệp, mỗi sự vật đều có Thần giám-đốc chủ-tể nữa.

Cái gốc luân-lý ở xã-hội Nhựt-bổn xưa nay cũng thế, là ở gia-đình. Ông Lafcadio Hearn làm giáo-sư ở Đông-kinh trong lúc Minh-trị duy-tân, vô dân Nhựt, ở nước Nhựt luôn 40 năm, biết rõ người Nhựt đến tận móng tay kẻ tóc, muốn chỉ tỏ cái đại-cương của gia-đình luân-lý Nhựt-bổn bằng câu này đúng lắm : “Gia-đình là một tôn-giáo, nhà của con cháu ở là một đền thờ.” (*La famille est une religion, le home (la demeure familiale) un temple*).

Xứ mình lâu nay, thấy có nhiều nhà - ấy là nói những người không phải theo đạo Thiên-chúa - đã giúp bàn thờ ông bà đi, chớ ở Nhựt-bổn, nhà nào cũng có, từ nhà các ông tể-tướng, nguyên-nhung, cho đến nhà của thường-dân lao động. Vì đó là một dấu tỏ ra con cháu cùng-kính tưởng-nhớ ông bà tổ-tiên, thường thường khăn-vái cúng-kiến. Họ cho rằng mình đây có thân-hình, cửa nhà, có sự-nghiệp ; hay là bất cứ sự vật gì, đều nhờ ông bà cha mẹ ban cho, nên mình phải luôn tưởng nhớ kính-thờ mới được. Huống chi là tổ-tiên vẫn dòm thấy công việc ta làm, vẫn nghe mỗi lời ta nói, vẫn thấu lòng dạ ta, vẫn xét đoán ta ; nếu ta ở đời mà cư-xử hành-vi đến can danh phạm nghĩa, để cho anh-linh tổ-tiên sầu tủi, thật là ta mắc một tội rất lớn.

Trong gia-đình, Thần-đạo buộc có kỷ-luật nghiêm-minh : con phải hiếu thảo vâng lời cha mẹ, vợ phải kính-nể chồng, em phải nghe lời anh, kẻ dưới phải phục-tòng người trên. Luật nghiêm ấy phải có chỗ bù-chế lại, là nghĩa-vụ giúp đỡ lẫn nhau, buộc những kẻ trên phải lo-lắng, phải cứu-vớt, phải an-ủi, phải tư-trợ cho sự sống của kẻ dưới được thông-thả êm-dềm.

Ngoài luân-lý gia-đình, tới luân-lý hương-tộc, Thần-đạo nghiêm-cấm những kẻ cùng ở một làng xóm, cùng chung một họ-hàng, không được gây gổ chửi rủa nhau. Lúc có hoạn nạn - như trộm cướp cháy nhà - thì phải tương cứu. Ai ở trong làng mà phạm tới luân-lý hương-tộc đại-khái của Thần-đạo như thế,

đều bị người ta khinh-khi, ruồng-bỏ, đến đời muốn lập gia-đình không được, rồi phải bỏ làng mà đi phiêu lưu.

Trên gia-đình và hương-tộc, là quốc-gia. Thần-đạo dạy người ta suy rộng tấm lòng con hiếu cha từ ra trung-quân ái-quốc, làm người phải biết trọng danh-dự, trọng khí-tiết, khinh tài trọng nghĩa, dầu phải vì danh-dự vì quốc-gia mà chết bỏ mình đi, cũng đừng thêm sợ tiếc. Võ-sĩ-đạo, độc-giả xem trên xa kia đã biết, là đạo gì, chính là một chi-nhánh nảy từ luân-lý quốc-gia của Thần-đạo mà ra đó.

Sở-dĩ Nhựt-bôn là một dân-tộc chuộng sự thanh-khiết nhứt đời, cũng là do phận sự của Thần-đạo bắt buộc. Họ nói Thần ưa sự thanh-khiết, cho nên mỗi người nào kính-thờ tưởng-nhớ Thần, luôn luôn phải giữ tâm mình và thân mình cho thiệt trong sạch ; không vậy thì Thần không gần-gũi mình, không chứng-dám phò-trợ cho mình. Người Nhựt vẫn lấy chỗ tập-tục thanh-khiết của Thần-đạo bắt buộc họ mỗi ngày mỗi giờ mỗi giây mỗi phút như thế là chỗ đặc-biệt tự-cao ; không như tục-lệ người Tàu đến khi sắp có cúng tế mới lo trai-giới mộc-dục (ăn chay, kiêng cử, tắm gội), bởi vậy là dấu tỏ ra bình-thường không thanh-khiết. Người Ấn-độ lúc làm lễ Phật phải xông hương ; đạo Gia-tô xúc dầu thơm trước khi tụng kinh làm lễ, đều là cách mượn vật che thân.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cái đặc-sắc của Thần-đạo, là một nền luân-lý đạo-đức, chứ không có những lễ-nghi phiền-phức như các đạo khác, mà chỉ cốt có một tấm lòng thành. Họ lấy lòng thành là nòng-cốt mực-thước của mọi đức-hạnh ; lấy đó mà thờ Thần, lấy đó mà ăn ở với người, tấm lòng lúc nào cũng như nước trong, như gương sáng.

Tấm lòng thành đó lúc gặp Nho-giáo Phật-giáo truyền tới, tức thời biết đón rước dung-hòa và lựa-lọc cái hay của người rồi để-gọt lại trở nên cái hay của mình ; tới sau có văn-hóa Thái-tây tràn sang, họ cũng tỉnh-ngộ ngay về chỗ hay dở, về sự cần-dùng mà tiếp lấy tức-thời, không chần-chờ do-dự đến đời-nguy-vong như ai.



Đàn bà Nhật đang viết cáo-bạch một cuộc diễn-thuyết nữ-quyền vận-động

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay Miễn Phí Online



Các bà Thượng-thư tới trường Nữ-công làm đồ ăn và tự nấu bếp để treo gương tề-gia nội-trợ

NHO-GIÁO. - Nho-giáo ở bên Tàu truyền qua nước Nhựt, vào khoảng Ứng-thần Thiên-hoàng - 應神天皇 - Oujin Tennou năm thứ 16, chiếu theo Tây-lịch, nhằm năm 285.

Ban đầu Nho-giáo sang Nhựt, xã-hội Nhựt chẳng hề bị xảy ra mấy may nhiều-loạn nào, không như lúc đầu của đạo Phật và đạo Gia-tô mới truyền-bá, lòng người ngờ-vực, mới cũ ganh nhau, đến đôi chỗ máu.

Tại sao ?

Tại đạo Nho dạy những thuyết phân nhiều phù-hạp với Thần-đạo và tập-tánh của người Nhựt.

Thiệt vậy, Thần-đạo dạy người ta phải hiếu-kính cha mẹ, thờ tưởng tổ-tiên, phải trọng lễ-ngĩa đạo-đức, phải trung-quân ái-quốc v.v... thì đạo Nho cũng vậy. Cho nên người Nhựt đón rước đạo Nho một cách vui-vẻ êm-ái, để tô-điểm thêm vẻ tốt đẹp cho nền văn-hóa của họ.

Nguyên là đời Ứng-thần Thiên-hoàng, có mấy vị sứ-thần của nước Bách-tế (tức Cao-ly bây giờ) qua Nhựt-bôn, đem theo ngũ kinh tứ thư dạy cho người Nhựt, đạo Nho truyền qua từ đó. Lần hồi nhà vua mở trường đại-học ở kinh-sư, và truyền lệnh mỗi nước chư-hầu lập một quốc-học, đặt ra những chức bác-sĩ, trợ-giáo để dạy Nho-học cho dân. Nhờ vậy mà sức truyền-bá của đạo Nho càng ngày càng thịnh.

Có một lúc Nho-học ở Nhựt đã suy-vi, nhưng đến đầu thế-kỷ 13 (kể theo Tây-lịch) nhờ có mấy ông thầy chùa đem học-thuyết Tống-nho truyền qua Nhựt, bấy giờ Nho-học ở Nhựt lại bắt đầu phồn-chấn. Nhờ họ Đức-xuyên lên làm tướng-quân, thống-nhất trong nước, là người trọng Nho, thành ra văn-học và Nho-giáo trở nên có thế-lực.

Ở bên Tàu, khoảng giữa đời nhà Tùy, nhà Đường, Phật-giáo thịnh-hành quá, gần muốn làm tiêu Nho-giáo. Sau nhờ Tống-nho cứu-vớt lại. Trong Tống-nho, lãnh tụ là Châu-tử (1130- 1200), khéo lấy tinh-thần của Phật giáo mà thay lông đổi cốt, xướng lên những thuyết lý-khí tâm-tánh, khiến cho Nho-giáo sắp nguy lại quật lên có thế-lực. Thuở Hán-đường, nhà nho hay câu-nệ với những câu nói của thánh-nhơn, thành ra Nho-học thiếu mất khí sống ; đến nhà nho đời Tống không vậy, cốt lấy tinh-thần mà giải-thích đạo Nho, nói rằng tác lòng của thánh-nhơn mình không cần phải dò kiếm ở mấy ngàn năm trước làm gì ; trái lại, chỉ nên dò kiếm ở ngay trong tim, trong óc mình là

thấy. Nhờ Tống-nho phát-minh cái thuyết tánh-lý như thế mà Nho-giáo lại có hoạt-khí, và Nhựt-bôn hoan-nghinh Tống-học là hoan-nghinh thứ Tống học đó.

Học phái Châu-tử đẻ ra ở Nhựt-bôn có nhiều tay đại-nho, có công to với nền giáo-dục trong nước.

Song cũng có phái Cổ học nổi lên, chê Tống-học xen lộn thuyết Phật vô, làm sai mất cái chơn-nghĩa của Khổng-tử đi, cho nên họ muốn tìm suốt đến nguồn Khổng-giáo, để giữ hệ-thống chánh-quyền. Phái này cũng nảy ra lắm bậc danh-nho bác học.

Rồi có học-phái Chiết-trung, nghĩa là ở giữa hai phái trên đây.

Đến lúc bên Tàu có *Vương-dương-Minh* - 王陽明 (1472-1528) xướng lên thuyết Lương-tri 良知 - Ryouchi, chính người Tàu không biết quý-chuộng hoan-nghinh, mà nhà nho ở Nhựt lại đón rước một cách vui mừng nô-nức. Đại-khái học-thuyết Dương-minh lấy lương-tri làm gốc, hễ lương-tri (tức là lương-tâm) của con người ta tìm-tòi suy xét một việc gì mà biết nó là hay, là phải, thì cứ việc mạnh-bạo thực-hành, không ngần-ngại gì cả. Chính là một học-thuyết chuộng sự thực-hành, đào luyện cho người ta giàu về tinh-thần thực-hành vậy.

Người hoan-nghinh học thuyết Dương-minh đầu hết ở Nhựt-bôn là *Trung-giang Đằng-thụ*, (中江藤樹- Nakae Touju) một bậc cự-phách trong Châu-tử học-phái. Đến lúc tuổi già ông ta mới biết học-thuyết Dương-minh là hay, tức-thời bỏ học-thuyết Châu-tử rồi ở Cận-giang 近江 dạy học-trò, hết sức xướng lên thuyết “Lương-tri”, nói rằng con người ta chỉ học suông thì vô vị lắm, học phải lo chính mình thực-hành mới là có ích, vậy thì chỉ duy có cái đức lương-tri là có thể biết rõ năng-tánh của mỗi người và có thể thấy rõ sự thực-tại của cõi đời.

Đằng-thụ nổi tiếng là Cận-giang thánh-nhơn 近江聖人 - Ooumi Seijin, lôi kéo được số khá đông sĩ-phu biết bỏ Châu-học là cái học chỉ chuộng lý-tưởng mà quay về Dương-minh-học là cái học ganh-đua thực-hành.

Lúc Nhựt-bôn rục-rịch khai-quốc duy-tân, đám chí-sĩ trong nước xôn-xao hoạt-động, muốn mưu ích-lợi cho quốc-gia mà rũ nhau ra sức hô-hào mở-mang văn-minh mới, trong đó nhà nho chiếm số rất nhiều. Nhà nho hào-kiệt

có tiếng lớn công to với cuộc duy-tân, như *Hoành-tĩnh Tiểu-nam* (横井小楠 - Yokoi Shonan) (1809-1869), *Tá-cửu-gian Tượng-son* (佐久間象山 - Sakuma Shouzan) (1811-1864), *Cát-diễn Tùng-âm* (吉田松陰 - Yoshida Shou-in), *Tây-hương Long-thạnh* (西郷 隆盛 - Saigo Takamori) (1826-1877) v.v.... đều là người của phái Dương-minh. Phái này tuy có số ít, nhưng đề ra được ảnh hưởng hào-khiet nhiều hơn. Trong khi phái nho Châu-học bo bo cố chấp và xướng lên những thuyết “tỏa quốc nhương di” (khóa các cửa biển lại, chống-cự người Tây-phương ra vô) thì phái nho Dương-minh biết sự mở cửa đón Tây, duy-tân tự-cường là sự cần-dùng cấp-bách. Vậy cho biết cùng là Nho-giáo mà biết lựa-chọn học-thuyết hay dở, nó quan-hệ đến cuộc mất còn suy thịnh của một quốc-gia dân-tộc lắm thay ! Thiệt, dân-tộc Nhựt-bôn biết đón rước văn-hóa học-thuật phương-Tây, không phải không nhờ có chỗ dưỡng-dục sẵn sàng từ trước ; chỗ đó Nho-giáo chiếm một phần rất lớn, như là Nho-giáo theo thuyết Dương-minh.

Ta lại nên nhìn biết trong khoảng một ngàn mấy trăm năm, Nhựt theo Nho-giáo, là chỉ ham-chuộng nghiên-cứu những cái tinh-ba triết-lý của Khổng-tử, chứ không rước lấy những căn-bã là hư-văn khoa-cử của bọn nho Đường Tống bày ra. Đã vậy mà họ lại biết nhon Hán-tự để chế-tạo ra một thứ văn-tự riêng của mình, không chịu làm nô-lệ Nho-học Hán-văn một cách tuyệt-đối như các đệ-tử khác. Đó là hai cái đặc-sắc học Nho của họ, mà chính hai cái đặc-sắc ấy dự phần công-lao rất lớn vô cuộc duy-tân vậy.

Đến đời duy-tân trở đi, Nho-giáo bị học-thuật Tây-phương lật đổ, làm cho tiêu mòn, nhưng đó chẳng qua chỉ là hình thể Nho-giáo mất đi mà thôi, chứ tinh-thần Nho-giáo thì người Nhựt họ còn giữ mãi trong tâm-não và sự giáo-dục của họ, lấy cái tinh-thần ấy để bù-chế vào chỗ thái-quá của văn-minh vật-chất Tây-phương. Và lại, Nho-giáo là một dấu-tích văn-minh cổ-thời của Đông-phương, và chính Nhựt-bôn có chịu ảnh-hưởng sâu xa, thành ra không khi nào họ bỏ tinh-thần Nho-giáo. Ta xem trong chương-trình đại-học của Nhựt-bôn, vẫn có một khoa Nho-học Hán-văn, và trong xã-hội vẫn có những tay học-vấn chuyên-môn nghiên-cứu và tuyên-truyền những triết-lý của Khổng-tử ; mỗi năm ở văn-miếu thờ Khổng-tử vẫn giữ lễ tế-tự long-trọng như thường. Họ ra sức chủ-trương và dẫn nhiều chứng-cớ bày tỏ ra rằng Nho-giáo có lắm chỗ đi đôi với khoa-học đời nay, mà không chống-chối nhau gì hết.

*

PHẬT-GIÁO. - Phật-giáo truyền sang Nhật-bôn vào khoảng thế-kỷ thứ 6 của Tây-lịch, tự Cao-ly truyền của Trung-quốc rồi đem qua Nhật.

Các tôn-giáo khởi lên ở Ấn-độ, đại-khái đều gốc ở quan-niệm quốc-gia và nhơn-dân ; duy có Phật-giáo là một tôn-giáo rộng cả thế-giới, tự phát lên một vẻ mới lạ tốt đẹp, thành ra nó dễ tràn-lan truyền-bá ra đến nửa phần thiên-hạ.

Phật-giáo truyền-bá ra hai ngả khác nhau. Một là phái Tiểu-thừa 小乘 hay *Hinayana*, người ta cũng gọi là Nam-tôn 南宗, thanh-hành ở các xứ Tích-lan và Miến-điện. Một là phái đại-thừa 大乘 hay *Mahâyana*, người ta cũng gọi là Bắc-tôn 北宗, thanh-hành ở nước Tàu và Trung-bộ châu Á. Đại-khái hai phái hơi khác nhau về chỗ tin-tưởng niết-bàn (nirvāna) ; Nam-tôn chủ-trương rằng người ta có thể tới niết-bàn do nơi công-phu tu-luyện và ý-chí tự-do của mình ; nhưng Bắc-tôn chủ-trương phải nhờ có sức thiêng-liêng cứu-độ giải-thoát nhiều hơn là nhờ ý-chí tự-do.

Chính Phật-giáo Đại-thừa đó Cao-ly đem sang Nhật-bôn hồi thế-kỷ thứ 6. Lúc mới truyền qua, Phật-giáo bị Thần-đạo chống-chối công-kích dữ lắm. Nhưng sau những nhà truyền Phật-giáo khéo thay-đổi một chút cho thích-hiệp và không động chạm tới lòng tín-ngưỡng Thần-đạo của người Nhật, bấy giờ Phật-giáo mới thanh-hành truyền-bá ở dân-gian Nhật-bôn.

Nhứt là từ thế-kỷ thứ 9 trở đi, Phật-giáo có ảnh-hưởng sâu-xa đến văn-hóa Nhật-bôn đủ các phương-diện. Tư-tưởng triết-lý, chánh-trị, giáo-dục, mỹ-thuật, công-nghệ, kiến-trúc, công cuộc xã-hội từ-thiện v.v... nhờ sức cảm-hóa và sức thâm-thập của Phật-giáo mà mở mang tấn-tới lạ thường. Cho đến văn-học thi-ca cũng vậy. Thứ chữ riêng của Nhật-bôn gọi là “Phiến-giả, 片假 - ??”, gồm có 50 âm, lấy gốc ở văn-pháp của chữ Phạn ; còn chữ mới là “Bình-giả 平假 - ??”, sự sắp đặt có ngụ giáo-lý của Phật-giáo mà làm thành ra ca-dao, tục-ngữ, kịch-bản, thi-văn. Tóm lại, gọi là tinh-túy của cổ-văn-học Nhật-bôn đều nhờ đạo Phật cảm-hóa mà ra.

Từ thế-kỷ thứ 9 cho tới trước ngày duy-tân 1868, Phật-giáo rất có thế-lực, hầu như quốc-giáo của Nhật-bôn ; rồi sau đó Phật-giáo mới tách riêng quốc-gia và trở nên một Tôn-giáo tự-do quan-hệ nhứt ở xã-hội Nhật-bôn đến nay.

Phật-giáo ngay từ khi mới vô nước Nhật trở đi, đã chia ra nhiều tôn-phái, nhưng tôn-phái nào cũng đóng góp vô cuộc xây-dựng văn-hóa tốt đẹp rất nhiều, và không nhiệm phải những cái lưu-độc của bọn háo-sự bày đặt ra như

các nơi khác. Cũng như đón rước Nho-giáo, người Nhật đón rước Phật-giáo cũng chỉ cầu lấy cái chơn tinh-thần làm gốc, chính cái chơn tinh-thần đó phát-huy ra văn-hóa rực-rỡ cho họ. Văn-học bác-sĩ *Cao-nam Thuận-thứ-lang* (高楠順次郎 - Takakusu Junjiro) đã nói không sai :

- “Phật-giáo qua Nhật không bao lâu mà phổ-biến cả trên dưới, ai nấy đều hâm-mộ quy-hướng. “Chẳng những Phật giáo cảm-hóa đạo-đức người Nhật mà thôi, lại có vang bóng rất sâu xa tới “mọi việc chánh-trị, giáo-dục, văn-học, công-nghệ, mỹ-thuật. Tóm lại, nền văn-hóa xưa của “nước Nhật, do Phật-giáo vun-đắp mở-mang cho phần nhiều.

“Có một điều nên nói cho rõ, Phật-giáo ở các nước trên đại-lục kia, người ta đều quên sót cái “tinh-thần khởi-nguyên của nó, chỉ vồ-vập lấy những nột-độc mỗi tề là nhiều. Duy có Nhật-bồn “có cái tánh riêng, đối với văn-vật xứ ngoài truyền vào, biết lựa chọn tinh-hoa, thải bỏ cặn-bã, “rồi nhồi nắn lại, cho vừa hiệp với quốc-tình của mình. Thì tinh-thần của Phật, gặp được sự lựa “chọn nhồi nắn đó, mà nảy được chơn-tướng ra. Cho nên Phật-giáo của Nhật không phải là “Phật-giáo của Ấn-độ, cũng không như Phật-giáo của các nước Chi-na, Miến-điện, Xiêm-la, “Việt-nam. Các xứ này đều trùng độc, duy có Nhật là giữ được tinh-thần khởi-nguyên của Phật “mà thôi”.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TÓM LẠI ẢNH-HƯỞNG CỦA BA ĐẠO THẦN, NHO, PHẬT. - Tới đây tưởng độc-giả đã thấy rõ rằng : tư-tưởng, luân-lý, phong-tục, tánh-tình, chánh-trị, học-thuật, mỹ-nghệ, nhứt thiết những cái hiệp lại thành ra một nền văn-hóa riêng của Nhật-bồn sẵn có từ xưa, đều lấy ở trong nguồn ba đạo lớn là Thần-đạo và Nho-giáo, Phật-giáo mà ra.

Về văn-học, kho sách xưa của Nhật chứa đầy những sách có giá-trị của các bậc danh-nho, cao-tăng viết ra, đủ các môn loại : triết-lý, tôn-giáo, kịch-bản, thi-ca, sử-ký v.v. Có ông soạn tới sáu bảy chục bộ sách. Đời xưa, họ đã thanh-hành in sách truyền-bá khắp trong dân-gian, chớ không phải viết sách ra để dành làm riêng của mỗi nhà.

Về mỹ-thuật, kiến-trúc, hội-họa và điêu-khắc, những tay thợ khéo đời xưa lưu lại thiếu gì kiể nhà đẹp, thiếu gì bức tranh vẽ tuyệt-bút, thiếu gì đồ chạm trổ thù dẹt có công-phu tinh-tế lạ lùng. Nhà mỹ-thuật Tây-phương ngó thấy cũng phải thán-phục.

Những vẻ đặc-biệt về sự sống vật-chất và sự sống tinh-thần, như thanh-khiết, giản-dị, lễ-phép, tình quyến-luyến gia-đình, yêu-mến quốc-gia nồng nàn cực độ, và cái thiên-tánh ưa cảnh tự-nhiên, cũng là chịu ảnh-hưởng 3 đạo Thần, Nho, Phật.

Tập-tục vệ-sanh sạch-sẽ của Nhựt-bồn, thiết không phải là thứ nhập-cảng từ Âu-châu, cũng không phải ở bên Tàu truyền qua ; nó là tập-tục sẵn có tự-nhiên ở dân-tộc Nhựt-bồn, do nơi Thần-đạo bắt buộc mỗi người tin Thần kính Thần phải giữ thân-thể và tâm-não trong sạch luôn luôn, thì Thần mới phò-hộ, chứng-giám.

Tánh ăn ở giản-dị, có phần tại lễ kinh-tế, vì Nhựt vốn xứ nghèo, có phần tại vẻ mỹ-quan của người Nhựt rất ghét thói xa-hoa, chỉ chuộng sự đẹp thanh-tao, đơn-giản, nhứt là vì đạo Thần và đạo Nho đều dạy người ta phải quý-trọng giữ-gìn những sự-sản của ông bà đã khó-nhọc gây dựng lên mà lưu lại cho mình ; mình không có quyền được hoang-phí sự-sản ấy đi một cách ích-kỷ.

Nói gì sự lễ-phép của người Nhựt khắp thiên-hạ đều biết. Còn tinh-thần ái-quốc của họ thôi thì tuyệt-phẩm. Chính vì tấm lòng ái-quốc nồng-nàn, người Nhựt buộc mình cái nghĩa-vụ phải đóng góp tâm-lực vô công-cuộc duy-tân nước mình để cho nước cũng hưng-cường như Âu Mỹ. Ai được chứng-kiến trận Nhựt Nga chiến-tranh đủ ghê-tướng-sĩ Nhựt yêu nước đến đổi khinh sống liều chết ra thế nào. Sau hết, đến tấm lòng tự phụ nước non mình là Thần-quốc và yêu mến phong-cảnh thiên-nhiên một cách thâm-thiết, làm cho tâm-não người Nhựt cao-thượng, đối với sự sống có vẻ hơn hờ tươi cười hiện ra trên nét mặt luôn luôn. Ông giáo sư Lafcadio Hearn đã nói cái nụ cười của người Nhựt là một sức mạnh lạ-lùng, thiêng-liêng. Thiết vậy, nụ cười như hoa nở tối ngày trên môi ; vui sướng mà cười đã đành, lúc rầu buồn giận-dữ, lúc cầm dao tự mổ bụng mình mà nụ cười vẫn tươi vẫn có mới kỳ.

Thế là Nhựt-bồn sẵn có một nền văn-hóa, sẵn có những cốt-cách văn-hóa lâu đời rồi, không phải mù-mờ hèn-thấp gì ; đến lúc tư-tưởng học-thuật Thái-tây sang Đông, họ thấy cần-dùng thì tự-nhiên đón rước và cũng dung-hóa như xưa kia đã đón rước dung-hóa đạo Nho đạo Phật vậy. Hèn chi họ nói : “Đứa con văn-minh, chúng tôi đã chứa sẵn nó trong thai, Âu-châu các ông tới chỉ như cô mụ đỡ dùm cho nó ra đời, chớ không phải bỏn-lai chúng tôi tới-tăm ngu-dại, rồi nhờ có văn-hóa các ông thì chúng tôi mới có văn-hóa đâu”.

*

ÂU-HÓA CỦA NHỰT-BỔN. - Nhựt-bổn bồng chốc sửa-sang thay-đổi mọi việc, mới theo phương-Tây, tự mắt người ngoài dòm vào cho là sự lạ lùng, còn chính họ là người trong cuộc, chỉ cho là sự tự-nhiên. Nguyên lai dân-tộc họ từ xưa vẫn có tánh hăm-hở mạnh-bạo bắt chước những cái hay của người ta rồi khéo dung-hòa uốn-nắn cho hiệp với chỗ cần-dùng của mình, thành ra lúc trước ngó thấy Nho-giáo, Phật-giáo có chỗ hay, họ vội vàng đón rước cũng như bây giờ ngó thấy văn-minh Âu-châu hay, tự-nhiên họ cũng vội vàng đón rước, không lạ gì.

Có điều ta nên nhìn biết rằng thuở xưa dân-tộc Nhựt-bổn ở dưới chế độ phong-kiến, có bị áp-chế là áp-chế về hình-thức bề ngoài thôi, chứ về tư-tưởng học-thuật, dân họ vẫn tự do dòm-mài lượm-lặt theo ý họ muốn, nhà cầm-quyền muốn ngăn-cấm cũng chẳng ngăn-cấm được. Thì đời Mạc-phủ Đức-xuyên, đăng-đăng 300 khóa cửa tuyệt giao với người ngoài, nhứt là với giáo-sĩ Tây-phương, tức là đời Đông là Đông, Tây là Tây chưa gặp nhau mấy, lại nghiêm-cấm nhơn-dân cầu học ngoại-nhơn, thế mà cũng có những người Nhựt, hoặc lén bỏ nhà vượt biển ra ngoài mà dò xét sự tình thiên hạ, hoặc lò-mò tới Trạng-kỳ học-hỏi nơi mấy người Hòa-lan mua bán tại đó mà biết chữ Hòa-lan, biết những thuật chữa bệnh, đúc súng, trị quân, xây thành của Âu-châu. Thử xem giữa lúc nhà-nước cấm học Âu-học mà Nhựt-bổn còn cầu-kỳ hào-dị như thế, có lạ gì đến lúc chính nhà-nước cần dùng đổi-thay lối mới, nhơn-sĩ họ chẳng ùn-ùn đổ theo Âu-hóa, phát khởi-chống mà thành-hiệu mau !

Cũng đem cái tinh-thần khéo biết chọn-lựa dung-hóa là tinh-thần sẵn có từ xưa, họ đón-rước chọn-lựa Âu-hóa : nước nào ở Tây-phương có món sở-trường thì họ lọc lấy món sở-trường ấy, mà tẩy đi món nào xem ra là sở-đoản và không lợi cho quốc-tình, không hiệp cho gia-dung của họ, chứ không phải vừa cần quơ bưng hết thảy. Ví dụ lục-quân hóa theo Đức, tư-tưởng dân-quyền tự-do hóa theo Pháp, hải-quân và chế-độ lập-hiến hóa theo Anh, công-nghệ kiến-trúc hóa theo Mỹ. Nhiều môn khác, họ trộn chung những cái hay của người ta, rồi lọc ra lấy một cái hay nào hơn hết để mà theo. Họ Âu-hóa những triết-học, chánh-trị, pháp-luật, giáo-dục, cơ-khí v.v... theo kiểu lọc bột vậy đó.

Cuối thế-kỷ trước, Nhựt-bổn bắt đầu Âu-hóa, nhiều người Âu-châu nghe tiếng hay là ngó thấy, đều ra đáng kiêu ngạo, nhăn mặt phì cười. Có phái cho

Nhật-bồn là thứ người Đông-phương lạc-hậu, - số phận đầy vầy - muốn ti-toe Âu-hóa sao cho nên thân. Một nhà ngoại-giao, tên gì tôi quên, đã nói : “Nhật-bồn kim thời là một bồn-dịch-sát. Le Japon moderne, c’est une traduction mal faite”. Ngay danh-sĩ Pierre Loti chớ phải ai không mất tinh đời, cũng nói Nhật-bồn Âu-hóa như một tuồng hát-khỉ của mấy chú khách Sơn-đông ! Có một phái khác thì tưởng Nhật-bồn Âu-hóa một cách tuyệt-đối đến làm tiêu hết dấu-tích Nhật-bồn cổ thời.

Cả hai phái đều tưởng sai sự thật.

Phái trên đợi đến kết-quả Nhật Nga chiến-tranh, tự biết mình bậy rồi : Nhật họ Âu-hóa nên thân, chớ không phải là tuồng hát-khỉ.

Còn phái dưới chỉ ngó bề ngoài mà nói, tới chừng dòm xa vô bề trong một chút, họ phải thấy sự thật hiển-nhiên này : Những cái mà cậu Nhật kim-thời muốn bảo tồn dấu-tích nước Nhật xưa, còn nhiều hơn là những cái mà cậu đã mượn và muốn mượn của Âu-châu đời nay.

Thiệt vậy, cũng như ngày họ Nho-hóa, Phật-hóa, ngày nay Nhật-bồn không Âu-hóa nhứt-thiệt đâu.

Họ vẫn giữ cái cốt-cách xưa của họ về sự sống vật-chất, như nhà cửa, vật-dụng, ẩm-thực, y-phục ; cả cái cốt-cách xưa về sự sống tâm-linh, như phong-tục, các thói quen, các cuộc giải-trí v.v... Cho đến nghệ-thuật xưa, luân-lý xưa, tôn-giáo xưa, họ vẫn bảo-thủ y-nguyên mặc dầu Âu-hóa.

Họ không trọn vẹn bắt chước văn-minh Âu-châu cho tới nhứt-thiệt cái gì ngộ-nghĩnh hơn hết, đặc-biệt hơn hết, thâm-thúy hơn hết. Không, không mặc dầu phải Âu-hóa còn nhiều, người Nhật vẫn so-sánh phán-đoán mình Âu-châu thô-lỗ, không được sâu-sắc lý-thú bằng cổ văn-minh của họ.

Thế mà họ vẫn phải Âu-hóa, là vì sự cần-dùng bắt buộc, thời-thế bắt buộc, tâm lòng độc-lập tự-tôn của họ bắt buộc.

Coi mấy chương ở trên đầu sách, độc-giả đã biết Nhật-bồn khóa cửa tuyệt giao từ thế-kỷ 17, đến giữa thế-kỷ 19, người Tây-phương đem sức mạnh tới hăm-dọa, biểu họ phải mở cửa ra trước mặt của sức mạnh, Nhật-bồn phải tuân-lệnh. Bấy giờ cả nước rung-động như sấm vang núi chuyển ; họ biết rằng sống bằng lý-tưởng thanh-cao không đủ, sức mạnh tuy họ gớm ghiếc, nhưng mà cần dùng. Nước họ tuy có trình-độ tinh-thần, nghệ-thuật và tôn-giáo khá

cao, nhưng không thể ỷ-thị có bấy nhiêu đó mà sống đối với đời này ; nếu họ không làm sao cũng có sức mạnh về quân-sự, về kinh-tế, về cơ-khí, về công-nghệ như người ta, thì bề nào cũng bị ngoại-nhơn mạnh hơn kéo tới lấy họ làm mồi để trên dao thót ; họ sẽ đứng vào hàng nô-nhan thuộc-địa của Âu-châu.

Sự sống và cách sống của họ xưa nay họ quý-chuộng mền-yêu lắm, không thể nào rời bỏ ; họ đoán biết thân mình nếu rủi để cho ngoại-nhơn tới nước họ làm chủ, họ sẽ buộc mình đổi thay mất sự sống và cách sống riêng đó, cho tới tánh-tình, phong-tục của tổ-tiên để lại cho, cũng không sao giữ nguyên vẹn được đâu. Huống chi non-nước của Thần, dòng dõi của Thần, lẽ nào để ai xa lạ đâu tới nuốt sống và nhận chìm xuống cho đành. Vậy thì, cho được giữ nguyên văn-hóa tổ-truyền, họ muốn họ vẫn tự-do độc-lập, cho được tự-do độc-lập, họ muốn trở nên hùng-cường, cho được trở nên hùng-cường, họ phải bắt chước phỏng theo ít nhiều món của cái văn-minh Âu-châu kia đã lấy sức mạnh mà ăn đại vô nhà họ.

Những chế-độ học-thuật gì của Âu-châu mà họ xem ra Âu-châu được hùng-cường độc-lập bởi đó thì họ bắt chước phỏng theo có bấy nhiêu thôi. Ngoài ra, chính họ cũng sẵn có những món không kém thua ai, còn hay hơn nữa không chừng.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ta nên hiểu cái chủ-nghĩa, cái thâm-tâm của Nhứt-bồn Âu-hóa là thế.

Trước hết, họ mượn của Âu-châu những cơ-quan mới lạ, cần dùng cho việc hộ-vệ non-nước, là lục-quân và hải-quân. Cho được giao-thiệp bằng vai ngang bực với các nước Âu Mỹ và chỉ tỏ ra họ cũng là một quốc-gia văn-minh tân-thời, họ bèn Âu-hóa những chế-độ chánh-trị và pháp-luật. Cho được làm nên công-cuộc duy-tân lớn lao, về xã-hội, về quân-sự, về kinh-tế, tất nhiên phải cần nhiều tiền, họ bèn vay mượn tiền bạc của các nước Tây-phương để dựng lên đại-thương-mãi và đại-công-nghệ theo Âu-hóa. Cho được Âu-hóa các chế-độ cơ-quan trong nước, Âu-hóa cả thương-mãi, công-nghệ, quân-sự ; cho được tự mình đào-luyện ra cho mình có những tướng, những quân, những quan tòa, những thầy thuốc, những kỹ-sư, mỗi mỗi như Âu-châu, Nhứt-bồn mở mang sắp-đặt một khuôn-khổ giáo-dục mới, một phần dựa vào khoa-học Âu-châu làm gốc.

Hết thấy những sự bắt chước đó đều phát-động ra bởi cái ý-chí can-cường của người Nhứt muốn trở nên mạnh để vẫn được tự-do, vẫn được tự-do để

giữ lấy lối sanh-hoạt riêng, tư-tưởng riêng của mình từ xưa. Thì ra Nhật-bồn chỉ Âu-hóa để đương đầu với Âu Mỹ cho dễ và dễ vẫn là Nhật-bồn cho dễ đó thôi.

Bởi vậy, phần nhiều cái họ Âu-hóa chỉ như bao-phủ lơ thơ một lớp bề ngoài ; lắm người Âu Mỹ thật thà không biết, tưởng đâu là Nhật họ Âu-hóa không nên thân, Âu-hóa như hát khi ; chứ kỳ-thiệt họ chủ-tâm Âu-hóa một cách có chừng vậy đó. Đến nay cũng thế, Âu-hóa trải 70 năm dư, mà nước Nhật kim-thời vẫn ở bên cạnh với cổ Nhật-bồn hơn là với kim Âu-châu (En tout cas, aujourd'hui encore, le Japon moderne reste plus voisin du vieux Japon que de la moderne Europe. - FÉLICIEN CHALLAYE).

Có lẽ không một người Tây-phương nào cho bằng ông giáo-sư Lafcadio Hearn thấy rõ tới những lần xếp ở trong trái tim khối óc của dân-tộc Nhật-bồn, là vì - như trên kia đã nói - ông ta sống làm giáo-sư ở Nhật tới 40 năm, lại vô dân-tịch Nhật, lấy tên Nhật là *Koidzumi Yamuko*. Chính ông đã lấy những sự kinh-nghiệm và kiến-văn tân gốc của mình mà nói : “Âu-hóa mặc lòng, Nhật-bồn vẫn là Đông-phương như ngàn năm trước”.

MỘT NGƯỜI BẢO-THỦ. - Muốn hình-dung ra cái hiện-tượng “hóa Tây giữ Đông” của dân-tộc Nhật-bồn. Ông giáo-sư Lafcadio Hearn chép truyện một chàng thanh-niên con nhà Thần-đạo võ-sĩ của Nhật ở giữa thế-kỷ 19, mà ông đặt tên là “Một người bảo-thủ”.

Thuở nhỏ, anh này cũng phải chịu sự giáo-dục nghiêm-khắc như con nhà võ-sĩ khác. Người ta rèn-tập ảnh phải chịu đói chịu lạnh cho quen. Người ta dạy dỗ ảnh cái đạo lập-thân xử-thế, bất cứ gặp cảnh-ngộ nào cũng phải ung-dung trấn-tĩnh, coi thường sự đau-đớn khổ-sở, xem khinh sự chết và đừng thêm sợ hãi gì hết. Bởi vậy, có bữa - cách giáo-dục lạ thay ! - người ta dẫn ảnh đi xem một vụ xử trảm, căn dặn khi ngó thấy gươm chém đầu rơi, không được rùng mình biến sắc chút nào. Trở về, ảnh phải ăn một chén cơm chan canh đỏ tươi như sắc máu. Đến đêm, người ta sai ảnh ra chỗ xử trảm ban ngày mà tìm cái đầu rụng đó đem về. Cả ngày, anh chàng hết giờ luyện tập võ-ngệ, thì tới giờ nghiên-cứu Hán-văn, Nho-học và những triết-lý của Thần-đạo của Phật-giáo. Không bao lâu, anh chàng trở nên một người võ-dũng, lễ-độ, liêm-khiết, hân-hở đem tấm-thân của mình cống-hiến cho nước, cho vua, cho đồng-bào, cho danh-dự.

Lúc này có đoàn tàu chiến của ngoại-quốc ra vô pháp-phối ở cửa biển Hoàn-tân, Giang-hộ, hăm dọa bắt buộc Nhựt-bồn phải mở cửa thông-thương. Chàng thiếu-niên võ-sĩ ta thấy tổ-quốc bị khinh-khi như thế, thì khí phẫn-uất nổi lên đùng đùng. Nhưng không biết làm sao nhận chìm cả đoàn tàu của kẻ nghịch đi, tối ngày chàng khấn vái Thần Phật lấy phép linh xô đẩy ra khỏi bờ biển Phò-tang hay là dùng cách nào đánh chìm nó xuống đáy biển hết thảy. Cả dân-tộc cũng đều một lời khấn vái như chàng vậy. Song đoàn tàu vẫn trơ trơ bất động ; Thần Phật làm ngơ. Liền đó, Mạc-phủ tới. Trào-đình, tự thú mình vô-lực để chống lại sức mạnh của người Tây-dương, bèn hạ lệnh cho nhơn-dân phải mau mau học lấy ngôn-ngữ và học-thuật Âu-châu. Vì sự sanh-tồn của quốc-gia quan-hệ ở đó ; nếu không duy-tân cải-cách sớm lẹ, thì nguy cho nền độc-lập của dân-tộc quốc-gia.

Chàng thanh-niên võ-sĩ ta liền đi học tiếng Anh ở một hải-cảng bị buộc mở ra giao-thông lúc bấy giờ ; chàng háo-kỳ, nên chăm-chỉ nghiên-cứu dò hỏi cả những sự-tình của các nước Tây-phương. May sao gặp được một vị giáo-sĩ Thiên-chúa thấy chàng là người chí-sĩ, bèn đem lòng thương, dạy chàng học Thánh-kinh. Chàng tự suy-nghĩ trong trí, có lẽ tại người Âu-châu có một nền luân-lý rất cao, cho nên họ mới hùng-cường quái lạ như thế kia chẳng. Vì tâm lòng ái quốc sai khiến, chàng trở nên tin đồ Gia-tô và vẫn cặm-cui nghiên-cứu những học-thuật Âu-tây.

Lần hồi, chàng tự tỉnh-ngộ và tin quyết rằng tinh-thần khoa-học chống chọi với đạo-lý Gia-tô, và chống-chọi với cả những tôn-giáo tổ-truyền Nhựt-bồn nữa. Bảo rằng có một ông Thượng-đế chủ-tể vũ-trụ và linh-hồn của mỗi người tràng-sanh bất-diệt, thì làm sao mà tin cho được. Chàng nghĩ trong trời đất không có cái tính thiêng-liêng nào hơn là cái tính người đối với người thì mới phải. Rồi đó chàng thôi không tín-ngưỡng đạo Gia-tô nữa. Bây giờ, muốn phán-đoán Âu-châu cho đúng, chàng quyết đi du-lịch quan-sát Âu-châu một phen.

Chàng qua ở quanh các nước Âu-châu rất lâu năm, tự mưu lấy sự sống của mình, cho nên hết làm việc bằng tay thì làm việc bằng não, cốt để kinh-nghiệm cho nhiều, và mắt ngó thấy mỗi sự vật gì, chàng cũng chịu khó tìm xét suy nghĩ đến nơi.

Thử hỏi sau cuộc du-lịch quan-sát đó, chàng thanh-niên võ-sĩ có cảm-giác và phán-đoán ra thế nào ?

Té ra trước cặp mắt chàng xem xét, thì văn-minh Âu-châu có mở-mang thông-minh của con người ta một cách đáng sợ thiệt, nhưng nó vẫn thiếu giá-trị về tinh-thần. Cái chỉ tỏ ra đặc sắc của Âu Mỹ, chỉ là sức mạnh vật-chất của họ tràn lan mở rộng ra một cách dữ-dần, do nơi một công cuộc cạnh tranh nhau gớm-ghiếc mà ra. Sự sống là một đám vật lộn tranh ăn giữa đàn beo sói. Kẻ mạnh và kẻ khôn-lanh làm cho thế-giới thành ra địa ngục cho những kẻ hèn-yếu. Thói xa-hoa hoang-phí vô độ của một bọn người bắt cả phần đông phải làm tội mọi mà không biết thương-hại một chút nào. Còn biết bao nhiêu con người ta khổ-não tới nước những sự cần dùng thiết thân cho họ mà họ không có. Chỉ vì tánh dâm-lạc trong một vài giờ, mà thói kiêu-căng của bọn giàu có nhai nuốt mất cả công-lao nhọc-nhần hàng mấy chục năm. Rồi chàng nghĩ bụng : “Bọn ăn thịt người ở đời văn-minh còn độc dữ bằng mấy bọn ăn thịt người ở chốn rừng rú, là vì chúng đòi thịt mãi, không biết bao nhiêu cho vừa !”

Mà hễ xã-hội càng lớn lên chừng nào, thì vực thẳm hang sâu đau-đớn khổ-sở của xã-hội đặt mình lên trên đó càng thêm sâu thẳm chừng nấy. Người Âu-châu chỉ biết tôn-trọng có sức mạnh mà thôi, coi sức mạnh như thần thánh ; rõ ràng họ thờ-phượng những vị thần bao-ngược đời xưa là Odin và Thor, mà đổi tên khác đi đó thôi. Cái thế-giới đó không còn có đức tin gì hết.

Rồi thì anh Nhựt-bồn này cả quyết xuống tàu trở về tổ-quốc đứng lên hô-hào đồng-bào diu-dắt quần-chúng. Chương-trình hành-động của anh ta rất là đơn-giản :

- “Anh em chúng ta chỉ nên mượn của Âu-châu những cái gì cần dùng cho sự hộ-vệ tổ-quốc ta “mà thôi, còn thì ta vẫn phải giữ những cái tinh-hoa của văn-minh nước Nhựt cổ mới được”.

Câu chuyện tóm tắt đại-khái trên đây, thật khéo tả rõ ra cái chủ não Âu-hóa của dân-tộc Nhựt-bồn ; nó không phải là tư-tưởng cố-chấp của một người đâu, chính là tấm gương chiếu rọi chung cả tinh-thần dân Nhựt vậy.

Quả thiệt, Nhựt-bồn họ chỉ cốt Âu-hóa để cho dễ chống-chối với Âu-châu và cho dễ còn y là người Nhựt đó thôi.

XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA. - Trong thời-đại duy-tân, văn-hóa Thái-tây vang dội đến cuộc sanh-hoạt chánh-trị và xã-hội Nhựt-bồn, có hai cái sức mới, thế-lực rộng lớn : Xã-hội chủ-nghĩa và Phụ-nữ vận-động.

Xã-hội chủ-nghĩa truyền vô nước Nhật vào khoảng 1890, nghĩa là sau lúc thực-hành duy-tân mới được 22 năm.

Những tín-đồ xã-hội chủ-nghĩa trước hết ở nước Nhật chính là những người Nhật tín-đồ Thiên-chúa. Lúc nào nước họ luôn mấy trăm năm ngò vực cấm tuyệt đạo Thiên-chúa, tới chừng khai-quốc duy-tân, họ lại lợi-dụng ngay đạo Thiên-chúa và các ông cố đạo làm xe chở học-thuyết nọ chế-độ kia của Âu Mỹ đem qua cho họ.

Katamaya, nhà viết báo, *Kinoshita*, nhà văn-học, *Abe*, cựu giáo-sĩ và giáo-sư, đều là người truyền-bá xã-hội chủ-nghĩa đầu hết. Nhưng họ là người xã-hội chủ-nghĩa ôn-hòa, chịu ảnh-hưởng Tolstoi.

Có nhiều người khác tư-tưởng mạnh bạo hơn, như *Sakai*, chủ-trương phổ-thông đầu phiếu và *Kotoku*, cộng-sản, chủ-trương lấy tổng bãi-công làm khí-giới để đối phó với tư-bổn.

Các nhà xã-hội chủ-nghĩa Nhật-bổn hoạt-động cũng hăng-hái : nào là dịch những sách của Marx, Engels và Kropotkine, nào là mở ra những báo-chí làm cơ-quan truyền-bá chủ-nghĩa xã-hội, nào là tổ-chức ra các cuộc mít-tinh, nào là xướng-khởi nhiều vụ bãi công. Kể tới tháng chạp năm 1904, xã-hội chủ-nghĩa mới hoạt động có 14 năm, mà họ bán được 15.000 cuốn sách dịch của Âu-châu, 200.000 tờ báo, 39.000 tập sách cổ-động, 120 cuộc đại-hội và lập ra nhiều chi-bộ ở trong 11 nơi có thợ khai mỏ và xưởng công-nghệ lớn lao.



Ban đầu chánh-phủ còn dung dưỡng, nhưng sau thấy chủ-nghĩa xã-hội có cái phong-trào vận-động cộng-hòa, tức là có ý-nghĩa phản-đối, cách-mạng, xâm

phạm bất-kính với quyền tuyệt-đối của đức Thiên-hoàng. Bấy giờ chánh-phủ mới ra tay trừng-trị : tịch thu, hủy đốt những sách của Marx ; các báo xã-hội hời nói quá một chút đều bị phạt vạ rất nặng, các ông thợ bút chủ-nhiệm thường bị kêu án tù năm mười năm, còn nhà in thì bị tịch-biên mất.

Sức đè xuống càng nặng, thì sức bùng lên càng nhiều. Năm 1910, vợ chồng *Kotoku* và mấy chục bạn đồng-chí xã-hội chủ-nghĩa rủ nhau sắp đặt ám-sát Minh-trị Thiên-hoàng và khởi loạn. Nhưng cơ-mưu bị bại-lộ ; họ đều bị bắt. Ngày 24 janvier 1911, hai vợ chồng *Kotoku* và mười người nữa bị xử tử.

Dẫu bị trừng-trị cấm ngăn mặc lòng, đảng-viên xã-hội Nhựt-bổn vẫn hoạt-động, vẫn tuyên-truyền, nhứt là trong đám thợ-thuyền, cho tới thanh-niên học-sanh và hạng trí-thức vô-sản cũng quy hướng chủ-nghĩa xã-hội rất nhiều.

Bắt đầu từ năm 1807, thợ mỏ ở Trường-kỳ bỏ việc, nắm đầu ông chủ và hai người lính cảnh-sát mà đánh gằn chết, từ đó trở đi thợ thuyền Nhựt-bổn, chịu ảnh-hưởng xã-hội chủ-nghĩa, có tổ-chức thành ra liên-đoàn hẩn-hội và tổ-chức ra những cuộc đình-công luôn luôn. Thợ-thuyền đàn bà cũng vậy.

Tinh-thần cách-mạng càng ngày càng bùng nổ.

Bởi vậy các nhà cầm-quyền ở Nhựt-bổn vẫn lo sợ phong-trào cộng-sản tràn lan qua nước mình. Họ phải chiếm-cứ Mãn-châu và tỉnh xâm-đoạt cả Nội, Ngoại Mông-cổ nữa, là cốt đóng đường chặn ngõ cộng-sản qua nước Nhựt đó.

Nhiều người Âu-châu xem xét tình-trạng Nhựt-bổn rồi nói trước rằng rồi đây thế nào cũng thực-hành một chế-độ cộng-sản mới, chế-độ cộng-sản Thiên-hoàng làm chủ, để cho được điều-hòa tâm lòng người ta trung-thành với cuộc dĩ-vãng và tâm lòng hâm-mộ những sự mới lạ đời nay.

Kỳ thiệt, dân Nhựt chỉ mượn chủ-nghĩa xã-hội để làm khí giới đối-phó với những tay quý-phái, nghiệp-chủ, phú-gia, không hề-nén ức-hiếp họ được nữa thôi, chớ không khi nào trong tâm-não họ mất được cái tinh-thần trung-nghĩa sùng-bái Thiên-hoàng. Vụ âm mưu của hai vợ chồng *Kotoku* đã nói sơ trên kia chỉ là chuyện muôn ngàn thuở vậy thôi. Từ đó tới nay gần ba chục năm trời, thỉnh thoảng vẫn có một vụ âm-mưu hay ám-sát có mục-dịch chánh-trị chớ chẳng không, nhưng chỉ là đối với quan-liêu chánh-khách mà phát ra, còn đối với Thiên-hoàng, dẫu kẻ gây biến làm phản tới đâu cũng vẫn là đặt cao trên đầu, coi như “thần-thánh bất khả xâm phạm”.

*

PHỤ-NỮ VẬN-ĐỘNG. - Địa-vị gia-đình và xã-hội của đàn bà Nhựt xưa kia cũng bó buộc thấp-thỏi như chị em nhà Nam chúng ta vậy. Cũng y như mình, sợi dây luân-lý nghiêm-khắc trói buộc họ không biết là mấy vòng : tứ-đức, tam-tòng, chức-nghiệp, tiết-thảo v.v. vòng nào cũng riết chặt lạ lùng. Đến đời đàn bà phải thờ *Trình-nữ-đạo* 貞女道 thiêng-liêng như đàn ông phải thờ *Võ-sĩ-đạo* ; một chương trên xa kia đã nói.

Song, tới lúc quốc-gia dân-tộc bước vào cỗi duy-tân, mọi việc ùn ùn sửa đổi theo ảnh-hưởng văn-hóa Thái-tây, tự-nhiên địa-vị phụ-nữ cũng vậy.

Đồng thời với xã-hội chủ-nghĩa, phụ-nữ vận-động cũng xuất-hiện ở Nhựt. Nhờ nơi phụ-nữ tự-giác mạnh bạo, mà cũng nhờ nơi công-cuộc Minh-trị giáo-dục xô đẩy phần nhiều. Độc-giã đã thấy trong tờ sắc lệnh thề-nguyên duy-tân của Minh-trị, việc quan-hệ nhứt là việc quốc-dân giáo-dục, trai gái cũng thế.

Phụ-nữ giáo-dục vừa mới gây-dựng mở-mang theo cách-thức Thái-tây được mười lăm năm, liền có phụ-nữ vận-động nổi lên. Các cô có học-thức mới, nhứt là các cô đi du-học Âu Mỹ về, xúm nhau tổ-chức hoạt-động, và có khi yêu-cầu ra mặt nữa, cho địa-vị và quyền lợi đàn bà được sửa-đổi theo thời.

Họ muốn sửa-đổi ít nhiều khoản ở trong luật-phép, phong-tục, mà trào-đình chánh-phủ phải chiều theo. Bởi vậy trong bộ Dân-luật mới thảo giữa hội duy-tân, sự yêu-cầu của đàn bà được thỏa-mãn, như là nhứt định một vợ một chồng, bỏ hẳn thói tục đa thê ngày trước, lại cho đàn bà cũng được có sản-nghiệp riêng, và có quyền như đàn ông được đứng lên xin ly-hôn vì lẽ chồng có ngoại tình.

Về mặt chức-nghiệp, họ cũng được thỏa-nguyện và được bình-đẳng với đàn ông ; nghĩa là các ty các sở, bất cứ công tư, đều mở rộng cửa cho viên-chức đàn bà. Họ cũng đậu đốc-tơ, mở bệnh-viện, hay là làm trạng-sur ngang vai đồng bực với đàn ông.

Duy có về mặt sửa-đổi phong-tục và luân-lý gia-đình, chị em bên Nhựt đã phải nhiều phen lao tâm khổ tứ, kêu gào chống-chối lắm mới được. Họ không chịu cái lối hôn-nhơn “cha mẹ đặt đâu ngồi đó” nữa. Nhiều cô ra mặt phản-kháng gia-đình, không chịu lấy anh chồng do cha mẹ hay gia-đình lựa chọn, mà các cô không biết mặt-mày tâm-tánh và không thể nào thương. Ngoài

đường, người ta thấy nam nữ học-sanh dắt tay nhau đi lại tự-nhiên ; cái luân-lý “nam nữ thọ thọ bất thân, 男女授受不親” của thói Nho xưa, các cô đã hắt đi xa lắt. Trong nhà, kính chồng chiều chồng đã đành, nhưng anh chồng lắm le ràng buộc các cô bằng những sợi dây luân-lý hà-khắc như xưa, thì các cô “cách-mạng” ngay, không chịu bị ép một bề.

Phụ-nữ vận-động lúc bấy giờ có nhiều tay kiện-tướng đứng ra xung phong đột trận, sốt sắng kêu gào. Nổi tiếng thứ nhất là cô *Ume Tsuda*, giáo-sư trường Quý-tộc nữ-tử học-hiệu, đã nhiều lần thay mặt chị em đi dự mấy cuộc Phụ-nữ thế-giới đại-hội ở Âu-châu và Mỹ-châu.

Họ lập ra nhiều báo-chí làm cơ-quan cho phụ-nữ vận-động, làm chủ và viết bài toàn là đàn bà.

Có mấy cô có tư-tưởng cấp-tấn, muốn nhập phụ-nữ vận-động và xã-hội chủ-nghĩa làm một, để nâng cao địa-vị của phụ-nữ bình-dân, và sanh-kế quyền-lợi của họ ; không phân giai-cấp. Phụ-nữ vận-động trải qua thời-gian không mấy, mà thu được kết-quả khá nhiều ; ngoài ra những kết-quả vật-chất, người ta thấy tinh-thần tự-do và bác-ái nhiễm sâu trong óc của các hàng phụ-nữ Nhật, giàu sang nghèo hèn không còn là hàng rào cách biệt như xưa. Rất đổi có những cô con gái quý-tộc, thà bỏ địa-vị sang giàu, thà bị bôi tên trong sổ quý-phái, để tự-do kết-hôn với một anh học trò nghèo, hay là một chú thợ bình-dân.

*

KINH-TẾ, LÝ-TÀI, CÔNG-NGHỆ, THƯƠNG-MÃI ĐỀU “ÂU-HÓA”. - Mấy việc kinh-tế, lý-tài, công-nghệ, thương-mãi, chẳng phải nhờ có ảnh-hưởng Thái-tây dội qua Nhật-bổn mới có, mới biết đâu. Chỉ có thể nói rằng nhờ ảnh-hưởng Thái-tây khiến cho Nhật-bổn mở mang sửa-đổi những việc ấy trở nên mới mẻ rộng lớn, theo thời-đại và theo Thái-tây.

Thiệt vậy, người Nhật thuở xưa đã từng sanh-tồn về công-nghệ, ham chuộng ganh đua về công-nghệ. Họ có nhiều món công-nghệ đặc-biệt của họ. Thứ nhất là mấy món đại công-nghệ như dệt sơn, chạm, vẽ, họ vốn có căn-cơ và đặc-sắc lâu đời. Thương-mãi cũng vậy.

Thì năm sáu trăm năm trước người Nhật đã vượt biển qua buôn bán ở Ấn-độ, Nam-dương quần-đảo, Xiêm-la, Việt-nam, các xứ ở quanh phương Đông, không mấy xứ không có dấu cẳng vết chun của chú lái buôn Nhật, ganh đua

mạo-hiểm và thương-lợi với người Tàu. Nước ta, giữa đời nhà Lê, miền Bắc có Phố-hiến (thuộc tỉnh Hưng-yên bây giờ) là thành-phố buôn bán tụ tập các ngoại-thương, bên cạnh những tiệm buôn của người Hồng-mao, người Hòa-lan, người Tàu, có những tiệm buôn của người Nhựt. Miền Nam, thuở họ Nguyễn làm chúa, ở Hội-an (Faifoo, tỉnh-ly Quảng-nam bây giờ) cũng có người Nhựt tới mở tiệm mua bán, nhiều cậu lấy vợ An-nam đẻ con rồi chết chôn ở đó, mồ mả đến nay vẫn còn dấu-tích. Có lần một chiếc ghe buôn của họ gặp sóng gió đánh chìm ở hải-phận ta, hình như Mạc-phủ Nhựt-bổn lấy nghĩa bang-giao tương-trợ, viết thư qua cầu trào-đỉnh nước Nam giúp sức đóng dùm cho những người sống sót kia một chiếc ghe để họ về xứ. Họ phải ở lại châu chực cả năm, quan ta và thợ mộc ta không sao đóng nổi chiếc ghe to lớn để vượt biển khơi như họ được. Nhắc mấy chuyện này lại cho biết xưa kia người Nhựt từng chuộng thương-mãi và mạo-hiểm thông-thương ra thế nào rồi.

Cho đến cơ-quan lý-tài, ta gọi là nhà băng hay ngân-hàng, không phải đợi tới giữa thế-kỷ 19, nước Nhựt cổ-thời đã có những nhà ngân-hàng lớn, sắp đặt theo cách cha truyền con nối. Xưa gọi là “*Tiền-trang* 錢莊”, nghĩa là một nơi đổi chác gói gắm tiền bạc để mua bán, thì chính công việc nhà băng ngày nay.

Nổi tiếng nhứt là *Tiền-trang* nhà *Tam-tĩnh* (三井- Mitsui), tổ-tiên của nhà triệu-triệu-phú *Tam-tĩnh* (Mitsui) ở nước Nhựt bây giờ, làm chủ không biết bao nhiêu là nhà băng, xưởng tàu, mỏ than và những công ty buôn bán lớn, người ta gọi là ông vua lý-tài ở nước Nhựt, sản-nghiệp có lẽ giàu hơn ông vua dầu-hồi Rockefeller ở Huê-kỳ nhiều. Đường Chaigneau ở Saigon ta đây, ai đi qua để ý chắc thấy một nhà treo bảng “*Tam-tĩnh dương-hàng* (三井洋行 - Mitsui Youkou)” thì là một chi-nhánh của nhà Mitsui, hầu khắp thế-giới đều có chi-nhánh.

Nhà *Tam-tĩnh* mở ra công-cuộc buôn bán lớn lao ở Kinh-đô (Kyoto, nơi đóng-đô của vua Nhựt hồi xưa) từ thế-kỷ 16. Qua đến thế-kỷ 17, nhà này khéo sắp-đặt cách-thức giao-dịch chở-chuyên tiền bạc khắp trong nước Nhựt. Cuối thế-kỷ 17, Mạc-phủ Đức-xuyên phó-thác việc kiểm soát lý-tài cho nhà *Tam-tĩnh*. Tục-lệ nhà này, cha truyền con nối, trông coi sản-nghiệp và càng ngày mở-mang thêm giàu thêm lớn ra mãi ; sự kinh-doanh và giàu lớn đã có trước khi Âu-hóa sang Đông. Đến thời-kỳ Minh-trị duy-tân, nhà *Tam-tĩnh* sắp-đặt sửa-sang lại công-cuộc kinh-doanh đồ sộ của nhà mình theo cách Âu-tây.

Xem sơ như vậy, là độc-giả đủ thấy trước hội Minh-trị duy-tân, nước Nhựt từng có trí-thức riêng và căn-cơ thực-lực riêng của họ về kinh-tế, lý-tài, công-nghệ, thương-mãi rồi đó.

Nhờ có trí-thức và căn-cơ sẵn-sàng đó, thành ra đến lúc Âu-châu qua xông đại vô nhà Nhựt-bồn mà đánh thức họ vùng dậy, quanh quẩn không có bao nhiêu năm, đại-công-nghệ, đại-thương-mãi, đại-ly-tài của xứ họ mở-mang xây-dựng lên đồ sộ lạ lùng. Thì nền móng có sẵn rồi, họ chỉ có việc xây cao đắp rộng ra bằng vật-liệu mới và nhơn-công mới thôi. Nếu như canh-nông và tiểu-công-nghệ, tiểu-thương-mãi còn thấy những dấu-tích quang-cảnh Nhựt-bồn cổ-thời, nhưng kể toàn-thể, người ta có thể nói rằng tình-hình kinh-tế hoạt-động ở nước Nhựt đã Âu-hóa, Mỹ-hóa, tân-thời-hóa một cách sâu-xa lắm.

Bởi sự-thế không vậy không được ; Nhựt-bồn phải Âu-hóa từ kinh-tế lý-tài cho đến thương-mãi công-nghệ xứ họ, cũng như họ đã Âu-hóa cả những lục-quân hải-quân, chánh-trị luật-pháp vậy. Ngay lúc mới bắt tay vào cuộc duy-tân, họ háo thắng và phấn-phát lạ-lùng : “Hề Âu Mỹ có thứ gì thì ta cũng phải có thứ nấy, tổ-chức như họ, hùng-cường như họ, có thể mình mới tự-lập và tranh-hành với thiên-hạ được”.

Bây giờ, phần nhiều là các ông phiên-vương chư-hầu trả đất nạp quyền lại nhà vua nhứt-thống rồi, đem vốn liếng tiền bạc ra lập những nhà máy nọ, hãng buôn kia, kinh-doanh các cuộc thương-mãi công-nghệ lớn lao. Từ năm 1872 trở đi, nhà băng dựng lên như nấm mọc, để giúp vốn cho người ta mở-mang chế-tạo buôn bán. Nhưng ban đầu, mọi việc kinh-tế lý-tài do sức dân và của dân hè nhau sắp-đặt xây-dựng mặc lòng, nhà-nước vẫn có quyền xem xét, chỉ bảo, diu dắt, tức là thực-hành chánh-sách “Kinh-tế chỉ-huy” (Economie dirigée). Bên cạnh Minh-trị Thiên-hoàng, có một hội-đồng cố-vấn làm việc đêm ngày, gồm những người cẩn-thận sáng suốt và chuyên-môn về các vấn-đề kinh-tế, ngồi đó suy-nghĩ tìm-tòi, làm như ngồi cầm lái, để sai khiến cả bộ máy kinh-tế trong nước. Chủ-ý nhà-nước buổi đầu cốt trông nom chỉ dẫn cho dân, làm việc gì đều nên việc ấy, kéo sớ có những người hấp-tấp nóng nảy quá mà làm hư việc đi, không những hao-tồn tài-lực của mình đã đành, còn e tổn-thương đến công-cuộc duy-tân của nhà-nước nữa. Sau mười lăm năm kinh-tế chỉ-huy, nhà-nước mới để dân tự-do kinh-doanh hoạt-động. Một việc đó đủ chỉ tỏ cho người ta thấy công-cuộc Minh-trị duy-tân là một công-cuộc sắp-đặt, tính-toán rất kỹ-lưỡng chi-li, không có một mảy nào lơ thờ quên sót vậy.

Trên kia đã nói Nhựt phải nôn-nao Âu-hóa cả công-nghệ thương-mãi, là bởi sự-thế bắt buộc không vậy không được. Sự-thế bắt buộc để tranh-hành với thiên-hạ, mà cũng bắt buộc vì lẽ trăm công ngàn việc sửa-đổi có liên-lạc quan-hệ với nhau, mà sự cần dùng hơn hết chính là tiền bạc. Thiệt vậy, cho được thực-hành sửa đổi to lớn lạ lùng về quân-bị, về chánh-trị, về giáo-dục, như Nhựt đã làm thành-công kết-quả đó, Nhựt đã cần phải vung tay trút túi, xài những món tiền hao-tồn góm ghê, tự-nhiên họ phải hồi-hả mở-mang ra đại-công-nghệ và đại-thương-mãi theo như Âu-châu, để có tiền bạc dồi dào làm việc duy-tân.

Sự biến-hóa cải-cách như thế, chính là do nơi ý-chí sắt đá của giống người Nhựt muốn trở nên hùng-cường như người ta cho mau, để mình vẫn được độc-lập tự-do như xưa vậy.

hương X SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

QUỐC-NGŨ VÀ VĂN-TỰ. - Quốc-ngữ Nhựt-bổn với quốc-ngữ các nước khác có dính dấp quan-hệ ra thế nào, thuở xưa không có ai nghiên-cứu. Mãi đến đời Minh-trị, văn-hóa phương Tây truyền sang, bây giờ Nhựt mới bắt đầu giảng-cứu gốc-tích quốc-ngữ. Năm Minh-trị thứ 19, trường Đế-quốc Đại-học đặt ra khoa-học bác ngôn 博言学科, để tiện giảng-cứu.

Lúc đó, đã từng có mấy nhà ngữ-học ngoại-quốc xét gốc định loài của quốc-ngữ Nhựt-bổn. Mỗi người chủ-trương một khác. Người này nói tiếng Nhựt giống tiếng Mãn-châu. Người kia nói có bà con với tiếng Hàn (Cao-ly). Người khác nữa bảo rằng tiếng Nhựt với tiếng Mông-cổ có chỗ thân-tộc quan-hệ. Gần đây, lại có người phát-minh ra tiếng Nhựt có hệ-thống với loài tiếng “Ấn-độ Nhựt-nhĩ-man” (Indo-Aryen), nghĩa là có bà con với tiếng Đức. Có lẽ vì đó mà Hitler nói giống người Nhựt có pha máu giống người Đức chẳng ?

Kỳ thiệt, công việc giảng-cứu này đến giờ cũng chưa quyết-định được tiếng Nhựt thuộc vào hệ-thống nào. Mỗi thuyết cho là gốc này gốc kia chỉ là đoán chừng.

Chỉ biết rằng dân-tộc Đại-hòa (大和 - Yamato) dựng nước ở Nhựt-bôn, vốn có một thứ tiếng riêng. Về sau văn-hóa bên đại lục tràn qua, người Nhựt đón rước Hán-văn Nho-học, tự nhiên có mượn nhiều tiếng Hán, tiếng Hàn pha trộn vô quốc-ngữ. Phật-giáo cũng đem nhiều tiếng Phạn tới cho Nhựt mượn nữa.

Các nước Âu-châu thông-thương với Nhựt-bôn sớm hơn hết, là người Bồ-đào-nha. Kế tới người Y-pha-nho, người Hòa-lan, người Anh, người Pháp, người Đức v.v... Nhựt-bôn cũng mượn tiếng của mấy nước này hóa làm tiếng mình vô số, nhứt là những danh-từ về y-học, khoa-học.

Còn văn-tự, có ít nhiều người Nhựt do tánh tự-ái, nói rằng trước khi chưa có chữ Hán truyền sang, Nhựt-bôn đã có Thần-đại văn-tự (神代文字 - Jindai Moji), nghĩa là ở đời Thần cũng có chữ riêng rồi. Nhưng, *Đằng-cương Thẳng-nhị* (藤岡勝二 - Fujioka Katsuji) là nhà chuyên-môn nghiên-cứu nổi-tiếng về quốc-ngữ văn-tự Nhựt-bôn bác hẳn cái thuyết trên đây, cho rằng những người chủ-trương thuyết ấy tưởng dân Nhựt-bôn cổ-thời không có một thứ văn-tự riêng là sự đáng lấy làm xấu hổ, cho nên họ dò đoán cầm chừng mà bày vẽ Thần-đại-văn-tự đó thôi. Nếu quả xưa kia đã có văn-tự đó chẳng nữa, chẳng qua chỉ riêng trong một khu-vực nào, chớ dân chúng không dùng, mà nó cũng không đủ tư-cách là một thứ văn-tự.

Nhựt-bôn có văn-tự, chính là thoát-thai ở chữ Hán mà ra. Ấy là :

Bình-giả-tự (平假字 - Hiragana), mượn ở lối chữ viết tháu của Tàu mà đặt ra cho được giản-tiện, kéo để nguyên cả Hán-văn cho dân học thì phiên-phức khó-khăn quá. Tương truyền người đặt ra lối chữ này, một vị Thầy tu đạo Phật, là *Hoằng-Pháp đại-sư* (弘法大師 - Koubou Daishi, 774-835).

Phiên-giả-tự (片假字 - Katakana) chỉ mượn một mảnh chữ Hán mà đặt ra, mà đọc theo âm quốc-ngữ Nhựt. Đại-khái cũng như nhà nho ta xưa mượn gốc chữ Hán mà đặt ra chữ Nôm để đọc theo âm của tiếng mình vậy. Có người nói kiểu chữ này là bản-đồ 50 âm, do *Cát-bị Đại-thần* (吉備大臣 Kibi no Makibi, 693-775) sáng-tạo.

Hai lối chữ mượn này dựng lên một nền văn-tự riêng của Nhựt, dùng pha trộn với chữ Hán để viết văn làm sách phổ-thông. Duy có đám thượng-lưu học-thức mới chuyên dùng chữ Hán mà thôi. Nhưng họ viết chữ Hán theo như văn-pháp riêng của họ, chớ không chịu theo văn-pháp Tàu. Sự mượn chữ đặt

chữ riêng viết văn theo phép riêng như thế, chứng tỏ ra người Nhật thuở xưa đi học của người, vẫn giữ tánh-cách độc-lập của mình là dường nào.

Đến lúc Âu-hóa sang Đông, thời-thế cấp-bách, trước hời Minh-trị duy-tân, đã có người dâng thơ lên Mạc-phủ xin bãi hẳn chữ Hán, để dùng chữ Bình-giả Phiến-giả của mình thôi.

Kể đó, bước vào thời-kỳ Minh-trị duy-tân có nhiều thuyết kế nhau nổi lên. Năm Minh-trị 16, có “*Giả danh hội*” 片假会 - Kataganakai” lập ra cũng xướng-khởi ý-kiến chuyên dùng chữ mượn, tức là chữ Bình-giả và Phiến-giả. Qua năm sau lại có “*La-mã tư-hội*” 馬字会 - Romajikai” chủ-trương dùng chữ La-tinh như các nước Âu Mỹ. Cả hai hội đều xướng bỏ chữ Hán. Có một phái Âu-hóa cấp-tân, muốn dùng hẳn Anh-văn làm quốc-văn.

Nhưng, Hán-văn đối với người Nhật tiếng Nhật có lịch-sử lâu đời, có quan-hệ thâm thiết, không thể nào bỏ hẳn đi được. Muốn cho việc học của dân được giản-tiện, mau lẹ, nhà-nước bèn lựa lọc chữ Hán lấy một số cần dùng còn lại vài ba ngàn chữ thôi. Sự trí-thức về chữ Hán văn Hán của sĩ-dân Nhật suy đi từ đó.

Trong đời Minh-trị, quan-bào và công-văn đều viết bằng chữ Hán xen vô chữ Phiến-giả cho dân dễ hiểu, ấy là giữ thói quen từ đời trước.

Có một hời tân-văn tạp-chí cũng dùng trộn cả chữ Phiến-giả vô, nhưng được ít lâu rồi thôi, chỉ dùng chữ Bình-giả xen lộn chữ Hán như ta thấy ở báo chí Nhật ngày nay, chữ Phiến-giả chỉ dùng để dịch các danh-từ của Âu Mỹ, cho được đọc theo như âm tiếng Âu Mỹ vậy.

Chữ Bình-giả xưa kia viết ra lộn xộn bất nhứt, ai muốn viết sao thì viết, cũng như nhà nho nước Nam ta viết chữ Nôm vậy. Nhưng đến năm Minh-trị 83, Văn-bộ (tức là bộ Giáo-dục) định ra thể-lệ hẳn-hoàn, mẹo-luật rành-rẽ.

Trước khi muốn xét về văn-học và sách báo của Nhật-bổn lúc mới duy-tân, chúng ta nên biết qua quốc-ngữ văn-tự nước Nhật như thế.

*

VĂN-HỌC ĐỜI MINH-TRỊ. - Đời xưa, Nhật-bổn đã có một nền văn-học phát-đạt và có đặc-sắc lắm ; họ tự-phụ rằng không thua gì Âu-châu. Tiểu-thuyết, thi-ca, hí-kịch, đoản-thiên, sử-ký, phong-dao v.v... môn loại nào cũng

có những áng văn hay truyền tụng. Nhứt là đời Đức-xuyên làm tướng-quân, luôn mấy trăm năm, thái-bình vô sự, người ta chỉ có việc chăm lo trau dồi văn-học, thành ra văn hay sản-sanh rất nhiều. Văn-học Nhựt-bổn đến đời Đức-xuyên là đời toàn-thạnh.

Người Nhựt bắt đầu nếm mùi văn-học Âu-châu, là những truyện ngụ-ngôn của Esope, dịch ra tiếng Nhựt từ thế-kỷ 16, chắc là do tay dịch thuật của một ông giáo-sĩ nào đó. Đến phần dưới của thế-kỷ 18, thêm có bản dịch “Voyages de Gulliver”. Lúc này có những người Hòa-lan, Bồ-đào-nha và Y-pha-nho sang Nhựt mua bán, trong đám nhà nho Nhựt, nhiều người nghiên-cứu Hán-văn tinh-thông rồi, lại có hứng-thú nghiên-cứu văn-tự ngoại-quốc nữa, nhứt là học chữ Hòa-lan để xem xét y-khoa và sự tình Âu-châu. Tuy là Mạc-phủ có lệnh nghiêm-cấm và có nhiều người vì học chữ ngoại-bang mà bị chết chém, những hạng sĩ-phu óc lớn nghĩ xa vẫn cứ mạo-hiểm mà học. Nhờ vậy mà Nhựt-bổn đã sớm có những người hiểu biết qua loa về vật-lý-học và bác-vật-học của Thái-tây, chớ không riêng văn-học mà thôi.

Sự học tiếng Hòa-lan đến cuối đời Đức-xuyên đã thành-hành, lần hồi người ta học tới Anh-văn, Pháp-văn, Đức-văn nữa. Mạc-phủ lại đặt ra một sở chuyên dịch sách-vở của Tây dương, gọi là “Phiên-thư thủ-điều-xứ, 番書取調處”. Sở này về sau biến thành ra trường Đông-kinh Đại-học lấy Anh-văn làm gốc để giảng-dạy các khoa.

Thế là trước khi chưa khai-quốc duy-tân, nước Nhựt đã biết chú ý đến ngôn-ngữ văn-học phương-Tây rồi. Họ không phải quá ư cố-chấp như mình đây, đến đời Tự-đức mà sĩ-phu ta không biết văn-học nào khác hơn văn-học Trung-quốc.

Tới lúc mở cuộc duy-tân rồi, các nhà học-vấn tiên-giác từng học qua một thứ ngôn-ngữ văn-tự châu-Âu, bây giờ ganh-đua nhau làm sách, dịch sách, truyền-bá tứ-tung, để cho quốc-dân mau biết những phong-tục, tập-quán, lễ-nghĩa, chánh-trị, học-vấn của Thái-tây. Người có công này lớn nhứt là *Phước-trạch Dụ-cát*, (福澤 諭吉 - Fukuzawa Yukichi) vừa lập trường, vừa dịch sách, vừa làm báo để rèn tập nhơn-tài cho cuộc duy-tân và thức-tỉnh quốc-dân về việc sanh-tồn, việc quyền lợi. Trước mắt người Nhựt buổi đầu duy-tân, *Phước-trạch* là ông thánh sống, có sự-nghiệp giáo-dục to lớn quan-hệ như thế nào, một chương trên kia nói về “Dân-gian giáo-dục” tôi đã nói rõ rồi, khỏi cần nhắc lại ở đây nữa.

Kê *Phước-trạch* (福澤 - Fukuzawa) là *Tân-đảo-Tuong* (新島襄 - Nijima Jou), *Trung-thôn Chánh-trực* (中村正直 - Nakamura Masanao), *Trung-giang Đốc-giới* (中江 ? 介 - Nakae ??) v.v... đều là bậc anh-tài có công-nghiệp gieo mầm ngoại-quốc văn-học ở nước Nhật.

Sau lúc nhà vua đã bỏ chế-độ phong-kiến và cho tứ-dân bình-đẳng, bấy giờ người ta xôn-xao bàn-bạc về những chuyện dân-quyền tự-do ; đã bàn bạc về những chuyện dân-quyền tự-do, lẽ tất nhiên người ta hâm-mộ sùng-bái những người như Montesquieu, Jean-Jacques Rousseau của nước Pháp. Bởi vậy, lúc *Trung-giang Đốc-giới* ở Pháp-quốc về, dịch sách “Dân-ước, Contrat Social” của Rousseau và xướng lên thuyết dân-quyền tự-do, làm cho nhon-tâm rung-động nồng-nàn. Rồi đó phong-trào dân-quyền càng ngày càng thịnh. Năm Minh-trị 14, nhà vua phải hạ chiếu kỳ hẹn với dân 10 năm nữa thì mở ra Quốc-dân hội-nghị thành ra dân càng đua nhau cầu học trí-thức thế-giới và tư-tưởng dân-chúng càng ngày càng mới mẻ thêm.

Ấy là tình-thế vào khoảng năm Minh-trị 15, 16 trở về trước, mặc dầu tiêm nhiễm ngoại-quốc tư-tưởng và phiên dịch sách vở Thái-tây đã nhiều, nhưng văn-học mới vẫn chưa thiết dấy lên. Duy có một hiện-tượng, là có tân-văn tạp-chí nhon được phong-trào mới mà để ra thôi. Là bởi nhon-tâm Nhật-bồn hồi này đều dốc lòng gắng sức vào việc cải-tạo quốc-gia, cho nên sự cầu học trí-thức Thái-tây, chỉ cốt những việc gì là việc thiết-thực, chứ không ai rảnh rang để thưởng ngoạn văn-học Thái-tây cho được. Huống chi trong khoảng 15 năm mới khởi cuộc duy-tân này, số người biết ngôn-ngữ văn-tự Thái-tây còn ít lắm ; dầu cho người biết cũng là chưa đủ tinh-thông để thưởng-ngon cái thú-vị của văn-học Thái-tây nữa kia.

Thời-kỳ tân-văn-học mở ra thật từ năm Minh-trị 15, 16 trở đi.

Khởi thủy là ba vị giáo-sư đại-học, *Ngoại-son* (外山 - Sotoyama), *Thi-điền-bộ* (矢田部良吉 - Yatabe Ryokichi) và *Tĩnh-thượng* (井上馨 - Inoue Kaoru) in ra lối thơ mới, gọi là “Tân-thể-thi, 新 ? 詩”. Văn-học phương Tây vang dội tới văn-học Nhật-bồn mở mồi ra từ đó.

Nguyên là lối thi tả-tình của Nhật thuở trước, thông-dụng nhưt là điệu ca bằng quốc-âm và có tô-điểm vô những tiếng ở đời Trung-cổ, người ta mới cho là hay. Ba vị giáo-sư trên đây cho lối quốc-ca vẫn quá không đủ tả hết tình-tứ ra được ; lại còn chêm tiếng trung-cổ vào cũng không hiệp thời nữa. Rồi đó ba ông xúm nhau lại bắt chước điệu thi của Tây mà đặt ra ca, gọi là thi

theo thể mới. Lại dịch nhiều thi-ca hay của Tây-phương cho quốc-dân ngoạn-thưởng. Về sau có nhiều tay dịch thi-ca Tây-phương còn hay hơn nhiều, song kể người thợ đầu hết, chính là ba ông, và lại người Nhật được rảnh rang nếm mùi văn-học Tây-phương, và biết là cần dùng, thật bắt đầu tự đó.

Lần hồi không mấy năm, những tay có tài phiên-dịch đem sách của các danh-sĩ Âu-châu ra dịch tứ-tung, nhiều nhứt là tiểu-thuyết và bi kịch. Cervantès, Shakespeare, Fénelon (truyện Télémaque), Daniel de Foe (Robinson Crusoe), Goethe, Dickens, và Alesxandre Dumas (truyện Trois Mousquetaires, người Nhật khoái lắm), Victor Hugo, Maupassant, Zola, Loti, Tolstoi Jules Verne, văn-chương tiểu-thuyết của các ông này đều dịch hết ra tiếng Nhật và người Nhật ngoạn-thưởng hoan-nginh đáo đẽ. Triết-học thì họ dịch từ Platon cho đến Rousseau, Kant, Schopenhager, Auguste Comte, Stuart Mill và nhứt là Herbert Spencer.

Lúc đang nói chuyện đây, văn đàn mới ở nước Nhật, có hai phái đứng đối nhau đánh trống phát cờ tân-văn-học :

Một là phái thanh-niên văn-khoa học-sanh ở trường đại-học Tảo-đạo-diền ; giáo sư văn-khoa của trường này là Bình-nội Tiêu-đạo (坪内?? - Tsuboi ??), một nhà lãnh-tụ trên đàn văn-học mới, rất tinh-thông Anh-văn, thường đem văn-học nước Anh dịch-thuật giới-thiệu cho học-giới Nhật-bổn. Thọ-nghiệp với ông lúc bấy giờ, có nhiều thanh-niên học-sanh còn đang ngồi trên ghế học đường mà đã viết tiểu-thuyết và soạn kịch, tài hoa nổi tiếng.

Hai là hội “*Nghiễn-hữu-xã*, 硯有社 - Gen-Yu Shya” tụ họp những người kiện tướng của tân-văn-học, người dịch sách nước nọ, người dịch sách nước kia, gần có đủ mặt : nhà phê-bình có, nhà sáng-tác có, nhà văn-học-sử có, một thời hoạt-động vang dậy trên đàn học mới.

Ngoài ra có hai lần sóng, tuy chống-chối nhau, mà đều có ích cho cuộc tân-hóa của Nhật-bổn mới kỳ.

Một là lần sóng sùng-bái Tây-phương.

Một là lần sóng tỏ rạng quốc-túy.

Năm Minh-trị 20, *Đức-phú Tô-phong* (徳富蘇峰- Tokutomi Sohō) mở ra tạp-chí đặt tên là “Quốc-dân chi-hữu, 国民之友- ??” đem các vấn đề văn-học,

tôn-giáo, phong-tục ra bàn bạc một cách rộng rãi ngang tàng, nhiều bài viết văn lập luận rất kỳ, cốt đem văn-học Tây-phương vô nước Nhật, và chú ý về văn-ngệ mới lạ. Trong báo ấy đầy đầy bài vở hoặc sáng tác, hoặc phê-bình, hoặc dịch-thuật, bài nào cũng có vẻ làm rung-động tai mắt người trong nước giữa lúc muốn đập đổ văn-học cũ, dựng lên văn-học mới.

Đức-phú Tô-phong là tín-đồ đạo Gia-tô, cho nên ông ta nghị-luận về các vấn-đề tôn-giáo, chánh-trị, dân-quyền nhút nhút đều có chủ-nghĩa khuyên-bảo người ta sùng-bái Tây-phương.

Những người chống-cự chủ-nghĩa ấy bèn mở ra tạp-chí đặt tên là “Nhật-bổn-nhơn 日本人 - Nipponjin”, lấy chủ-nghĩa phát-dương quốc-hồn quốc-túy làm gốc. Họ nói văn-minh Tây-phương cũng còn có nhiều chỗ thiếu-sót, chớ phải hoàn-toàn tốt đẹp gì sao ; chẳng qua chỉ có võ-lực là hơn, vì lẽ thời thế sanh tồn, mình bắt chước người ta thì bắt chước, nhưng không thể nào lãng quên hay là bỏ hẳn những cái tinh-túy của văn-minh Đông-phương mình đi được.

Trong mấy năm Minh-trị từ 20 đến 23, 24, hai lần sóng trên đây đều có ảnh-hưởng rất hay cho tư-tưởng Nhật-bổn. Một mặt này có chủ-nghĩa Âu-hóa rần-rộ thanh hành, một mặt kia có tinh-thần quốc-túy nổi lên chống lại. Té ra những người từ Minh-trị buổi đầu tới đây, chuyên-chú xem xét văn-vật phương-Tây, chừng rõ biết được hết sự-tinh của người ta rồi, trở lại giựt mình vì chỗ việc gì mình cũng nhắm mắt theo càn là bậy. Vì sự thiệt chính mình cũng có nhiều cái hay.

Đó là chỗ tự-tỉnh của quốc-dân Nhật-bổn, nhờ sự tự tìm biết cái hay của người đánh thức dùm sự biết cái hay của mình.

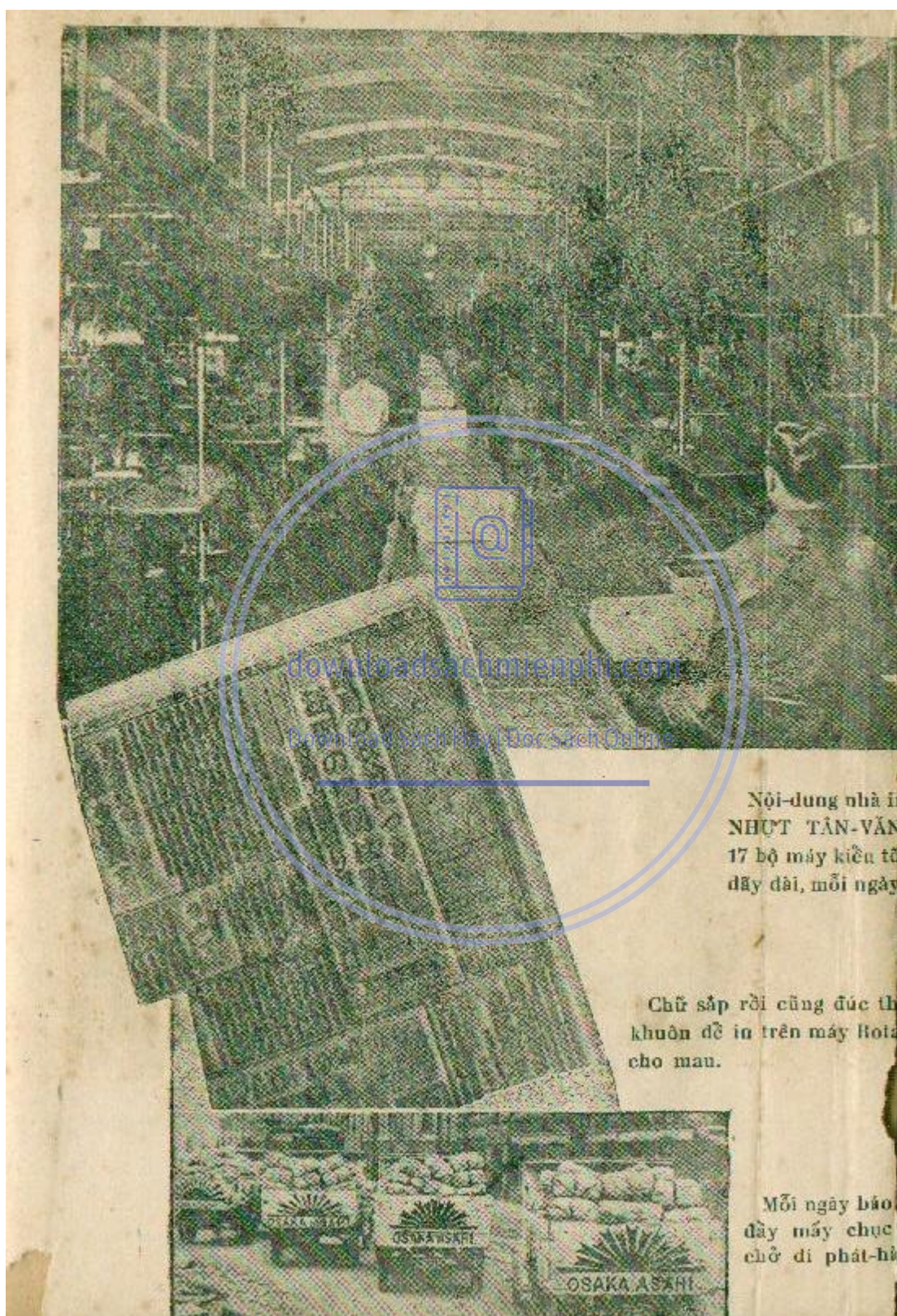
Hai lần sóng này điều-hòa lại với nhau, khiến cho người Nhật tân-hóa một cách có lương-tri sáng suốt, và công-nghiệp duy-tân đến đó mới thiệt là chín chắn.

Trên kia nói hai lần sóng đều có ích cho cuộc tân-hóa của Nhật-bổn là vậy đó. Còn một việc hiển-nhiên khác nữa.

Buổi đầu duy-tân, người trong nước ham-mê vô-vậ văn-minh Tây-phương quá đỗi, tới nước quên mất không nhớ lại rằng Đông-phương có một nền mỹ-thuật có vẻ tốt đẹp riêng, đáng quý đáng giữ. Thành ra bao nhiêu những bức tranh vẽ khéo, những đồ chạm trổ quý-báu công-phu, chính là vật báu của Nhật mà người Nhật đem bán rẻ cho người Âu Mỹ đem đi gàn hết, chẳng biết

tiếc là gì. Đến những miếu thần chùa Phật đồ quý vật xưa, có quan-hệ về lịch-sử lâu đời, người ta cũng để cỏ mọc rêu phong, trôi sông bỏ xó, không thêm sửa sang gìn-giữ. Tới chùng có chủ-nghĩa phát-dương quốc-túy nổi lên phùng phùng, bấy giờ người ta mới sức tỉnh, biết rằng văn-vật phương Tây có những cái đáng theo thì theo, nhưng mà văn-vật phương Đông mình cũng có những cái hay phải nên giữ-gìn quý-trọng mới được. Rồi đó, nhiều môn nghệ-thuật riêng, mỹ-tục riêng, ví dụ như múa kiếm, đánh vật, trồng hoa, múa nhạc, uống nước trà v.v... hai mươi năm tấm lòng quá chuộng văn-minh Tây-phương cho khinh thường xem rẻ đi, bấy giờ nó lại lần hồi khôi-phục cho tới ngày nay.





Đền văn-học cũ cũng vậy, bị người ta phế khi mấy chục năm, tới đây có những người trở lại biết cái thú-vị văn-học xưa của mình, bèn tom góp lựa lọc lấy tinh-túy cựu-văn-học mà dung-hòa bằng tư-tưởng mới của Tây-phương. Thành ra họ nhồi cả văn-học Đông tây lại một cục, để nắn ra văn-học mới. Vẫn biết là văn-học mới đó có nhờ Tây-phương văn-học chế hóa cho nhiều, nhưng ở bên trong vẫn có tinh-hoa đặc-sắc riêng của mình một phần.

Thế thì về văn-học cũng như về quân-bị, kinh-tế, chánh-trị, công-thương, nếu người Nhật Âu-hóa là chỉ muốn cho được giữ y tánh-cách đặc-biệt của mình. Đây, tôi muốn mượn câu của giáo-sư Félicien Chatlaye làm câu kết đoạn này : “ “Ai tưởng về mặt văn-chương, người Nhật muốn biến thành Âu-hóa, thật là tư-tưởng lầm lẫn đó” ”.

*

NHẬT-BÁO TẠP-CHÍ. - Nếu ai muốn bỏ hết các việc cải-cách khác của Nhật-bổn, mà chỉ xem nội một khoản báo-chí thôi, cũng đủ thấy bước đường duy-tân người Nhật dung ruổi mau lẹ đến thế nào. Từ lúc mới khởi duy-tân trở đi, chưa đầy hai chục năm, báo-chí của họ đã có cơ sắp-sửa ngang vai chen gót với sự-nghiệp ấy của Âu Mỹ rồi. Chẳng bù với báo-chí xứ mình để ra có lẽ trên ba mươi năm mà vẫn còn là thằng trẻ nít : một tờ báo chạy nhút ở tỉnh-thành lớn xứ mình chưa bằng tờ báo nhỏ ở một xứ châu-quận người ta.

Trong lúc bắt đầu khai-quốc, nghĩa là lúc chánh-quyền còn về tay Mạc-phủ, bị đề-độc Bá-lý tới ra oai buộc phải mở cửa thông-thương, đám chí-sĩ Nhật-bổn đã dựng lên ít nhiều cơ quan ngôn-luận để thúc-giục nhà nước phải mau duy-tân cải cách. Những báo này còn in chữ khắc bằng cây và chỉ ra mỗi tháng hay mỗi tuần một số, cách-thức biên-tập sắp-đặt tờ báo còn lồi-thôi lấm.

Lúc này cả thầy gồm chục hiệu báo-chí chớ không phải ít, nhưng báo nào cũng khốn-khổ về đồng tiền eo hẹp, thành ra không mấy tờ đứng vững. Ông Henri Dumolard, tác-giả cuốn “Le Japon politique, économique et social” (Paris, Colin 1903) thuật lại một chuyện nghe tức cười chết : “Có báo xuất-bản hai năm rồi vì hết tiền vốn mà phải đóng cửa, là vì trước sau chỉ vồn vện có hai vị độc-giả mà thôi”.

Bước qua thời-đại Minh-trị duy-tân, còn sót lại năm ba tờ tuần-báo nguyệt-san, trong đó chỉ có báo “*Giang-hồ tân-văn* 江湖新聞 - Koko shinbun” ra về

đặc sắc hơn hết. Nhưng vì mỗi số báo ra, bài nào cũng xâm-xoi công-kích hai cường-phiên Tát-ma và Trường-châu làm cho chánh-phủ tức mình sanh ghét, rồi cấm xuất-bản, lại bỏ tù viên chủ-bút báo ấy. Trước giờ chánh-phủ chưa nghĩ đến sự kèm-chế các báo, nay mới thấy sự đó là cần, bèn ra lệnh buộc tờ báo nào cũng phải xin phép nhà-nước cho ra mới được, bài vở nếu thả giọng bạo-động quá thì chủ-nghiem chủ-bút ở tù.

Mãi tới năm Minh-trị thứ 4 (1871), Nhựt-bồn mới có tờ báo hằng ngày thứ nhứt xuất-bản, là “*Đông-kinh Hoàn-tân mỗi nhựt tân-văn* 東京横浜新聞 - Tokyo Yokohama shinbun”, bắt đầu dùng chữ chì của người Nhựt tự đúc lấy (thử coi sớm chưa !) và in bằng máy in đặt mua ở Âu-châu. Từ việc biên-tập, việc in, việc bán, sắp-đặt đã khá chỉnh-bị. Báo này chẳng những làm ông tổ nhựt-báo mà thôi, lại làm khuôn-mẫu cho những báo hằng ngày khác kế theo nữa.

Qua năm sau, 5 tờ báo hằng ngày lớn nối gót nhau ra đời :

Đông-kinh nhựt nhựt tân-văn 東京日日新聞

Bưu-tiện báo tri tân-văn 郵便報知新聞 - Yubinhochi shinbun

Triều-giã tân-văn 朝野新聞

Độc-mãi tân-văn 読売新聞 - Yomi Uri shinbun

Thự tân-văn 曙新聞 -

Mỗi tờ bày tỏ một chánh-kiến, hoặc muốn tấn-hóa lẫn hòi, hoặc đòi duy-tân cấp-bách, mà tờ nào cũng có một vài tay danh-nhơn chí-sĩ chấp bút, đua nhau bút-chiến tung-hoành, có ảnh-hưởng đến thời-cuộc một cách sâu xa, lừng tiếng là “*Ngũ-đại tân-văn* 五大新聞 - Godaishinbun”, chánh-phủ cũng phải kiêng nể.

Từ năm Minh-trị thứ 4 đến thứ 8, trước sau 5 năm, mà nhựt-báo, tuần-báo, tạp-chí dựng lên đến hơn 100 nhà. Sự tấn-bộ của báo-giới Nhựt phát-khởi đã mau mà rồi ngày càng tấn-tới mau lẹ dị thường. Trong sự tấn-bộ đó, nhiều chỗ bày tỏ ra công-phu nhơn-lực mới quý. Thử xem một chuyện phát báo cũng biết. Các báo ban đầu đều in ra buổi trưa ; việc phát-hành đã có xe hơi xe đạp gì đâu, người ta chia nhau thùng thặng đưa tay đến tận mỗi nhà độc-

giả. Mấy anh đưa báo còn khệnh-khạng, chân chờ, đến mỗi nhà, ngồi uống chén nước trà, nói chuyện tán-tĩnh con ở ngộ-ngĩnh nhà người ta chê chán rồi mới chịu đem báo đến nhà khác cũng vậy, thành ra báo ra buổi trưa mà sự phát-hành kéo mãi đến khuya mới xong. Mỗi nhà báo phải mướn cả trăm người đi phát tay như thế. Tội-nghiệp có nhà báo mướn hạng người đó không đủ, thì chính các ông trợ-bút tự đem phát lấy ; báo để trong tay áo “kimono” rút ra mà đưa mỗi nhà.

Từ hồi báo-giới Nhựt-bồn tạo-lập ra đến lúc đang nói đây, tuy là đủ môn nọ loại kia và cách sắp-đặt cũng gọi là tấn-tới mới mẻ khá rồi, nhưng người ta chỉ ham bàn chánh-trị, sinh mùa văn-chương, chớ tờ báo chưa có tư-bồn tranh-cạnh xen vô, chưa có tánh-chất thương-mãi, cũng chưa có màu mè mỹ-thuật.

Có chẳng, là từ tờ “*Đại-bản Triều-nhựt tân-văn* 大阪朝日新聞 - Osaka Asahi shinbun, *Asahi-Osaka*” ra đời trở đi.

Thiệt vậy, lúc đầu chỉ là đám người văn-gia chí-sĩ chung đầu tiền bạc làm báo với nhau thôi, nhà tư-bồn chưa bước vô cõi tân-văn. Đến năm Minh-trị 12, có “*Đại-bản Triều-nhựt tân-văn*” mở ra, làm được vài năm rồi về tay *Thôn-son Long-bình* (村山龍平 - ??) kinh-doanh, bấy giờ báo-giới mới bắt đầu có tánh-chất tư-bồn. Mà từ đó báo-giới mở-mang rộng lớn, phải nhờ có sức tư-bồn như các công-cuộc kinh-doanh lớn lao khác vậy.

Thôn-son Long-bình là nhà giàu, không phải tay biết cầm bút viết văn nhưng mà biết cách làm một tờ báo thế nào cho được nhiều người ham đọc, cần đọc, phải đọc. Ông ta xuất một số tiền thật lớn để làm báo, chú-trọng nhứt là thông báo tin-tức làm sao cho mau lẹ, bèn dồn cả toàn-lực vào cơ-quan thông-tin, bày ra nào là điện-tín trong nước ngoài nước, nào là thông-tín-viên đặc-phái (correspondants spéciaux), để cho việc báo tin thật là mau chóng, dầu hao tốn bao nhiêu tiền cũng mặc. Tư-bồn cạnh-tranh trong làng báo mở mỗi ra từ đây.

Mấy tờ báo khác, thấy tiếng tăm của “*Đại-bản Triều-nhựt tân-văn*” mỗi ngày bay lên cao như điều, cũng lấy sức tư-bồn ra để tranh-cạnh, tiền bạc họ xài ra như nước, cầu lấy tin mau, in đẹp, báo lớn, bài nhiều. Nhưng phần đông vì sự tranh-cạnh quá lớn, đến phải đuối hơi trút túi mà chết. Duy có tờ “*Đại-bản Mỗi-nhựt tân-văn* 大阪毎日新聞 - Osaka Mainichi Shinbun” là đứng lại tranh-cạnh nổi mà thôi. Họ tranh-cạnh luôn mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, từ lúc ấy cho đến bây giờ, chính là hai tờ báo hằng ngày, lớn nhứt

nước Nhật. Sau đây có một đoạn riêng, nói về thủ-đoạn cạnh-tranh ghê gớm của hai nhà báo “*Triều-nhật* - Asahi” và “*Mỗi-nhật* - Mainichi” ra thế nào ? Giờ để nói chuyện tuần-tự về lịch-sử báo-giới đã.

Đến năm Minh-trị 23, nhà vua ban-bố Hiến-pháp và mở Chúng-nghị-viện ra rồi, báo-giới càng thêm phát-đạt và có thanh-thế về mặt chánh-trị. Người ta nói lúc này về thế-lực chánh-trị, chánh-phủ ở bậc nhứt, nghị-viện ở bậc nhì, tân-văn ở bậc ba. Có lúc chánh-phủ sợ tân-văn quá hơn là sợ nghị-viện, cho nên thường khi tìm cách ngăn-trở tân-văn phát-đạt, nhưng nó cũng cứ phát-đạt như thường.

Sau cơ-hội trên đây là cơ-hội giúp cho báo-giới bước cao lên một bước, tới trận Nhứt-bồn đánh nhau với nhà Thanh nước Tàu (1894), báo-giới nhờ đó tăng số độc-giả lên xấp đôi. Nhiều báo vì lẽ doanh nghiệp lợi tiện mà lập thêm chi-nhánh riêng hai nơi : ví dụ “*Triều-nhật*” và “*Mỗi-nhật*” ở Đại-bản, lại lập ra tòa báo “*Triều-nhật*” và “*Mỗi-nhật*” ở Đông-kinh nữa, nơi nào in riêng tờ báo tại nơi đó. Nếu Đông-kinh là kinh-đô chánh-trị, thì Đại-bản là kinh-đô công-nghệ. Muốn cho sự phát-hành mau chóng, khỏi mất công gởi đi gởi lại lâu lắc lồi thối, hai tờ báo lớn mới xuất-bản hai nơi như thế. Mà nơi nào xuất-bản cũng ghê, “*Triều-nhật*” in ra 370.000 tờ ở Đại-bản và 180.000 ở Đông-kinh, hiệp cộng 550.000 tờ. “*Mỗi-nhật*” cũng xuất-bản cả hai nơi gần gần số ấy. Đó là nói số in hồi duy-tân trải qua Nhứt Nga đại-chiến cho đến Âu-châu đại-chiến mà thôi. Chớ bây giờ hai tờ báo này in nhiều mấy lần hơn và kinh-địch với báo Anh Mỹ kia. Độc-giả sẽ thấy một đoạn nói riêng.

Trong khi tân-văn phát-đạt tấn-tới lạ lùng như thế, thì tạp-chí cũng không vừa gì. Khoa-học, chánh-trị, giáo-dục, triết-học, mỹ-thuật, phụ-nữ, tôn-giáo v.v... môn loại nào cũng có tạp-chí riêng để kêu gào, để giảng dạy, để dẫu dắt người ta. Kể tới năm 1905, nghĩa là từ ngày Minh-trị bắt đầu duy-tân đến đây được 38 năm, các thứ tạp chí khắp nước Nhật đến số 1.500 hiệu, mà riêng ở Đông-kinh có 380 hiệu. Độc-giả là phụ-nữ và học-sanh nhiều nhứt, thực-nghiệp-giới ở bậc thứ.

Cũng kể tới thời-kỳ nói trên đây, khắp nước Nhật, số báo hằng ngày lớn nhỏ trên 700 nhà. Thời-gian không bao lâu mà báo-chí mở-mang phát-đạt đến thế, thật là tột-bực vậy.

THỬ XEM SỰ CẠNH-TRANH CỦA HAI TỜ BÁO LỚN NHẤT. - Ấy là báo “*Triều-nhật*” và “*Mỗi-nhật*” như trên kia đã nói.

Cả hai đều có lịch-sử trường-cửu gần sáu chục năm nay, chẳng những là báo lớn ở nước Nhật hay là ở phương Đông này thôi, lại đứng vào hàng một số ít tờ báo lớn nhứt trong thế-giới nữa.

Tôi muốn để một đoạn riêng nói về lai-lịch và sự-nghiệp kinh-doanh của hai tờ báo này nhứt là về “*Triều-nhật*” nhiều hơn.

Báo “*Triều-nhật*” sáng-lập ở Đại-bản (Osaka) ngày 25 tháng giêng năm 1879 (Minh-trị thứ 12). Lúc đầu báo quán chỉ là một cái nhà bé nhỏ, bởi là cơ-quan của văn-sĩ chung nhau, chớ chưa có nhà tư-bổn xen vô.

Đã nói hồi Minh-trị bắt đầu duy-tân, không có một thứ văn-hóa nghệ-thuật nào của Tây-phương mà người Nhật họ không bắt chước ; bởi vậy nghề làm báo của Tây-phương cũng phát-hiện ở nước Nhật một cách mạnh bạo lớn lao như muôn vàn nghề-nghiệp khác. Nhưng lúc bấy giờ có nhiều tờ báo dựng lên rồi đổ ụp xuống liền, là vì có nhiều nỗi khó khăn gay trở ; nhứt là vì mặt tài-chánh làm cho thất-bại nhiều hơn hết ; duy chỉ có báo “*Triều-nhật*” chống-chối và qua lọt được cái cầu khó khăn gay trở đó.

Từ năm 1885, báo “*Triều-nhật*” ở Đại bản dời về chỗ báo-quán bây giờ, song lúc ấy nhà-cửa, máy-móc và cách sắp-đặt cũng còn lồi-thôi sơ sài, chớ đâu phải được như ngày nay. Mãi đến năm 1890, kiểu máy in mới của nước Pháp chế-tạo ra, hiệu Marioni, truyền qua Nhật-bổn ; chừng đó nghề làm báo ở Nhật-bổn mới bước vào cõi tân-hóa mới mẻ.

Hai trận chiến tranh Trung Nhật (1894) và Nhật Nga (1904-1905) cùng là vụ loạn Quyền-phỉ ở Bắc-kinh, đều là những cơ-hội tấn-phát lạ lùng cho báo “*Triều-nhật*”. Mỗi lúc có chiến-tranh đó, báo đều phái đi từng đoàn phóng viên ra tới chiến-trường để lấy tin và chụp hình. Bọn phóng-viên này cố sức làm cái chức-vụ thông-tin, lăn lóc vào giữa chỗ rừng gươm mưa đạn, lắm khi tánh-mạng nguy hiểm rất mực, mà họ cũng không kể gì, cứ việc liềm mình lấy tin cho được mới thôi. Một nhà báo có những phóng-viên như thế, thật không có cách quảng-cáo nào cho bằng và không thể nào không phát-đạt cho được. Chính nhờ vì đó mà báo “*Triều-nhật*” càng ngày càng tấn-tới phi thường, được quốc-dân hoan-nginh tin cậy lắm. Từ lúc ấy trở đi, số độc-giả càng ngày càng tăng, báo “*Triều-nhật*” càng thấy sự sắp-đặt của mình về mặt vật-chất nội-dung còn thiếu sót nhiều ; vả lại, cần phải cạnh-tranh với báo “*Mỗi-nhật*” (Mainichi, cũng ở Đại-bản) dữ lắm, thành ra báo “*Triều-nhật*” hết sức mở-mang. Sự cạnh-tranh của hai nhà báo này, làm cho báo giới Nhật-bổn leo

lên một cái trình-độ rất cao, ngang hàng với báo-giới Huê-kỳ, chứ báo-giới Âu-châu không bì kịp đâu.

Năm 1915, báo “*Triều-nhật*” cất nhà báo mới, cao 8 tầng lầu, thật là nguy-nga rộng-rãi, mà chỉ dựng có một năm là xong.

Đồng-thời lại mở-mang các cơ-quan và khí-cụ in báo, thông-tin, thứ nào cũng tân-thời hết thấy.

Báo này lúc khởi thủy là của một số anh em đồng chí viết văn nhà nghề, chung nhau lập ra ; vài năm sau, nhà tư-bỏn *Thôn-thượng Long-bình* (Marayama Ruyhei) xuất vốn mua lại làm chủ một mình, ra sức mở-mang, càng ngày càng lớn, về vật-chất và tinh-thần cũng vậy. Cho đến năm 1919 trở đi, mới đổi ra công-ty hữu-hạn, số vốn đến 4 triệu viên, nhưng vẫn *Thôn-thượng* làm xã-trưởng. *Thôn-thượng* nổi tiếng là “vua báo” ở nước Nhật, cũng như Lord Norteliff ở Hồng-mao mười năm trước và Hearst ở Huê-kỳ bây giờ vậy. Vua báo Nhật-bỏn mới qua đời năm 1933, thọ 85 tuổi.

Nhà báo “*Triều-nhật*” ở Đại-bản và ở Đông-kinh cũng vậy, xem hình thấy cảnh đồ sộ lạ thường, ta có thể tưởng-tượng rằng nhà băng Đông-Pháp ta ở Saigon chỉ bằng phần nửa thôi.

Bề ngoài đã vậy, cách-thức sắp-đặt làm việc bề trong nhứt nhứt theo kiểu tối-tân, không thiếu một sự cần-dùng gì cho nghề-nghiệp mà trong tòa báo không có. Đại-khái từng lầu thứ nhứt là bộ doanh-nghiệp (ta gọi là ty quản-lý) và nhà in ; từng thứ hai là phòng việc của ông xã-trưởng (ta gọi là chủ-nhiệm) cùng các cơ-quan viên-chức thuộc về phần ông ; tòa soạn cũng ở tầng này, lại có một phòng hội-nghị rất lớn. Từng thứ ba là nơi tiếp khách, có viện đồ-thơ, có phòng âm-nhạc. Từng thứ tư có hàng cơm và những phòng riêng cho các trợ-bút và phỏng-viên nằm nghỉ ; lại có nhà tắm cho họ nữa v.v... Còn trên nóc nhà có sân rộng để cho thầy thợ trong tòa báo lên tập thể-thao mỗi ngày, và có chuồng nuôi 300 con chim bồ câu dùng vào việc thông-tin hay đem bài từ Đại-bản lên Đông-kinh cho nhà báo *Triều-nhật* chi-quán ở đây. Các máy-móc in báo và làm hình đều đặt trong hầm nhà ở dưới chót hết.

Tòa báo có ga-ra xe hơi riêng, lúc nào cũng có mấy chục chiếc xe hơi sẵn sàng, để cho các trợ-bút và phỏng-sự đi làm công việc nghĩa-vụ. Ngoài ra, còn có sân máy bay riêng và mười mấy cái phi-cơ, cũng dùng vào việc thông tin-tức.

Máy in báo *Triều-nhật* toàn là kiểu máy tối-tân như ở bên Mỹ, mỗi giờ có thể in ra 8 muôn tờ. Hiện thời, trong nhà báo *Triều-nhật* có 17 bộ máy kiểu đó, cho nên mỗi giờ in được 1 triệu 36 muôn tờ trở lên.

Kể số người làm ở tòa-soạn, ở nhà in và ty quản-lý bây giờ có đến 1.756 người, riêng phần tòa-soạn, vừa trợ-bút, vừa phòng-viên, kể có 400 người rồi. Năm chục năm trước, hồi báo *Triều-nhật* mới lập ra, vốn vẹn chỉ có 20 người làm, thế mà trải qua có nửa thế-kỷ, báo ấy mở-mang phát-đạt cho tới có số người làm đông đảo như thế, thật là một sự tấn-bộ lạ lùng lắm vậy.

Những thợ này làm việc trong báo *Triều-nhật*, hình như mỗi người đối với nhà báo đều có cảm-tình gắn bó và có lòng tín-ngưỡng cao xa, đến đổi họ cặm cùi giúp việc nhà báo một cách thành tâm tận lực, chớ không mấy ai chịu bỏ đi làm nơi khác. Theo số điều-tra tới cuối năm rồi, thì trong nhà báo *Triều-nhật*, số người làm việc lâu bền 20 năm trở lên, có ngoài 50 người ; còn có nhiều người giúp việc ròng rã trên 40 năm nữa.

Báo *Triều-nhật* thường ngày xuất-bản buổi sáng 8 trương lớn, buổi chiều 4 trương ; nội-dung chú-trọng về công việc tin-tức trong xứ trước, rồi bàn rộng tới công việc tin-tức khắp các nước Âu Mỹ. Bởi vậy, phạm là những nơi đô-hội kinh-thành lớn trong thế-giới, báo *Triều-nhật* đều có đặt thông-tin riêng.

Trong số báo mỗi ngày, trừ tin-tức ra, các vấn-đề chánh-trị, kinh-tế, giáo-dục, mỹ-ngệ, thể-dục v.v... mỗi vấn đề có một địa-vị riêng, châu-đảo hoàn-toàn lắm. Cầm tờ báo coi cách in của họ tốt đẹp kỹ-lưỡng quá : chữ Hòa-văn (和文) (nghĩa là chữ Nhật có xen chữ Tàu vô) sắp nhỏ như con muỗi, vậy mà nét in rõ ràng sạch sẽ hết sức, không có một chút nào có thể chê được. So sánh một tờ báo Nhật với một tờ báo Tàu vào hạng tốt nhất, như *Thân-báo* ở Thượng-hải, sự khác xa nhau kể trời với vực. Người Nhật tự chế ra được cái máy sắp chữ theo kiểu *Monotype* của Âu Mỹ để sắp chữ Hòa-văn. Báo *Triều-nhật* vừa sắp chữ theo lối thường, vừa dùng máy sắp chữ kiểu riêng nói đây.

Không phải báo *Triều-nhật* chỉ phát-hành ở Đại-bản và ở Đông-kinh mà thôi, họ còn phát-hành những tờ báo địa-phương, rải rác có 29 nơi ở trong nước, mà nơi nào cũng mang cái tên báo đó và có máy in riêng cả.

Gặp khi có việc biến-động gì quan-hệ, ví dụ như lúc Nội-các thay đổi, tức thời báo *Triều-nhật* in ra số báo đặc-biệt (numéro spécial), rồi cho mười mấy chiếc phi-cơ của nhà báo bay đi phân-phát khắp các phủ huyện. Họ cốt làm

cho tin-tức thông báo, cực kỳ mau lẹ hoàn toàn. Đội phi-cơ của nhà báo phải bay đi ban đêm là sự thường lắm.

Ngoài ra số báo mỗi ngày, nhà báo *Triều-nhật* còn xuất-bản nhiều thứ tuần-báo, về chánh-trị, về kinh-tế, về thể-dục, về phụ-nữ, về nhi-đồng, về nghệ-thuật ; còn có những tạp-chí mỗi tháng ra một kỳ và mỗi mùa, mỗi năm cũng có một hiệu tạp-chí riêng nữa. Ấy là các báo bằng chữ Nhật. Muốn làm quảng-cáo cho nước Nhật khắp trong thế-giới, báo *Triều-nhật* phát-hành mấy thứ tuần-san tạp chí bằng chữ Anh, để gởi tặng các nước ngoài. Chắc ít người mình được ngó thấy mấy thứ báo này ; ai ngó thấy tất phải ghê sợ cách in của Nhật-bồn khéo léo tốt đẹp lạ lùng.

*

Luôn dịp, tưởng nên nói qua cho biết sự cạnh-tranh của mấy tờ báo lớn ở Nhật ra thế nào ?

Hai báo *Triều-nhật* và *Mỗi-nhật* (1) cạnh-tranh nhau từ ly từ chút, không ai chịu thua ai ; nhưng họ cạnh-tranh một cách vĩ-đại, hùng-hồn, chứ không phải cạnh-tranh bằng những ngôn tiểu-nhơn đầu. Ví dụ năm 1914, báo *Mỗi-nhật* cất tòa báo cao 5 tầng, thì năm sau, báo *Triều-nhật* dựng lên báo-quán cao ngất 8 tầng. Hay là năm 1924, *Mỗi-nhật* phái một chiếc thủy-phi-cơ bay khắp nước Nhật để cổ-động cho báo ; tức thì *Triều-nhật* cho một chiếc phi-cơ cất cánh bay ngang Si-bê-ri (Sibérie) và Nga-quốc rồi tuốt xuống tới kinh-thành Ba-lê nước Pháp, để chụp hình và điều-tra về phong-cảnh nhơn-vật.

Mỗi-nhật tức mình quá, vì thấy mình làm gì, *Triều-nhật* cũng làm cho hơn, *Mỗi-nhật* bèn mua một lúc năm chiếc máy bay dùng làm quảng-cáo, không dè mấy hôm sau, *Triều-nhật* sắm 10 chiếc máy bay dùng để đem tin và chở báo đi lại trên không-trung từ Đại-bản lên Đông-kinh.

Hai báo ganh hơi tức khí nhau đến nỗi nhà báo nào cũng in ra một số báo riêng để cho dân mù đọc.

(1) Người sáng-lập báo *Mỗi-nhật* (Mainichi) là Bồn-son Ngạn-nhút (Motoyama Hikoichi) cũng tạ-thế hồi năm 1933.

Cuộc cạnh-tranh từng nước của hai tờ báo này, có kết-quả rất hay cho địa-vị báo-giới Nhật-bổn được cao thêm lên hoài và người đọc báo được hưởng những sự lợi-ích mới mẻ về mặt kiến-văn tin-tức luôn luôn.

Vì lẽ cạnh-tranh, nhà báo nào cũng quăng tiền bạc ra như rác, không hề thập thò tiếc rẻ, miễn có tin-tức mau chóng mà thôi. Tức như hồi năm 1923, có nạn động-đất dữ-dội ở thành Đông-kinh, ai nấy còn nhớ ; kỳ đó báo *Mỗi-nhật* xài hết tới 440.000 viên, là tiền phái người đi điều-tra chụp hình và tiền đánh giấy-thếp về nhà báo ở Đại-bản.

Sợ dùng những phương-pháp thông tin thường dùng, e có khi bị chậm-trễ hay hư-hỏng gì chẳng, nên chỉ hai nhà báo cạnh-tranh, đều đặt ra nhà máy vô-tuyến-điện riêng, rất là hoàn-toàn và nuôi nhiều chim bồ-câu giúp việc cho các nhà phóng sự thông-tin.

Hồi năm 1926, Đại-chánh Thiên-hoàng lâm bệnh, hai báo *Triều-nhật*, *Mỗi-nhật* cạnh-tranh về cách thông-tin mới ghê. Ngay lúc bệnh vua chưa lấy gì làm trầm-trọng lắm, hai báo đã mượn nhà ở gần hoàng-cung để cho phóng-viên của mình ở luôn đêm ngày, dò la tin-tức. Phóng-viên hai báo giấu lén nhau ngộ quá, đến nỗi báo này tưởng báo kia không biết làm cách mượn nhà ở độ tin như mình. Trong nhà đó, họ đặt máy nói, máy điện-báo và sửa-soạn máy chớp bóng sẵn sàng ; lại dự-bị những máy bay, những xe mô-tô, chim bồ-câu, để bất cứ giờ khắc nào, hễ phóng-viên có bài vở hình-ảnh gì, tức-thời gởi về Đại-bản cho nhà báo in liền.

Chỉ vì nghe ngóng bệnh-tình của vua, mà báo *Triều-nhật* phái đi tới số 60 người ở bên hoàng-cung ròng-rã 4 tháng, kể cả trợ-bút, phóng-viên, cùng là sếp-phợ, loong toong và đầy-tớ của họ đem theo hầu-hạ nấu ăn nữa. Báo *Mỗi-nhật* cũng phái đi một số người đông như thế. Hai báo làm vậy là chỉ cốt tranh nhau đăng tin-tức về bệnh-tình Thiên-hoàng cho được sớm hơn các báo độ mười lăm phút đồng-hồ thôi.

Coi một việc mà họ phái đi nhiều người như vậy, đủ biết số người phục-dịch của mỗi nhà báo đông đến thế nào. Số người làm trong báo *Triều-nhật* trên kia đã nói ; còn số người làm của báo *Mỗi-nhật* còn đông hơn : cả thảy 2.465 người, trong đó có 405 trợ bút. Cách tổ-chức bên trong của báo này đại-khải cũng như báo kia.

Huê-lợi của hai báo đều lấy tiền lời rao và số báo bán ra làm gốc. Mỗi năm họ thâm-nhập về hai khoản đó lời 10 triệu tới 14 triệu. Trừ mọi việc chi-phí rồi, năm nào mỗi báo cũng được lời 2 triệu viên.

Người làm hai nhà báo này lương bổng khá lắm. Chủ-bút báo *Mỗi-nhật* có số lương mỗi năm tới 30.000 viên, chớ số lương quan thượng-thơ chỉ có 12.000, và lương quan tri-sự mỗi phủ huyện (cũng như chủ-tỉnh hay tổng-đốc mỗi tỉnh ở nước mình) có 7.000 thôi.

Khỏi phải nói rõ, chắc độc-giả cũng lượng biết những cơ-quan ngôn-luận ở Nhựt-bồn tổ-chức một cách lớn lao, mới mẻ, trọn vẹn như tờ báo nói đây, tự-nhiên có ảnh-hưởng tốt đẹp cho văn-hóa, cho dư-luận đã đành, lại còn có thế-lực lớn đối với chánh-trị trong nước nữa.

Đến thế-kỷ nào, nước Nam mình mới có một tờ báo như *Triều-nhật* hay *Mỗi-nhật* ?

NGHỀ IN TẤN PHÁT CŨNG GHÊ. - Lấy thời-gian và công việc mà so sánh thử chơi, cùng là khoảng đường 30 năm, kể từ chỗ cất bước phát đi, nghề báo nghề in ở nước Nhựt chạy bằng hai cặp giò con thỏ, còn nghề in nghề báo của mình đi chậm quá con rùa.

Nói là 30 năm, chớ sự thiệt chưa hết cái thời-gian ấy thì sự-nghiệp báo-chí và xuất-bản của người Nhựt đã sắp hàng với mấy anh chị bực nhứt trong thiên-hạ rồi. Lời thề của họ cả quyết sửa sang mau lẹ cho bằng Âu Mỹ, thiệt họ đã làm đúng y, bất cứ phương-diện nào.



Người Nhật tự chế ra kiểu máy sắp chữ như kiểu Monotype của các nhà báo Âu Mỹ dùng hiện nay, mà lại sắp được chữ Hán và chữ Nhật mới tãi.

Đây là cái máy đúc chữ của Monotype Nhật-bồn đã dành ra.

Vào khoảng bắt đầu chúa Trịnh ở đời Lê nước ta, thì *Đức-xuyên Gia-khang* (徳川家康 - Tokugawa Ieyasu) nổi lên làm chúa ở nước Nhật, sai thợ khắc ra 30 muôn chữ rời bằng cây để in ngũ kinh tứ thư và các sách xưa của bồn-quốc

phát cho dân học. Tới khoảng đầu thế-kỷ 17 (lời chừng 1614), họ lại biết đúc ra 20 muôn chữ bằng đồng nữa mới là kỳ hơn. Nhờ họ sớm biết khắc chữ cây ròi, đúc chữ đồng ròi như thế, thành ra nghề in đã có căn-cơ vững vàng tốt đẹp và kinh kia sách nọ được rải trong dân-gian được rộng lắm rồi.

Chắc hẳn “chữ ròi” chẳng phải là việc phát-minh của người Nhựt đâu ; thuở nay họ chỉ thánh bắt chước, chứ không phát-minh được gì. Cụ Khổng ngày xưa nói mình “*Thuật nhi bất tác*, 述而不作 - ??” ; chính người Nhựt cũng vậy đó. Tôi đoán chắc hồi thế-kỷ 15, Gutenberg ở Đức phát-minh ra máy in và chữ ròi, về sau có những cố-đạo Bồ-đào-nha hay mấy chú lái buôn Hòa-lan, mom men qua Nhựt giảng-đạo, buôn bán, đem việc phát-minh của Gutenberg nói cho người Nhựt nghe rồi họ bắt chước tức thời, chứ không chi lạ !

Đã sẵn có cốt-cách lâu đời vậy rồi, tự-nhiên đến thời-kỳ duy-tân vừa mở ra, nghề in phải theo thời-thế mà Âu-hóa, người Nhựt tự biết đúc ra chữ chì mà in sách in báo ngay, không phải đặt làm ở Âu Mỹ. Mà nghề in tấn-tới bỗng-bột, cũng là sự thường.

Thời-kỳ duy-tân đi tới chừng nào thì nghề in và số sách hoặc soạn hoặc dịch cũng đi tới chừng ấy. Chỉ xem hai con số sau đây cũng đủ thấy rõ :

Năm Minh-trị thứ 10, số sách in ra cộng 5.441 quyển trong đó 232 quyển là sách phiên-dịch (dịch sách Âu Mỹ ra chữ bản-quốc) và 464 quyển là sách phiên-khắc (in lại y bản của người ta).

Tới năm Minh-trị 37, số sách in ra lên tới 26.610 quyển, mà trong đó chỉ có 28 quyển là sách phiên-dịch, còn phiên-khắc thì không có một quyển nào.

Là bởi nước Nhựt sau 30 năm Minh-trị duy-tân, được liệt-cường Âu Mỹ xem ngang vai đồng bực rồi, thì Nhựt có vô hội đồng-minh bảo-hộ bản-quyền của liệt-cường, thành ra sự phiên-dịch và phiên-khắc sách ngoài, không phải tự-do được như trước, sách vở người ta, mình muốn dịch của ai cứ dịch, muốn in lại của ai cứ in, chẳng phải xin phép tác-giả hay nạp thuế bản-quyền gì hết, mà cũng chẳng ai biết đó là đâu. Và lại sau 30 năm duy-tân rồi, việc giáo-dục tấn-tới mở-mang lắm, hạng văn-nhơn học-sĩ tự viết sách soạn sách lấy khá nhiều, mà số độc-giả có thể tự hiểu văn-tự Thái-tây cũng thêm đông lên rồi, không cần phải nhờ sách dịch nữa vậy.

Nghề in mới, họ bắt chước Thái-tây tới cực điểm đã đành, nhưng có một nghề in cũ họ gìn-giữ và sửa-sang thêm, chính người Âu Mỹ cũng phải thương-

ngoạn. Ấy là lối in tranh vẽ nhiều màu sắc mà in bằng bản khắc cây, gọi là “*Đông-cẩm hội* 東錦繪 - ??”, một món mỹ-thuật tổ-truyền. Lối này đã đem những bức tranh đẹp từ đời xưa của Nhật in ra khoe với thế-giới. Nhưng tay thợ khắc cây tinh-xảo đến đâu, mà mỗi bức tranh phải khắc từ 30 bản tới 100 bản cây riêng mỗi màu mỗi nét để sau in chồng lên nhau, công-phụ quá nhiều và giá vốn quá mắc, thành ra không bì được với mỹ-nghệ màu bằng đá bằng diển của đời nay vừa mau vừa khéo hơn. Dầu vậy mặc lòng, nó cũng tỏ ra nghệ in của Nhật từ xưa đã có giá-trị mỹ-thuật riêng là thế nào rồi.

Lời cuối của bản điện tử :

Quyển "Nước Nhật Bốn - 30 Năm Duy Tân" đến đây là hết. Chúng tôi có cảm tưởng rằng, sau trang này có vài trang gọi là "Kết Luận" của quyển sách còn thiếu trong bản in mà chúng tôi đang có. Nếu quý vị nào còn bản chính, xin chia sẻ cho chúng tôi hình scanning những trang đó, chúng tôi sẽ bổ túc ngay.

Xin liên lạc về japan_ob@yahoo.com . Rất cảm tạ.

Ngoài ra để làm tài liệu cho quý vị nào quan tâm, chúng tôi có soạn một tập riêng gồm danh sách những nhân vật liên quan đến Duy Tân mà cụ Đào Trinh Nhất đã nêu lên trong sách.

Danh sách này gồm có (1) : Tên tiếng Hán (2) : Tên chữ Kanji (3) : Âm đọc tiếng Nhật (4) : Link vào Tự Điển Bách Khoa [Wikipedia Nhật](#) (ウィキペディア 百科事典). Trong trường hợp không có trong Wikipedia Nhật sẽ link vào Google Japan với keyword là tên tiếng Nhật đó. Để tiện tham khảo chúng tôi để theo ba loại :

☞ [Danh sách nhân vật theo chương sách](#)

☞ [Danh sách nhân vật xếp theo âm Hán tự](#)

☞ [Danh sách nhân vật xếp theo âm Nhật](#)

Danh sách nhân vật theo chương sách Hán tự Tiếng Nhật Âm đọc (Romaji)

Chương Đại-ôi Trọng-tín 大隈 重信 Okuma Shigenobu 14 [wikipedia](#)

Y Đằng Bác Văn 伊藤 博文 Ito Hirobumi 1 [wikipedia](#)

Thiên Chiếu Đại Thần 天照大神 Amaterashi Okami 1-018 [wikipedia](#)

Thần-võ Thiên-hoàng 神武天皇 Jinmu Tennou 1-019 [wikipedia](#)

Chức-diền Tín-trường 織田信長 Oda Nobunaga 1-030 [wikipedia](#)

Nguyên-Lại-Triều 源頼朝 Minamoto no Yoritomo 1-1 [wikipedia](#)

Minh-Trị 明治 Meiji 1-1 [wikipedia](#)

Thần-công hoàng-hậu 神功皇后 Jingukougou 1-035 [wikipedia](#)

Thiên-Tri Thiên-hoàng 天智 天皇 Ten chi Tennou 1-037 [wikipedia](#)

Bình-Thanh-Thịnh 平清盛 Taira No Kiyomori 1-041 [wikipedia](#)

Nam-mộc Chánh-thành 楠木正成 Kunoki Masashige 1-042 [wikipedia](#)

Tân-diền 新田 Nitta 1-043 [wikipedia](#)

Cúc-trì 菊池 Kikuchi 1-043 [wikipedia](#)

Danh-hòa 名和 長年 Nawa Nagatoshi 1-043 [wikipedia](#)

Quảng-lại Võ-phu 廣頼武夫 1-043 [wikipedia](#)

Đức Xuyên Khánh Hỉ 徳川慶喜 Tokugawa Yoshinobu 1-044 [wikipedia](#)

Bắc-diều 北條 Houjou?) 1-045 [wikipedia](#)

Túc-lợi 足利 Ashikaga 1-045 [wikipedia](#)

Thượng-sam 上杉憲政 Uesugi Norimasa 1-045 [wikipedia](#)

Đức-Xuyên 徳川 Tokugawa 1-1 [wikipedia](#)

Nguyên-Lại-Triều 源頼朝 Minamoto no Yoritomo [wikipedia](#)

Giang-hộ tướng-quân 江戸将軍 Edo Shougun 2-051 [wikipedia](#)

Đức-xuyên Gia-khánh 徳川家康 Tokugawa Ieyasu 2-053 [wikipedia](#)

Gia-định 徳川家定 Iesada 2-055 [wikipedia](#)

Phong-thần Tú-cát 豊臣秀吉 Toyotomi Hedeyoshi 2-061 [wikipedia](#)

Minh-trị Thiên-hoàng 明治天皇 Meiji Tennou 3-063 [wikipedia](#)

Thắng An Phòng 勝安房 (勝海舟) Katsu Yasuyoshi (Katsu Kaishuu) 3-065 [wikipedia](#)

Đại-cửu bảo Lợi-thông 大久保利通 Okubo Toshimichi 3-065 [wikipedia](#)

Tây-hương Long-thạnh 西郷 隆盛 Saigou Takamori 3-065 [wikipedia](#)

Mộc-hộ Hiếu-doãn 木戸孝允 Kido Takayoshi 3-065 [wikipedia](#)

Đông Hương Bình Bát Lang 東郷平八郎 Tougou-Heihachiro 3-065 [wikipedia](#)

Gia-khánh 徳川家康 Ieyasu 3-067 [wikipedia](#)

Gia-định 徳川家定 Iesada 3-067 [wikipedia](#)

Gia-mậu 徳川家茂 Ieshige 3-067 [wikipedia](#)

A-bộ Chánh-hoàng 阿部正弘 Abe Masahiro 3-068 [wikipedia](#)

Quật-diên Chánh-mục 堀田正睦 Hotta Masayoshi 3-068 [wikipedia](#)

Tĩnh-y Trực Bật 井伊直弼 Ii Naosuke 3-068 [wikipedia](#)

An-Đằng-đối-mã 安藤對馬 Andou ? 3-068 [Google](#)

Nham-lại Trung-chấn 岩頼忠震 Iwase Tadanari 3-069 [wikipedia](#)

Tĩnh-thượng Thanh-trực 井上清直 Inoue Kiyo-nao 3-069 [wikipedia](#)

Xuyên-lộ Thánh-mô 川路聖謨 Kawaji Toshiakira 3-069 [wikipedia](#)

Tùng-bình Trung-ưu 松平忠優 Matsudaira Tadakata 3-070 [wikipedia](#)

Đức-xuyên Khánh-Hỉ 徳川慶喜 Tokugawa Yoshinobu 4 [wikipedia](#)

Hiếu-minh Thiên-hoàng 孝明天皇 Koumei Tennou 4-080 [wikipedia](#)

Gia đăng cao minh 加藤高明 Katou Taka-aki 4-081 [wikipedia](#)

Meiji Tennou 4-081 [wikipedia](#)

Bản-viên Thoái-trợ 板垣退助 Itagaki Taisuke 4-088 [wikipedia](#)

Đông-Hương nguyên-soái 東郷元師 Tougou Genshi 4 [wikipedia](#)

Nãi-Mộc tướng-quân 乃木将軍 Nogi Maresuke shougun 4 [wikipedia](#)

Thắng-Lân Thái-Lang 勝麟太郎 Katsu Rintarou 4-096 [wikipedia](#)

Phước-Trạch Dụ-Cát 福澤 諭吉 Fukuzawa Yukichi 4-096 [wikipedia](#)

Quế Thái Lang 桂太郎 Katsura Tarou 4-096 [wikipedia](#)

Thanh-mộc-Văn-tàng 青木文藏 Aoki ?? 4-099 [wikipedia](#)

Tiền-giả Lương-trạch 前野良沢 Maeno Ryoutaku 4-099 [wikipedia](#)

Bân-diễn Huyền-bạch 杉田玄白 Sugita Genbaku 4-099 [wikipedia](#)

Đức-Xuyên Gia-Đạt 徳川家達 Tokugawa ?? 4 [wikipedia](#)

Ứng-thần Thiên-hoàng 應神天皇 Oujin tennou 5-105 [wikipedia](#)

Phong-thần Tú-cát 豊臣秀吉 Toyotomi Hedeyoshi 5-109 [wikipedia](#)

Đằng-cương Thắng-nhị 藤岡勝二 Fujioka Katsuji 5 [Google](#)

Cao-trạch Trinh-ngĩa 高澤卓義 Takazawa ?? 5-112 [wikipedia](#)

Tự-tử-ốc 寺子屋 Terakoya 5-106 [wikipedia](#)

Đức-xuyên Gia-khang 徳川家康 Tokyogawa Ieyasu 5 [wikipedia](#)

Đại-sơn nham 大山巖 Ooyama Iwao 5-121 [wikipedia](#)

Thiện-tam-lang 善三郎 Zensaburo 5-122 [wikipedia](#)

Lâm Hữu Lễ 森有礼 Mori arinori 5-118 [wikipedia](#)

Cát-hùng Hạnh-tác 吉雄幸作 5-122 [wikipedia](#)

Thanh-mộc Văn-tàng 青木文藏 Aoki ?? 5-123 [wikipedia](#)

Giã-lữ Huyền-trương 野呂玄丈 Noro 5-123 [wikipedia](#)

Bân-diễn Huyền-bạch 杉田玄白 Sugita Genbaku 5-124 [wikipedia](#)

Tiền-giả Lương-trạch 前野良澤 Maeno Ryotaku 5-124 [wikipedia](#)

Trung Xuyên 中川淳庵 Nakagawa ??). 5-124 [wikipedia](#)

Lâm-tử Bình 林子平 Hayashi Shihei 5-127 [wikipedia](#)

Độ-biên Hoa-sơn 渡辺華山 Watanabe Kazan 5-128 [Google](#)

Cao-giã Trảng-anh 高野長英 Takano Chouei 5-128 [wikipedia](#)

Thắng-Lân Thái-Lang 勝麟太郎 Katsu Rintarou 5-129 [wikipedia](#)

Tự-phương Hồng-am 緒方 洪庵 Ogata Kouan 5-129 [wikipedia](#)

Tá-đẳng Thái-nhiên 佐藤泰然 Satou Taizen 5-129 [Google](#)

Tây-dương sự-tình 西洋事情 Seiyou Jijou 5 [Google](#)

Tân-đảo-Tương 新島襄 Nijima Jou 5 [wikipedia](#)

Đồng-chí xã 同志社 Doushisha 5 [wikipedia](#)

Trung-thôn Kinh-vũ 中村敬宇 Nakamura ?? 5 [wikipedia](#)

Tân-điền-Tiên 津田仙 Tsuda sen 5 [wikipedia](#)

Cát-điền Tùng-âm 吉田松陰 Yoshida Shouin 5 [wikipedia](#)

Tây-hương Long-thạnh 西郷 隆盛 Saigou Takamori 5 [wikipedia](#)

Phó-đảo Chủng-thần 副島種臣 Fukushima ?? 5 [wikipedia](#)

Hậu-đẳng Tượng-thứ-lang 後藤象二郎 Gotou Shoujiro 5 [wikipedia](#)

Giang-đẳng Tân-bình 江藤新平 Etou Shinpei 6 [wikipedia](#)

Bản-viên Thoái-trợ 板垣退助 Itagaki Taisuke 6 [wikipedia](#)

Nham-thương 岩倉具視 Iwakura Tomomi 6 [wikipedia](#)

Đại-cửu bảo Lợi-thông 大久保利通 Okubo Toshimichi 6 [wikipedia](#)

Mộc-hộ Hiếu-doãn 木戸孝允 Kido Takayoshi 6 [wikipedia](#)

Giang-đẳng Tân-bình 江藤新平 Eto Shinbei 6 [wikipedia](#)

Phiển-cương Kiện-cát 片岡健吉 Kataoka Kenkichi 6 [Google](#)

Lục-áo Tôn-quan 陸奥宗光 Mutsu Munemitsu 6 [wikipedia](#)

Lâm-hữu-tạo 林有造 Hayashi Yuuzou 6 [wikipedia](#)

Hà-giã Quảng-trung 河野廣中 Kono ? 6 [Google](#)

Khuyển-dưỡng-Nghị 犬養毅 Inukai Tsuyoshi 6 [wikipedia](#)

Thí-giả Văn-hùng 矢野文雄 Yano ?? 6 [Google](#)

Vĩ-kỳ Hành-hùng 尾崎行雄 Ozaki Yukio 6 [wikipedia](#)

Tĩnh-thượng-Hình 井上馨 Inoue Kaoru 7 [wikipedia](#)

Tùng-phương Chánh-nghị 松方正毅 Matsukata Masayoshi 7 [wikipedia](#)

Sơn-huyện Hữu-bằng 山県有朋 Yamagata Aritomo 7 [wikipedia](#)

Khuyển-dưỡng-Nghị 犬養毅 Inukai Tsuyoshi 7 [wikipedia](#)

Trai-dăng 斉藤 Saitou 7 Cường-diền 岡田 Okada 7 Chiêu Hòa 昭和 Shouwa 7 [wikipedia](#)

Đại-sơn nham 大山巖 Ooyama Iwao 7 [wikipedia](#)

Tự-nội Thọ Nhứt 寺内寿一 Tera-uchi Hisa-ichi 7 [wikipedia](#)

Tự Nội Chính Nghị 寺内正毅 Terauchi Masatake [wikipedia](#)

Nguyên-kính 原敬 Hara Takashi 7 [wikipedia](#)

Gia-đăng 加藤 弘之 Katou Hiroyuki 7 [wikipedia](#)

Nhược-Quy 若槻礼次郎 Wakatsuki Rei-jirou 7 [wikipedia](#)

Cao đảo tứ lang 高島四郎 Takashima Shirou 8 [Google](#)

Giang Xuyên Thái Lang 江川太郎 Egawa Tarou 8 [wikipedia](#)

Sơn-huyện Hữu-bằng 山県有朋 Yamagata Aritomo 8 [wikipedia](#)

Tây Hương Tông Đạo 西郷従道 Saigou Juudou 8 [wikipedia](#)

Tây-hương Long-thạnh 西郷 隆盛 Saigou Takamori 8 [wikipedia](#)

Thôn Điền 村田経芳 Murata Tsuneyoshi 8 [Google](#)

Đại-sơn nham 大山巖 Ooyama Iwao 8 [wikipedia](#)

Đông Hương Bình Bát Lang 東郷平八郎 Tougou-Heihachiro 8 [wikipedia](#)

Nguyên-Lại-Triều 源頼朝 Minamoto no Yoritomo 8 [wikipedia](#)

Bình-Thanh-Thịnh 平清盛 Taira No Kiyomori 8-195 [wikipedia](#)

Phong-thần Tú-cát 豊臣秀吉 Toyotomi Hedeyoshi 8 [wikipedia](#)

Đức Xuyên 徳川 Tokugawa 8 [wikipedia](#)

Nguyên Nghĩa Gia 源義家 Minamoto Yoshi-ie 8 [wikipedia](#)

An Bồi Trinh Nhiệm 安部貞任 Abe Sadatou 8 [Google](#)

Thần-công hoàng-hậu 神功皇后 Jingukougou 8 [wikipedia](#)

Thượng thôn 上村 Kamimura 8 [wikipedia](#)

Lý ? Chương 李鴻章 Ri Koushou 8 [wikipedia](#)

Y Đằng Bác Văn 伊藤 博文 Ito Hirobumi 8 [wikipedia](#)

Đại Đảo Kiện Nhất 大島健一 Ooshima Ken-ichi 8 [Google](#)

Quảng-lại Võ-phu 廣頼武夫 8 [wikipedia](#)

Tân Độ Hộ Đạo Tạo 新渡戸稻造 Nitobe Inazou 9- [wikipedia](#)

Vương Dương Minh 王陽明 Ou-You-Mei 9- [wikipedia](#)

Trung Giang 中江藤樹 Nakae Touju 9- [wikipedia](#)

Cận Giang Thánh Nhân 近江聖人 Ou-umi-seijin 9- [wikipedia](#)

Hoàn Tĩnh Tiểu Nam 横井小楠 Yokoi Shou-nan 9- [wikipedia](#)

Tá Cửu Gian Tượng Sơn 佐久間象山 Sakuma Shouzan 9- [wikipedia](#)

Cát-diên Tùng-âm 吉田松陰 Yoshida Shouin 9- [wikipedia](#)

Tây-hương Long-thạnh 西郷 隆盛 Saigou Takamori 9- [wikipedia](#)

Cao Nam Thuận Thứ Lang 高楠順次郎 Takakusu Junjiro 9- [wikipedia](#)

Đăng-cương Thắng-nhị 藤岡勝二 Fujioka Katsuji 10 [Google](#)

Cát Bị 吉備大臣 Kibi daijin 10 [Google](#)

Tân-đảo-Tương 新島襄 Nijima Jou 5 [wikipedia](#)

Trung Giang 中江 ? 介 Nakae ?? 10 [wikipedia](#)

Trung Thôn 中村正直 Nakamura Masanao 10 [wikipedia](#)

Ngoại Sơn 外山 Sotoyama 10 [wikipedia](#)

Thỉ Điền Bộ Lượng Cát 矢田部良吉 Yatabe Ryou-kichi 10 [wikipedia](#)

Tĩnh-thượng Thanh-trực 井上清直 Inoue Kiyonao 10 [wikipedia](#)

Thôn Sơn Long Bình 村山龍平 10 [wikipedia](#)

Hắc Điền Thanh Long 黒田 清隆 Kuroda Kiyotaka [wikipedia](#)

Phản Bản Long Mã 坂本 龍馬 Sakamoto Ryoma [wikipedia](#)

Lâm Hữu Lễ 森 有礼 Mori arinori [wikipedia](#)

Nhân vật thời Edo 江戸時代の人物 Edojidai no jinbutsu ichiran [wikipedia](#)

Nhân vật cuối thời bakufu 幕末の人物一覧 Bakumatsu no jinbutsu ichiran [wikipedia](#)

Nhân vật phái duy tân 幕末維新側人物 Bakumatsu ishin gawa jinbutsu [wikipedia](#)

Perry マシュー・ペリー Matthew Calbraith Perry [wikipedia](#)

Niên biểu cuối thời bakufu 幕末の年表 Bakumatsu no nenpyou [wikipedia](#)

Niên biểu 年表 Nenpyou [wikipedia](#)

Thiên Hoàng 天皇の一覧 Tennou no ichiran [wikipedia](#)

Minh Trị Duy Tân 明治維新 Meiji-ishin [wikipedia](#)



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online